

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**HỒ CHÍ MINH**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

**HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO  
CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC**

**HÀ NỘI - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**HỒ CHÍ MINH**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

**HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO  
CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành: Báo chí học

Mã số: 62 32 01 01

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

**PGS,TS. Nguyễn Vũ Tiến – PGS,TS. Nguyễn Việt Thảo**

**HÀ NỘI - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu trích dẫn đều có nguồn gốc rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả luận án**

**Nguyễn Văn Thắng**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU .....</b>	<b>17</b>
<b>1.1. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài.....</b>	<b>17</b>
<b>1.1.1. Nhóm nghiên cứu liên quan đến hiệu quả truyền thông – báo chí .....</b>	<b>17</b>
<b>1.1.2. Nhóm nghiên cứu về tuyên truyền pháp luật liên quan tới truyền thông – báo chí .....</b>	<b>19</b>
<b>1.2. Các công trình trong nước .....</b>	<b>22</b>
<b>1.2.1. Nhóm nghiên cứu hiệu quả truyền thông – báo chí.....</b>	<b>22</b>
<b>1.2.2. Nhóm nghiên cứu về tuyên truyền pháp luật, hiệu quả tuyên truyền pháp luật .....</b>	<b>32</b>
<b>1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và các vấn đề đặt ra.....</b>	<b>35</b>
<b>1.3.1. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....</b>	<b>35</b>
<b>1.3.2. Một số vấn đề tiếp tục nghiên cứu .....</b>	<b>37</b>
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ .....</b>	<b>39</b>
<b>1.1. Các khái niệm, đặc điểm, vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật.....</b>	<b>39</b>
<b>1.1.1. Các khái niệm cơ bản .....</b>	<b>39</b>
<b>1.1.2. Đặc điểm của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật .....</b>	<b>51</b>
<b>1.1.3. Các loại hình tuyên truyền pháp luật và vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật .....</b>	<b>57</b>
<b>1.2. Cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên .....</b>	<b>63</b>

1.2.1. Cơ sở khoa học và định hướng của Đảng về việc tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử .....	63
1.2.2. Cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử .....	66
1.2.3. Mô hình và tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên .....	70
<b>Chương 2. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ.....</b>	<b>81</b>
2.1. Các chủ đề pháp luật được tuyên truyền trên báo điện tử .....	81
2.1.1. Tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng .....	84
2.1.2. Tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. ....	90
2.1.3. Tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước .....	96
2.2. Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của cán bộ, đảng viên .....	104
2.2.1. Phương thức tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của cán bộ, đảng viên .....	104
2.2.2. Các loại thông điệp pháp luật được cán bộ, đảng viên tiếp cận trên báo điện tử.....	109
2.3. Mức độ tác động đến nhận thức của cán bộ, đảng viên .....	113
2.4. Mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của cán bộ, đảng viên ... ..	121
2.4.1. Mức độ tác động và thay đổi thái độ của cán bộ, đảng viên ..	121
2.4.2. Mức độ tác động và thay đổi hành vi của cán bộ, đảng viên .	125

<b>Chương 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ</b> .....	137
<b>3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử</b> .....	137
3.1.1. Các yếu tố chủ quan .....	137
3.1.2. Các yếu tố khách quan.....	142
<b>3.2. Kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử</b> .....	145
3.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử.....	145
3.2.2. Xác định rõ trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của cơ quan báo điện tử và nhà báo .....	149
3.2.3. Giải pháp khắc phục những yếu kém, khuyết điểm của báo điện tử.....	152
3.2.4. Đề xuất các phương thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho cán bộ, đảng viên .....	155
3.2.5. Kiến nghị các giải pháp cụ thể về cơ chế, chính sách .....	157
<b>KẾT LUẬN</b> .....	162
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	170
<b>PHẦN PHỤ LỤC</b> .....	187

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>CBĐV</b>	: Cán bộ, đảng viên
<b>ĐCSVN</b>	: Đảng Cộng sản Việt Nam
<b>UBND</b>	: Ủy ban nhân dân
<b>VKSND</b>	: Viện kiểm sát nhân dân
<b>TAND</b>	: Tòa án nhân dân
<b>XHCN</b>	: Xã hội chủ nghĩa
<b>PL</b>	: Pháp luật
<b>NXB</b>	: Nhà xuất bản

## DANH MỤC HÌNH, BẢNG, BIỂU ĐỒ

STT	TÊN HÌNH, BẢNG, BIỂU ĐỒ	Trang
Hình 1.1	Thông điệp pháp luật được nghiên cứu trong luận án	42
Hình 1.2	‘Quan lộ’ thăng trầm của ông Trịnh Xuân Thanh, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang (nguồn: Vnexpress)	54
Hình 1.3	Mô hình truyền thông của H.Lasswell	70
Hình 1.4	Mô hình truyền thông của C.Shannon	71
Hình 1.5	Mô hình tổng quát về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông	72
Hình 1.6	Mô hình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử	73
Hình 1.7	Mô hình hóa các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV	79
Bảng 1.1	Tính đa phương tiện của báo điện tử	53
Bảng 2.1	Mức độ tiếp cận các loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV(%)	109
Bảng 2.2	Mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử(%)	110
Bảng 2.3	Mức độ hiểu biết pháp luật sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử (%)	114
Bảng 2.4	Mức độ nhận thức của CBDV về các hành vi phạm vào tội tham nhũng(%)	115
Bảng 2.5	Mức độ CBDV nắm bắt, ghi nhớ thông điệp trên báo điện tử về các vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014-2015(%)	116
Bảng 2.6	Nhận thức của CBDV về mức độ của các hành vi gây lãng phí đang tồn tại trong xã hội(%)	117



Bảng 2.7	Mức độ CBDV nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử thông tin về các dự án đầu tư công có nguy cơ lãng phí(%)	118
Bảng 2.8	Mức độ nhận thức của CBDV về tình huống giả định nêu trên báo điện tử về việc: Một công dân bị kết án oan thì trách nhiệm bồi thường thuộc về ai? Và, ai phải hoàn trả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước(%)	120
Bảng 2.9	Mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật(%)	122
Bảng 2.10	Suy nghĩ, đánh giá của CBDV sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử(%)	123
Bảng 2.11	Lý do CBDV thích hoặc không thích các tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử(%)	124
Bảng 2.12	Hình thức trao đổi thông tin của CBDV sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử(%)	127
Bảng 2.13	Quý vị có tải (download) văn bản pháp luật trên các báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác và phục vụ người thân, gia đình(%)	129
Bảng 2.14	Sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; sau khi trao đổi, phản hồi tin, bài pháp luật và tải văn bản pháp luật trên báo điện tử, CBDV có làm theo những quy định của pháp luật(%)	130
Bảng 3.1	Trách nhiệm của phóng viên/nhà báo, biên tập viên, trưởng/phó ban, người đứng đầu cơ quan báo điện tử khi có sai phạm trong hoạt động báo chí(%)	153
Biểu đồ 2.1	So sánh lượng tin, bài giữa tuyên truyền về pháp luật giữa các chuyên mục(%)	81

Biểu đồ 2.2	Tin, bài tuyên truyền pháp luật giữa các thể loại (%)	82
Biểu đồ 2.3	Vấn đề, vụ việc tham nhũng là chủ đề chính của tin, bài giữa các báo điện tử (%)	84
Biểu đồ 2.4	Tin, bài đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng thuộc lĩnh vực nào (%)	85
Biểu đồ 2.5	Vấn đề, vụ việc tham nhũng trong tin, bài thuộc/không thuộc lĩnh vực tổ chức – cán bộ giữa các báo điện tử (%)	87
Biểu đồ 2.6	Mức độ, liều lượng thông tin về hành vi gây lãng phí được đề cập trong tin, bài của các báo điện tử (%)	92
Biểu đồ 2.7	Nguyên nhân của các chủ thể dẫn đến vụ việc, hành vi gây lãng phí được nhắc đến trong các tin, bài tuyên truyền pháp luật (%)	93
Biểu đồ 2.8	Thiệt hại/hậu quả của hành vi gây lãng phí được nhắc đến trên các báo điện tử (%)	94
Biểu đồ 2.9	Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại/oan/sai là chủ đề chính của tin, bài (%)	96
Biểu đồ 2.10	Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại/oan/sai và trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc về cơ quan (%)	97
Biểu đồ 2.11	Đối tượng gây thiệt hại/oan/sai được nêu trong tin, bài của các báo điện tử (%)	99
Biểu đồ 2.12	Mức độ đề cập nguyên nhân gây thiệt hại/oan/sai trên các báo điện tử (%)	100
Biểu đồ 2.13	Hậu quả của hành vi gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến trong tin, bài của các báo điện tử (%)	101

Biểu đồ 2.14	Tin, bài đề cập/không đề cập số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại/oan/sai (%)	102
Biểu đồ 2.15	Tin, bài đề cập/không đề cập số tiền của người thi hành công vụ (gây ra thiệt hại oan/sai) phải trả cho ngân sách Nhà nước (%)	103
Biểu đồ 2.16	Kênh tiếp cận thông điệp pháp luật của CBDV (%)	105
Biểu đồ 2.17	Thiết bị đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)	106
Biểu đồ 2.18	Lý do thích đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)	107
Biểu đồ 2.19	Tần suất đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)	107
Biểu đồ 2.20	Mức độ CBDV đọc tin, bài pháp luật trên các báo điện tử được khảo sát (%)	108
Biểu đồ 2.21	Mức độ nhận thức, ghi nhớ phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi đọc luật này trên báo điện tử (%)	119
Biểu đồ 2.22	Mức độ phản hồi, tương tác, bình luận, trao đổi thông tin (gọi chung là phản hồi) của CBDV sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử (%)	125
Biểu đồ 2.23	Các chủ thể được CBDV trao đổi sau khi đọc tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)	126
Biểu đồ 3.1	Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử (%)	137
Biểu đồ	Các nguy cơ từ việc đưa thông tin pháp luật sai sự thật,	140

3.2	thiếu khách quan trên báo điện tử (%)	
Biểu đồ 3.3	Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)	142
Biểu đồ 3.4	Yêu cầu về nội dung tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)	145
Biểu đồ 3.5	Yêu cầu về hình thức trình bày tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)	147
Biểu đồ 3.6	CBDV có đọc ngay tin, bài tuyên truyền pháp luật có đầu đề ngắn gọn, hấp dẫn trên báo điện tử (%)	148
Biểu đồ 3.7	Giải pháp nâng cao trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của nhà báo và cơ quan báo chí (%)	150
Biểu đồ 3.8	Phương thức tuyên truyền trên báo điện tử để nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV (%)	156
Biểu đồ 3.9	Nhận định về hiệu quả của các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử đối với việc nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV (%)	157

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng hệ thống pháp luật và tuyên truyền pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tất cả các nhà nước, các lực lượng chính trị cầm quyền. Bất cứ một nhà nước, một thể chế chính trị nào cũng có công cụ tuyên truyền của riêng mình. Trong đó, báo chí được coi là một trong những công cụ tuyên truyền quan trọng.

Nói cách khác, xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật hiện đại, thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với yêu cầu của đời sống xã hội là công việc hết sức khó khăn, phức tạp. Nhưng, khó khăn và phức tạp không kém là làm thế nào để tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đưa pháp luật vào đời sống xã hội, để xây dựng được một thói quen sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Nhiệm vụ quan trọng đó, đòi hỏi trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; trách nhiệm các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có trách nhiệm của báo chí – phương tiện truyền thông đại chúng.

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó gắn chặt với vai trò, trách nhiệm của báo chí. Có thể kể ra một số văn bản quan trọng như:

Nghị quyết Trung ương năm, khóa X về *công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*. Trong đó, Trung ương chỉ đạo: “Báo chí phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ công tác tư tưởng, tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới”.

Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 31/7/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí*”. Ban Bí thư yêu cầu: “Phóng viên, biên tập viên trước khi được giao việc, nhất

thiết phải được bồi dưỡng một số kiến thức cơ bản về đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước”.

Chỉ thị 32-CT/TW, ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*. Trong đó, Ban Bí thư yêu cầu: “Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về pháp luật với hình thức phong phú, sinh động; tăng thời lượng nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng tiếng Việt và tiếng các dân tộc thiểu số”.

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, mới đây, Quốc hội đã ban hành Luật Báo chí năm 2016. Trong luật quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí là: “Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội”.

Trước đó, năm 2012, Quốc hội ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm quy định quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và các điều kiện bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Luật này quy định rõ hình thức đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử và phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Luật phòng, chống tham nhũng được Quốc hội ban hành năm 2005 quy định rõ quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức. Trong luật ghi rõ: “...cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật”.

Nêu ra các văn bản quan trọng như trên để thấy rõ, yêu cầu của Đảng, Nhà nước đối với báo chí, giao thêm các nhiệm vụ cho báo chí, với tư cách là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu trong đời sống xã hội.

Thực tế cho thấy, thời gian qua, bên cạnh nhiều thành tựu trong công tác xây dựng pháp luật thì hiệu quả của công tác tuyên truyền pháp luật vẫn là khâu yếu. Trong đó, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân trong xã hội chưa cao, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm tính nghiêm minh của pháp luật, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Đơn cử, trong việc thực thi Nghị quyết của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng và Luật phòng, chống tham nhũng, trong 5 năm 2006-2011, các cấp ủy đảng đã kỷ luật trên 76.000 trường hợp đảng viên có hành vi vi phạm; thanh tra nhà nước đã phát hiện, kiến nghị xử lý gần 12.000 cá nhân sai phạm. Và, “sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, toàn Đảng đã xử lý kỷ luật gần 1.400 tổ chức đảng và hơn 74.000 đảng viên ở các cấp. Trong số bị kỷ luật, có 82 tỉnh ủy viên và tương đương; hơn 1.500 huyện ủy viên và tương đương; gần 3.000 đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cách chức; hơn 8.700 bị khai trừ ra khỏi Đảng và hơn 4.300 cán bộ, đảng viên phải xử lý bằng pháp luật” [41].

Tình hình trên đã gióng lên một hồi chuông về việc bất tuân pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Theo đó, câu hỏi đặt ra là: Báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu của Đảng, Nhà nước về việc tuyên truyền pháp luật?

Với lợi thế bởi tính nhanh nhạy, kịp thời, rộng khắp, phổ cập, đa phương tiện, báo điện tử có thực sự là kênh tuyên truyền pháp luật hữu hiệu cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có đối tượng là CBDV? Cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật trên báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng? Đặc điểm, vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật là gì? Thực trạng tiếp cận thông điệp pháp luật trên

báo điện tử của CBDV? Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử được nghiên cứu và đánh giá như thế nào? Những đề xuất, khuyến nghị gì để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay?

Để trả lời cho những câu hỏi nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài “*Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay*” làm đề tài luận án của mình.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu***

Phân tích thực trạng tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV; khảo sát, trắc nghiệm, phân tích về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Đồng thời, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Nhiệm vụ chính yếu của Luận án là nghiên cứu hiệu quả (Effect – E) tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Tuy nhiên, đây là luận án báo chí học, trong nghiên cứu báo chí không thể tách rời mối quan hệ giữa Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng. Do vậy, trong luận án này, tác giả nghiên cứu, phân tích thông điệp (message – M), tức là tin, bài tuyên truyền về pháp luật). Đồng thời khảo sát, trắc nghiệm công chúng là CBDV về: Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; mức độ tác động tới nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Theo đó, có thể hiểu giữa thông điệp “M” và hiệu quả “E” có mối quan hệ tương hỗ cho nhau, trong đó nghiên cứu M là tiền đề, nghiên cứu E là trọng tâm, là nội dung chính yếu của luận án.

- Để thực hiện nhiệm vụ chính yếu của luận án, tác giả phải làm rõ khung lý thuyết được áp dụng trong nghiên cứu và thao tác hóa các khái



niệm: truyền thông đại chúng, thông điệp, tiếp cận thông điệp, báo điện tử, hiệu quả, tuyên truyền, pháp luật, tuân thủ pháp luật, cán bộ, đảng viên, nhận thức, thái độ, hành vi.

- Mô tả sự phản ánh về thông điệp pháp luật trên các báo điện tử được chọn lọc vào mẫu nghiên cứu. Trong đó, tập trung mô tả thông điệp về tuyên truyền pháp luật trên ba lĩnh vực (pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước). Thông điệp được chuyển tải thông qua chữ viết, hình ảnh.

- Phân tích thực trạng tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV.

- Khảo sát, trắc nghiệm và phân tích về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV và đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

### **3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1 Đối tượng nghiên cứu***

Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay

#### ***3.2. Khách thể nghiên cứu***

- Báo điện tử: phân tích nội dung thông điệp được phản ánh trên 5 báo điện tử (Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn).

- Khảo sát, trắc nghiệm (phỏng vấn thông tin) đối với cán bộ giữ chức vụ từ cấp phòng đến cấp cục, vụ ở 3 cơ quan Trung ương (Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng) đóng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Trong đó, 100% cán bộ đều là đảng viên.

### **3.3. Phạm vi nghiên cứu**

Tuyên truyền pháp luật là lĩnh vực vô cùng rộng lớn, có đến hàng trăm văn bản pháp luật điều chỉnh mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong phạm vi của luận án này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về hiệu quả tuyên truyền pháp luật ở 3 lĩnh vực liên quan mật thiết đến CBDV là: *Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước*. Việc nghiên cứu dựa trên cơ sở phân tích nội dung tin, bài tuyên truyền về pháp luật được đăng tải trong thời gian từ 1/1/2014 đến 31/12/2015, trên 5 báo điện tử: Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn.

Việc lựa chọn những tờ báo điện tử được lựa chọn theo tiêu chí: Có cả phiên bản của báo in và báo điện tử thuần túy. Các báo điện tử có các cơ quan chủ quản nằm trong bộ máy của Đảng, Nhà nước (cấp bộ/ngành), các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Nội dung tin bài đa dạng, phong phú, nhiều báo điện tử có lượng bạn đọc lớn. Tất cả các báo điện tử được nghiên cứu đều có chuyên mục *Pháp luật*.

- Về khách thể nghiên cứu là cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, khái niệm cán bộ, đảng viên là nhóm khách thể nghiên cứu rộng, trong đó có đội ngũ cán bộ đồng thời là đảng viên, có đội ngũ cán bộ chưa là đảng viên. Do điều kiện của luận án, nghiên cứu sinh xác định phạm vi nghiên cứu khách thể có tỉ lệ 100% cán bộ đều là đảng viên để tổ chức ghi phiếu phỏng vấn thông tin được tập trung. Và, không gian nghiên cứu nhóm khách thể CBDV là ở ba cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

## **4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu**

### **4.1. Câu hỏi nghiên cứu**

- Cơ sở lý luận, định hướng của Đảng và cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử ?

- Tiêu chí nào “đo lường” hiệu quả tuyên truyền pháp luật và đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử như thế nào?

- Các yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử và đề xuất, kiến nghị giải pháp gì để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử?

#### **4.2. Giả thuyết nghiên cứu**

Một là, tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử có hiệu quả, nhưng hiệu quả chưa cao, chưa tác động nhiều đến nhận thức, thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật.

Hai là, các báo điện tử ở Việt Nam chưa xác định rõ trách nhiệm phải tuyên truyền pháp luật cho công chúng, trong đó có CBDV. Một bộ phận không nhỏ CBDV chưa chủ động tìm đọc thông tin pháp luật trên báo điện tử. Do đó, tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử hiệu quả còn thấp.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của luận án là các quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, pháp luật và tuyên truyền pháp luật trên báo chí.

Đây là công trình nghiên cứu liên ngành khoa học (khoa học báo chí, xã hội học, luật học và lý thuyết tuyên truyền). Do đó, vấn đề chỉ có thể được nghiên cứu và giải quyết thành công khi có cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu dựa vào các bộ môn của các ngành khoa học nêu trên, trong đó trọng tâm là lý thuyết về báo chí học.

Vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tuyên truyền pháp luật, trọng tâm là nghiên cứu việc tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Vận dụng lý thuyết báo chí học là cơ bản, cùng với lý thuyết xã hội học và luật học trong quá trình phân tích đánh giá từ phía CBDV đối với nội dung thông điệp; mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; mức độ tác

động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Đây là một luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành báo chí học nên luận án sử dụng các phương pháp luận chung của chuyên ngành, với toàn bộ cơ sở lý thuyết của chuyên ngành đã kế thừa và đang được thừa nhận. Đồng thời có sử dụng một số phương pháp của chuyên ngành xã hội học và sử dụng các thuật ngữ của khoa học pháp lý.

Luận án được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp thống kê, phân loại, so sánh; phương pháp phân tích nội dung văn bản; phương pháp nghiên cứu mẫu; phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; phương pháp phỏng vấn sâu.

### **5.2.1. Phương pháp phân tích nội dung văn bản**

Phương pháp phân tích nội dung là một phương pháp nhằm lượng hóa nội dung một cách có hệ thống, có thể nhân rộng dựa trên các tiêu chuẩn đã được xác định. Phân tích nội dung được đề cập ở luận án là phân tích nội dung định lượng (phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thông điệp/tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên 5 báo điện tử).

Mã hóa là bước trung tâm và đặc biệt nhất của phân tích nội dung (kết quả đầu ra là một bảng mã phục vụ cho mục đích nghiên cứu). Các thông tin được mã hóa có thể được chuyển thành một tệp dữ liệu máy tính cho việc phân tích bằng phần mềm SPSS.

Trong luận án này, tất cả các tin, bài tuyên truyền về: Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được đăng tải trên 5 báo điện tử (vnexpress.net; dantri.com.vn; baophapluat.vn; tienphong.com.vn; dangcongsan.vn), trong khoảng thời gian từ 1/1/2014 đến 31/12/2015 đều được tổng hợp và xem xét kỹ lưỡng (thông qua công cụ *Tìm kiếm* đặt ngay trên trang chủ của từng báo).

Về mẫu nghiên cứu: Bao gồm các tin, bài, ảnh tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được lựa chọn để phân tích hình thức đăng tải, chuyên mục, nguồn, thời gian đăng tải... Thông tin này giúp người nghiên cứu có cái nhìn tổng thể về mẫu nghiên cứu.

### **5.2.2. Phương pháp nghiên cứu mẫu**

- **Sơ lược các báo điện tử được lựa chọn vào mẫu nghiên cứu**

- Báo điện tử tin nhanh Việt Nam (gọi tắt là vnexpress, tên miền: Vnexpress.net) là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Vnexpress được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động số 511/GP-BTTTT ngày 25/11/2002. Vnexpress là báo điện tử độc lập, có 19 chuyên mục: Thời sự, Góc nhìn, Thế giới, Kinh doanh, Giải trí, Thể thao, Pháp luật, Giáo dục, Sức khỏe, Gia đình, Du lịch, Khoa học, Số hóa, Xe, Cộng đồng, Tâm sự, Cười, Rao vặt, 24h qua. Vnexpress là tờ báo tiếng Việt đa phương tiện (chữ viết, Video, Ảnh, Infographics, có lượng độc giả lớn nhất trong hệ thống báo điện tử ở Việt Nam.

- Báo điện tử dân trí (tên miền: dantri.com.vn) trực thuộc Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, là phiên bản của báo in. Báo điện tử Dân trí có 25 chuyên mục: Sự kiện, Xã hội, Pháp luật, Thế giới, Thể thao, Giải trí, Kinh doanh, Sức mạnh số, Chuyện lạ, Blog, Video, Xe++, Giáo dục, Khoa học – Công nghệ, Văn hóa, Nhịp sống trẻ, Đời sống, Du lịch, Sức khỏe, Việc làm, Tình yêu, Du học, Diễn đàn, Tuyển sinh, Đại học. Báo điện tử Dân trí cũng là một trong những tờ báo có lượng bạn đọc đông đảo (khoảng 20 triệu lượt truy cập/ngày).

- Báo điện tử Tiền phong (tên miền: tienphong.vn) là cơ quan trung ương của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Tienphong.vn là phiên bản của báo in. Hiện tại, báo điện tử Tiền phong có 15 chuyên mục: Xã hội, Kinh tế, Giới trẻ, Thế giới, Pháp luật, Thể thao, Văn nghệ, Giải trí, Giáo dục, Khoa học, Người lính, Khỏe 360, Bạn đọc làm báo, Ảnh, Video, Hoa hậu 2016.

Báo điện tử Tiền phong cũng là một trong những tờ báo thu hút lượng độc giả khá lớn, đối tượng bạn đọc đa thành phần, trong đó chiếm số đông là bạn đọc trẻ tuổi.

- Báo điện tử Pháp luật Việt Nam (tên miền: baophapluat.vn) là cơ quan ngôn luận của Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp hiện là cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương. Báo điện tử Pháp luật Việt Nam là phiên bản của báo in, hiện có 20 chuyên mục, bao gồm: Thời sự, Pháp luật, Kinh tế, Quốc tế, Xã hội, Sức khỏe, Giải trí, Bạn đọc, Thông tin doanh nghiệp, Ngân hàng – Địa ốc, Nhịp sống hôm nay, Tiêu dùng & Dur luận, Trợ giúp pháp lý, Truyền hình pháp luật, Family, Movies & Travel, Fashion & Style, Infographic, Âm thực, Mẹo vặt. Báo điện tử Pháp luật Việt Nam có lượng bạn đọc không lớn so với Vnexpress và Dantri, nhưng cũng nằm trong top báo có thương hiệu mạnh, có đông đảo bạn đọc hiện đang công tác trong lĩnh vực pháp luật.

- Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (tên miền: dangcongsan.vn) là báo điện tử độc lập, trực thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương. Báo điện tử ĐCSVN hiện có 4 ngôn ngữ: Tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc. Trong luận án này, tác giả chỉ nghiên cứu trang tiếng Việt. Báo điện tử ĐCSVN hiện có 22 chuyên mục, bao gồm: Thời sự; Tiêu điểm; Chính trị; Xây dựng Đảng; Tư tưởng văn hóa; Kinh tế; Xã hội; Quốc phòng – An ninh; Pháp luật; Khoa giáo; Văn học nghệ thuật; Thể thao – Du lịch; Quốc tế; Đối ngoại; Bạn đọc; Sự kiện bình luận; Thi đua yêu nước; Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; Đấu tranh chống quan điểm sai trái; Truyền hình; Phát thanh; Ảnh. Ngoài ra, Báo còn có 4 chuyên trang: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; Biển đảo Việt Nam, An toàn giao thông. Dangcongsan.vn có lượng bạn đọc thấp trong số các báo điện tử được khảo sát.

- **Phương pháp chọn mẫu**

Phương pháp nghiên cứu mẫu là phương pháp thu thập số liệu về tác động của hoạt động truyền thông từ một nhóm mẫu có tính chất đại diện cho từng nhóm đối tượng.

Theo đó, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tất cả các tin, bài tuyên truyền về: Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong khoảng thời gian lấy mẫu (1/1/2014 – 31/12/2015) đều được lựa chọn.

Nghiên cứu sinh đã lọc ra các từ khóa của 3 lĩnh vực pháp luật được nghiên cứu chuyên sâu trong luận án:

+ Pháp luật phòng, chống tham nhũng có các từ khóa: *“tham nhũng”, “tham ô”, “nhận hối lộ”, “đưa hối lộ”, “lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “lạm quyền, trục lợi”, “giả mạo trong công tác vì lợi”, “những nhiễu”, “mãi lộ”*.

+ Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gồm các từ khóa: *“tiết kiệm”, “chống lãng phí”, “bỏ hoang”, “lãng phí xe công”, “lãng phí trụ sở làm việc”, “mô hình tốt về thực hành tiết kiệm”*.

+ Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, gồm các từ khóa: *“oan sai”, “người thi hành công vụ làm trái pháp luật”, “Nhà nước bồi thường thiệt hại”, “tòa án giải quyết việc bồi thường”, “khôi phục danh dự”, “hoàn trả cho ngân sách nhà nước”*.

Với tất cả từ khóa nêu trên, nghiên cứu sinh đã tìm được 1.839 tin bài tuyên truyền về 3 lĩnh vực pháp luật (chiếm 0,38%), trên tổng số hơn 474.500 tin bài tuyên truyền về tất cả các lĩnh vực khác nhau trong 24 tháng khảo sát ở 5 báo điện tử (trung bình mỗi ngày, báo điện tử Vnexpress cập nhật khoảng 250 tin bài; Dantri.com.vn cập nhật 140 tin, bài; Dangcongsan.vn cập nhật 100 tin, bài; Baophapluat và Tienphong trung bình mỗi ngày cập nhật 80 tin, bài). Kết quả cụ thể như sau:

- 1.095 tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng, được sắp xếp các tin, bài theo thời gian đăng tải từ 31/12/2015 đến 1/1/2014. Cụ thể như sau: Tienphong.vn: 325 tin, bài; dantri.com.vn: 222 tin, bài;

baophapluat.vn: 174 tin, bài; Vnexpress.net: 192 tin, bài ; dangcongsan.vn: 159 tin, bài.

- 406 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên 5 báo điện tử, được sắp xếp các tin, bài theo thời gian đăng tải từ 31/12/2015 đến 1/1/2014. Trong đó, Vnexpress.net 88 tin, bài; dantri.com.vn 85 tin, bài; baophapluat.vn là 70 tin, bài; tienphong.vn 91 tin, bài; dangcongsan.vn 72 tin, bài.

- 361 tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên 5 báo điện tử, được sắp xếp các tin, bài theo thời gian đăng tải từ 31/12/2015 đến 1/1/2014. Trong đó, Vnexpress.net 61 tin, bài; dantri.com.vn 71 tin, bài; baophapluat.vn là 83 tin, bài; tienphong.vn 86 tin, bài; dangcongsan.vn 60 tin, bài.

Vì số lượng tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật (Pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) có sự khác nhau, nên tác giả có tham vấn các chuyên gia, giảng viên Xã hội học để đi đến sự lựa chọn 600 tin, bài đưa vào khảo sát, phân tích. Trong đó có 120 tin, bài cho mỗi báo (40 tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; 40 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; 40 tin bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước). Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống, với bước nhảy  $k=N/n$  ( $N$ : là tổng số mẫu của mỗi báo;  $n$  là tin, bài được chọn) để chọn ra chính xác số lượng tin, bài của mỗi báo điện tử trong mẫu nghiên cứu (*xem phụ lục I. Bảng mã*).

Trong trường hợp những bài viết trùng nhau hoàn toàn được đăng tải trên nhiều báo khác nhau thì sẽ lựa chọn ngẫu nhiên một bài trong một báo bất kỳ, không lấy tất cả các bài báo trùng nhau hoàn toàn trong mẫu nghiên cứu. Trong trường hợp giống nhau nội dung hay đầu đề (tít báo) nhưng có sự khác



biệt về cách phân tích hoặc cách thể hiện trong bài báo thì được chọn trong mẫu nghiên cứu.

### **5.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**

Phương pháp nghiên cứu mẫu có thể sử dụng để xác định những thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi ở đối tượng. Một trong các bước tiến hành phương pháp nghiên cứu mẫu là: Xây dựng mục tiêu đánh giá; thiết kế bảng hỏi; xác định đối tượng trả lời bảng hỏi và cách thức lựa chọn đối tượng; xử lý phiếu điều tra và phân tích, đánh giá, kết luận [81, tr.81].

Với sự tư vấn, hỗ trợ của các chuyên gia chuyên ngành Xã hội học, tác giả luận án đã sử dụng phương pháp điều tra bằng hỏi/phiếu phỏng vấn thông tin, nhằm đưa ra những chỉ số đánh giá về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV và các chỉ số về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi đọc thông điệp pháp luật trên 5 báo điện tử (*xem phụ lục II – Phiếu phỏng vấn thông tin*).

Cán bộ, đảng viên (CBDV) là khách thể nghiên cứu của luận án, là đối tượng tiếp nhận và trả lời Phiếu phỏng vấn thông tin. Cuộc khảo sát – phát phiếu phỏng vấn thông tin CBDV diễn ra trong 8 tháng (từ 1/4 đến 30/11/2016) tại ba cơ quan cấp Bộ ở khu vực Hà Nội. Nghiên cứu sinh chưa có điều kiện khảo sát cỡ mẫu lớn, mang tính đại diện cao và có khả năng suy rộng. Mẫu lựa chọn để phát phiếu bảng hỏi là CBDV giữ các chức vụ từ cấp phòng, đến cấp cục, vụ của 3 cơ quan cấp Bộ, gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng.

Sau khi xác định được các tiêu chí chọn mẫu nêu trên, tác giả tiến hành phát 210 phiếu trắc nghiệm/phỏng vấn thông tin đối với CBDV tại 3 cơ quan cấp Bộ (mỗi cơ quan bộ phát 70 phiếu). Kết quả sau khi phát Phiếu phỏng vấn thông tin, nghiên cứu sinh thu về được 202 phiếu.

Thông tin thu thập được từ Bảng mã đối với các tin, bài tuyên truyền về pháp luật và thông tin thu thập được từ Phiếu phỏng vấn thông tin được

mã hóa, nhập và xử lý bằng chương trình SPSS. Sau khi làm sạch các số liệu, tiến hành biến đổi các số liệu để phục vụ cho việc lượng hóa các nhóm vấn đề liên quan đến đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Kết quả cụ thể của việc nghiên cứu sẽ được nghiên cứu sinh phân tích sâu trong chương 2 của luận án “Đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử”.

#### **5.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu**

Ngoài các phương pháp nêu trên, nghiên cứu sinh có sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, với thành phần được phỏng vấn là chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực báo chí, tuyên truyền và phổ biến pháp luật.

Các cuộc phỏng vấn sâu đối với các chủ thể trên thông qua các cuộc trò chuyện cởi mở. Thông tin thu thập từ các cuộc phỏng vấn sâu tập trung vào các nội dung: Những đánh giá về ưu điểm, hạn chế trong công tác tuyên truyền pháp luật trên báo chí, trong đó có báo điện tử trong thời gian qua; trao đổi về cách thức “đo lường” hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử; về các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử; về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Đồng thời, trao đổi theo hướng gợi mở những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử (*Xem Phụ lục III*).

### **1. Đóng góp mới của luận án**

Theo truyền thống, khách thể nghiên cứu của các đề tài luận án thường là cá nhân hay là nhóm xã hội chứa đựng vấn đề cần nghiên cứu. Song, trong luận án này, bên cạnh nhóm khách thể nghiên cứu là CBDV, còn có nhóm khách thể là các thông điệp pháp luật được đăng tải trên 5 báo điện tử trong mẫu nghiên cứu. Với lẽ đó, điểm mới của luận án là cung cấp bức tranh thực tiễn phong phú từ phía CBDV và từ phía bản thân nội dung thông điệp pháp luật của báo điện tử.

Cùng với đó, luận án nghiên cứu về cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và định hướng của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật trên báo chí; xây dựng mô hình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV từ góc độ lý thuyết báo chí học; xây dựng khung lý thuyết về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử ở Việt Nam làm cơ sở triển khai toàn bộ luận án có thể được coi là đóng góp mới của đề tài.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

### ***7.1. Ý nghĩa lý luận***

Việc xây dựng mô hình lý thuyết trong nghiên cứu, phân tích và đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử là một sự cụ thể hóa các lý thuyết báo chí học trong đánh giá hiệu quả của truyền thông đại chúng đối với công chúng. Đề tài hệ thống những vấn đề lý luận về nghiên cứu hiệu quả truyền thông – báo chí và rút ra những kết luận trong nghiên cứu hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử từ góc độ phân tích nội dung thông điệp và nghiên cứu công chúng (CBDV là nhóm khách thể mới).

### ***7.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Cung cấp thông tin khoa học về 3 nhóm pháp luật hiện nay (pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) thông qua sự phản ánh, tuyên truyền về pháp luật trên 5 báo điện tử.

Cung cấp thông tin về các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, trong đó có thông tin về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV; Mức độ tác động đến nhận thức của CBDV; Mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Đồng thời, cung cấp thông tin về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất, khuyến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho cá nhân, tổ chức quan tâm, trong đó có các nhà quản lý cơ quan báo điện tử, cơ quan chủ quản báo chí, các nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật. Và, cũng có thể làm tài liệu phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy về lĩnh vực báo chí, tuyên truyền pháp luật.

### **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, tổng quan, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu 3 chương.

**Chương 1.** Những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử

**Chương 2.** Đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử

**Chương 3.** Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên và một số kiến nghị

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

#### 1.1.1. Nhóm nghiên cứu liên quan đến hiệu quả truyền thông – báo chí

Nghiên cứu hiệu quả truyền thông đại chúng là vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Trong quá trình tìm tòi, nghiên cứu đề tài luận án, tác giả đã tiếp cận một số công trình nghiên cứu sau:

Các tác giả Philip Kotler, Ned Roberto, Nancy Lee (2002) trong *Social Marketing – Improving the Quality of Life (Tiếp thị xã hội – nâng cao chất lượng cuộc sống)* đã đề cập tới những vấn đề và những yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược truyền thông; tính chất của từng loại kênh truyền; nhận biết ưu điểm và hạn chế của từng kênh truyền để có sự lựa chọn phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông. Các tác giả cuốn sách cũng tập trung phân tích việc lựa chọn kênh truyền thông và phương tiện truyền tải chiến lược trong hoạt động marketing xã hội: quảng cáo, quan hệ công chúng, các ấn phẩm in, các hình thức quảng cáo đặc biệt, ký hiệu và trưng bày, truyền thông cá nhân, truyền thông phổ biến. Vấn đề lựa chọn kênh truyền thông tiêu biểu được đề cao. Những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch về truyền thông, đồng thời đối diện với việc phải quyết định chọn kênh truyền tải nào (truyền hình, các chương trình phát thanh, tạp chí, báo in, bảng hiệu quảng cáo, phương tiện giao thông theo tuyến, website hoặc thư mời trực tiếp) để chuyển tải thông điệp [177].

Trong cuốn *Communication research: Asking question, finding answers (Nghiên cứu truyền thông: đặt câu hỏi, tìm câu trả lời)* (2006), tác giả Joann Keyton tập trung giới thiệu phương pháp nghiên cứu cơ bản và phương pháp định tính, định lượng trong quá trình nghiên cứu truyền thông. Qua đó, giúp sinh viên sử dụng hiệu quả các tài liệu nghiên cứu truyền thông bằng phương pháp tìm kiếm, nghiên cứu và phân tích thông tin. Bên cạnh đó, định hướng cho sinh viên, những người muốn phát triển và thực hiện các dự án nghiên cứu. Joann Keyton giới thiệu tổng quát về quá trình nghiên cứu:

làm thế nào để biến một ý tưởng thành một câu hỏi, lựa chọn một phương pháp nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu và viết ra kết quả nghiên cứu; đồng thời cung cấp cho người đọc hàng trăm ví dụ về nghiên cứu truyền thông đã được thực hiện, rút ra từ các bài báo trên các phương tiện truyền thông đại chúng [176].

*Effective Communications for Project Management (Truyền thông hiệu quả cho quản lý dự án)* (2007), của tác giả Ralph L. Kliem gồm 11 chương. Trong đó, tác giả khẳng định: trong một tổ chức/cơ quan, thực tế cho thấy cán bộ quản lý hay người nắm giữ tài chính luôn gặp nhiều thách thức, khó khăn đối với bài toán làm sao truyền thông một cách hiệu quả nhất. Đơn giản vì vai trò của họ là quản lý dự án, phải thiết lập và điều tiết công tác truyền thông hướng tới đạt được mục tiêu quan trọng cuối cùng của dự án đó. Truyền thông hiệu quả trong quản lý dự án là sự tổng hòa các công cụ truyền thông hiệu quả, nhấn mạnh tới hệ thống thông tin quản lý dự án trong việc hỗ trợ người quản lý dự án hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Từ đó, tác giả đưa ra các yếu tố chính để gặt hái thành công trong truyền thông, đó là: Chủ động và lắng nghe một cách hiệu quả; Sẵn sàng tương tác và thiết lập một chu trình quản lý các đầu/mục việc; Dự thảo và trình bày văn bản; Thiết lập các cuộc gặp; Trình bày bài giới thiệu một cách hấp dẫn, ngắn gọn; Xây dựng và phát triển một trang web cho dự án của mình; Thành lập một không gian riêng cho quá trình tranh luận/thảo luận dự án [178].

Bằng việc đưa ra các bằng chứng và danh sách liệt kê có tính thích ứng cao với hầu hết các loại dự án, có thể coi cuốn sách này là nguồn tham khảo rất hữu ích không chỉ giúp người quản lý dự án đạt hiệu quả tối ưu trong truyền thông mà còn cho thấy vai trò to lớn của truyền thông trong bất kỳ dự án nào.

“Các nghiên cứu thực nghiệm về tác động khác nhau của truyền thông đại chúng Mỹ giống nhau ở chỗ, công chúng chỉ được coi là đối tượng của tác

động truyền thông. Một số ít hơn các công trình được thực hiện theo quan điểm “sử dụng và thỏa mãn”. Trong các công trình ấy, tác động của truyền thông đại chúng được xem từ chỗ những tác động này quan hệ thế nào với việc thỏa mãn nhu cầu của công chúng. Các nhà chuyên môn cũng đưa ra một hệ thống các chỉ tiêu, có thể lấy đó làm cơ sở để phân tích hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng: 1/ Hiệu quả vị lợi, 2/ Hiệu quả uy tín, 3/ Hiệu quả tăng cường quan điểm, 4/ Hiệu quả thỏa mãn lợi ích nhận thức, 5/ Hiệu quả cảm xúc, 6/ Hiệu quả thẩm mỹ, 7/ Hiệu quả thuận tiện” [111, tr.23].

### **1.1.2. Nhóm nghiên cứu về tuyên truyền pháp luật liên quan tới truyền thông – báo chí**

*Graham Greenleaf, Andrew Mowbray, Geoffrey King and Peter van Dijk: Public access to law via internet (Quyền tiếp cận luật thông qua Internet)* cho rằng, tự do tiếp cận thông tin ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, nơi thông tin về luật pháp còn khó đến được với người dân. Chưa bao giờ các điều kiện lại thuận lợi như vậy với việc phổ biến thông tin pháp luật, với nền tảng internet và các công nghệ khác. Điều này đã tạo ra một cuộc cách mạng về cung cấp thông tin luật pháp với hiệu quả cao và giá thành rẻ. Do đó, việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng trên mạng điện tử cần được quan tâm đúng mức [181].

Graham Greenleaf, Philip Chung, Andrew Mowbray trong *Free access to law via Internet as a condition of the rule of law in Asian societies (Miễn phí truy cập pháp luật thông qua Internet trong xã hội châu Á)* khẳng định: Tự do tiếp cận thông tin pháp lý cần phải được quan tâm đúng mức, đặc biệt với các nước châu Á bởi nó liên quan đến sự phát triển của luật pháp tại các nước. Người dân cần phải được tiếp cận các tài liệu pháp luật, có sự so sánh hệ thống pháp luật của các quốc gia. Tại đây, thiết bị Internet miễn phí, độc lập và phi lợi nhuận cung cấp bảo hiểm tương đối toàn diện các thông tin pháp lý. Đây là gợi ý cho các quốc gia trong khu vực trong tư pháp hỗ trợ tiếp cận thông tin pháp luật; khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển của truy cập tự

do toàn cầu thông tin pháp lý cần thiết. Phạm vi và các cơ sở dữ liệu được mô tả ngắn gọn để mọi người tiếp cận dễ dàng hơn [182].

Tác giả *Daniel Poulin*, trong *Open access to law in developing countries (Mở quyền truy cập vào pháp luật ở các nước đang phát triển)* cho rằng, bảo đảm một lan rộng và bất cứ khi nào có thể, miễn phí, tiếp cận thông tin pháp lý đã trở nên quan trọng ở khắp mọi nơi. Truy cập mở có cổ phần cao hơn ở các nước phát triển, nơi tiếp cận với pháp luật thường rất khó. Trong bối cảnh cụ thể này, truy cập miễn phí để đạo luật và trường hợp pháp luật có thể đóng góp đáng kể cho một cơ sở tốt hơn về các quy định của pháp luật và hợp nhất tổng thể của thể chế pháp lý quốc gia. Chưa bao giờ có điều kiện tốt hơn tồn tại trong một lưu thông rộng hơn của pháp luật. Internet và các công nghệ liên quan đã cách mạng hóa đáng kể khả năng cung cấp chất lượng cao, truy cập chi phí thấp để tiếp cận tài liệu pháp lý quốc gia [183].

Tác giả Shirley Biagi (2004) trong *Media impact (Tác động truyền thông)* đề cập đến định hình các luật và quy định; cải cách các quy tắc đạo đức truyền thông đại chúng; phương tiện truyền thông toàn cầu: giao tiếp thay đổi. Cuốn sách cũng đề cập đến các ngành công nghiệp phương tiện truyền thông, bao gồm: Thông tin đại chúng và cuộc sống hàng ngày; sách; tạp chí; phát thanh; truyền hình; internet truyền thông: mở rộng web. Về Quảng cáo, gồm nội dung: mối quan hệ người tiêu dùng và công chúng; những ý tưởng quảng bá. Về thay đổi các thông điệp, gồm các nội dung: Tin tức, thông tin và các vấn đề chính trị [179].

Các tác giả Vương Tiến Nghĩa, Quân Tuyết Mai (2006) trong *Tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua mạng Internet*, cho biết: Từ năm 1969 trên thế giới xuất hiện mạng Internet và những ứng dụng tiện ích của loại hình này rất phổ biến, phát triển rất nhanh. Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng Internet đã được Chính phủ Trung Quốc quan tâm thực hiện nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân, phát huy tác dụng và đẩy mạnh trình độ quản lý bằng pháp luật trên toàn xã hội. Trong đó,



ứng dụng việc tuyên truyền giáo dục pháp luật kết hợp qua mạng, các loại hình và những vấn đề cần lưu ý khi tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng Internet [117, tr.70-72].

Tác giả Thượng Hải (2006), với bài báo khoa học *Nắm bắt và xử lý tốt 10 phương diện có liên quan tới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Tư pháp Trung Quốc đã đưa ra 10 phương diện để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình hiện nay. Cụ thể là: Quan hệ của quy luật giữa kiên trì vận dụng sự phát triển của khoa học và tự mình nắm bắt công việc; quan hệ giữa tuyên truyền, giáo dục pháp luật với việc xây dựng xã hội hài hoà; mục tiêu chủ yếu của công tác tuyên truyền với các mục tiêu khác; tuyên truyền, giáo dục pháp luật gắn với thực tiễn từng địa phương; sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới; quan hệ giữa mục tiêu và phương pháp thực hiện tuyên truyền; gắn quy hoạch, kế hoạch với việc thực hiện tuyên truyền; sự ủng hộ của Chính phủ và nhân dân [77, tr.69-71].

*Bàn luận về biến từ nhận thức qua hành động đến đam mê trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật* (2006) của tác giả Đinh Gia Kiện, Tạp chí Tư pháp Trung Quốc cho rằng: Muốn công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đạt được hiệu quả cao cần phải kiên trì thống nhất từ nhận biết, hành động đến đam mê, đó là quy luật phổ biến phù hợp với công tác tuyên truyền pháp luật. Mục đích của “nhận biết” là “hành động”, “hành động là cơ sở của “nhận biết”; sau khi “nhận biết” thì “hành động”, hành động có hiệu quả. “Đam mê” là chỉ hình thức, phương pháp đạt đến của “nhận biết”, nó lấy hiệu quả tuyên truyền làm tiêu chuẩn lý tưởng để đạt đến “nhận biết”,... Do đặc thù của công tác tuyên truyền pháp luật mà “nhận biết, hành động và đam mê” cần phải được hiểu rõ nội hàm và đặc trưng của nó để vận dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao [95, tr.73-74].

*Luận bàn về tuyên truyền pháp luật qua bản tin và việc xây dựng xã hội hài hòa* (2007) của tác giả Vương Công Nghĩa khẳng định, tuyên truyền pháp luật qua bản tin pháp luật là một bộ phận quan trọng của công tác xã hội, đặc

biệt nó có vị trí, vai trò không thể thiếu được trong việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hình thức này hiện nay chưa thực sự phong phú, đa dạng khiến cho đối tượng quần chúng nhân dân chưa cảm thấy hấp dẫn nên hiệu quả chưa cao. Do đó, cần tăng cường thời lượng, đa dạng hoá và phong phú hoá việc tuyên truyền pháp luật thông qua bản tin pháp luật [118, tr.64-66].

## **1.2. Các công trình trong nước**

### **1.2.1. Nhóm nghiên cứu hiệu quả truyền thông – báo chí**

Trong *Nghề nghiệp và công việc của Nhà báo* (1992), tác giả Phan Quang đã có bài báo khoa học với đầu đề “Về hiệu quả báo chí”. Tác giả cho rằng: Hiệu quả là một phạm trù khoa học, đồng thời cũng là mục tiêu mà con người phải tính đến trong hoạt động của mình. Nội dung thông tin hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác và đầy đủ đối với người nhận tin, đó chính là yếu tố quan trọng làm cho hiệu quả công tác báo chí phát huy tác dụng thực sự trong việc hướng dẫn dư luận và phục vụ nhân dân [129].

Tác giả Tạ Ngọc Tấn (1999), trong cuốn *Cơ sở lý luận báo chí* cho rằng: “Mỗi nhà báo muốn hoạt động một cách có hiệu quả phải xác định các nhiệm vụ công tác của mình phù hợp với tính chất khách quan của các chức năng của báo chí. Việc nắm vững những tri thức về các chức năng của báo chí là điều kiện quan trọng, một trong những yếu tố quyết định tính hiệu quả trong hoạt động của nhà báo” [146, tr.81].

Tác giả Đào Duy Tấn (2000), trong luận án *Những đặc điểm của quá trình hình thành ý thức pháp luật ở Việt Nam hiện nay* đã phân tích cơ sở lý luận của sự hình thành ý thức pháp luật dưới góc độ triết học. Theo tác giả, các yếu tố: văn hóa, truyền thống, thói quen, truyền thông... ảnh hưởng rất lớn. Trong đó, tuyên truyền, phổ biến là nhân tố gián tiếp ảnh hưởng đến hình thành ý thức pháp luật. Theo đánh giá, việc tuyên truyền phổ biến để hình thành ý thức pháp luật cho người dân qua phương tiện truyền thông, trong đó

có truyền thông trên mạng điện tử internet còn chưa được chú trọng. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hình thành ý thức pháp luật của người dân, trong đó có xã hội hóa công tác tuyên truyền [144].

Trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội học về hiệu quả của một tờ báo, tác giả Mai Quỳnh Nam cho rằng: “Nghiên cứu hiệu quả xã hội của một phương tiện truyền thông không chỉ dừng lại ở việc xem xét mức độ và cơ chế hoạt động giao tiếp của các nhóm công chúng với phương tiện truyền thông đại chúng đó mà còn phải tìm hiểu xem họ yêu thích những nội dung nào? Những nội dung đó tạo nên sự quan tâm của họ ra sao?”- [110, tr.19].

Tác giả Mai Quỳnh Nam (2001) trong *Về vấn đề nghiên cứu hiệu quả truyền thông đại chúng*” đã khái quát sự ra đời, phát triển của truyền thông, truyền thông đại chúng, sự cấp thiết và tính phức tạp trong nghiên cứu truyền thông đại chúng. Theo tác giả, nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng phát triển mạnh mẽ trong những năm vừa qua và trở thành một chủ đề cơ bản của xã hội học hiện đại... Nghiên cứu hiệu quả truyền thông đại chúng là vấn đề cấp bách và phức tạp. Điều đó xuất phát từ chỗ người ta ngày càng nhận thấy khả năng tác động to lớn của truyền thông đại chúng đối với đời sống xã hội. Mặt khác, tính phức tạp của hướng nghiên cứu này lại phụ thuộc bởi tính chất đa chức năng của truyền thông đại chúng và các mối quan hệ nhiều chiều ở sự tương tác với hệ thống này trong thực tế.

Tác giả Mai Quỳnh Nam đưa ra quan điểm: “Một trong những chỉ báo quan trọng cho thấy hiệu quả truyền thông đại chúng là việc công chúng nhớ được nội dung thông điệp” [111, tr.23].

Vẫn theo tác giả Mai Quỳnh Nam: “Đo lường tính hiệu quả của các nội dung thông điệp thực chất là tìm hiểu một khía cạnh của yếu tố phản hồi truyền thông. Đo lường về hiệu quả của nội dung thông điệp nói riêng và cả quá trình truyền thông nói chung là một trong những vấn đề phức tạp. Điều này xuất phát từ chỗ người ta ngày càng nhận thấy khả năng tác động to lớn của truyền thông đại chúng đối với đời sống xã hội. Mặt khác, tính phức tạp

của hướng nghiên cứu này lại phụ thuộc bởi sự đa chức năng của truyền thông đại chúng và các mối quan hệ nhiều chiều ở sự tương tác với hệ thống truyền thông đại chúng trong thực tế... Những nghiên cứu hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng phải dựa trên chức năng xã hội, điều hành và kiểm soát xã hội của hệ thống này” [112, tr.56].

Trong cuốn *Ngôn ngữ báo chí* (2001), tác giả Vũ Quang Hào cho rằng: “Khái niệm hiệu quả báo chí đều được đề cập một cách sâu sắc và phân tích rất kỹ lưỡng bởi vì bản chất của báo chí nói riêng và truyền thông đại chúng nói chung là đưa thông tin đến cho đám đông. Hiệu quả của quá trình ấy mặc dù rất khó có thể tính đếm cụ thể (trừ những kết quả điều tra xã hội học), nhưng những người làm truyền thông đều đặt vấn đề hiệu quả báo chí lên hàng đầu với tư cách là mục đích đầu tiên của quá trình làm truyền thông” [75, tr.25].

Trong *Truyền thông đại chúng* (2001), tác giả Tạ Ngọc Tấn khẳng định: mô hình truyền thông một chiều, công chúng là người thụ động tiếp nhận thông tin đã không còn phổ biến. Mối quan hệ 2 chiều giữa truyền thông và công chúng được thể hiện rõ ràng hơn. Công chúng có vai trò nhất định trong quá trình truyền thông, tác động trở lại chủ thể truyền thông. Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động thông tin, việc nghiên cứu công chúng có vai trò quan trọng. Những phản ứng của công chúng sau khi tiếp nhận các sản phẩm truyền thông sẽ là một trong số các yếu tố quy định hoạt động truyền thông tiếp theo [147, tr.25].

Tác giả E.P.Prôkhôróp (2004), trong cuốn *Cơ sở lý luận của báo chí* đã nhận định: Sự ra đời của mạng thông tin điện tử toàn cầu có giá trị to lớn về mặt truyền thông. Mạng internet đã tạo ra khả năng nhận tin đa dạng nhất, giúp cho con người toàn cầu, trong đó có các nhà báo, trao đổi thông tin, phổ biến thông tin nhanh chóng và hiệu quả. Báo chí nói chung và báo chí điện tử nói riêng, “Trong quá trình báo chí thực hiện các chức năng tư tưởng, văn hóa và các chức năng khác người ta thấy xuất hiện vấn đề tính hiệu quả trong việc

thực hiện các chức năng ấy”. “Tính hiệu quả của tác động báo chí còn phụ thuộc vào những phẩm chất cụ thể của các tác phẩm được quy định bởi tài khéo léo vận dụng (bởi những kỹ năng công nghệ, bởi thủ pháp nghệ thuật hoặc tài năng vốn có) của nhà báo”. “Những kết quả mà nhà báo hướng đến là hiệu quả tạo nên những thay đổi cụ thể trong ý thức, hành vi của công chúng... Vì tính hiệu quả - đó là mức độ thực hiện các mục tiêu đáp ứng những nhu cầu của công chúng về thông tin, có tính đến những khả năng của nhà báo và công chúng” [127, tr.225-227].

Trong cuốn sách *Nghiệp vụ báo chí, lý luận & thực tiễn* (2004), tác giả .V.Vôrôsilốp cho rằng, lịch sử phát triển báo chí gắn liền với lịch sử phát triển của kỹ thuật – công nghệ thông tin. Sự ra đời của báo chí điện tử có vai trò quan trọng trong đời sống. Loại hình báo chí này góp phần phát triển nhiều lĩnh vực khác và đây là xu thế phát triển chung của báo chí hiện đại. Tác giả khẳng định: “Biết tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực pháp luật, nhà báo không chỉ thể hiện trình độ văn hóa pháp luật cao, mà còn tạo điều kiện nâng cao tính kết quả của các phương tiện thông tin đại chúng, tránh cho tòa soạn những sai lầm về tư pháp khi thu thập và phổ biến thông tin” [172, tr.234].

Trần Hữu Quang (2006) trong cuốn *Xã hội học báo chí* cho rằng, mỗi phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, truyền hình, phát thanh, báo điện tử ... đều có những thế mạnh riêng, song không ai có thể phủ nhận được vai trò của internet nói chung và báo điện tử nói riêng bởi nó cung cấp lượng thông tin khổng lồ, nhanh nhất, hiệu quả nhất và tác động lớn đến đời sống xã hội. Có được điều đó là do tính truyền thông đa phương tiện mà các loại hình báo chí khác không làm được [130; tr 448].

Trần Bá Dung (2007) trong luận án *Nhu cầu tiếp nhận thông tin báo chí của công chúng Hà Nội* đã tiếp cận những vấn đề lí thuyết về nghiên cứu công chúng báo chí; cơ sở lí thuyết, phương pháp luận và cơ sở thực tiễn của việc nghiên cứu nhu cầu tiếp nhận thông tin báo chí của công chúng ở Hà Nội. Luận án đã nghiên cứu mối quan hệ có tính qui luật, những nhân tố ảnh

hưởng đến nhu cầu của công chúng. Theo tác giả, kênh internet được nhiều người lựa chọn để thu thập thông tin hơn cả, nhất là giới trẻ. Do đó, báo chí truyền thông có vai trò lớn trong định hướng, hình thành dư luận xã hội. Các phương tiện truyền thông đại chúng truyền thông điệp, tác động đến ý thức xã hội, hình thành tri thức, thái độ mới hay làm thay đổi nhận thức, thái độ cũ. Từ đó, làm thay đổi hành vi xã hội. Khi đạt được mục tiêu sẽ tạo ra hiệu quả xã hội [45].

Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở trọng điểm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền – *Tổ chức và quản lý báo mạng điện tử ở Việt Nam* (2007), do tác giả Nguyễn Thị Thoa làm chủ nhiệm khẳng định: “Báo mạng điện tử” – là hình thức báo chí thứ tư được sinh ra từ sự kết hợp những ưu thế của báo in, báo nói, báo hình; sử dụng yếu tố công nghệ cao như một nhân tố quyết định; quy trình sản xuất và truyền tải thông tin dựa trên nền tảng mạng internet toàn cầu. Tác giả của đề tài nêu mục tiêu nghiên cứu là: Báo mạng điện tử - một loại hình báo chí mới có nhiều điểm khác biệt so với các loại hình báo chí khác (cả về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm, mô hình tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động). Đề tài đi sâu nghiên cứu quy trình xây dựng một tờ báo mạng điện tử, tổ chức hoạt động, quản lý tờ báo trong xu thế vận động chung của báo chí hiện đại [151].

Tác giả Trương Xuân Trường (2009), trong *Hiệu quả xã hội của một số chuyên đề báo chí dành cho vùng sâu, vùng xa ở Việt Nam* đưa ra quan điểm: “Hiệu quả của truyền thông được nhận diện trên hai bình diện, tác động định lượng và tác động định tính. Tác động định lượng là tác động của toàn bộ kênh, hoặc chỉ của riêng thông điệp, số lượng công chúng và các nhóm công chúng, thời lượng công chúng dành cho kênh truyền thông đại chúng... Các tác động định tính gồm các thay đổi tri thức, bổ sung sự hiểu biết, tạo nên cảm xúc, hành vi nhận thức, các lợi ích, hành vi định hướng lên các lợi ích, quan điểm và định hướng giá trị...”[161, tr.18].

Sau khi phân tích về mô hình truyền thông, cơ chế tác động của truyền thông tác giả đã đưa ra quan điểm về hiệu quả xã hội của truyền thông đại chúng. Tuy nhiên, tác giả chủ yếu phân tích cơ sở lý luận về hiệu quả truyền thông đại chúng nói chung, chưa chỉ rõ những vấn đề cụ thể về hiệu quả báo chí trong hoạt động truyền thông.

Phạm Hương Trà (2011) trong luận án *Hiệu quả của các bài viết về bạo lực gia đình trên báo điện tử Việt Nam hiện nay* nghiên cứu hiệu quả của các bài viết về bạo lực gia đình trên 6 báo điện tử: vietnamnet, vnexpress, nhandan, dantri, giadinh, tuoitre. Với những phương pháp điều tra, đánh giá của xã hội học, tác giả tiến hành khảo sát và đưa ra nhiều nhận định, đánh giá về vai trò, hiệu quả của báo điện tử trong đời sống nói chung và tuyên truyền, giáo dục nói riêng. Tác giả khẳng định, thể loại tác phẩm phản ánh bạo lực gia đình trên báo điện tử thể hiện cũng khá phong phú nhưng tập trung nhiều ở loại thể thông tấn, đặc biệt là thể loại tin. Đây cũng là thể loại được công chúng yêu thích nhất nhưng nó không phải là thể loại được bạn đọc đánh giá là mang lại nhiều thông tin mới như thể loại phóng sự và phản ánh. Việc lồng ghép những hình ảnh minh họa vào nội dung bài viết có tác động lớn tới công chúng. Nhiều bài viết có tác động nhất định tới hành vi ứng xử đối với công chúng báo điện tử. Tác giả cũng cho rằng, hiệu quả tuyên truyền trên báo điện tử rất lớn nhưng chưa được phát huy; cần có giải pháp nâng cao chất lượng [160].

Luận án *Hiệu quả của các bài viết về bạo lực gia đình trên báo điện tử Việt Nam hiện nay* có ý nghĩa thiết thực để nghiên cứu sinh tham khảo trong thực hiện phương pháp chọn mẫu, phương pháp điều tra bằng bảng trắc nghiệm cùng với các phương pháp khác để nghiên cứu đề tài “hiệu quả truyền truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay”.

*Giáo trình tác phẩm báo chí đại cương* (2011) của Nguyễn Thị Thoa đề cập tới “Giá trị sử dụng của các tác phẩm báo chí”. Tác giả đưa ra quan điểm về cách đo lường giá trị tác phẩm báo chí, có thể đo trực tiếp hoặc

gián tiếp, cụ thể: đo theo thời gian, phạm vi tác động, chiến dịch tuyên truyền, theo công chúng cần tác động, theo tính chất (nóng hay nguội) của thông điệp mà tác phẩm báo chí chuyên tải [152]. Mặc dù tác giả không đề cập đến hiệu quả báo chí, nhưng khi phân tích giá trị tác phẩm báo chí với những cách đo lường trên cũng giúp cho việc tham khảo để xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả báo chí trong hoạt động truyền thông..

*Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản* (2012) của tác giả Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng, cho rằng: “Truyền thông là một hiện tượng phức tạp, bao gồm hàng loạt các thành tố trong sự tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, làm thế nào sắp xếp các thành tố đó một cách lôgích để hình dung một cách tổng quát hiện tượng truyền thông, quá trình truyền thông là một nhiệm vụ quan trọng”. Các tác giả cuốn sách đưa mô hình truyền thông của Lasswell, Claude Shannon; mô hình truyền tin của Shannon và Wever; mô hình truyền thông của David Berlo; mô hình truyền thông của Charles Osgood và Wilbur Schramm. Và, cuối cùng, các nhà nghiên cứu đã đưa ra Mô hình truyền thông của giáo trình “Truyền thông: Lý thuyết và kỹ năng cơ bản” [53, tr.40].

Cũng về đề tài nghiên cứu truyền thông thay đổi hành vi, tác giả Đỗ Thị Thu Hằng cho rằng “Truyền thông thay đổi hành vi là chiến lược truyền thông đa cấp, hướng tới mục tiêu thay đổi hành vi và duy trì hành vi bền vững thông qua các can thiệp truyền thông với từng bước thay đổi hành vi của đối tượng” [79].

Cuốn sách *Công tác lãnh đạo, quản lý báo chí trong 25 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới* (2012) của tác giả Nguyễn Thế Kỷ đề cập nhiều nội dung, trong đó có vai trò của báo điện tử, mạng xã hội, các phương tiện truyền thông qua internet trên thế giới và ở Việt Nam. Cuốn sách cũng đề cập thực trạng báo điện tử ở nước ta hiện nay bên cạnh thế mạnh và ưu điểm cơ bản, một số báo điện tử còn thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng – văn hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ. Cùng với những



báo, tạp chí điện tử đã được cấp phép đúng luật, xuất hiện nhiều trang điện tử không phải là cơ quan báo chí, nhưng hoạt động và đăng tải thông tin như một cơ quan báo chí, vi phạm Luật báo chí và các quy định khác... Từ thực trạng báo chí Việt Nam, các tác giả của cuốn sách nêu một số giải pháp, nhiệm vụ nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với báo chí [97].

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dũng (2013) khi bàn về “Cơ chế tác động của truyền thông đại chúng” trong cuốn *Cơ sở lý luận báo chí* đã đưa ra mô hình cơ chế tác động của truyền thông đại chúng. Tác giả cho rằng, qua mô tả đối tượng tác động của truyền thông đại chúng, thông điệp qua các kênh truyền thông tác động vào dư luận xã hội, tạo ra hiệu ứng xã hội; trên cơ sở đó góp phần nâng cao nhận thức, mở rộng hiểu biết, thay đổi thái độ và hành vi của công chúng – nhóm đối tượng phù hợp với mục tiêu truyền thông và nhu cầu phát triển. Những chuyển biến tích cực ấy gọi là hiệu quả truyền thông.

Theo tác giả Nguyễn Văn Dũng “Hiệu quả tác động của báo chí là những hiệu ứng kinh tế - xã hội do sản phẩm báo chí tạo ra, phù hợp với mục đích, mong đợi của chủ thể”. Tác giả cũng cho rằng: “nhận diện hiệu quả tác động của báo chí là một quá trình khó khăn và phức tạp, tùy thuộc vào quan điểm tiếp cận, phương pháp đo lường, lượng giá. Tuy nhiên, hiệu ứng và hiệu quả của báo chí thì mỗi người và công chúng đều có thể cảm nhận được bằng trí tuệ và cảm xúc của mình” [55, tr.148-149].

*Báo mạng điện tử những vấn đề cơ bản* (2014) của Nguyễn Thị Trường Giang là cuốn sách được nghiên cứu sâu, rất có giá trị tham khảo trong quá trình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến báo điện tử. Cuốn sách đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của internet; Lịch sử ra đời và phát triển của báo mạng điện tử; Đặc trưng cơ bản của báo mạng điện tử; Mô hình, tổ chức bộ máy tòa soạn và quy trình sản xuất của báo mạng điện tử; Viết và trình bày nội dung báo mạng điện tử (cấu trúc thông tin trong tin, bài của báo mạng điện tử; một số nguyên tắc và một số đề xuất khi viết cho báo mạng điện tử;

một số gợi ý cho việc thiết kế, trình bày nội dung báo mạng điện tử). Tác giả cho rằng: Giờ đây báo mạng điện tử có thể đảm đương nhiệm vụ của cả phát thanh, truyền hình lẫn báo in một cách dễ dàng. Bản thân nó mang trong mình sức mạnh của phương tiện truyền thông đại chúng, cùng kết hợp với mạng máy tính nên có nhiều ưu điểm vượt trội, trở thành kênh truyền thông vô cùng hiệu quả, đặt các phương tiện truyền thông đại chúng khác vào một cuộc đua quyết liệt [68, tr.5].

Tác giả Nguyễn Huy Ngọc (2013) trong luận án “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo báo điện tử trong giai đoạn hiện nay*” nghiên cứu về những vấn đề lý luận liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với báo điện tử ở Việt Nam, luận án đánh giá thực trạng sự lãnh đạo của Đảng đối với báo điện tử ở Việt Nam, xác định rõ nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm. Từ đó, đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên đối với việc phát triển và lãnh đạo, quản lý báo điện tử; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với báo điện tử; nâng cao năng lực và phát huy vai trò quản lý nhà nước đối với báo điện tử; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với báo điện tử và cơ quan chủ quản báo điện tử [116].

Trong luận án *Nghiên cứu hiệu quả báo chí trong hoạt động truyền thông về an sinh xã hội ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế* (2013), tác giả Dương Văn Thắng đã phân tích cơ sở lý luận về hiệu quả báo chí trong hoạt động truyền thông về an sinh xã hội; đưa ra một số tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền: số lượng tin bài, chất lượng tin bài, hướng thông tin trong phản ánh đúng – trúng – kịp thời chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; ý kiến phản hồi của công chúng; nhận thức của công chúng; sự thay đổi về hành vi sau khi tiếp nhận thông tin. Tác giả xác định một số nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền: (1) Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; (2) tổ

chức bộ máy, nhân lực, vật lực; (3) Công chúng báo chí; (4) Uy tín, thương hiệu của cơ quan báo chí; (5) năng lực người làm báo; (6) Chất lượng sản phẩm báo chí [148].

Luận án Tiến sĩ Báo chí *Xu hướng tiếp nhận sản phẩm báo chí của công chúng Việt Nam* (2014) của tác giả Lê Thu Hà trên cơ sở nắm bắt thực trạng tiếp nhận các sản phẩm báo chí đã khảo sát, nghiên cứu nhằm phát hiện xu hướng tiếp nhận của công chúng Việt Nam đối với bốn loại hình báo chí cơ bản (bao gồm báo in, phát thanh, truyền hình và báo điện tử) và các phương tiện truyền thông mới. Từ đó, luận án cung cấp những dự báo về sự phát triển của báo chí Việt Nam nói chung và các loại hình báo chí nói riêng. Đồng thời, luận án đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp cho các cơ quan báo chí và cơ quan quản lý báo chí nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công chúng [72].

Trong Luận án tiến sĩ khoa học chính trị *Chức năng phản biện xã hội của báo chí ở Việt Nam hiện nay* (2015), tác giả Nguyễn Văn Minh đã tập trung làm rõ các khái niệm báo chí, phản biện xã hội, phản biện xã hội của báo chí và xác định rõ chức năng phản biện xã hội của báo chí ở Việt Nam hiện nay. Cùng với đó, tác giả đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện chức năng phản biện xã hội của báo chí ở Việt Nam và nêu quan điểm, giải pháp khả thi nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng phản biện xã hội của báo chí ở Việt Nam hiện nay. Một trong những giải pháp được tác giả nêu ra là: “Nghiên cứu, tổng kết hình thành các luận cứ khoa học, cơ sở thực tiễn, điều kiện pháp lý vững chắc cho việc đề xuất thiết lập và tổ chức thực hiện chức năng phản biện xã hội của báo chí” [109, tr.121].

Luận án tiến sĩ Chính trị học *Giáo dục ý thức về phòng, chống “Diễn biến hòa bình” cho công chúng báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay* (2015), của tác giả Vũ Thị Thanh Tâm đặt ra ba nhóm nhiệm vụ nghiên cứu: Một là, làm rõ một số vấn đề lý luận về giáo dục ý thức về phòng, chống diễn biến hòa bình cho công chúng báo mạng điện tử; Hai là, đánh giá thực trạng

giáo dục ý thức về phòng, chống diễn biến hòa bình cho công chúng báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay; Ba là, đề xuất một số phương hướng, giải pháp cơ bản giáo dục ý thức về phòng, chống diễn biến hòa bình cho công chúng báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay [143].

### **1.2.2. Nhóm nghiên cứu về tuyên truyền pháp luật, hiệu quả tuyên truyền pháp luật**

Chuyên đề *Tuyên truyền giáo dục pháp luật* (1995) của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp đã khái quát một số vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật; giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử; giáo dục pháp luật trong các nhà trường; một số mô hình tổ chức phối hợp giáo dục pháp luật, các điều kiện bảo đảm hiệu quả phối hợp giáo dục pháp luật; giáo dục nâng cao hiểu biết pháp luật ở Thủ đô – Thực trạng và giải pháp; Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở miền núi và đồng bào dân tộc ít người [167].

Đề tài khoa học cấp Nhà nước *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật* (1997) của Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã đưa ra các khái niệm cơ bản, như ý thức pháp luật, lối sống theo pháp luật; lý giải sự cần thiết phải tăng cường xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các tác giả thực hiện đề tài đã đề xuất và luận chứng tính khả thi của một số giải pháp nhằm xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật trong các tầng lớp xã hội [169].

Đề tài khoa học cấp Bộ, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới* (1998) của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp đã trình bày, phân tích quan niệm về giáo dục pháp luật, các thành tố cơ bản của giáo dục pháp luật, đánh giá thực tiễn công tác giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nước ta trong những năm qua, đề tài chỉ ra những mặt tích cực và cả những điểm hạn chế của công tác này. Các tác giả đã nêu lên những khuyến nghị, giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục

pháp luật nói chung và tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng nói riêng trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam [170].

Tác giả Phạm Văn Chung (2008), *Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân khu vực biên giới ở tỉnh Kon Tum* nêu lên nhiệm vụ và những khó khăn gặp phải trong công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân khu vực biên giới của tỉnh Kon Tum. Đồng thời, tác giả đề xuất “Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật với sinh hoạt lễ hội, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan; củng cố hoạt động hòa giải cơ sở; thực hiện tốt hương ước, quy ước ở thôn, làng; tăng cường trợ giúp pháp lý lưu động đến tận cơ sở” [39, tr.31].

Học viện hành chính (2008), trong cuốn sách *Nhà nước và pháp luật* đề cập riêng một nội dung về “Hiệu quả pháp luật”. Cuốn sách khẳng định: “Pháp luật có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm trật tự hóa các quan hệ xã hội, làm cho trạng thái ban đầu của các quan hệ xã hội (A) thay đổi sang trạng thái (A’). Chính sự thay đổi đó là chỉ số về hiệu quả của pháp luật... Pháp luật chỉ coi là có hiệu quả khi các quan hệ xã hội được điều chỉnh phát triển theo chiều hướng tiến bộ, mang lại hiệu quả xã hội, đồng thời tác động đến ý thức con người, làm cho con người nhận thức được rằng pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội là nhu cầu của chính họ, phù hợp với lợi ích của họ” [83, tr.90-91].

*Tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong các loại hình doanh nghiệp, vấn đề cần được quan tâm* (2010) của tác giả Nguyễn Kim Phương khẳng định tính đúng đắn, sự cần thiết của tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và trong các doanh nghiệp nói riêng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền phổ biến pháp luật là một trong những giải pháp về chuyên môn, kỹ thuật tuyên truyền cần quan tâm. Bên cạnh đó, việc tạo dư luận xã hội trong nhân rộng điển hình tiên tiến, trong lên án các hành vi vi phạm pháp luật cũng cần được chú ý đúng mức [126].

Theo tác giả Cao Thế Anh (2010) trong *Công tác xã hội hóa tuyên truyền phổ biến pháp luật: Khi doanh nghiệp chung tay vì pháp luật* nghiên

cứu về xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, việc doanh nghiệp hiểu đúng pháp luật và sử dụng pháp luật vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh là rất cần thiết. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa coi trọng yếu tố pháp luật, họ tập trung vào kinh doanh, có khi không biết hoặc có biết là vi phạm nhưng chưa biết được mức độ và hậu quả nghiêm trọng như thế nào nên cứ làm, đến khi vụ việc xảy ra bị rắc rối mới nhờ đến luật sư hoặc nhờ các mối quan hệ để can thiệp, từ đó dẫn nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp, cho xã hội và tùy theo mức độ có nhiều trường hợp chủ doanh nghiệp đã bị truy tố trước pháp luật [2].

Tác giả Trần Đức Lượng (2012) trong đề tài nghiên cứu *Về mục đích, ý nghĩa của tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng*, khẳng định: “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng trong việc thực hiện pháp luật, quản lý xã hội và phát triển kinh tế, nhất là trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay. Để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, hiệu quả, mọi công dân, cơ quan, tổ chức đều chấp hành pháp luật tốt thì tất cả các khâu của quá trình tổ chức thi hành pháp luật phải được thực hiện nghiêm chỉnh, trong đó phải thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vì đây chính là khâu ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật” [102, tr.7].

*Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới* (2013) là tài liệu tham khảo của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp. Tài liệu này giới thiệu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp xã hội tại một số nước trên thế giới, như Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Đan Mạch, Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Australia, Vương quốc Thái Lan... trên các phương diện khác nhau, từ thể chế, chính sách, cơ cấu tổ chức, phương thức tổ chức thực hiện và những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật của các quốc gia đó. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích đối với tác giả luận án trong việc khảo sát, đánh giá về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục

pháp luật của các nước nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam [171].

Tác giả Dương Văn Sao (2016) trong *Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật của công đoàn trong giai đoạn mới* cho rằng: nhận thức đầy đủ, đúng đắn về pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nghiêm túc pháp luật. Do đó, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần phải quan tâm thường xuyên và coi là giải pháp hàng đầu trong việc nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật cho người lao động. Muốn nâng cao chất lượng công tác này việc đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền cần được quan tâm, trong đó có đề cập đến vai trò của báo chí [139].

Bên cạnh những công trình khoa học trên, nghiên cứu sinh cũng tìm hiểu một số luận văn liên quan đến đề tài, như: *Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho đồng bào công giáo trên hệ thống truyền thanh của huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Chính trị học của tác giả Nguyễn Huy Du; *Tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên trên kênh VTV6*, Luận văn Thạc sĩ Báo chí của Nguyễn Tuấn Việt; *Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Công tác tư tưởng của tác giả Trần Ngọc Hải; *Hiệu quả tuyên truyền Luật hôn nhân và gia đình cho đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ công tác tư tưởng của Nguyễn Thị Thúy Hằng, Học viện Báo chí và tuyên truyền; *Hiệu quả tuyên truyền ý thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ công tác tư tưởng của Trần Hồng Đăng...

### **1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và các vấn đề đặt ra**

#### **1.3.1. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Từ kết quả khảo cứu công trình nghiên cứu của các tác giả, nhà khoa học trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá có giá trị tham khảo cho đề tài luận án như sau:

*Thứ nhất*, trên phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu nêu trên đã làm rõ nhiều luận điểm, luận cứ khoa học và thực tiễn về hiệu quả truyền thông – báo chí; hiệu quả tuyên truyền pháp luật. Các công trình đó vận dụng lý luận về tuyên truyền pháp luật để luận giải, nhận xét, đánh giá về vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong tuyên truyền pháp luật nói chung và trên báo điện tử nói riêng. Cụ thể là:

- Khẳng định vai trò to lớn của truyền thông đại chúng – báo chí, trong đó có báo điện tử trong đời sống chính trị - xã hội. Các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học đa dạng, thuộc các chuyên ngành khoa học khác nhau, trên nhiều lĩnh vực, trong đó có đề cập đến cơ chế tác động, hiệu lực, hiệu quả của truyền thông – báo chí, về mô hình truyền thông 1 chiều, 2 chiều, về mối quan hệ nhà báo – tác phẩm – công chúng...

- Những cuốn sách, đề tài, công trình nghiên cứu ở mức độ nhất định đã đề cập đến việc xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật cho người Việt Nam; đến các thành tố của giáo dục pháp luật, như mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật, trong đó có tuyên truyền pháp luật... Đồng thời, đã đề cập, nghiên cứu vai trò, đặc điểm tuyên truyền pháp luật cho một số đối tượng cụ thể: sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số...

- Các công trình nghiên cứu về báo điện tử, hiệu quả tuyên truyền một số nội dung trên báo điện tử là những tài liệu hữu ích đối với đề tài luận án khi đánh giá ảnh hưởng của báo điện tử đối với hoạt động tuyên truyền pháp luật.

- Những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đã chỉ ra nhiều vấn đề về lý luận tuyên truyền pháp luật. Đó là những tài liệu tham khảo hữu ích giúp tác giả luận án nghiên cứu và tìm kiếm những bài học kinh nghiệm.

- Về mặt phương pháp: các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội – nhân văn nói chung và các phương pháp chuyên ngành báo chí học nói riêng được các tác giả vận dụng trong công trình nghiên cứu. Cùng với đó, các phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành xã hội học: phương pháp chọn mẫu,



phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; phương pháp phỏng vấn sâu... là những tài liệu, kinh nghiệm quý báu cho tác giả luận án tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

Như vậy, nhìn từ những công trình nghiên cứu về tuyên truyền pháp luật nói chung, tuyên truyền cho các nhóm đối tượng xã hội nói riêng, có thể thấy, đó đều là những tài liệu tham khảo có giá trị về mặt lý luận cho đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Một số đề tài nghiên cứu về hiệu quả tuyên truyền pháp luật, nhưng chỉ ở phạm vi tác động của một huyện, một tỉnh; tuyên truyền cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, hoặc là công chúng nói chung. Có đề tài nghiên cứu về hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên hệ thống loa truyền thanh, trên báo in, trên một kênh của truyền hình; hoặc nghiên cứu các bài viết về bạo lực gia đình trên báo điện tử (trong chuyên ngành xã hội học)...

Song, cho đến nay chưa có đề tài luận án tiến sĩ nào đề cập một cách chuyên sâu, cụ thể về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay, có thể để lại “khoảng trống” trên diễn đàn khoa học báo chí mà tác giả mong muốn đi sâu nghiên cứu.

*Thứ hai, trên phương diện thực tiễn*, một số công trình nghiên cứu, đánh giá thực trạng tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các đối tượng ở những địa bàn cụ thể, chỉ ra được những ưu điểm cũng như hạn chế, bất cập của công tác này, nguyên nhân và các nhân tố tác động. Từ đó, các tác giả đã nêu lên được những phương hướng, quan điểm và các giải pháp chủ yếu bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các đối tượng cụ thể. Mặc dù vậy, chưa có công trình nào khảo sát thực tiễn về việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Điều này cũng tạo ra động lực nghiên cứu cho tác giả luận án.

### **1.3.2. Một số vấn đề tiếp tục nghiên cứu**

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu nêu trên, tác giả xác định được những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục triển khai, đi sâu nghiên cứu, làm rõ trong quá

trình thực hiện đề tài luận án “Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay”, gồm:

- *Về lý luận*: Làm rõ khung lý thuyết được áp dụng trong nghiên cứu và thao tác hóa các khái niệm: Truyền thông đại chúng, báo điện tử, thông điệp, tiếp cận thông điệp, hiệu quả, tuyên truyền, pháp luật, tuân thủ pháp luật, nhận thức, thái độ, hành vi, cán bộ, đảng viên.

- *Về thực tiễn*:

+ Mô tả sự phản ánh về thông tin pháp luật trên các báo điện tử được chọn lọc vào mẫu nghiên cứu. Trong đó, tập trung mô tả thông điệp về tuyên truyền pháp luật trên ba lĩnh vực (pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước). Thông điệp được chuyển tải thông qua chữ viết, hình ảnh.

+ Khảo sát, phân tích mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV.

+ Trắc nghiệm, phân tích tác động đến nhận thức của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

+ Trắc nghiệm, phân tích về tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

+ Khảo sát, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV và đề xuất, khuyến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

## **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

### **1.1. Các khái niệm, đặc điểm, vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật**

#### **1.1.1. Các khái niệm cơ bản**

- *Hiệu quả*

Theo các nhà ngôn ngữ học, khái niệm hiệu quả được hiểu là: kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại. “Hiệu quả là kết quả đích thực” [173, tr.702].

Các nhà quản lý hành chính lại cho rằng: “Hiệu quả là mục tiêu chủ yếu của khoa học hành chính, là sự so sánh giữa các chi phí đầu tư với các giá trị của đầu ra, sự tăng tối đa lợi nhuận và tối thiểu chi phí, là mối tương quan giữa sử dụng nguồn lực và tỷ lệ đầu ra – đầu vào” [160, tr.42].

Các nhà lý luận báo chí học cho rằng: “Hiệu quả là năng suất hay kết quả cuối cùng của một hoạt động nào đó trong đời sống xã hội. Đây là một phạm trù khoa học, đồng thời cũng là mục đích mà con người phải tính đến trong bất kỳ hoạt động nào đó”; “Báo chí là một lĩnh vực hoạt động của truyền thông đại chúng và là lĩnh vực chủ yếu nhất. Hiệu quả của hoạt động báo chí được đánh giá dựa trên mức độ báo chí thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của mình như thế nào. Mỗi loại hình báo chí lại có những đặc trưng riêng, những đối tượng phục vụ khác nhau [140, tr.169-171].

“Hiệu quả truyền thông là mức độ tạo ra những hiệu ứng xã hội phù hợp với mong đợi của chủ thể truyền thông – đó là thay đổi được nhận thức, thái độ và hành vi của công chúng – nhóm đối tượng truyền thông phù hợp với mục đích truyền thông. Hiệu quả truyền thông thể hiện ở nhiều cấp độ và dạng thức khác nhau, nhưng có thể nói rằng, cuối cùng hội tụ lại và thể hiện ở thái độ và hành vi xã hội như mong đợi” [55, tr.27].

Về vấn đề này, tác giả luận án cho rằng, đánh giá hiệu quả của sản phẩm truyền thông đại chúng trên thực tế khó có thể đo lường như cách đánh giá hiệu quả đầu ra – đầu vào như cách của các nhà quản lý hành chính. Việc này cũng khó có thể xác định bằng hiệu số của kết quả thu về với chi phí, công sức bỏ ra. Kế thừa những quan điểm của các nhà nghiên cứu về hiệu quả báo chí – truyền thông, nghiên cứu sinh cho rằng:

*Hiệu quả của hoạt động báo chí được đánh giá dựa trên mức độ báo chí thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhằm góp phần thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của công chúng theo chiều hướng tiến bộ.*

- **Truyền thông**

Truyền thông từ tiếng Anh: Communication có nghĩa là sự truyền đạt, thông tin, thông báo, giao tiếp, trao đổi, liên lạc... “Truyền thông là quá trình liên tục trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm..., chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm và của cộng đồng xã hội nói chung, bảo đảm sự phát triển bền vững” [55, tr.15].

Truyền thông là một quá trình diễn ra theo trình tự thời gian, trong đó bao gồm các yếu tố chính cần có là: *Nguồn phát; Thông điệp; Kênh truyền thông; Người nhận; Phản hồi; Nhiễu; Hiệu quả truyền thông*. Về nội dung này và việc xây dựng mô hình lý thuyết đánh giá hiệu quả truyền truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử được nghiên cứu sinh đề cập chi tiết, cụ thể trong Mục 1.2.3. của Chương I.

- **Truyền thông đại chúng**

Truyền thông đại chúng là quá trình truyền thông điệp/ thông tin đến công chúng thông qua phương tiện truyền thông đại chúng (mass media) [175, tr.369].

“Truyền thông đại chúng là dạng thức truyền thông – giao tiếp với công chúng xã hội rộng rãi, được thực hiện thông qua các phương tiện kỹ

thuật và công nghệ truyền thông, với phạm vi ảnh hưởng rộng lớn tới công chúng – nhóm lớn xã hội. Một số loại hình truyền thông đại chúng tiêu biểu là: sách, báo in và các ấn phẩm in ấn, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, quảng cáo, video clip, internet, mạng xã hội ... Trong truyền thông đại chúng, các loại hình báo chí (như báo in, tạp chí, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử) có vị trí trung tâm, vai trò nền tảng; nó chi phối sức mạnh, bản chất và khuynh hướng vận động của truyền thông đại chúng” [55, tr.33].

Theo đó, truyền thông đại chúng được hiểu là *quá trình truyền tải thông tin đến đông đảo công chúng trong xã hội, với phạm vi không hạn chế bởi không gian và thời gian. Quá trình đó được thực hiện thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, với thế mạnh nổi trội thuộc về các loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử).*

Ở đây, cần phân biệt rõ sự khác biệt giữa hai thuật ngữ: “Truyền thông đại chúng” và “các phương tiện truyền thông đại chúng”. Thuật ngữ “truyền thông đại chúng” được dùng để chỉ một quá trình xã hội: quá trình chuyển tải thông tin ra rộng rãi công chúng. Còn “các phương tiện truyền thông đại chúng” như báo chí, phát thanh, truyền hình, Internet... chỉ là những công cụ kỹ thuật hay những kênh mà phải nhờ vào đó người ta mới có thể thực hiện quá trình truyền thông đại chúng, nghĩa là tiến hành việc phổ biến, loan truyền thông tin ra cho mọi người, hay nó chính là những phương tiện kỹ thuật được sử dụng để thực hiện quá trình truyền thông đại chúng hay chính là phương tiện mang thông điệp [130, tr.16].

- ***Thông điệp***

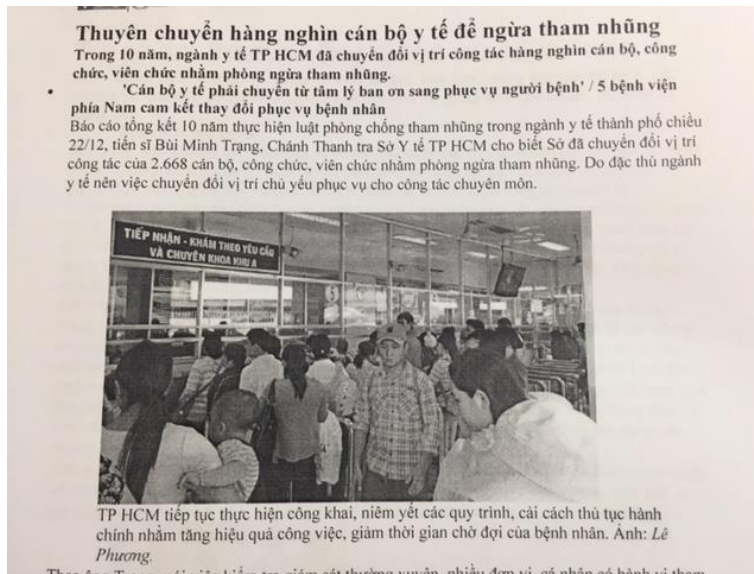
Thông điệp chính là nội dung thông tin mà những người thực hiện chiến dịch truyền thông muốn đạt tới công chúng. Thông điệp phải rõ ràng, một nghĩa, phải quan tâm tới việc kích thích lợi ích.

“Thông điệp là nội dung thông tin được trao đổi từ nguồn phát đến đối tượng tiếp nhận... Thông điệp của báo chí được thể hiện ở cấp độ khác nhau: thông điệp số báo, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; thông

điệp của tác phẩm báo chí. Tính chất đặc thù của thông điệp báo chí là nó được cấu thành từ các sự kiện và vấn đề thời sự đã và đang diễn ra. Thông điệp báo chí lại gắn liền với đặc điểm và yêu cầu của kênh chuyên tải – báo in, phát thanh, truyền hình hay báo mạng điện tử” [55, tr.25].

Nội dung thông điệp pháp luật được nghiên cứu trong luận án này là tất cả tác phẩm báo chí (tin, bài, ảnh) tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được đăng tải trên 5 báo điện tử trong thời gian khảo sát (*xem hình 1.1*).

**Hình 1.1. Thông điệp pháp luật được nghiên cứu trong luận án**



Bài “*Thuyên chuyển hàng nghìn cán bộ y tế để ngừa tham nhũng*” (*Vnexpress.net*)

- **Tiếp cận thông điệp**

Luật Tiếp cận thông tin giải thích từ ngữ: *Tiếp cận thông tin* là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin [136]. Trong luận án này, nghiên cứu sinh sử dụng thuật ngữ “Tiếp cận thông điệp” theo nghĩa là “đọc/nghe/xem” tin, bài về pháp luật trên báo điện tử.

- **Báo điện tử**

Trên thế giới và ở Việt Nam hiện đang tồn tại nhiều cách gọi khác nhau đối với loại hình báo chí mới này, như: Báo trực tuyến, báo điện tử, báo mạng, báo mạng điện tử và báo internet.

Thuật ngữ báo mạng điện tử được sử dụng chính thống trong hệ thống đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (theo mã số 06 đăng ký tuyển sinh chuyên ngành Báo mạng điện tử, từ năm 2003) tác giả Nguyễn Thị Thoa, đưa ra khái niệm:

Báo mạng điện tử là hình thức báo chí thứ tư được sinh ra từ sự kết hợp những ưu thế của báo in, báo nói, báo hình; sử dụng yếu tố công nghệ cao như một nhân tố quyết định; quy trình sản xuất và truyền tải thông tin dựa trên nền tảng mạng Internet toàn cầu. [150, tr.10].

Cùng quan điểm sử dụng “báo mạng điện tử”, tác giả Nguyễn Thị Trường Giang đưa ra khái niệm: “Báo mạng điện tử là một loại hình báo chí được xây dựng dưới hình thức của một trang web, phát hành trên mạng Internet, có ưu thế trong chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, tức thời, đa phương tiện và tương tác cao” [68, tr.67].

Ở Việt Nam, thuật ngữ “báo điện tử” lần đầu tiên được ghi rõ trong văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước từ năm 1999. Cụ thể là tại Điều 3, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999 ghi rõ: Báo chí nói trong Luật này là báo chí Việt Nam, bao gồm: báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn), báo nói (chương trình phát thanh), báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe – nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), báo điện tử (được thực hiện trên mạng thông tin máy tính) bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài.

Mới nhất, Luật Báo chí (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 5/4/2016, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Quy định tại khoản 5, Điều 4 Luật Báo chí như sau: “Báo chí điện tử là loại hình báo chí sử dụng chữ

viết, hình ảnh, âm thanh được truyền dẫn trên môi trường mạng, bao gồm báo điện tử và tạp chí điện tử”.

Theo lý giải của các nhà nghiên cứu, thuật ngữ “trực tuyến” (online) trong các từ điển tin học được dùng để chỉ trạng thái của một máy tính khi đã kết nối với mạng máy tính và sẵn sàng hoạt động. Hiện nay, thuật ngữ này đang được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực truyền thông nhằm chỉ các khái niệm có cùng đặc tính như: “xuất bản trực tuyến”, “phương tiện truyền thông trực tuyến”, “nhà báo trực tuyến”, “phát thanh trực tuyến”, “truyền hình trực tuyến”... Báo mạng là một cách gọi tắt của báo mạng Internet. Tuy nhiên, cách gọi này gắn với tin học nhiều hơn và chưa được Việt hóa.

Về tên gọi “báo mạng điện tử”, tác giả Nguyễn Thị Trường Giang cho rằng: Tên gọi này thỏa mãn được các yếu tố: Việt hóa, đặc trưng khu biệt của loại hình báo chí mới, khắc phục được sự “thiếu” về nghĩa, sự máy móc của từ ngoại lai...

Đồng tình với cách lý giải của tác giả Nguyễn Thị Trường Giang, nhưng theo nghiên cứu sinh, có thể bỏ bớt từ “mạng” trong cụm từ “báo mạng điện tử”. Việc bỏ bớt một từ mà người sử dụng vẫn hiểu đó là một loại hình báo chí mới (không phải là báo in, báo nói, báo hình) gắn kết với môi trường mạng internet thì đó là việc nên làm.

Về thuật ngữ “Báo chí điện tử” được ghi trong Luật Báo chí năm 2016, nghiên cứu sinh cho rằng, thuật ngữ này vẫn chưa bao quát được đầy đủ tính đa phương tiện của loại hình báo điện tử. Bởi lẽ, thực tế cho thấy, hiện nay báo chí điện tử không chỉ “*sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh*”, mà còn sử dụng *đồ họa* để đặc tả về một sự kiện, một vấn đề nào đó, nhằm thông tin một cách cụ thể, dễ hiểu, dễ xem hơn cho công chúng báo chí.

Theo đó, tác giả lựa chọn thuật ngữ “báo điện tử” để nghiên cứu trong luận án này và “báo điện tử” được hiểu như sau:

*Báo điện tử là một loại hình báo chí đa phương tiện – sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, đồ họa được truyền dẫn trên môi trường mạng để thực*



*hiện chức năng báo chí. Báo điện tử được xuất bản bởi tòa soạn điện tử, còn người sử dụng báo điện tử dựa trên máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng... có kết nối internet.*

- **Pháp luật**

Theo Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa, “Pháp luật là quy tắc, hành vi của công dân do nhà nước quy định, ban hành, buộc phải tuân theo, không được trái phạm: Làm đúng với pháp luật, làm trái pháp luật sẽ bị trừng trị theo luật định” [173, tr.1242].

Ở góc độ chuyên ngành, Từ điển luật học do Nhà xuất bản Tư pháp phối hợp với Nhà xuất bản Từ điển bách khoa giới thiệu, “*Pháp luật* là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, phục vụ và bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp dân cư trong xã hội” [168, tr.606].

Tác giả đồng tình với định nghĩa *pháp luật* trong Từ điển luật học, đồng thời cho rằng, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến pháp luật, tuyên truyền pháp luật đòi hỏi cần hiểu thêm về các thuật ngữ, khái niệm đi kèm, như: *Hệ thống pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, tuân thủ pháp luật.*

- **Hệ thống pháp luật**

Là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng và mục đích của pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được phân định thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, tại Điều 4 quy định Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

- Hiến pháp.
- Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.

- Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- ***Văn bản quy phạm pháp luật***

Tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này. Văn bản có chứa quy phạm, pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- ***Tuân thủ pháp luật*** là việc thực hiện pháp luật mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức kiểm chế không thực hiện các hoạt động mà pháp luật ngăn cấm. Ở hình thức này chỉ đòi hỏi con người tự kiểm chế mình thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm. Chủ thể tuân thủ pháp luật là mọi cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân, cán bộ, công chức... mọi công dân [83, tr.113].

- ***Tuyên truyền pháp luật***

“*Tuyên truyền*” là giải thích rộng rãi để thuyết phục, vận động mọi người làm theo: tuyên truyền đường lối chính sách, tuyên truyền chống tệ nạn xã hội” [173, tr.1700]; “Tuyên truyền là hoạt động nhằm truyền bá những tư tưởng, quan điểm cơ bản của hệ tư tưởng chính thống của chế độ xã hội tới quần chúng để hình thành bức tranh về thế giới và lịch sử vận động của xã hội” [140, tr.80]. Tuyên truyền là “đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó là tuyên truyền thất bại”[85, tr.162]...

Như vậy, cho đến nay trong nhiều tài liệu, các nhà nghiên cứu cũng chưa có sự thống nhất ở mức cao khi đưa ra khái niệm *tuyên truyền*.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án này, *tuyên truyền pháp luật* được hiểu là: *Hoạt động thông tin về những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hoạt động đó nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của cán bộ, đảng viên.*

- ***Cán bộ, đảng viên***

“Cán bộ là người làm việc trong cơ quan nhà nước; người giữ chức vụ, phân biệt với người bình thường, không giữ chức vụ trong các cơ quan, tổ chức nhà nước” [173, tr.185].

Luật cán bộ, công chức quy định tại Điều 4: Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Cán bộ xã, phường, thị trấn là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với khái niệm đảng viên, theo Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa, “Đảng viên là thành viên của một chính đảng” [173, tr.470]. Đảng viên được nói tới trong luận án là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19/1/2011), có riêng Chương 1. quy định về “Đảng viên”. Tại Điều 1 của Điều lệ ghi rõ:

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng

viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chúng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét đề kết nạp vào Đảng.

Ngoài các quy định trong Điều lệ đảng, pháp luật của nhà nước nói chung, khi CBDV làm việc trong các cơ quan chỉ đạo, định hướng báo chí (ngành Tuyên giáo), các cơ quan quản lý Nhà nước (ngành Thông tin và Truyền thông); các cơ quan báo chí, thì nhà báo (nếu là CBDV) còn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Báo chí. Hoặc, CBDV trong lực lượng vũ trang còn phải chấp hành các quy định của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân...

Trong Luật Báo chí quy định, Nhà báo có những nghĩa vụ: Thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; phản ánh ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân; bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát hiện, bảo vệ nhân tố tích cực; đấu tranh phòng, chống các tư tưởng, hành vi sai phạm. Theo đó, nếu Nhà báo là CBDV cũng phải có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Luật Báo chí và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Như vậy, nhóm khách thể nghiên cứu trong luận án này là CBDV. Tác giả sẽ sử dụng khái niệm “cán bộ” được quy định trong Luật cán bộ, công chức và “đảng viên” trong Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để tiến hành lựa chọn mẫu nghiên cứu trong luận án.

- ***Tuyên truyền pháp luật***

Ở góc độ nghiên cứu luận án, tác giả chỉ tập trung làm rõ khái niệm *tuyên truyền pháp luật* cho đối tượng công chúng là CBDV. Theo đó, tác giả sử dụng thuật ngữ *tuyên truyền pháp luật* theo ý nghĩa sau:

*Tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử là việc báo điện tử thực hiện chức năng thông tin về pháp luật, nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận*

*thông tin của CBDV, góp phần nâng cao nhận thức và từng bước thay đổi thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV.*

- ***Nhận thức***

Là “nhớ được các thông điệp; Hiểu ý nghĩa của thông điệp và liệt kê, kể ra được nội dung cơ bản của thông điệp”[81, tr.28]. Nghiên cứu sinh sử dụng khái niệm này trong luận án, với nội hàm cụ thể là: mức độ hiểu biết, nhớ thông điệp pháp luật của cán bộ, đảng viên sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử. Pháp luật ở trong luận án này đề cập đến ba lĩnh vực là: pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- ***Thái độ***

“Thái độ là mặt biểu hiện bề ngoài ý nghĩa, tình cảm đối với ai hay việc gì, thông qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động; là ý thức, cách nhìn nhận, đánh giá và hành động theo một hướng nào trước sự việc, vấn đề gì: xác định thái độ học tập đúng đắn”[173, tr.1457]. Trong luận án này, tác giả sử dụng khái niệm “thái độ” theo nghĩa là: Đánh giá về mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật. Đồng thời, đưa ra được những suy nghĩ, đánh giá của CBDV sau khi tiếp cận (đọc/nghe/xem) thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Và, nêu được lý do thích, hoặc không thích của đối tượng khảo sát đối với các tin, bài tuyên truyền pháp luật trên các báo điện tử.

- ***Hành vi***

“Hành vi là cách ứng xử trong một hoàn cảnh nhất định được biểu hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành động nhất định: hành vi tốt đẹp – hành vi thô bạo – có hành vi phạm pháp”[173, tr.676]. Theo đó, “hành vi” trong luận án này được tác giả nghiên cứu theo các nội dung sau: CBDV có phản hồi, tương tác trao đổi trực tuyến khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử? CBDV có trao đổi thông tin với chủ thể khác thì hình thức trao đổi là gì? CBDV có tải văn bản pháp luật trên báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác, hoặc là làm tư

liệu để tuyên truyền pháp luật cho người khác? Và, CBDV có làm theo các quy định của pháp luật được đăng tải trên báo điện tử?

- ***Hiệu quả tuyên truyền pháp luật***

Ở góc độ nghiên cứu luận án, mức độ và kết quả thực hiện chức năng *tuyên truyền pháp luật* sẽ nhẹ hơn chức năng *giáo dục pháp luật*. Do đó, hiệu quả “đầu ra” nhằm thay đổi hành vi của công chúng của mức độ *tuyên truyền pháp luật* sẽ khác mức độ *giáo dục pháp luật*.

Theo đó, có thể nhìn nhận “hiệu quả tuyên truyền pháp luật” cho CBDV trên báo điện tử là *việc vận dụng thế mạnh, phương thức hoạt động của báo điện tử, giúp cho nó thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức và từng bước thay đổi thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật*.

### **1.1.2. Đặc điểm của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật**

Cơ sở lý luận báo chí cho rằng: có 8 đặc điểm của báo chí hiện đại, đó là: Tính thời sự của thông tin báo chí; Tính công khai của thông tin báo chí; Tính mục đích của thông tin báo chí; Tính định kỳ, đều đặn của thông tin báo chí; Tính phong phú, đa dạng của thông tin báo chí; Tính dễ hiểu, dễ nhớ và dễ làm theo; Tính tương tác; Tính đa phương tiện [55, tr.163-180].

Bên cạnh việc có một số đặc điểm của báo chí hiện đại, báo điện tử có những đặc điểm riêng biệt, nổi trội. Trong đó, tính định kỳ, đều đặn của thông tin trên báo điện tử không tồn tại, bởi thông tin trên báo điện tử là thông tin được cập nhật liên tục trong ngày. Có nhiều sự kiện được tường thuật trực tiếp ví dụ như khi xảy ra thiên tai bão lụt, hỏa hoạn, hay tường thuật tại hiện trường một vụ vi phạm pháp luật – vụ giải cứu con tin bị bắt cóc...

Báo điện tử với những thế mạnh vượt trội về khả năng thông tin tức thời, đa phương tiện – cùng một lúc truyền tải chữ viết, hình ảnh, âm thanh; tính tương tác cao; khả năng lưu trữ lớn và siêu liên kết, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu tiếp cận thông tin của công chúng.

Xuất phát từ đặc thù về loại hình phương tiện, có thể có cách đặt tên khác nhau, nhưng về cơ bản nhiều ý kiến đồng tình với TS. Nguyễn Thị Trường Giang – tác giả cuốn sách “Báo mạng điện tử - Những vấn đề cơ bản”. Theo đó, báo điện tử có bốn đặc điểm cơ bản, đó là: (1) Khả năng đa phương tiện; (2), tính tức thời, phi định kỳ; (3) tính tương tác. (4), khả năng lưu trữ và tìm kiếm thông tin.

Tác giả luận án cho rằng, 4 đặc điểm cơ bản nêu trên cũng là 4 đặc điểm của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật.

#### **1.1.2.1. Tuyên truyền pháp luật bằng đa phương tiện**

Khả năng đa phương tiện của báo điện tử thể hiện ở sự chuyển tải thông tin, sự kết hợp bởi các thành tố như: văn bản; truyền hình/video; phát thanh/âm thanh/audio; hình ảnh/góc ảnh/phóng sự ảnh; đồ họa/graphic, số hóa và tệp văn bản, tài liệu và các chương trình tương tác, giao lưu trực tuyến.

Trên một báo điện tử, văn bản (text) là thành phần quan trọng không thể thiếu và thường chiếm dung lượng lớn hơn so với các thành tố khác. Văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng, cụ thể và trong nhiều trường hợp là thành tố dẫn dắt, khâu nối các thành phần của báo điện tử. Ví dụ, trên trang chủ của một báo điện tử, bài báo chủ đạo (thường được gọi là “bài đỉnh”) dưới mǎng-séc là bài quan trọng nhất. Trong bài báo này, sau phần mào đầu, có chữ liên kết “xem video”, hoặc “video”, hoặc là ký hiệu biểu tượng một máy quay phim (khi liên kết với một clip truyền hình internet), biểu tượng máy ảnh (khi liên kết với chùm ảnh).

“Mào đầu chứa đựng cái chính yếu của tin: cái mới nhất, có ý nghĩa nhất, hấp dẫn nhất. Mào đầu nhằm dẫn dắt độc giả vào điểm mấu chốt, quan trọng của sự kiện bằng cách mô tả hay đưa vào một lời trích dẫn có ý nghĩa, một chi tiết kích thích tính hiếu kỳ”[68, tr.89].

Hiện nay theo công nghệ mới, ngay dưới mǎng-séc báo điện tử có từ 5 đến 10 tin bài thời sự quan trọng được lật đi, lật lại để làm phong phú, sinh



động hơn trang báo, giúp bạn đọc có thể lựa chọn ngay những thông tin cần quan tâm.

Qua khảo sát, cả 5 báo điện tử (vnexpress.net; dantri.com.vn; baophapluat.vn; tienphong.vn; dangcongsan.vn) đều tích hợp từ 3-4 phương tiện: văn bản; truyền hình/video/clip; phát thanh/audio; ảnh/chùm ảnh/góc ảnh/phóng sự ảnh; đồ họa/infographics.

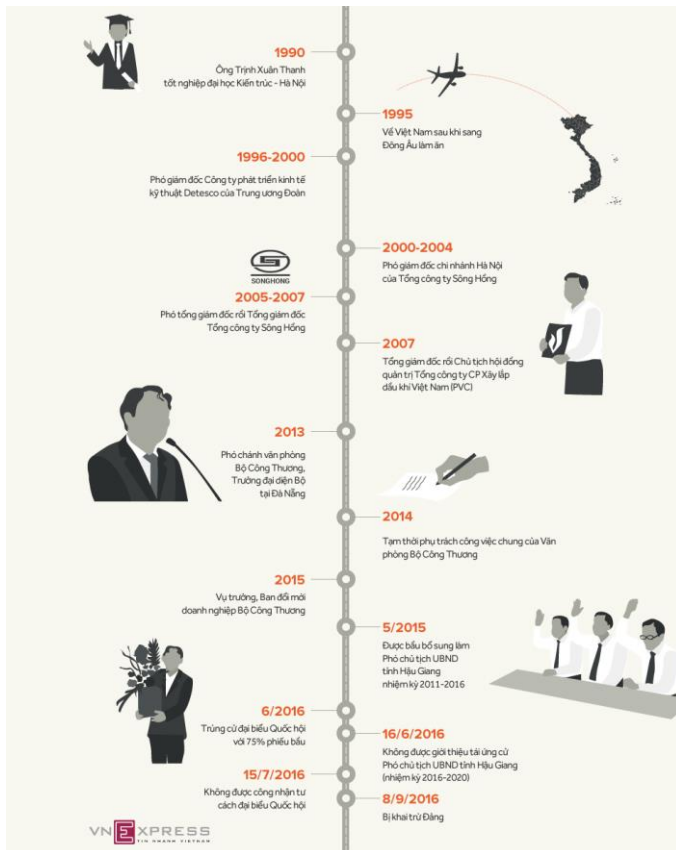
**Bảng 1.1. Tính đa phương tiện của báo điện tử**

Các báo điện tử	Văn bản	Truyền hình/video clip	Phát thanh/audio	Ảnh/chùm ảnh/góc ảnh	Đồ họa/infographics
vnexpress.net	X	X		X	X
dantri.com.vn	X	X		X	
baophapluat.vn	X	X		X	X
Tienphong.vn	X	X		X	
dangcongsan.vn	X	X	X	X	

Kết quả khảo sát, thống kê thể hiện trên Bảng 1.1 cho thấy, hầu hết các báo điện tử được khảo sát đều thiết kế theo kiểu gắn kết văn bản, ảnh/chùm ảnh, với video, tạo sự sống động, cuốn hút công chúng. Trong đó, báo điện tử dân trí sử dụng các phương tiện: Văn bản, video clip, ảnh. Báo điện tử Tiền phong sử dụng các phương tiện: Văn bản, video clip, ảnh. Báo điện tử ĐCSVN sử dụng các phương tiện: Văn bản, truyền hình internet, phát thanh/audio; góc ảnh.

Không chỉ có các phương tiện: Văn bản, truyền hình/video clip, ảnh, các báo điện tử Vnexpress và Pháp luật còn sử dụng phương tiện nữa để truyền tải thông tin, đó là đồ họa/ infographics. Việc thiết kế thêm phần mềm và sử dụng đồ họa của các báo điện tử nhằm giúp bạn đọc dễ hiểu, dễ đọc/xem, tăng tính hấp dẫn khi miêu tả về một vấn đề, sự kiện nào đó.

Đơn cử, vụ việc xảy ra trong những tháng đầu năm 2016, các báo điện tử đã đăng tải nhiều bài viết về hành vi vi phạm pháp luật của ông Trịnh Xuân Thanh, từng là cán bộ, đảng viên cao cấp, nguyên Vụ trưởng Ban đổi mới doanh nghiệp Bộ Công Thương, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang. Trong đó, Vnexpress.net đã mô tả con đường quan lộ của nguyên Phó Chủ tịch Trịnh Xuân Thanh bằng đồ họa (xem Hình 1.2).



**Hình 1.2.** ‘Quan lộ’ thăng trầm của ông Trịnh Xuân Thanh, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang (nguồn: Vnexpress.net).

“Mỗi phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, truyền hình, phát thanh, báo điện tử ... đều có những thế mạnh riêng, song không ai có thể phủ nhận được vai trò của internet nói chung và báo điện tử nói riêng bởi nó cung cấp lượng thông tin khổng lồ, nhanh nhất, hiệu quả nhất và tác động lớn đến đời sống xã hội. Có được điều đó là do tính truyền thông đa phương tiện mà các loại hình báo chí khác không làm được” [130; tr 448).

### ***1.1.2.2. Tính cập nhật, phi định kỳ khi tuyên truyền pháp luật***

Thông tin trên báo điện tử phá vỡ tính định kỳ thường có của các loại hình báo chí khác. Thông tin trên báo điện tử không bị phụ thuộc bởi không gian, thời gian, chỉ cần các điều kiện như máy tính/ipad, điện thoại thông minh có kết nối Internet thì người dùng có thể cập nhật được vô vàn thông tin đang diễn ra ở trong nước và trên thế giới.

Có thể khẳng định, về khả năng cập nhật thông tin, báo điện tử hơn hẳn báo in. Bởi lẽ, báo in mang tính định kỳ cao, thông tin trên báo in được bó hẹp bởi dung lượng hạn chế, thời gian phát hành cố định, có thể phát hành hàng ngày (nhật báo), tuần báo... Báo nói, báo hình cập nhật thông tin nhanh hơn, có tính lan tỏa, có thể phát thanh, truyền hình trực tiếp sự kiện đang diễn ra, song đòi hỏi, yêu cầu công tác chuẩn bị phải tỉ mỉ với kịch bản chi tiết, chiếm nhiều nhân lực, với nhiều trang thiết bị kỹ thuật cồng kềnh, tốn kém. Thay vì những điều kiện cả về nhân lực, kỹ thuật, tài chính, báo điện tử không tốn nhiều công tác chuẩn bị, không bị áp lực bởi khâu in ấn, phát hành, mà vẫn chuyển tải được thông tin bạn đọc cần quan tâm về một vấn đề, sự kiện nào đó.

### ***1.1.2.3. Khả năng truyền tải thông tin pháp luật không hạn chế, lưu trữ lớn và tìm kiếm thông tin đa dạng***

Báo điện tử không hạn chế số trang, không bị gò ép bởi thời lượng phát sóng. Nội dung thông tin trên báo điện tử có thể phát triển không giới hạn nhờ thiết lập các siêu liên kết – hyperlink. Các siêu liên kết tổ chức thông tin thành từng lớp, tạo mối quan hệ giữa thông tin mới nhất với các thông tin tham chiếu, bổ sung trong cùng một chủ đề, theo thời gian tuyến tính. Ví dụ, ở trang chủ, đầu đề (tít) chính của bài được đăng tải, kèm theo ảnh đại diện và đoạn văn mở đầu, có tiêu đề phụ được liên kết (link) với một hoặc nhiều tít bài. Trong từng liên kết thành phần lại có các nội dung thông tin liên quan trên từng góc độ cụ thể. Ví dụ, xung quanh vụ án Dương Chí Dũng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines)

cùng các đồng phạm có hành vi tham ô hàng chục tỉ đồng ở Vinalines, các báo điện tử thông tin thành nhiều tuyến tin, bài trải qua các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; cùng các thông tin liên quan đến nhân thân, tài sản, các mối quan hệ, hoặc những vi phạm của bản thân từng đối tượng khi bị khởi tố, bắt tạm giam...

Cứ thế, báo điện tử “kéo” bạn đọc vào tầng tầng, nấc nấc thông tin, có thông tin chủ đạo, thông tin đối sánh, tham chiếu; thông tin đa dạng, nhiều chiều. Siêu liên kết xuất hiện ở nhiều chuyên trang, chuyên mục, tiểu mục, thậm chí chỉ trong một chủ đề, hay một vấn đề mà báo điện tử tổ chức xác minh, điều tra viết bài và công bố thông tin.

Đơn cử, vụ việc nổi cộm ở TP Hà Nội, liên quan đến vụ thi hành án số nhà 194 Phố Huế, báo điện tử Dân trí đã thực hiện đến 65 bài báo (từ Bài 1. Hà Nội : *Ý kiến luật sư xung quanh vụ cưỡng chế ngôi nhà 194 phố Huế*, xuất bản ngày 14/7/2011 đến bài 65. Hà Nội: *Quá thời hạn kháng nghị bản án 30 tháng tù treo vụ 194 phố Huế*, xuất bản ngày 12/9/2014). Trong 65 bài báo đã phản ánh một cách toàn diện, đa chiều về nội dung của vụ án, trong đó có các ý kiến của Luật sư, ý kiến của người trong cuộc, bị hại, nhân chứng; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân- cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; quan điểm của hai cấp xét xử của tòa án (sơ thẩm, phúc thẩm); ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp của TP Hà Nội; quan điểm của các cơ quan dân cử (Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân); thông báo ý kiến của lãnh đạo của các cơ quan Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ...

Tóm lại, bằng việc thiết lập các siêu liên kết, báo điện tử đã dẫn dắt người đọc vào một “rừng” thông tin; trở thành kho tư liệu lớn, giúp bạn đọc dễ dàng tìm kiếm, tiếp cận thông tin và bình luận về thông tin theo nhận thức riêng của mình. Nhờ siêu liên kết, lưu trữ thông tin lâu dài và có hệ thống giúp cho công chúng báo chí có thể tra cứu dữ liệu của báo điện tử một cách nhanh chóng, lợi thế hơn hẳn so với các loại hình báo chí khác.

Báo điện tử là kênh truyền thông sinh động, hấp dẫn, có thể cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của mỗi người, theo địa chỉ thông qua đơn đặt hàng, từ việc học trực tuyến, nghiên cứu khoa học, đến tư vấn tình cảm... “Khả năng này cho phép tạo ra nhiều tầng, nhiều lớp thông tin không giới hạn – một siêu thị thông tin đa dạng, phong phú và sinh động” [55, tr.123].

#### ***1.1.2.4. Tính tương tác đa chiều trong tuyên truyền pháp luật***

Báo điện tử có tính tương tác đa chiều, nổi trội hơn so với các loại hình khác, thể hiện rõ tính đại chúng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ thông tin của công chúng. Sự tương tác giữa tòa soạn và công chúng qua kênh thông tin phản hồi là một yếu tố quan trọng đánh giá tính hiệu quả của truyền thông, đồng thời tạo ra cơ sở để tòa soạn cung cấp những luồng thông tin theo nhu cầu của bạn đọc, có sự điều chỉnh nội dung thông tin và cung cấp thông tin mà “bạn đọc cần”, chứ không phải những thông tin mà báo điện tử có.

Nắm bắt được những đặc điểm nổi trội và thế mạnh của mình, nhiều tờ báo điện tử đã đổi mới phương thức công bố tác phẩm báo chí, đẩy mạnh khai thác tính tương tác, thu hút bạn đọc vào trang báo của mình để cùng tham gia xuất bản tin, bài. Cụ thể là, ngay dưới các tin, bài đã được công bố, các báo điện tử vnexpress, dantri, baophapluat, tienphong, dangcongsan đều để thiết lập các công cụ để tiếp nhận ý kiến phản hồi, bình luận (comment) của bạn đọc, hoặc đặt các nút thích (like) cho bạn đọc bày tỏ cảm xúc, hay đề xuất công khai trên các mạng xã hội google, facebook...

Với các đặc điểm nổi trội (đa phương tiện: tức thời, phi định kỳ; khả năng lưu trữ thông tin không hạn chế, lưu trữ lớn, tìm kiếm thông tin đa dạng; tương tác cao) là những lý do để công chúng báo chí thích đọc báo điện tử.

### **1.1.3. Các loại hình tuyên truyền pháp luật và vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật**

#### ***1.1.3.1. So sánh các loại hình tuyên truyền pháp luật***

Có rất nhiều hình thức tuyên truyền pháp luật cho CBDV, trong đó có: Tuyên truyền miệng; Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở;

Tuyên truyền thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động; Tuyên truyền thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật; Tuyên truyền thông qua hoạt động xét xử của tòa án. Và, tuyên truyền pháp luật thông qua báo chí.

Trong chuyên đề này, tác giả phân tích khái quát một số hình thức tuyên truyền pháp luật với những điểm mạnh và hạn chế sau:

- Tuyên truyền miệng về pháp luật là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp với người nghe về lĩnh vực pháp luật, trong đó chủ yếu là giới thiệu các quy định của pháp luật, nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghe, hướng người nghe hành động theo các chuẩn mực pháp luật.

Thuận lợi của tuyên truyền miệng là có thể tổ chức dưới dạng hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền cá biệt. Đối tượng của tuyên truyền miệng đủ các thành phần: cán bộ, đảng viên, công nhân, nông dân, thanh thiếu niên... Tuy nhiên, hiệu quả thu được phụ thuộc nhiều vào trình độ, năng lực truyền đạt của báo cáo viên (trong việc biên soạn tài liệu, đề cương và kỹ năng truyền đạt). Cùng với đó là khó khăn về địa điểm, hội trường, các điều kiện vật chất bảo đảm cho đối tượng đến nghe thông tin về pháp luật.

- Tuyên truyền pháp luật thông qua mạng lưới truyền thanh cơ sở có một số lợi thế: Gần gũi, thân thiết với người dân ở cơ sở: bởi những nội dung pháp luật được phát thanh trên mạng lưới truyền thanh cơ sở là những quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống hàng ngày của người dân ở cơ sở, phản ánh những sự việc có thật tại cơ sở, cùng với thắc mắc của người dân về chính sách, pháp luật. Hình thức tuyên truyền này có thể được phát thanh nhiều lần trong ngày, tiết kiệm được thời gian, công sức, kinh phí vì không phải tập trung người dân tại một địa điểm để phổ biến pháp luật. Song, hình thức tuyên truyền này có hạn chế là thông tin nghe nhiều khi “câu được, câu chẳng”, không có tính lưu trữ, không được đón nhận ở các đô thị lớn, không tiếp nhận được sự phản hồi kịp thời của người nghe. Và, hiện nay hình

thức tuyên truyền qua mạng lưới truyền thanh cơ sở chỉ còn tồn tại nhiều ở vùng nông thôn, miền núi.

Đơn cử, trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, từ đầu tháng 8/2017, các cụm loa phường tại địa bàn 4 quận cũ (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng) dùng phát thông tin hàng ngày, chỉ phát nội dung thông báo các trường hợp khẩn cấp (phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống dịch bệnh...) hoặc theo yêu cầu của Trung ương và Thành phố. Trước đó, ngày 9/1/2017, tại Hội nghị của Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội, Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Đức Chung đã giao cho sở này đánh giá kết quả, tác dụng của việc dùng loa truyền thanh ở cấp phường và đề xuất “phương án sắp xếp lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Đài truyền thanh phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố”.

- Tuyên truyền pháp luật thông qua trợ giúp pháp lý lưu động. Hiện nay, Trung tâm trợ giúp pháp lý được tổ chức tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Nhiều trung tâm đã thành lập được chi nhánh, tổ, điểm, câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở cấp huyện, cấp xã. Các Trung tâm đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua hình thức nói chuyện pháp luật, giới thiệu văn bản pháp luật mới cho nhiều người, phát tờ gấp pháp luật, sách hỏi – đáp về các lĩnh vực pháp luật dân sự, hình sự, hôn nhân – gia đình, đất đai – nhà ở, pháp luật về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường... qua đó mong muốn nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân, trong đó có đối tượng là CBDV.

Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền pháp luật này cũng không đạt hiệu quả như mong muốn, nhất là khi tuyên truyền, trợ giúp pháp lý ở vùng sâu, vùng xa, người dân phải đi nửa ngày trời mới đến được địa điểm tập trung để nghe pháp luật, không ít nơi đồng bào dân tộc còn không biết chữ, nên việc đến Trung tâm nhận tờ gấp pháp luật để đọc là rất khó khăn và không khả thi.

#### ***1.1.3.2. Vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật***

Mỗi phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, truyền hình, phát thanh, báo điện tử ... đều có những thế mạnh riêng, song không ai có

thể phủ nhận được vai trò của internet nói chung và báo điện tử nói riêng bởi nó cung cấp lượng thông tin khổng lồ, nhanh nhất, hiệu quả nhất và tác động lớn đến đời sống xã hội. Có được điều đó là do tính truyền thông đa phương tiện mà các loại hình báo chí khác không làm được [130, tr.448].

Giờ đây báo mạng điện tử có thể đảm đương nhiệm vụ của cả phát thanh, truyền hình lẫn báo in một cách dễ dàng. Bản thân nó mang trong mình sức mạnh của phương tiện truyền thông đại chúng, cùng kết hợp với mạng máy tính nên có nhiều ưu điểm vượt trội, trở thành kênh truyền thông vô cùng hiệu quả, đặt các phương tiện truyền thông đại chúng khác vào một cuộc đua quyết liệt [68, tr.5].

Đánh giá về tuyên truyền pháp luật qua báo chí, Bộ Tư pháp, với trách nhiệm là cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương khẳng định:

“Với chức năng là phương tiện thông tin đại chúng, báo chí Việt Nam đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong đó có nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Với đặc tính cơ bản của báo chí là tính phổ cập, nhanh chóng, kịp thời và rộng khắp, trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, báo chí đóng vai trò quan trọng, là công cụ, phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật đến với cán bộ, nhân dân, giúp cho đông đảo cán bộ, nhân dân dễ dàng tiếp thu, nắm bắt, tìm hiểu, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật. Báo chí góp phần phản ánh thực tiễn thi hành pháp luật và hướng dẫn dư luận xã hội ủng hộ, biểu dương người tốt việc tốt trong chấp hành pháp luật, lên án, phê phán những biểu hiện tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội, tạo niềm tin vào pháp luật, vào công lý trong mọi tầng lớp nhân dân. Trong công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, báo chí còn đóng vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Bên cạnh việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân, báo chí còn là diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân. Báo chí



phản ánh những đề xuất, kiến nghị của người dân với Đảng, Nhà nước về các chính sách, các quy định pháp luật chưa thật phù hợp, về những bất cập, những vướng mắc, bức xúc trong thực tiễn thi hành, chấp hành pháp luật” [30, tr.28-29].

Tác giả luận án đồng tình với đánh giá của Bộ Tư pháp về vai trò, chức năng, thế mạnh của báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) trong việc tuyên truyền pháp luật.

Với các đặc điểm nổi trội của báo điện tử như phân tích ở phần trên (đa phương tiện: tức thời, phi định kỳ; khả năng truyền tải thông tin không hạn chế, lưu trữ lớn, tìm kiếm thông tin đa dạng; tương tác cao) có thể khẳng định, báo điện tử có thế mạnh nhất trong việc cập nhật và truyền tải thông tin, trong đó có thông tin pháp luật. “Đây là loại hình báo chí có năng lực hàng đầu trong việc xã hội hóa các sự kiện và vấn đề thời sự nhanh chóng, rộng khắp và phong phú sinh động nhất” [55, tr.123].

Báo điện tử có thể đồng thời tích hợp các hình thức tuyên truyền pháp luật truyền thống nhờ tính đa phương tiện (chữ viết, phát thanh, truyền hình, ảnh...). Báo điện tử có thể cùng một lúc mở ra nhiều chuyên trang, chuyên mục: Tư vấn pháp luật, Trợ giúp pháp lý, Hỏi – Đáp pháp luật... để phối hợp với các chuyên gia pháp luật, các luật sư tư vấn pháp luật trực tuyến cho đông đảo công chúng. Báo điện tử có thể phối hợp với các cơ quan tư pháp, Tòa án tổ chức phát thanh, truyền hình internet trực tiếp các phiên tòa xét xử các tội phạm tham nhũng, tiêu cực. Báo điện tử có thể tuyên truyền pháp luật bằng lồng ghép các nội dung tác phẩm báo chí, văn học – nghệ thuật, tổ chức các sự kiện lớn, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Hiến pháp, pháp luật (Luật phòng, chống tham nhũng; Luật đất đai; Luật an toàn giao thông đường bộ; Luật Báo chí...).

Báo điện tử với khả năng thông tin không hạn chế, lưu trữ lớn đã đăng tải hàng ngàn văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có cuốn văn bản quy phạm pháp luật về Tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước nước Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB Tư pháp có dung lượng 2.339 trang. Đơn cử, riêng chuyên mục *Văn bản quy phạm pháp luật* của báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 2014 đến nay đã cập nhật toàn văn trên 1.200 văn bản quy phạm pháp luật, từ Hiến pháp đến thông tư của các bộ, ngành...

Báo điện tử dễ dàng giao lưu trực tuyến với các cơ quan xây dựng pháp luật, cơ quan thực thi pháp luật; đồng thời dễ dàng thăm dò dư luận, biểu quyết, thống kê và xử lý kết quả thăm dò ngay trên mặt báo về các chủ đề pháp luật. Đây là cũng là một đặc điểm thế mạnh của báo điện tử. Các vấn đề đưa ra thăm dò ý kiến bạn đọc thường là những vấn đề nóng, thiết yếu liên quan đến đời sống xã hội, ví dụ các câu hỏi được thăm dò bạn đọc như: *Bạn có đồng tình với chủ trương cho phép Cảnh sát giao thông trực tiếp thu tiền của người vi phạm? Có nên xử lý trách nhiệm hình sự các đối tượng rải đinh trên quốc lộ? Bạn thấy tình hình tham nhũng hiện nay như thế nào? Hoặc, bạn đánh giá thế nào về chủ trương cấm dạy thêm, học thêm trong nhà trường...* Kết quả của các câu hỏi thăm dò ý kiến bạn đọc được công khai, cho dù kết quả không tuyệt đối chính xác, nhưng cũng gợi mở cho các báo điện tử thực hiện các tuyến bài phóng sự, điều tra có tính thuyết phục, và cũng là kênh để tác động tới các nhà quản lý, các cơ quan chức năng thực thi tốt hơn công vụ của mình.

Trong cuộc trả lời phỏng vấn sâu của nghiên cứu sinh, TS Nguyễn Thị Thu Hà, Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương khẳng định:

“Công tác tuyên truyền pháp luật trên báo chí nói chung, trong đó có báo điện tử trong thời gian qua đã được quan tâm với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, góp phần làm cho nhân dân hiểu đúng và thực thi đúng pháp luật. Tuyên truyền qua báo chí là một kênh rất quan trọng, nó chuyển tải rất nhanh, đến được đông đảo đối tượng. Trong đó, báo điện tử chiếm ưu thế trong việc thông tin nhanh đến đối tượng vùng sâu, vùng xa và đồng bào Việt

Nam ở nước ngoài cũng như bạn bè quốc tế liên quan đến lĩnh vực mà họ quan tâm.

Riêng báo điện tử ngày càng phát huy ưu thế trong tuyên truyền pháp luật, không chỉ ở tính chất thông tin nhanh, diện phủ sóng rộng mà còn ở chỗ các báo điện tử có thể tương tác, trao đổi, khai thác thông tin của nhau một cách thuận lợi để nâng cao hiệu ứng, hiệu quả tuyên truyền” (*xem câu hỏi trong Phụ lục III*).

Với những phân tích, dẫn chứng nêu trên; với vai trò, đặc điểm nổi trội; với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; với “nguồn” công chúng sử dụng Internet vô cùng lớn, báo điện tử có đầy đủ thế mạnh để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền, trong đó có tuyên truyền về lĩnh vực pháp luật. Nói về “nguồn” sử dụng Internet, Việt Nam hiện có tổng số thuê bao điện thoại di động đạt trên 126 triệu thuê bao, tỉ lệ phủ sóng di động trên toàn quốc đạt 95%. Trên 44 triệu người sử dụng Internet trên toàn quốc [28, tr.2].

Tóm lại, Mục 1 của Chương I đã nêu được các khái niệm cơ bản sẽ được sử dụng trong luận án, cùng với việc phân tích đặc điểm, vai trò, thế mạnh của tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử; đánh giá, so sánh các hình thức tuyên truyền pháp luật cho công. Trong đó nêu lên những mặt mạnh, hạn chế trong: Tuyên truyền miệng; Tuyên truyền pháp luật thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động; Tuyên truyền thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật; Tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động xét xử của tòa án. Đặc biệt, tác giả đã phân tích đặc điểm, vai trò và khẳng định thế mạnh của báo điện tử so với các loại hình báo chí khác trong việc tuyên truyền pháp luật cho CBĐV.

## **1.2. Cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên**

### **1.2.1. Cơ sở khoa học và định hướng của Đảng về việc tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử**

“C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin không những là những nhà tư tưởng vĩ đại của nhân loại, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản thế giới mà còn

là người đặt nền móng lý luận cho báo chí cách mạng”. Khi bàn về tính nhân dân của báo chí và Luật Báo chí, C.Mác, Ph.Ăngghen viết: “...Báo chí là tiếng nói dũng cảm của tinh thần nhân dân mang tính chất lịch sử, là hình tượng công khai của nó”; “Báo chí sống trong nhân dân và trung thực chia sẻ với nhân dân niềm hy vọng và sự lo lắng của họ, tình yêu và lòng căm thù của họ, nỗi vui và nỗi buồn của họ”; “Luật Báo chí là sự thừa nhận tự do báo chí về mặt luật pháp. Nó là biểu hiện của pháp quyền, bởi vì nó là sự tồn tại khẳng định của tự do”; “Báo chí tự do – đó là con mắt sáng suốt của tinh thần nhân dân, là hiện thân sự tin cậy của nhân dân đối với bản thân mình, là những dây liên hệ biết nói, gắn liền các cá nhân với nhà nước và với toàn thế giới” [103, tr. 7-24].

Bàn về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí vô sản, V.I.Lênin viết: “Tờ báo không chỉ là người tuyên truyền tập thể và người cổ động tập thể, mà lại còn là người tổ chức tập thể nữa”. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và kế thừa sáng tạo những tư tưởng vĩ đại của các bậc tiền bối, ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, khi còn đang hoạt động ở nước ngoài, Người đã sử dụng báo chí để tuyên truyền, vận động cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng”; “Các báo chí phải khuyến khích những người tốt, việc tốt và thẳng thắn phê bình những điều xấu như: lười biếng, tham ô, lãng phí, quan liêu. Đó là việc rất cần thiết” [103, tr.120-121].

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn sử dụng báo chí như một vũ khí để làm công tác tư tưởng. Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết để lãnh đạo, quản lý báo chí, nhằm tạo điều kiện cho báo chí phát triển, đồng thời chỉ đạo định hướng báo chí tham gia tích cực vào công cuộc chống tiêu cực, tham nhũng.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí trong việc thực hiện chức năng tuyên truyền về chống tiêu cực, tham nhũng, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Báo chí phải có tính chiến đấu cao, động viên,

cổ vũ toàn dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chống sự chệch hướng, phê phán kịp thời các quan điểm sai trái, đấu tranh kiên quyết chống tham nhũng, buôn lậu”.

Cơ sở định hướng của Đảng về tuyên truyền pháp luật trên báo chí cần phải kể đến Chỉ thị 32-CT/TW ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*. Chỉ thị nêu rõ: “Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về pháp luật với hình thức phong phú, sinh động; tăng thời lượng nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng tiếng Việt và tiếng các dân tộc thiểu số”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về *công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới* đã nêu rõ: “Báo chí phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ công tác tư tưởng, tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới. coi trọng đúng mức việc phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh, góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội...”.

Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 23/12/2013 của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet đã nhấn mạnh: “Xây dựng hệ thống pháp lý đầy đủ để quản lý tốt báo chí điện tử... Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước đối với báo chí điện tử; Bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet phát triển lành mạnh, tích cực”.

Ở góc độ nghiên cứu lý luận báo chí, các nhà khoa học đã khẳng định: Báo chí là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu trong đời sống chính trị - xã hội. “Báo chí là công cụ lôi kéo, tập hợp lực lượng chính trị có hiệu quả nhất, là một trong những công cụ và phương thức nâng cao dân trí hiệu quả nhất... Báo chí trực tiếp tuyên truyền quan điểm tư tưởng mà cơ quan báo chí đại diện. Đối với báo chí Việt Nam, đó là tuyên truyền đường lối của Đảng Cộng sản và pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Bao gồm tuyên truyền nội dung quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành, thực hiện chúng trong thực tế” [55, tr.77-78].

Cơ sở lý luận báo chí cho rằng: “Một trong những điều cần thiết là người làm báo phải hiểu khía cạnh luật pháp trong tất cả những lĩnh vực được đề cập đến trong hoạt động nghiệp vụ. Đặc biệt phải hiểu chính xác những quy định có liên quan đến bí mật Nhà nước ở bất cứ đề tài nào – dù trên phạm vi rộng hay hẹp... Vấn đề luật pháp luôn luôn gắn với mọi hoạt động nghiệp vụ của người làm báo. Đó là thực tiễn của hoạt động báo chí trên thế giới cũng như ở nước ta” [147, tr.145].

Qua phân tích nêu trên cho thấy có cơ sở khoa học và những định hướng lớn của Đảng đặt ra đối với báo chí (trong đó có báo điện tử) phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

### **1.2.2. Cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử**

Để phát huy vai trò của báo chí trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 28/12/1989, Quốc hội thông qua Luật báo chí (luật này thay thế Luật quy định chế độ báo chí năm 1957). Tiếp đó, tháng 6/1999, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1989. Điều 3 của Luật Báo chí được sửa đổi, bổ sung năm 1999 đã bổ sung thêm

loại hình báo chí mới – Báo điện tử (được thực hiện trên mạng thông tin máy tính).

Tiếp đến, ngày 5/4/2016, Quốc hội đã ban hành Luật Báo chí, với 6 chương, 61 điều. Trong đó, tại khoản 6 Điều 3 của Luật quy định: “*Báo điện tử* là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được truyền dẫn trên môi trường mạng, gồm báo điện tử và tạp chí điện tử”. Luật Báo chí mới có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017 (Luật này thay thế Luật báo chí năm 1989 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 12/1999/QH10).

Điều 3 Luật báo chí nêu rõ: *Báo chí* là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.

Tại Điều 6, Luật Báo chí quy định: Báo chí có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân; Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác...

Trước đó, năm 2012, Quốc hội ban hành *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật* nhằm quy định quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và các điều kiện bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Luật này quy

định rõ hình thức đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử và phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về 3 lĩnh vực pháp luật được tác giả khảo sát, nghiên cứu trong luận án cũng có những quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm của báo chí. Cụ thể:

+ *Luật phòng, chống tham nhũng* được Quốc hội ban hành năm 2005 cũng quy định rõ quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức. Trong luật ghi rõ: "...cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật".

+ *Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* được Quốc hội thông qua năm 2013 (Luật số 44/2013/QH13, ngày 26/11/2013. Luật này thay thế Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005). Điều 9, Luật ghi rõ: Thông tin phát hiện lãng phí bao gồm: "Tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng;... Cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, phản ánh hành vi lãng phí".

Ngoài ra, nếu một cơ quan báo điện tử muốn hoạt động, phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động, (cụ thể là do Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí cấp giấy phép). Cùng với đó là việc Nhà nước ban hành chính sách quản lý báo chí, trong đó có báo điện tử. Ví dụ, Quốc hội ban hành Luật báo chí, trong đó quy định về tổ chức và hoạt động báo chí; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động báo chí; quản lý nhà nước về báo chí.

Điều này được hiểu là báo điện tử hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Pháp luật quy định thể thức thành lập, đăng ký, đăng ký lại, chấm dứt hoặc đình bản hoạt động của cơ quan báo điện tử. Báo điện tử cùng với các loại hình báo chí khác có nghĩa vụ phải tuân thủ Luật Báo chí và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.



Ngược lại, bằng vai trò, chức năng của mình, báo điện tử làm sáng rõ hơn tính minh bạch của các văn bản pháp luật, kể cả pháp luật về báo chí. Trước khi Quốc hội ban hành Luật Báo chí sửa đổi năm 2016, cơ quan chủ trì xây dựng luật (Bộ Thông tin và Truyền thông) đã đăng tải toàn văn dự thảo Luật Báo chí sửa đổi trên nhiều trang báo điện tử, trong thời gian 3 tháng để lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân.

Báo điện tử đã sử dụng công cụ của mình là thông tin để tham gia tích cực vào công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, làm cho văn bản luật trở nên gần gũi với đời sống xã hội. Trong đó: Báo điện tử đăng tải toàn văn các dự án luật, pháp lệnh để lấy ý kiến nhân dân; báo điện tử tuyên truyền về các hội nghị, hội thảo xây dựng pháp luật; báo điện tử tổ chức hội thảo tham gia ý kiến đóng góp vào các dự án luật; phóng viên báo chí được trực tiếp tham dự các phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; báo chí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giải đáp pháp luật; báo điện tử đăng tải những ý kiến, kiến nghị của bạn đọc để góp ý hoàn thiện văn bản pháp luật. Báo điện tử trở thành một kênh thông tin hết sức quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho công chúng, trong đó có CBDV.

Luật cán bộ, công chức quy định rõ nghĩa vụ của cán bộ, công chức là phải “Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước”. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam cũng quy định: “Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước”.

Để chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đòi hỏi CBDV phải tìm hiểu, nắm chắc và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Một trong những kênh cung cấp thông tin pháp luật hiệu quả nhất cho CBDV đó là thông tin từ báo chí, đặc biệt là báo điện tử. Kết quả nghiên cứu bằng số liệu, thang đo cụ thể về mức độ, tần suất

tiếp cận, sử dụng thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV. Khảo sát, đánh giá về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử sẽ được nghiên cứu sinh đề cập chi tiết trong chương 2 của Luận án.

### **1.2.3. Mô hình và tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên**

#### **1.2.3.1. Các mô hình lý thuyết truyền thông**

Truyền thông là một quá trình diễn ra theo trình tự thời gian, trong đó bao gồm các yếu tố chính cần có là: Nguồn phát; Thông điệp; Kênh truyền thông; Người nhận; Phản hồi; Nhiễu; Hiệu quả truyền thông.

“Truyền thông là một hiện tượng phức tạp, bao gồm hàng loạt các thành tố trong sự tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, làm thế nào sắp xếp các thành tố đó một cách lôgic để hình dung một cách tổng quan hiện tượng truyền thông, quá trình truyền thông là một nhiệm vụ quan trọng” [53, tr.27].

Có nhiều mô hình truyền thông khác nhau, trong đó mô hình truyền thông một chiều do Lasswell đưa ra từ năm 1948 là mô hình được nhắc đến nhiều nhất. Mô hình truyền thông một chiều của Lasswell gồm các yếu tố sau:

*Nguồn phát* (ai?): người gửi hay nguồn gốc thông điệp.

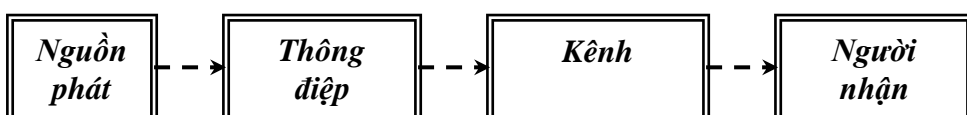
*Thông điệp* (nói gì?): ý kiến, cảm xúc, suy nghĩ hay thái độ... được truyền đi.

*Kênh* (bằng kênh nào?): phương tiện mà nhờ đó các thông điệp được chuyển đi từ nguồn phát đến người nhận.

*Tiếp nhận* (đến ai?): là một hay một nhóm người mà thông điệp hướng tới.

Mô hình truyền thông một chiều của Lasswell được biểu diễn theo trình tự sau:

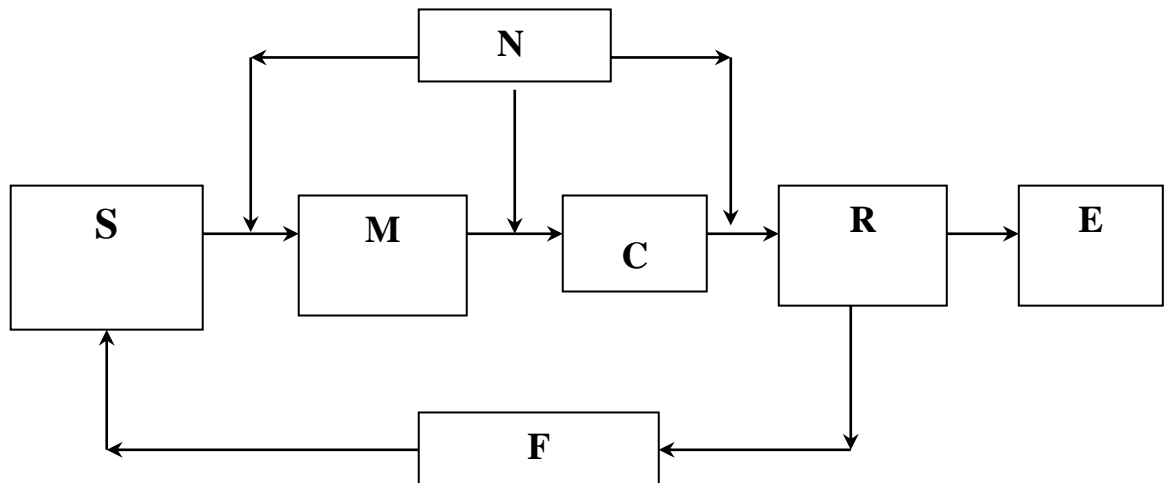
**Hình 1.3. Mô hình truyền thông của H.Lasswell**



Tuy nhiên, Lasswell không phải là người đầu tiên nhìn nhận truyền thông bằng cách này bởi nhiều ý kiến tương tự đã được Walter Lippmann đưa ra từ năm 1922, trừ yếu tố “kênh” là điểm mới của Lasswell”.

Mô hình truyền thông hai chiều của C.Shannon được đưa ra năm 1949. Mô hình này đã khắc phục được nhược điểm của mô hình truyền thông một chiều bằng cách nhấn mạnh vai trò của thông tin phản hồi từ đối tượng tiếp nhận. Do đó, mô hình này thể hiện rõ hơn tính tương tác, bình đẳng cũng như sự chuyển đổi giữa chủ thể và khách thể truyền thông trong quá trình giao tiếp. Mặt khác, mô hình này cũng chú ý tới hiệu quả truyền thông (hiệu ứng xã hội được tạo ra phù hợp với mong đợi) – mong đợi của bất kỳ nhà truyền thông nào chuẩn bị hoạt động của mình [53, tr.29-30].

**Hình 1.4. Mô hình truyền thông của C.Shannon**



Theo C.Shannon, thông tin được bắt đầu từ nguồn phát (S) thông qua các kênh truyền thông đến với người nhận (R) rồi thu được hiệu quả (E). Các yếu tố trong mô hình truyền thông hai chiều của C.Shannon bao gồm:

S (Source): Nguồn phát, chủ thể truyền thông

M (Message): Thông điệp, nội dung truyền thông

C (Channel): Kênh truyền thông

R (Receiver): Người nhận thông điệp (đối tượng)

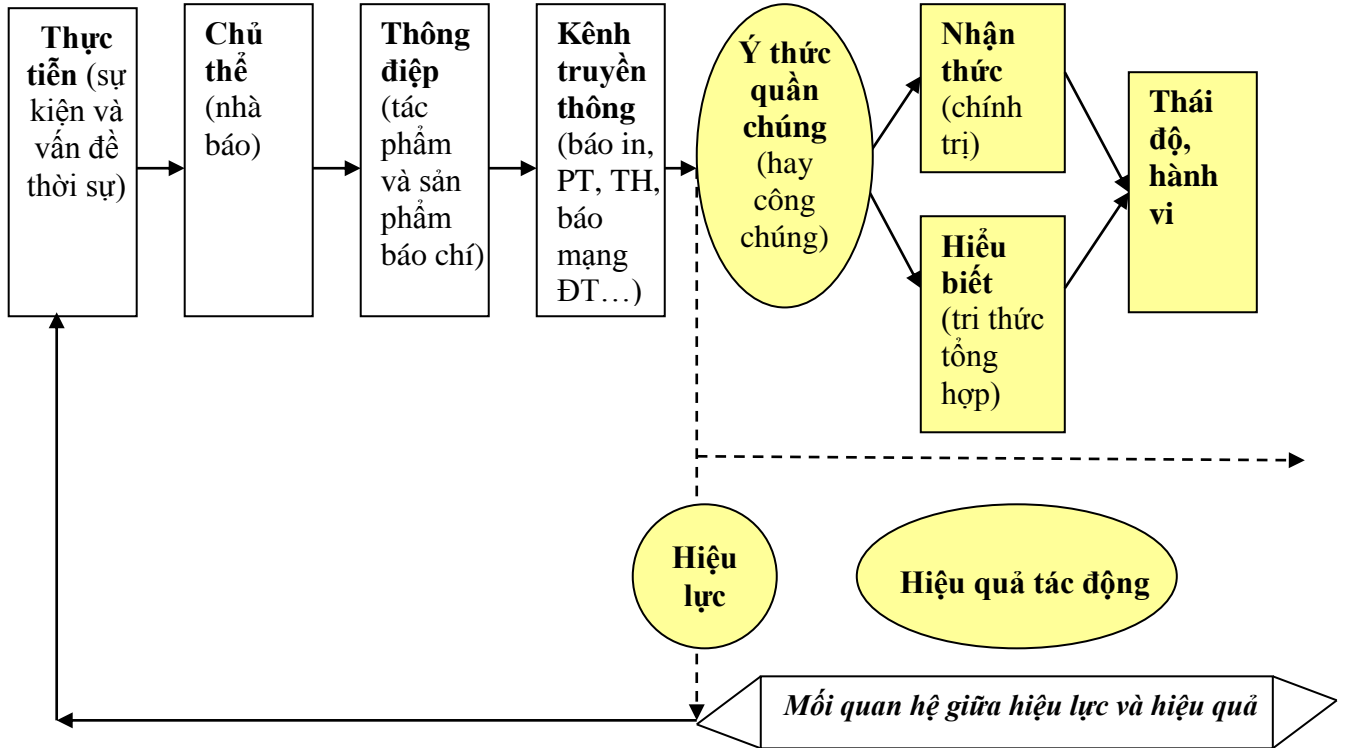
E (Effect): Hiệu quả truyền thông

N (Noise): Nhiều (yếu tố gây ra sai số cản trở thông điệp)

F (Feedback): Phản hồi

Nghiên cứu về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông, tác giả Nguyễn Văn Dũng đã đưa ra mô hình tổng quát (xem Hình 1.5).

**Hình 1.5. Mô hình tổng quát về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông**



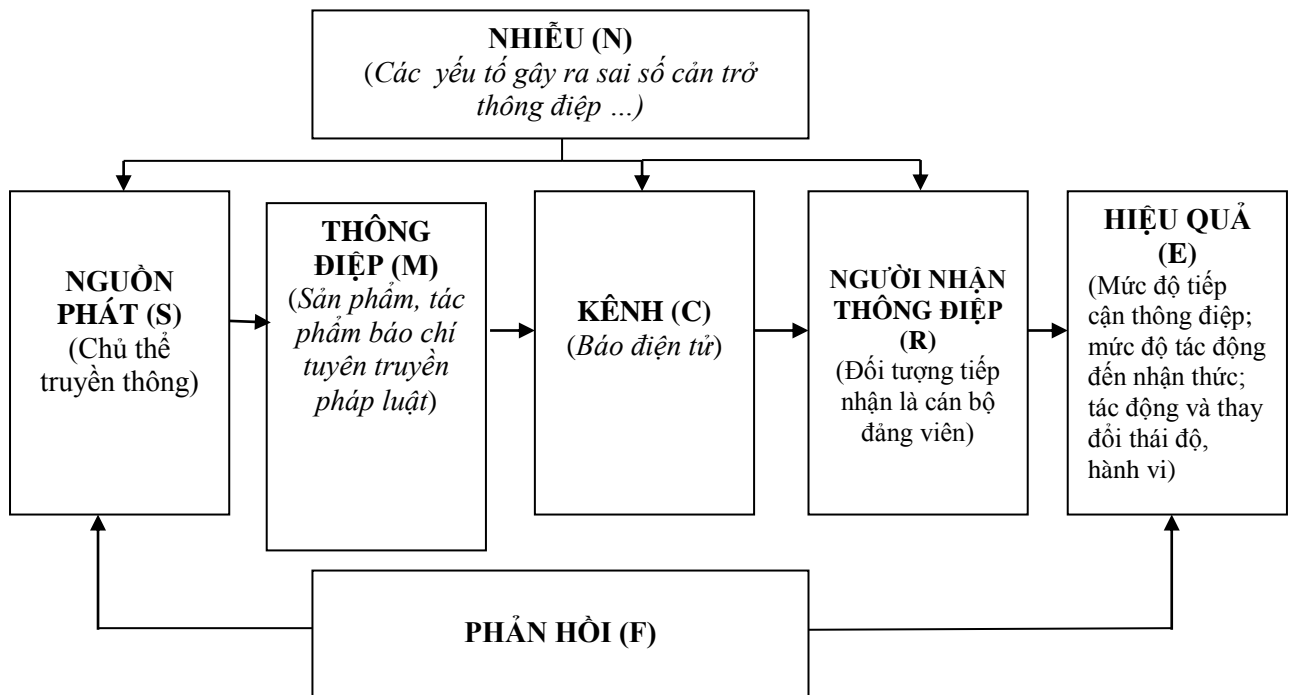
“Mô hình này sẽ mô tả các khâu chính yếu nhất của mối quan hệ giữa các khâu ấy trong quá trình diễn ra ảnh hưởng, tác động lẫn nhau của báo chí – truyền thông đối với đời sống xã hội” [55, tr.140].

### 1.2.3.2. Mô hình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV

*Hiệu quả tuyên truyền pháp luật* được nghiên cứu trong luận án này là việc vận dụng thế mạnh, phương thức hoạt động của báo điện tử, giúp cho nó thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, thái độ và từng bước thay đổi hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật.

Kế thừa những quan điểm cơ bản về Mô hình truyền thông một chiều của Lasswell, Mô hình truyền thông hai chiều của C.Shannon và mô hình tổng quát về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông, nghiên cứu sinh đã xây dựng mô hình lý thuyết đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử - *Hình 1.6.*

**Hình 1.6. Mô hình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử**



Hình 1.6. được coi là khung lý thuyết áp dụng trong nghiên cứu luận án và để thao tác hóa các khái niệm. Trong đó,

Nguồn phát (S) là chủ thể truyền thông,

Thông điệp (M): sản phẩm, tác phẩm báo chí tuyên truyền pháp luật,

Kênh (C) là báo điện tử,

Người nhận thông điệp (R): Đối tượng tiếp nhận thông điệp là cán bộ, đảng viên,

Hiệu quả (E): Mức độ tiếp cận thông điệp; mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của cán bộ, đảng viên.

Thông tin từ nguồn phát – S (chủ thể truyền thông) đến thông điệp – M (tác phẩm báo chí/ tin, bài tuyên truyền pháp luật), qua kênh (C) báo điện tử, tới người nhận thông điệp – R (cán bộ, đảng viên), đem đến hiệu quả -E (mức độ tiếp cận thông tin; mức độ tác động nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi là cả một chu trình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử. Trong chu trình đó, xuất hiện độ ‘nhiều’ – N (các yếu tố gây ra sai số cản trở thông điệp, các yếu tố ảnh hưởng, tin đồn...) và sự phản hồi – F.

Nhiệm vụ chính yếu của Luận án là nghiên cứu HIỆU QUẢ (E). Tuy nhiên, đây là luận án báo chí học và trong lý thuyết báo chí học không thể không đề cập đến mối quan hệ giữa Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng.

“Các công đoạn trong quy trình từ thực tiễn => nhà báo => tác phẩm => kênh truyền thông => đối tượng tác động và những hiệu ứng xã hội được tạo ra. Trong mỗi mối quan hệ giữa các khâu, tác giả phân tích và làm rõ ý nghĩa của vấn đề và năng lực sáng tạo của nhà báo như phát hiện và chọn lựa sự kiện, góc độ tiếp cận, xác định ý đồ thông tin và khai thác thông tin – dữ liệu cho tác phẩm báo chí” [56, tr.116].

Ở luận án này, nghiên cứu thông điệp là tin, bài tuyên truyền về pháp luật. Và, *người nhận thông điệp* (đối tượng tiếp nhận là cán bộ, đảng viên (R)). Do đó, giữa *thông điệp/tác phẩm báo chí tuyên truyền pháp luật* (M) với R và *hiệu quả* (E) – (mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật; mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó nghiên cứu M là tiền đề, nghiên cứu E là trọng tâm, là nội dung chính yếu của luận án. Và, để nghiên cứu được hiệu quả (E), cần phải “đo lường”/phỏng vấn thông tin đối với *người nhận thông điệp* (R) là cán bộ, đảng viên sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử (tức là tiếp cận qua Kênh - C).

### ***1.2.3.3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên***

Nhận diện hiệu quả tác động của báo chí là một quá trình khó khăn và phức tạp, tùy thuộc vào quan điểm tiếp cận, phương pháp đo lường. Tuy

nhiên, theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dũng, hiệu ứng và hiệu quả của báo chí thì mỗi công chúng đều có cảm nhận được bằng trí tuệ và cảm xúc của mình, theo các cấp độ biểu hiện sau:

- Thứ nhất, công chúng đọc/ xem/ nghe sản phẩm của tòa soạn không?
- Thứ hai, công chúng có tin cậy vào sản phẩm không?
- Thứ ba, công chúng có sẵn sàng bỏ tiền túi ra mua, tiêu dùng sản phẩm báo chí không?
- Thứ tư, công chúng có tích cực, chủ động tham gia diễn đàn tòa soạn báo chí không?

“Nghiên cứu hiệu quả tác động của báo chí – truyền thông là một trong những hướng chính của báo chí, truyền thông hiện đại. Những nội dung và cấp độ của việc nghiên cứu hiệu quả có thể tiếp cận qua các bình diện sau:

*Thứ nhất*, giao diện, tần suất và cường độ tiếp xúc, giao tiếp của công chúng với các sản phẩm báo chí – truyền thông, tức là tăng cường cung cấp và tạo ra tần suất tiếp xúc thông tin tiềm năng và trên cơ sở tăng cường thông tin thực tế và thông tin hữu ích.

*Thứ hai*, năng lực tác động, khả năng chi phối của sản phẩm báo chí đối với cộng đồng thông qua việc khơi nguồn, phản ánh, định hướng và điều hòa dư luận.

*Thứ ba*, mối quan hệ tác động phản hồi – quan hệ ngược (feedback) của công chúng đối với các ấn phẩm báo chí cũng như thông điệp truyền thông. Dòng thông tin phản hồi càng mạnh mẽ, thường xuyên, chứng tỏ năng lực và hiệu quả tác động của báo chí càng lớn, thể hiện sự gắn bó giữa cơ quan báo chí với công chúng – nhóm đối tượng.

*Thứ tư*, vai trò của báo chí – truyền thông trong việc xã hội hóa cá nhân và các giá trị phổ biến, trong việc hình thành, thể hiện diện mạo văn hóa cộng đồng cũng như góp phần hoàn thiện hệ thống giá trị đạo đức cũng như nhân cách của mỗi con người. Mức độ tiếp nhận thông tin báo chí, tần suất và

phạm vi giao tiếp xã hội của cá nhân có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành diện mạo văn hóa của mỗi người. Báo chí truyền thông là kênh thông tin giao tiếp đại chúng, hàng ngày tạo cơ hội cho mỗi người, mỗi nhóm xã hội tiếp nhận thông tin và giao tiếp xã hội.

*Thứ năm*, khả năng thuyết phục, tập hợp, tổ chức công chúng tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội đã và đang đặt ra. Xét cho cùng, mục đích của thông tin giao tiếp xã hội qua báo chí, truyền thông là nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm, góp phần gia tăng những tương đồng, giảm dần những khác biệt trong nhận thức, thái độ và hành vi giữa các cá nhân, các nhóm công chúng xã hội và giữa công chúng xã hội với bộ máy công quyền vì sự phát triển bền vững” [55, tr.149-150].

“Truyền thông thay đổi hành vi là hoạt động truyền thông lấy việc thay đổi hành vi làm mục đích trực tiếp, có kế hoạch tác động vào tình cảm, lý trí của các nhóm đối tượng, từ đó nâng cao nhận thức, kỹ năng, hình thành thái độ tích cực, làm cho đối tượng chấp nhận và duy trì hành vi mới có lợi cho các vấn đề truyền thông trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Truyền thông thay đổi hành vi cũng là một quá trình truyền thông, nhưng nó lấy mục tiêu thay đổi hành vi và duy trì bền vững hành vi làm tiêu chí đánh giá chủ yếu những nỗ lực và mức độ thành công của hoạt động tuyên truyền.” [55, tr.37].

Để tạo cơ sở khoa học cho việc thiết kế các chương trình, kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi phù hợp, có hiệu quả, các nhà nghiên cứu đã xây dựng nhiều lý thuyết thay đổi hành vi. Theo tác giả Lương Khắc Hiếu: Truyền thông thay đổi hành vi là hoạt động truyền thông có mục đích, có kế hoạch, tác động đến các nhóm đối tượng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng, hình thành thái độ tích cực, giúp đối tượng chấp nhận thực hiện và duy trì hành vi mới” [81, tr.23].

Theo đó, tác giả của *Lý thuyết truyền thông và vận động* đã dẫn ra mô hình 5 bước (5 giai đoạn) từ nhận thức đến thay đổi hành vi. Quá trình này



diễn ra theo trình tự: “Giai đoạn 1: Chưa hiểu biết -> Hiểu biết nhưng chưa chấp nhận; Giai đoạn 2: Chưa chấp nhận - > Chấp nhận nhưng chưa có ý định; Giai đoạn 3: Chưa có ý định thực hiện -> Có ý định nhưng chưa thực hiện; Giai đoạn 4: Chưa thực hiện -> Thực hiện thử và duy trì; Giai đoạn 5: Thực hiện và duy trì -> Tuyên truyền vận động” [81, tr.36].

Tiếp cận quan điểm mang tính hệ thống về lý thuyết nghiên cứu hiệu quả báo chí – truyền thông của các nhà khoa học, về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông/*Cơ sở lý luận báo chí*, về cơ sở đánh giá hiệu quả báo chí/*Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, về *Lý thuyết Truyền thông và vận động* và các công trình nghiên cứu khác, nghiên cứu sinh đã xây dựng tiêu chí và mô hình hóa các nội dung cụ thể để đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

Theo đó, tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật tập trung vào 3 nội dung cụ thể sau:

Một là, mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV;

Hai là, mức độ tác động đến nhận thức của CBDV;

Ba là, mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV.

Tiêu chí được hiểu là dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, một khái niệm. “Tiêu chí là đặc trưng, dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ để nhận biết, xếp loại các sự vật, các khái niệm” [173, tr.1580].

Thực tiễn cho thấy, “trong khoa học tự nhiên, nhất là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc đánh giá hiệu quả là sự so sánh giữa các chi phí đầu vào với giá trị của các đầu ra, sự tăng tối đa lợi nhuận và tối thiểu chi phí, là mối tương quan giữa sử dụng nguồn lực và tỷ lệ đầu ra – đầu vào. Hiệu quả phản ánh giá trị của các kết quả cao hơn giá trị của các nguồn lực đã dùng” [148, tr.32]. Nhưng, trong khoa học xã hội, nhất là khi đánh giá hiệu quả truyền thông – báo chí là công việc rất khó khăn, phức tạp, phần lớn chỉ đánh giá định tính, hoặc nếu đánh giá định lượng cũng chỉ đánh giá một bộ phận trong tổng thể vấn đề cần nghiên cứu. Trong đó, định tính là “xác định theo

tính chất”, định lượng là “xác định về mặt số lượng”. “Các tác động định tính gồm các thay đổi tri thức, bổ sung sự hiểu biết, tạo nên cảm xúc, hành vi nhận thức, các lợi ích, hành vi định hướng lên các lợi ích, quan điểm và định hướng giá trị...”[111, tr.22-23].

Điều cần phải lý giải thêm là, vì đây là luận án chuyên ngành Báo chí học, để có thể nghiên cứu được “E”, tác giả cần phải có khảo sát, nghiên cứu về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV. Bởi lẽ, nếu CBDV không được đọc/nghe/xem tin, bài pháp luật trên báo điện tử, nếu thông điệp “M” cứ treo trên mạng internet thì sẽ không thể tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của CBDV. Hay nói cách khác, muốn đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV thì công việc đầu tiên là cần “đo lường” về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV, là thói quen của CBDV tìm đọc nội dung thông điệp/ tin, bài pháp luật trên báo điện tử. Ở đây có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau giữa các khâu của quá trình tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, với “đích” hướng tới là hiệu quả tuyên truyền pháp luật.

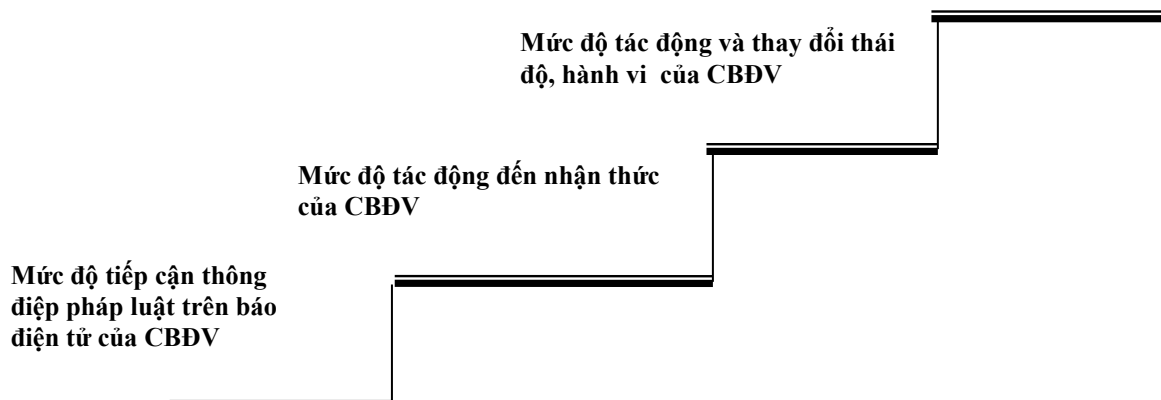
Mặt khác, nghiên cứu hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử, cũng cần căn cứ vào chức năng của báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo báo điện tử). Một trong những chức năng quan trọng nhất của báo chí là chức năng thông tin. Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu thông tin của công chúng ngày càng đòi hỏi cao, với tần suất, mức độ ngày càng lớn.

Trong quá trình thực hiện các chức năng của báo chí “người ta thấy xuất hiện vấn đề tính hiệu quả trong việc thực hiện các chức năng ấy”. Tính hiệu quả của tác động báo chí còn phụ thuộc vào nội dung, chất liệu cụ thể của các tác phẩm báo chí dưới sự sáng tạo của nhà báo. “Những kết quả mà nhà báo hướng đến là hiệu quả tạo nên những thay đổi cụ thể trong ý thức, hành vi của công chúng... Vì tính hiệu quả - đó là mức độ thực hiện các mục tiêu đáp ứng những nhu cầu của công chúng về thông tin, có tính đến những khả năng của nhà báo và công chúng” [130, tr.225-227].

Do đó, để giải quyết nội dung trọng yếu nhất của luận án là nghiên cứu hiệu quả - “E”, tác giả đồng thời nghiên cứu khảo sát về thông điệp – “M” (tin, bài tuyên truyền về 3 lĩnh vực pháp luật) trên báo điện tử. Cùng với đó, nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát, phỏng vấn thông tin đối với CBDV – “người nhận thông điệp “ (R) về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

Với lẽ đó, tác giả mô hình hóa các nội dung cụ thể khi đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, theo *Hình 1.7*.

***Hình 1.7. Mô hình hóa các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên***



Trên cơ sở khung lý thuyết, với mô hình đặc tả các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật, tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi thông qua Phiếu phỏng vấn thông tin, với nhóm khách thể là CBDV để đưa ra các chỉ báo về hiệu quả tuyên truyền pháp luật (đánh giá định tính về: Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; Mức độ tác động đến nhận thức; Mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử).

\* **Tiểu kết Chương 1:** Vận dụng lý thuyết báo chí học, tiếp cận lý thuyết nghiên cứu hiệu quả báo chí – truyền thông, kế thừa và vận dụng lý

thuyết của các chuyên ngành liên quan (xã hội học, khoa học pháp lý và Lý thuyết truyền thông), tác giả đã triển khai Chương 1 – Những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

Trong Chương 1, nghiên cứu sinh đã xây dựng các khái niệm cơ bản sẽ được sử dụng trong luận án, cùng với việc phân tích đặc điểm, vai trò, thế mạnh của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Trong đó, có sự phân tích, đánh giá, so sánh các hình thức tuyên truyền pháp luật cho công chúng (đối tượng được nghiên cứu trong luận án là CBDV). Nêu lên những mặt mạnh, hạn chế trong: Tuyên truyền miệng; Tuyên truyền pháp luật thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động; Tuyên truyền thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật; Tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động xét xử của tòa án. Qua đó, khẳng định vai trò, thế mạnh của báo chí trong việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Một điểm nhấn là, nghiên cứu sinh đã phân tích đặc điểm, vai trò và khẳng định thế mạnh của báo điện tử so với các loại hình báo chí khác trong việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

Tiếp đó, nghiên cứu sinh đã làm rõ cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật, đồng thời xây dựng tiêu chí (các nội dung cụ thể) khi đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Trong đó, kế thừa những quan điểm cơ bản về Mô hình truyền thông một chiều của Lasswell, Mô hình truyền thông hai chiều của C.Shannon. Đồng thời, tiếp cận quan điểm mang tính hệ thống về báo chí học, về lý thuyết nghiên cứu hiệu quả truyền thông của các nhà khoa học, về cơ chế tác động của báo chí – truyền thông, về “cơ sở đánh giá hiệu quả báo chí” và các công trình nghiên cứu khác, nghiên cứu sinh đã xây dựng mô hình đánh giá các nội dung cụ thể của hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử.

Khung lý thuyết cùng với Bảng mã và Bảng hỏi/ Phiếu phỏng vấn thông tin được sử dụng, chính là “bộ công cụ” để tác giả triển khai nghiên cứu các chương tiếp theo của luận án “*Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay*”.

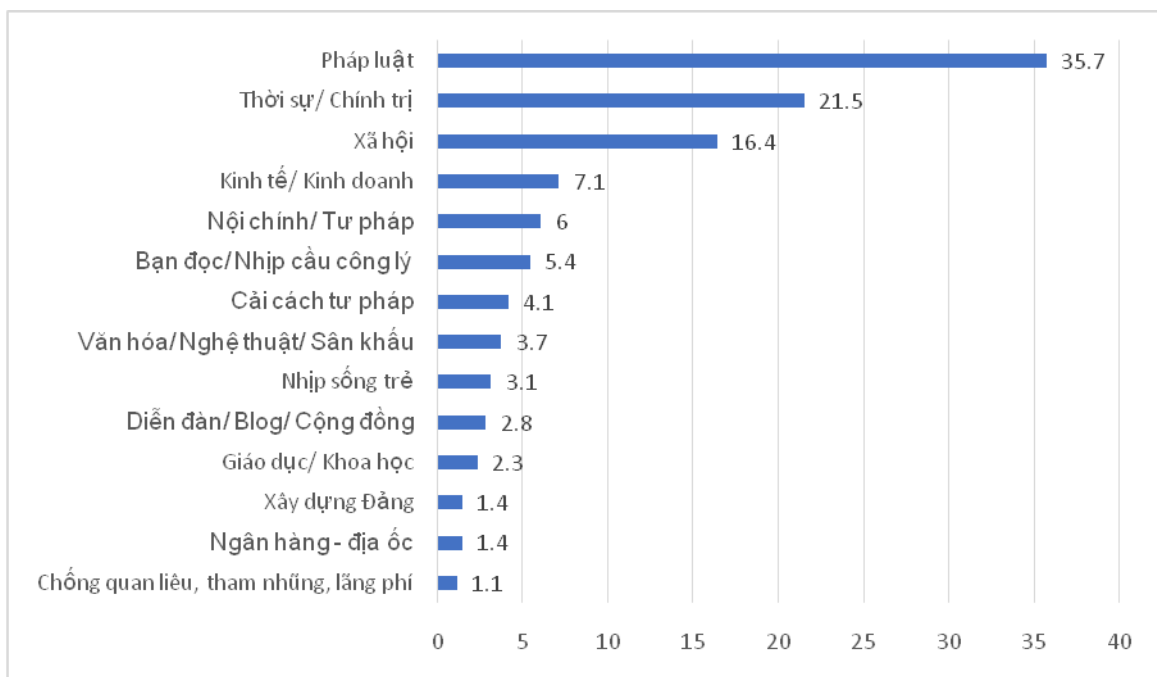
## Chương 2. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ

### 2.1. Các chủ đề pháp luật được tuyên truyền trên báo điện tử

Tuyên truyền pháp luật là lĩnh vực vô cùng rộng lớn, có đến hàng trăm văn bản pháp luật điều chỉnh mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội. Trong phạm vi của luận án này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về hiệu quả tuyên truyền pháp luật ở 3 lĩnh vực liên quan nhiều đến CBDV là: *Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước*. Việc nghiên cứu dựa trên cơ sở phân tích nội dung tin, bài tuyên truyền về pháp luật được đăng tải trên 5 báo điện tử: Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn, trong thời gian từ 1/1/2014 đến 31/12/2015.

Sau khi sử dụng các phương pháp chọn mẫu khảo sát, phân tích, tổng hợp, so sánh,... tác giả có được những kết quả về tình hình tuyên truyền pháp luật trên 5 báo điện tử, thể hiện trên Biểu đồ 2.1.

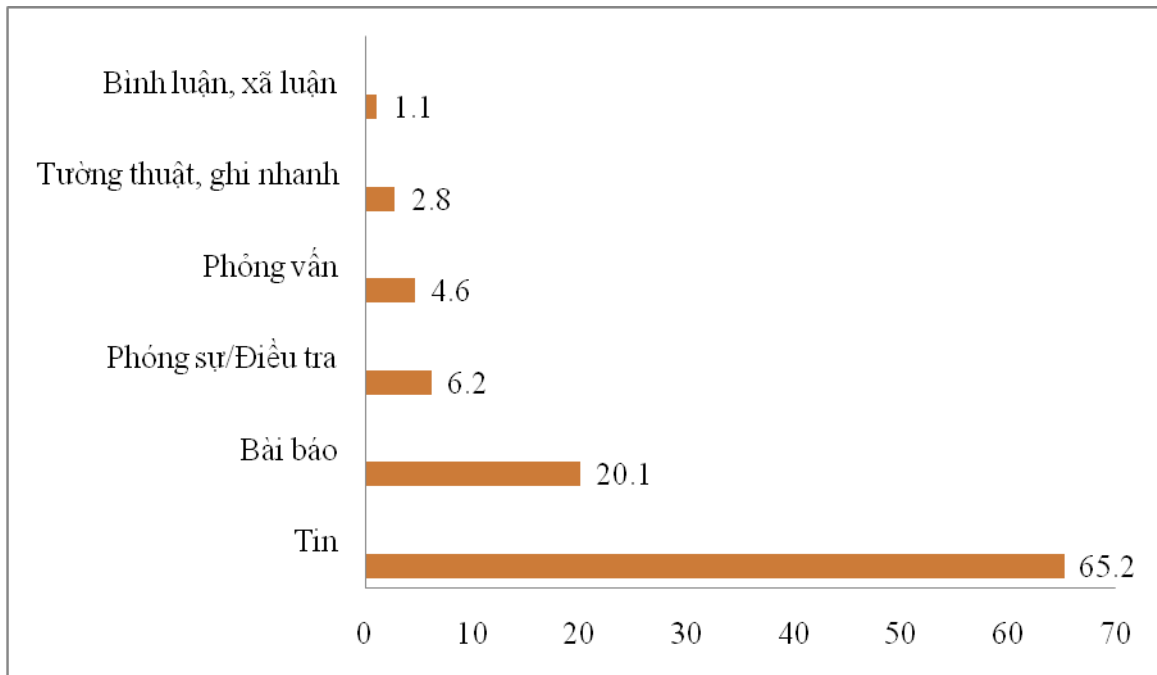
**Biểu đồ 2.1: So sánh lượng tin, bài tuyên truyền về pháp luật giữa các chuyên mục (%)**



Kết quả nghiên cứu (Biểu đồ 2.1) cho thấy, tỷ lệ tin/bài tuyên truyền về chủ đề pháp luật được đăng tải trên các chuyên mục có sự phân biệt rất cao.

Trong đó, chuyên mục chiếm tỷ lệ cao nhất là Pháp luật (35,7%), đứng thứ 2 là Thời sự/Chính trị (21,5%), đứng thứ 3 là Xã hội (16,4%). Điều này chứng tỏ tin, bài về Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, Luật Trách nhiệm bồi thường được đăng tải nhiều ở chuyên mục Pháp luật- một chuyên mục mà ngay đầu đề của nó đã thể hiện được nội dung cần phải đề cập.

***Biểu đồ 2.2. Thông điệp tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được phản ánh qua các thể loại báo chí (%)***



Kết quả khảo sát (Biểu đồ 2.2) cho thấy, thông điệp về Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, Luật Trách nhiệm bồi thường được đăng tải nhiều ở thể loại “tin”, chiếm tỷ lệ cao nhất với 65,2%. “Tin” là một trong những thể loại chính yếu được các cơ quan báo điện tử sử dụng trong quá trình tuyên truyền về pháp luật. Nắm được đặc điểm nổi bật nhất của tin là ở chỗ: nó có nhiệm vụ thông báo một cách kịp thời về những sự kiện mới nhất, dưới hình thức ngắn gọn, chặt chẽ, các báo điện tử đã ưu tiên sử dụng thể loại tin trong quá trình tuyên truyền về chủ đề pháp luật.

Ở chủ đề tuyên truyền pháp luật, thể loại *bài báo* được các báo điện tử sử dụng nhiều thứ hai sau thể loại tin. “Bài báo là một tác phẩm báo chí có nội dung và hình thức hoàn chỉnh, xuất hiện như một bức thông điệp chứa đựng một thông tin cốt lõi, có mô tả, lý giải rõ ràng, cụ thể, lô-gíc và dễ hiểu một sự kiện, hiện tượng hoặc một vấn đề, quan niệm nào đó đang có ý nghĩa thời sự và ý nghĩa xã hội quan trọng”[91, tr.24]. Bài báo trên các báo điện tử chủ yếu là mô tả, trình bày, phân tích đề tái lập một vấn đề pháp lý được trao đổi, thảo luận, gắn với hoàn cảnh, tình huống cụ thể, có tác động tới nhiều người. Các bài viết dễ thấy xuất hiện trên các trang báo điện tử như: “Đóng góp ý kiến sửa đổi Bộ luật hình sự”; “Tập huấn nghiệp vụ rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật”...

Kết quả khảo sát cho thấy, “bài báo” được các báo điện tử sử dụng với tỉ lệ 20,1% trong cơ cấu tin, bài tuyên truyền về 3 lĩnh vực pháp luật. Bài báo có nội dung và hình thức tương đối hoàn chỉnh, chất lượng thông tin khá sâu, nhất là khi tuyên truyền về các kỳ họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ bàn thảo về nội dung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Qua khảo sát, phân tích cho thấy, tuyên truyền pháp luật tập trung vào hai thể loại tin và bài báo nhiều thì các thể loại khác lại thưa vắng bấy nhiêu. Trong đó, các thể loại: Phóng sự/ điều tra chiếm tỉ lệ 6,2%; Phỏng vấn chiếm tỉ lệ 4,6%; tường thuật, ghi nhanh chiếm 2,8% và thể loại Bình luận/Xã luận chiếm tỉ lệ 1,1% trong cơ cấu tin, bài tuyên truyền về 3 lĩnh vực pháp luật. Trong nhóm thể loại thể báo chí này, thì bình luận và xã luận, chỉ xuất hiện khi có văn bản pháp luật quan trọng được ban hành như Hiến pháp, hoặc khi sửa đổi các bộ luật quan trọng như Bộ luật Lao động; Bộ luật Hình sự, Luật đất đai...

Như phần lý luận của Chương I đã trình bày, nội dung thông điệp được nghiên cứu trong luận án này là tất cả tác phẩm báo chí tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

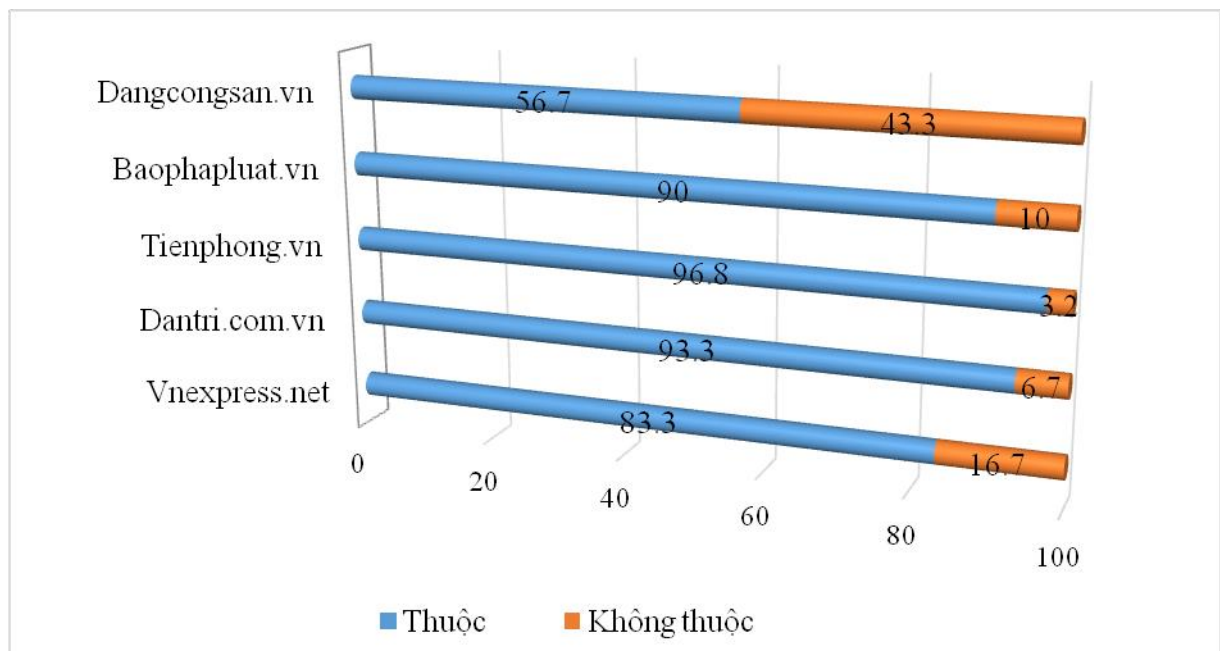
pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được đăng tải trên 5 báo điện tử trong thời gian khảo sát. Nghiên cứu sinh sẽ lần lượt phân tích về nội dung thông điệp tuyên truyền về các lĩnh vực pháp luật được đăng tải trên 5 báo điện tử.

### 2.1.1. Tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng

“Thống kê chưa đầy đủ của 40 tờ báo (báo in, báo điện tử) của Trung ương và địa phương, trong năm 2013 đã có 4.452 tin, bài về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tăng 15% so với cùng năm 2012”[9, tr.3]. Đó là số liệu tin, bài của 40 tờ báo được đưa vào Báo cáo số 80-BC/BCĐTW ngày 15/5/2014 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Trong phạm vi của đề tài luận án, nghiên cứu sinh khảo sát 5 báo điện tử đã cho kết quả: có 1.095 tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng. Khi thiết kế Bảng mã để phân tích tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng, nghiên cứu sinh có đưa ra nội dung cần phân tích là: Vấn đề, vụ tham nhũng có phải là chủ đề chính trong tin, bài hay không? Và, vấn đề, vụ việc tham nhũng có là chủ đề chính được nêu trong tin, bài của 5 báo điện tử? (xem Biểu đồ 2.3)

**Biểu đồ 2.3. Vấn đề, vụ việc tham nhũng là chủ đề chính của tin, bài giữa các báo điện tử (%)**

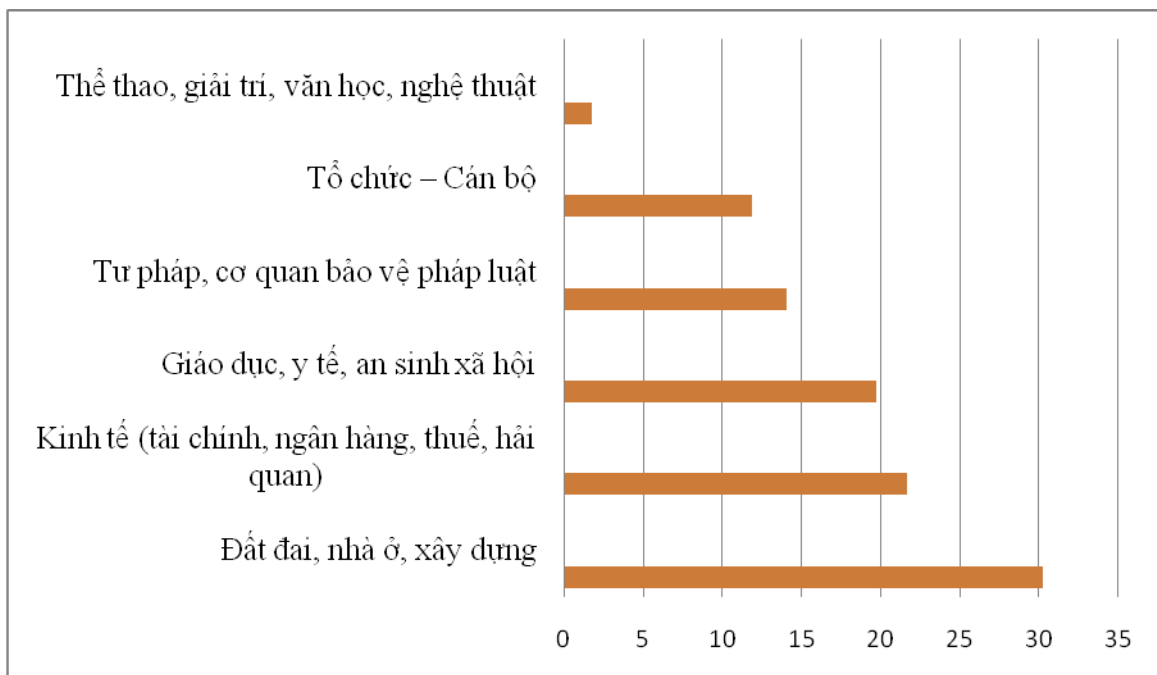




Kết quả phân tích nội dung thông điệp (200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng) cho thấy: vấn đề, vụ việc tham nhũng là chủ đề chính của tin, bài chiếm tỷ lệ cao nhất (84,1%), gấp 5,3 lần tỷ lệ tin, bài không có chủ đề chính này (15,9%).

Kết quả nghiên cứu thể hiện trên biểu đồ 2.3 cho thấy vấn đề, vụ việc tham nhũng là chủ đề chính của tin, bài giữa 5 báo điện tử khảo sát là không đồng đều nhau. Trong đó, sự chênh lệch lớn nhất thuộc về 4 báo: tienphong.vn, vnexpress.net, dantri.com.vn, baophapluat.vn và báo tienphong.vn có sự chênh lệch lớn nhất – là chủ đề chính (96,8%), không là chủ đề chính (3,2%); sự chênh lệch ít nhất thuộc về báo dangcongsan.vn là chủ đề chính (56,7%), không là chủ đề chính (43,3%). Điều này chứng tỏ các báo điện tử thuộc khối đoàn thể chính trị đưa tin mạnh mẽ hơn so với báo Đảng về vấn đề, vụ việc tham nhũng.

**Biểu đồ 2.4. Tin, bài đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng thuộc lĩnh vực nào (%)**



Kết quả từ biểu đồ 2.4 cho thấy, tỷ lệ tin, bài đề cập/không đề cập đến vấn đề tham nhũng ở mỗi lĩnh vực có sự khác biệt. Trong đó, thông tin về vấn đề tham nhũng xuất hiện nhiều ở lĩnh vực đất đai, nhà ở, xây dựng chiếm tỷ lệ

đề cập cao nhất với 30,2%. Tiếp đến là tin, bài đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng ở lĩnh vực kinh tế (tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan), với 21,7%. Tin, bài đề cập đến vấn đề tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội có 19,7%. Lĩnh vực tổ chức – cán bộ có 11,9% số tin, bài đề cập. Và, có 11,7% tin bài đề cập tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp, cơ quan bảo vệ pháp luật. Cuối cùng là có 1,8% lượng tin, bài đề cập tham nhũng trong lĩnh vực thể thao, giải trí, văn học, nghệ thuật.

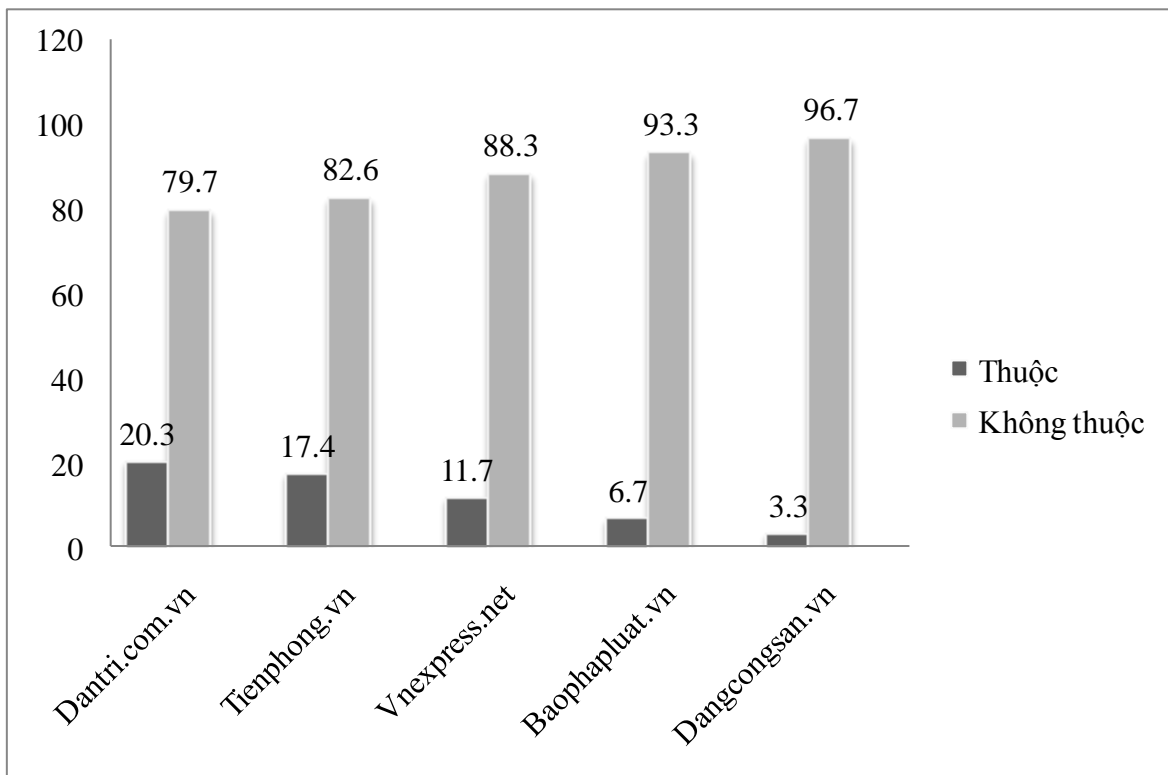
Kết quả khảo sát cho thấy, tin bài đề cập, phản ánh hiện tượng tham nhũng diễn ra ở nhiều lĩnh vực, trong đó có một số điểm khá tương đồng với Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng của Chính phủ như tình hình tham nhũng trong lĩnh vực đất đai, nhà ở, xây dựng, ngân hàng, thuế, hải quan.

Báo cáo của Chính phủ khẳng định: “Công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay chưa đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng; tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo”; “Những hành vi tham nhũng rất đa dạng, phổ biến là hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ, dùng tài sản công để biếu xén, hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho tổ chức, cá nhân để vụ lợi, thu vén quyền lợi cá nhân; lập quỹ trái phép, sử dụng ngân sách không đúng quy định để hưởng lợi. Các hành vi tham nhũng đã và đang xảy ra ở hầu khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất đai, quản lý và sử dụng ngân sách, thuế, ngân hàng, hải quan, xuất nhập khẩu, tư pháp, giáo dục, y tế, thực hiện chính sách xã hội trong quản lý hành chính, công tác xã hội [36, tr.2].

Như trên đã trình bày, kết quả khảo sát có một số điểm tương đồng với Báo cáo của Chính phủ, nhưng có vấn đề chưa phản ánh đầy đủ bức xúc của

người dân về tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ. Nghiên cứu sinh có khảo sát và phân tích riêng về vấn đề, vụ việc tham nhũng thuộc lĩnh vực tổ chức – cán bộ - (Xem biểu đồ 2.5).

**Biểu đồ 2.5. Vấn đề, vụ việc tham nhũng trong tin, bài thuộc/không thuộc lĩnh vực tổ chức – cán bộ giữa các báo điện tử (%)**



Kết quả nghiên cứu thể hiện trên biểu đồ 2.5 cho thấy, tỷ lệ tin, bài của các báo điện tử đề cập đến vấn đề vụ việc tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ là ít. Tỷ lệ này không đồng đều giữa các báo. Trong đó, tỷ lệ cao nhất đạt 20,3% (dantri.com.vn), tienphong.vn (17,4%); Vnexpress.net (11,7%); baophapluat.vn (6,7%); báo dangcongsan.vn có tỷ lệ đăng thấp nhất (tỷ lệ 3,3%).

Điều này cho thấy, việc tuyên truyền về pháp luật phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ chưa được quan tâm nhiều ở các báo điện tử, không phản ánh đúng thực trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy bằng cấp” đang diễn ra trong đời sống xã hội. Về vấn đề này, Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi” [188].

Cùng với nạn “chạy chức, chạy quyền...”, đó là tình trạng tham ô, tham nhũng, đưa hối lộ, nhận hối lộ... Đây cũng là các cụm từ được tác giả khảo sát khi nghiên cứu thông điệp (tin, bài) tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Kết quả khảo sát thông điệp (200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng) cho thấy cụm từ “Tham ô” có tỷ lệ tần suất xuất hiện cao nhất là 1 cụm từ/1 tin, với 28 tin, bài, chiếm 14% so với tổng số tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng. Thứ hai là 2 cụm từ/1 tin, bài, với 14 tin, bài chiếm 7%; đứng thấp nhất là 6 cụm từ/1 tin, bài chiếm tỷ lệ 1,5% so với tổng số tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 5 báo điện tử có tỷ lệ tần suất xuất hiện cụm từ “Tham ô” là rất khác nhau. Các báo có tỷ lệ xuất hiện cụm từ này 2 lần trở lên là Vnexpress.net, Dantri.com.vn, Tienphong.vn, Dangcongsan.vn. Trong đó, tienphong.vn là báo điện tử duy nhất xuất hiện 6 từ/1tin, bài với tỷ lệ 14,3%; riêng chỉ có baophapluat.vn chỉ xuất hiện 1 cụm từ/1tin, bài chiếm tỷ lệ tuyệt đối là 100%. Nhìn chung, hầu hết các báo tần suất xuất hiện cụm từ này 1 đến 2 lần, chiếm tỷ lệ nhiều nhất.

Kết quả khảo sát, phân tích cho thấy, cụm từ “Tham nhũng” xuất hiện trong 139 tin, bài (trên tổng số 200 tin, bài). Trong đó, mật độ xuất hiện cụm từ “tham nhũng” trong tin bài có từ 1 đến 12 lần. Thậm chí, có những bài viết xuất hiện tới 29 lần có cụm từ “tham nhũng”. Trong đó, số lần có tỷ lệ cao nhất là 1-2 lần/ 1 tin, bài.

Kết quả khảo sát cho thấy tần suất xuất hiện cụm từ “Nhận hối lộ” ít hơn cụm từ “tham nhũng” trên tin, bài của các báo điện tử được khảo sát. Trong đó, dao động từ 1 đến 6 cụm từ/1 tin, bài. Tần suất 1 cụm từ/1 tin, bài chiếm tỷ lệ cao nhất với 36,1%; đứng thứ hai là 2 cụm từ/1 tin, bài với 27,8%; thấp nhất là 5, 6 từ/1 tin, bài đồng tỷ lệ với 2,8%.

Về tỷ lệ tần suất xuất hiện cụm từ “Nhận hối lộ” giữa các báo điện tử là rất khác nhau. Báo có tỷ lệ tần suất xuất hiện nhiều nhất là dantri.com.vn – từ 1 đến 6 cụm từ/1 tin, bài; đứng thứ 2 là vnexpress.net và tienphong.vn – đều có tần suất từ 1 đến 4. Tỷ lệ tần suất 1 cụm từ/1 tin, bài chiếm tỷ lệ cao là vnexpress.net (44,4%). Tỷ lệ 2 cụm từ/1 tin, bài chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo tienphong.vn với 42,9%.

Đối với cụm từ “Đưa hối lộ” có tần suất xuất hiện từ 1 cho đến 6 cụm từ/1 tin, bài. Tần suất 1, 2 cụm từ/1 tin, bài xuất hiện nhiều nhất lần lượt chiếm tỷ lệ là 47,6% và 38,1%. Trong đó, vnexpress.net là báo điện tử có tỷ lệ tần suất 1 cụm từ/1 tin, bài nhiều nhất với 57,1%...

Quá trình khảo sát cũng đưa ra chỉ báo cụ thể về các cụm từ “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “Lạm quyền, trục lợi”, “giả mạo trong công tác vì vụ lợi”, “những nhieu, vôi mãi lộ” được nhắc đến trong các tin, bài. Tuy nhiên, tỷ lệ tần suất xuất hiện trong các tin, bài là ít, trong đó cụm từ “những nhieu, vôi mãi lộ” có tần suất xuất hiện ít nhất.

Thực tiễn cho thấy, tình trạng những nhieu, vôi mãi lộ của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thực thi công vụ vẫn là điều nhức nhối trong xã hội, gây bức xúc cho người dân. Vụ việc nổi cộm tốn nhiều giấy mực của báo chí xung quanh hành vi tham nhũng, “nhận hối lộ” phải kể đến vụ án liên quan đến 7 đối tượng, nguyên là cán bộ, đảng viên của Thanh tra Giao thông, thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố Cần Thơ. Hành vi được cơ quan chức năng làm rõ là, từ năm 2013 đến 2016, số cán bộ, đảng viên biến chất này đã cấu kết với hai đối tượng ngoài xã hội thoả thuận với một số doanh nghiệp, nhà xe để không bắt hoặc bắt nhưng phạt với các lỗi nhẹ khi vi phạm pháp luật giao thông. Theo đó, hàng tháng hoặc từng lần vi phạm, các doanh nghiệp, cá nhân giao nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho các đối tượng trên, với số tiền ít nhất là 1 triệu đồng/tháng, nhiều nhất là 28 triệu đồng/tháng. Tổng số tiền 7 cán bộ, đảng viên thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố Cần Thơ đã nhận hối lộ gần 4 tỉ đồng.

Đương nhiên, hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của 7 bị cáo đã bị xử lý nghiêm khắc về mặt đảng và pháp luật. Trong đó, Đảng ủy Khối Dân Chính Đảng Thành phố Cần Thơ đã ký quyết định khai trừ Đảng đối với 7 đối tượng nguyên là cán bộ thanh tra giao thông; Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ cũng đã ra bản án nghiêm khắc tuyên phạt các mức án tương ứng với hành vi phạm tội của 7 bị cáo nguyên là cán bộ thanh tra giao thông, thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố Cần Thơ.

**Tóm lại**, qua khảo sát cho thấy, 5 báo điện tử đều đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng diễn ra ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như đất đai, nhà ở, xây dựng, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, giáo dục, y tế... Tuy nhiên, thông tin về tiêu cực, tham nhũng trong công tác tổ chức – cán bộ trên các báo điện tử lại chiếm tỷ lệ nhỏ.

Kết quả khảo sát cho thấy, báo trực thuộc cơ quan của Đảng (dangcongsan.vn) chưa “chỉ mặt, gọi tên” các vấn đề, vụ việc tham nhũng so với báo điện tử thuộc các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội. Từ việc thông tin về lĩnh vực pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử chưa đầy đủ, thiếu sự rõ ràng thì khó có thể định hướng và răn đe những hành vi phạm pháp khác có thể xảy ra.

### **2.1.2. Tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Nội dung thứ hai được tác giả nghiên cứu đó là phân tích thông điệp tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên 5 báo điện tử.

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong: Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; Hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

*Tiết kiệm* được hiểu là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã

định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

Kết quả khảo sát từ khóa “tiết kiệm” trong tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì có 46 tin, bài xuất hiện cụm từ “tiết kiệm” với 8 loại tần suất: 1, 2, 3, 4, 6, 11, 12, 16 lần/1 tin, bài. Trong đó, tần suất chiếm tỷ lệ cao nhất là 1 lần/1 tin, bài với 21 lần xuất hiện, chiếm 10,5%; thấp nhất là ở các tần suất 6, 11, 12, 16 lần/1 tin, bài. Như vậy, từ khóa “tiết kiệm” ít được sử dụng trong các tin, bài tuyên truyền về Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các báo điện tử.

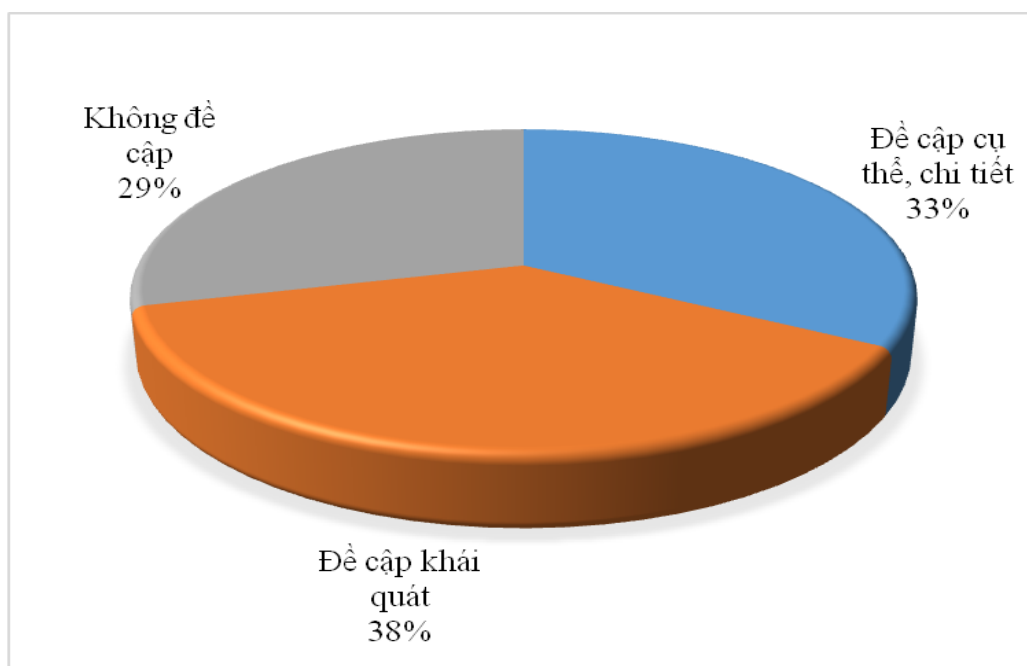
Về hành vi Lãng phí, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giải thích: *Lãng phí* là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

Kết quả phân tích cũng cho thấy, trong tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì chỉ có 37 tin, bài nhắc đến cụm từ “Chống lãng phí”.

Như vậy, các từ khóa “tiết kiệm”, “chống lãng phí” chưa được sử dụng nhiều trong các tin, bài của báo điện tử tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tìm kiếm, khảo sát các từ khóa “lãng phí trụ sở làm việc”, “lãng phí xe công”, “mô hình tốt về thực hành tiết kiệm” trong tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kết

qua cho thấy số lần xuất hiện các cụm từ này ít hơn các từ khóa “tiết kiệm”, “chống lãng phí”.

**Biểu đồ 2.6. Mức độ, liều lượng thông tin về hành vi gây lãng phí được đề cập trong tin, bài của các báo điện tử (%)**



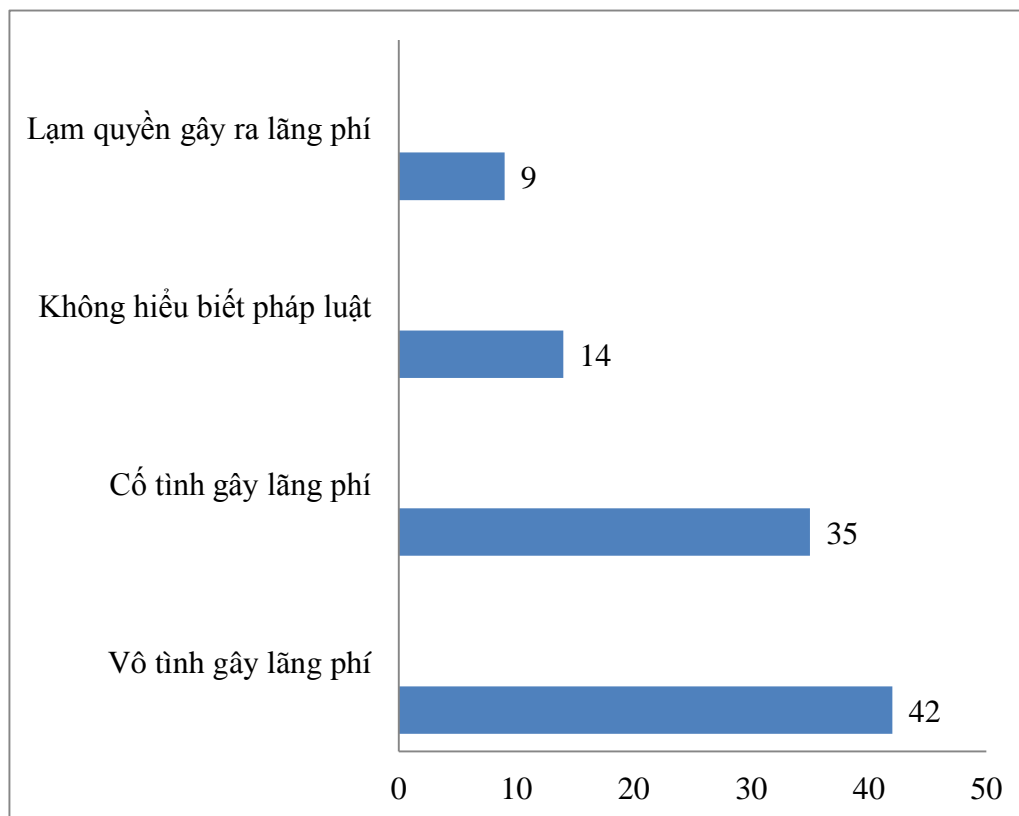
Qua phân tích (Biểu đồ 2.6) cho thấy mức độ, liều lượng thông tin về hành vi gây lãng phí được đề cập trong tin, bài của các báo điện tử, trong đó “đề cập khái quát” hành vi gây lãng phí chiếm tỷ lệ cao nhất với 38%; tiếp đến thấp hơn là “đề cập cụ thể, chi tiết” với 33% và có tỉ lệ 29% tin, bài “không đề cập” đến hành vi gây lãng phí.

Kết quả khảo sát 5 báo điện tử, trong đó, vnexpress.net có 51% tin, bài có mức độ, liều lượng thông tin về hành vi gây lãng phí “đề cập cụ thể, chi tiết”; thấp nhất là báo dangcongsan.vn (20%). Mức độ thông tin hành vi gây lãng phí “đề cập khái quát” cao nhất là ở báo dantri.com.vn (52%), thấp nhất là ở Baophapluat.vn (38%); Mức độ thông tin “Không đề cập” hành vi gây lãng phí, cao nhất là ở báo dangcongsan.vn (33%), thấp nhất là ở báo Vnexpress.net (10%).

Điều này chứng tỏ báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam ít đề cập đến hành vi gây lãng phí so với 4 báo điện tử còn lại.



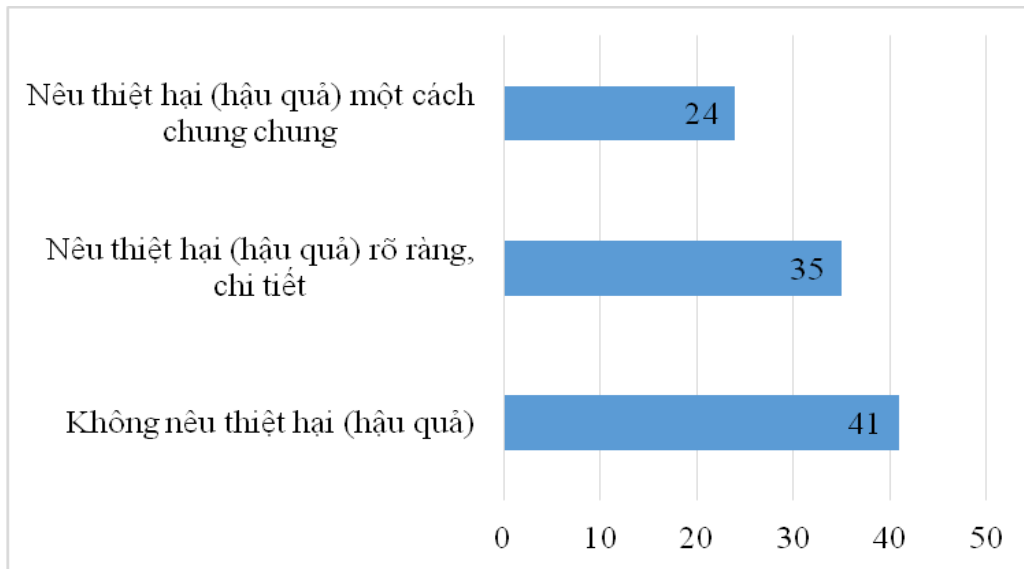
**Biểu đồ 2.7. Nguyên nhân của các chủ thể dẫn đến vụ việc, hành vi gây lãng phí được nhắc đến trong các tin, bài(%)**



Kết quả khảo sát, phân tích thể hiện trên Biểu đồ 2.7 cho thấy, trong các nguyên nhân của các chủ thể dẫn đến vụ việc, hành vi gây lãng phí mà báo điện tử đề cập đến thì nguyên nhân “Vô tình gây lãng phí” chiếm tỷ lệ cao nhất với 42%, đứng thứ hai là “Cố ý gây lãng phí” với 35%; “Không hiểu biết pháp luật” gây lãng phí chiếm tỉ lệ 14% và lạm quyền gây lãng phí chiếm 9%.

Kết quả phân tích thông điệp cũng cho thấy, so sánh với tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng, thì tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có mức độ “rõ ràng, cụ thể” hơn.

**Biểu đồ 2.8. Thiệt hại/hậu quả của hành vi gây lãng phí được nhắc đến trên các báo điện tử (%)**



Kết quả khảo sát (Biểu đồ 2.8) cho thấy tin, bài trên báo điện tử “Không nêu thiệt hại” (hậu quả của hành vi gây lãng phí) chiếm tỷ lệ cao nhất với 41%; đứng thứ hai là “Nêu rõ ràng, chi tiết” với 35%; thấp nhất là “Nêu một cách chung chung” với 24%. Điều này phản ánh, các báo điện tử chưa có điều kiện, chưa đủ khả năng và dữ liệu để nêu được cụ thể về hậu quả của hành vi gây lãng phí.

Kết quả phân tích cũng cho thấy, trong 5 báo điện tử khảo sát thì thiệt hại/hậu quả của hành vi gây lãng phí được nhắc đến “Rõ ràng, chi tiết” chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo vnexpress.net với 60%; “Không nêu thiệt hại/hậu quả” chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo dangcongsan.vn với 65%.

Phân tích thông điệp (200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí) cho thấy tỷ lệ tin, bài trên báo điện tử đề cập tới số tiền do vụ việc, hành vi lãng phí gây ra thấp với 35%, còn lại là 65% tin, bài không đề cập. Kết quả phân tích cũng cho thấy: Tin, bài trên báo điện tử đề cập tới số tiền Nhà nước bị thất thoát do hành vi lãng phí gây ra chiếm tỷ lệ rất thấp – chỉ chiếm 15%, trong khi có tới 85% tin, bài không đề cập.

Điều này chứng tỏ thông tin trên báo điện tử chưa đánh giá đúng hậu quả của hành vi lãng phí, chưa phản ánh đúng số tiền gây lãng phí hiện nay. Và,

như vậy, các chủ thể gây lãng phí cùng với hậu quả của nó vẫn chưa được “gọi mặt, chỉ tên” và vẫn là vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội, nhất là lãng phí trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản... Đó là một trong những nguyên nhân làm cho công tác quản lý nhà nước, việc thực thi pháp luật ở lĩnh vực này chưa hiệu quả.

Trong Bảng mã, nghiên cứu sinh có thiết kế nội dung: Nhân vật trong tin, bài về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Sau khi phân tích thông điệp, tác giả có được kết quả: Tin, bài trên báo điện tử đề cập đến đối tượng gây lãng phí chiếm tỷ lệ cao nhất là cả “Cá nhân và Tập thể” với 49%, thấp nhất là “Cá nhân” với 16%. Điều này chứng tỏ, đối tượng gây lãng phí hiện nay chủ yếu là cả 2 đối tượng nói trên. Nó phản ánh đúng đối tượng gây lãng phí hiện nay, thường là nhiều người, tập thể.

Phân tích trên cũng phù hợp với đánh giá hiện nay: “Chỉ trong một năm (năm 2014), hệ thống Kho bạc Nhà nước đã phát hiện 36.500 khoản chi chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định; ngành Thanh tra đã triển khai 7.072 cuộc thanh tra hành chính và 233.811 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, kiến nghị thu hồi về NSNN 51.583 tỷ đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý 13.777 tỷ đồng. Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành 188 cuộc kiểm toán với tổng số tiền kiến nghị xử lý về tài chính là 23.425 tỷ đồng” [189]. Đó là những con số lãng phí lớn đối với một quốc gia nghèo và trình độ phát triển thấp như Việt Nam.

Tóm lại, trong nhóm tin, bài tuyên truyền về Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, những thông tin quan trọng phân tích nguyên nhân, thiệt hại, chức vụ của người gây ra lãng phí, hình phạt,... thì các báo điện tử trực thuộc khối báo chí của Đảng, Chính phủ đưa tin không cụ thể, chi tiết bằng các báo điện tử thuộc khối tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Điều này chứng tỏ công tác tuyên truyền Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua kênh phương tiện truyền thông đại chúng, trong đó có các báo điện tử chủ lực của Đảng, Chính phủ lại chưa nổi trội.

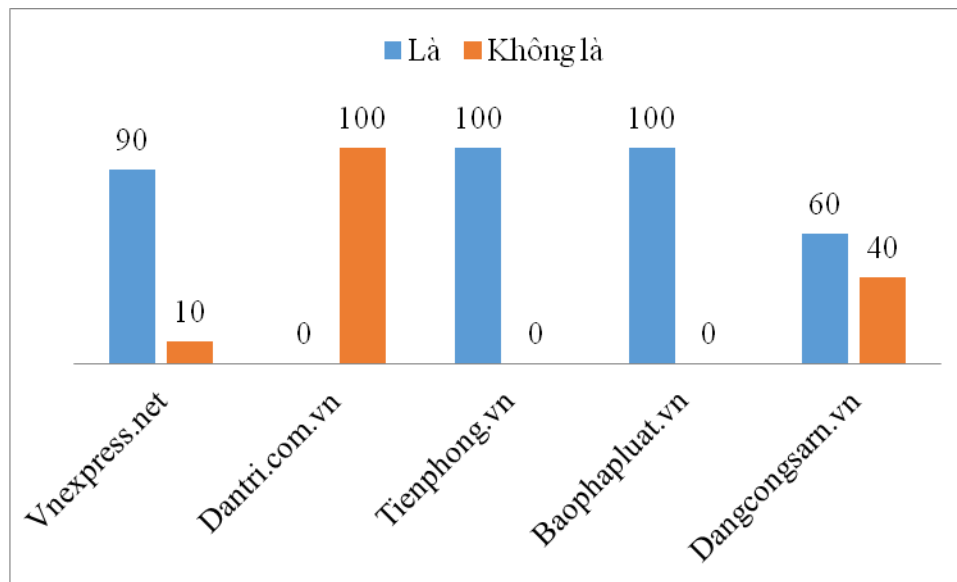
### 2.1.3. Tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Nội dung thông điệp thứ ba được tác giả phân tích đó là tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Một trong những câu hỏi được đưa vào Bảng mã là: Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại/oan/sai như thế nào? Cơ quan Nhà nước bồi thường thiệt hại/oan có là chủ đề chính là tin bài không?

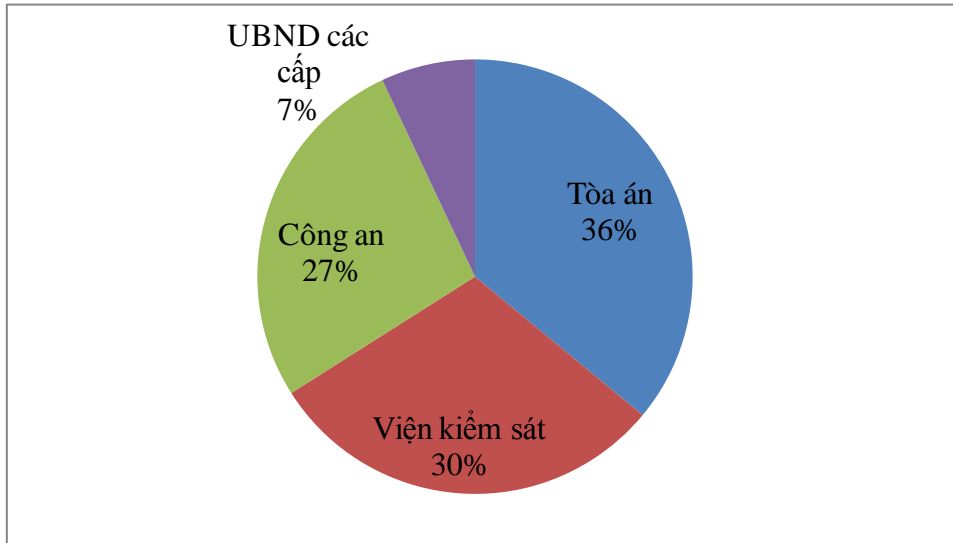
Kết quả phân tích cho thấy, hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại/oan/sai là chủ đề chính trong tin, bài của báo điện tử chiếm tới 90%, còn lại là 10% tin, bài không đề cập về chủ đề này.

**Biểu đồ 2.9. Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại/oan/sai là chủ đề chính của tin, bài giữa các báo điện tử (%)**



Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.9 cho thấy: tin, bài có chủ đề chính là hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại/oan, sai chiếm tỷ lệ tuyệt đối ở 2 báo: tienphong.vn, baophapluat.vn; thấp nhất là ở báo dangcongsan.vn với 60%. Điều đó chứng tỏ chủ đề này được tờ báo có liên quan trực tiếp là baophapluat.vn, cơ quan ngôn luận của Bộ Tư pháp và tờ báo trực thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh rất quan tâm, trong khi báo Đảng có tỷ lệ tin, bài đề cập đến chủ đề này thấp hơn.

**Biểu đồ 2.10. Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại/oan/sai và trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc về cơ quan (%)**



Phân tích số liệu được thể hiện trên Biểu đồ 2.10 cho thấy tỷ lệ tin, bài trên báo điện tử đề cập tới hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại/oan/sai, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc về cơ quan “Tòa án” – “là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” chiếm tỷ lệ cao nhất với 36%; đứng thứ 2 là “Viện kiểm sát” – “là cơ quan duy nhất được giao chức năng thực hành quyền công tố” với 30%; thấp nhất là “UBND các cấp” – “là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên” với 7%. Qua đó cho thấy, khi tuyên truyền pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, các báo điện tử tập trung thông tin về hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan công an, trong khi lại chưa quan tâm nhiều đến trách nhiệm của chính quyền, UBND các cấp.

Kết quả phân tích cho thấy, cụm từ “Người thi hành công vụ làm trái pháp luật” được nhắc đến trong tin, bài trên báo điện tử khá ít (với 41 tin, bài trên tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của

Nhà nước), với 3 loại tần suất: 1, 2, 3 lần/1 tin, bài. Trong đó, cao nhất là tần suất 1 lần/1 tin, bài chiếm tỷ lệ 56,5%; thấp nhất là 3 lần/1 tin, bài chiếm tỷ lệ 5,2%. Điều đó chứng tỏ cụm từ “Người thi hành công vụ làm trái pháp luật” ít được nhắc đến trên báo điện tử.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, cụm từ “oan, sai” được nhắc đến tin, bài trên báo điện tử ít hơn, với 39 tin, bài với 2 loại tần suất: 1, 2 lần/1 tin, bài. Trong đó, cao nhất là tần suất 1 lần/1 tin, bài. Điều này bước đầu phản ánh được thực tế diễn ra trong năm 2015 phát hiện nhiều vụ án oan liên quan đến trách nhiệm của người thi hành công vụ. Có thể kể ra các vụ oan đặc biệt nghiêm trọng như vụ ông Nguyễn Thanh Chấn (Bắc Giang) 10 năm ngồi tù oan; vụ án ông Huỳnh Văn Nén (Bình Thuận) bị ngồi tù oan hơn 17 năm, được báo chí đặt tên là “người tù thế kỷ”...

Phạm vi điều chỉnh của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án; thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; kinh phí bồi thường và trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại.

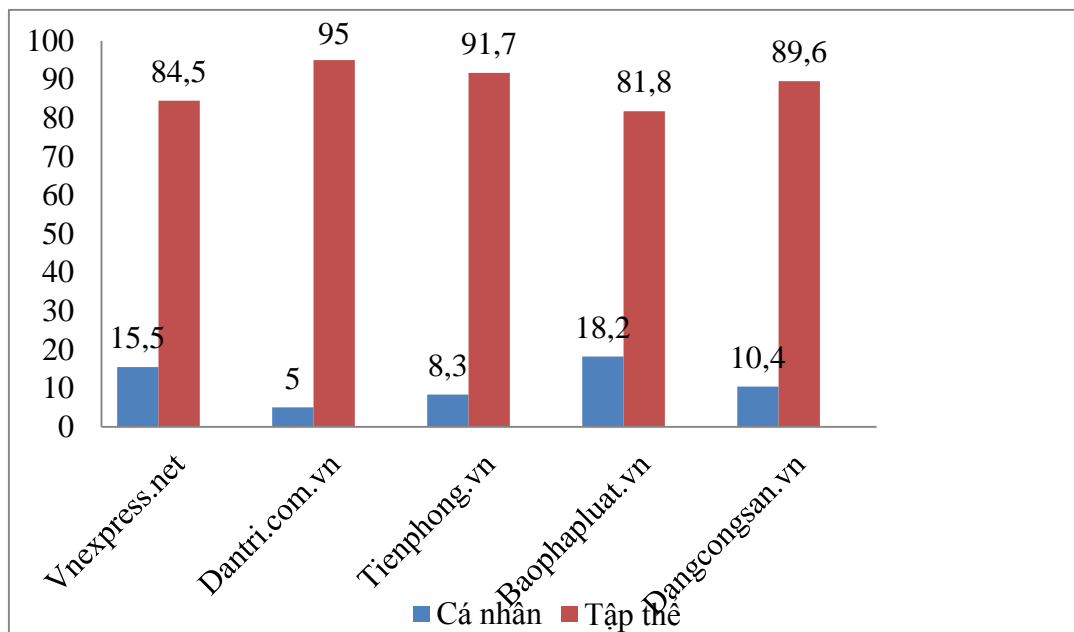
Khảo sát từ khóa “Nhà nước bồi thường thiệt hại”, tác giả thu được 49 tin, bài trên tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trong đó tần suất xuất hiện cụm từ “Nhà nước bồi thường thiệt hại” xuất hiện từ 1 đến 4 lần; cao nhất là tần suất 1 lần/1 tin, bài (chiếm 24,5% tổng số tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước); thấp nhất là 4 lần/1 tin, bài (có 8 lần xuất hiện, chiếm 4% tổng số tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước).

Trong tổng số 200 tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ tin, bài xuất hiện các

cụm từ “tòa án giải quyết việc bồi thường”, “hoàn trả cho ngân sách nhà nước”, “khôi phục danh dự” rất ít, chỉ chiếm tỉ lệ từ 1,2 – 2,3%.

Kết quả phân tích cho thấy, đối tượng gây ra vụ án oan là “Tập thể” chiếm tỷ lệ rất cao lên tới 90%, còn lại là 10% “Cá nhân”. Điều này là hợp lý, bởi vì trình tự giải quyết một vụ án ở nước ta hiện nay gồm nhiều khâu, liên quan đến nhiều cán bộ trong cơ quan bảo vệ pháp luật (công an, tòa án, viện kiểm sát), dẫn đến tình trạng một vụ án gây ra vụ án oan thường là có trên một người thực hiện. Đơn cử, liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thanh Chấn (Bắc Giang) bị ngồi tù oan 10 năm, vào tháng 4/2016, các đối tượng: Đặng Thế Vinh – nguyên trưởng phòng 10 Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và Trần Nhật Luật – nguyên phó Công an huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang bị truy tố về tội làm sai lệch hồ sơ vụ án. Trước đó, ông Phạm Tuấn Chiêm, nguyên thẩm phán tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội, người từng ngồi ghế chủ tọa và tuyên án chung thân ông Nguyễn Thanh Chấn bị khởi tố về tội Thiếu tinh thần trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng...

**Biểu đồ 2.11. Đối tượng gây thiệt hại/oan/sai được nêu trong tin, bài của các báo điện tử (%)**

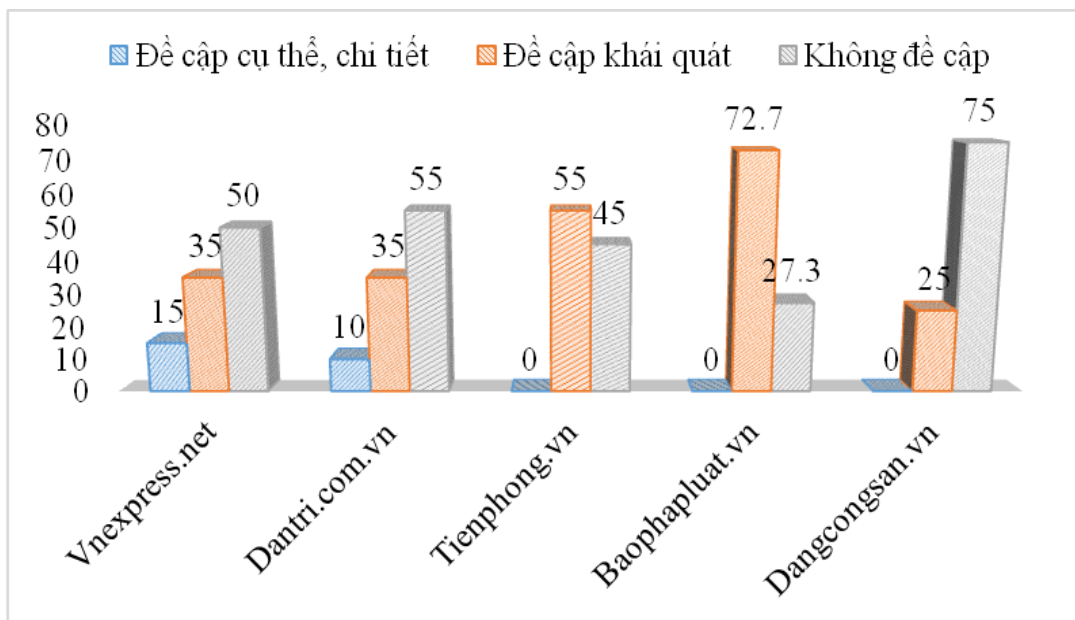


Từ kết quả phân tích thể hiện trên Biểu đồ 2.11 cho thấy, trong 5 báo điện tử khảo sát thì duy chỉ có baophapluat.vn có tỷ lệ đề cập đối tượng gây

thiệt hại/oan/sai là “Cá nhân” cao hơn các báo khác với 18,2%. Báo điện tử Vnexpress có tỷ lệ 84,5% đối tượng gây oan/sai được nêu trong tin, bài là tập thể và 15,5% là cá nhân. Báo điện tử Dantri có tỷ lệ 95% đối tượng gây oan/sai được nêu trong tin, bài là tập thể và có 5% đối tượng gây oan, sai là cá nhân. Báo điện tử Tienphong có tỷ lệ 91,7% là tập thể, 8% là cá nhân. Báo điện tử dangcongsan với tỷ lệ 89,6% đối tượng gây oan, sai là tập thể và 10,4% là cá nhân.

Kết quả phân tích cũng cho thấy, nguyên nhân gây ra thiệt hại/oan/sai được báo điện tử đề cập chỉ chiếm tỷ lệ 50%, trong đó 45% đề cập khái quát và 5% đề cập cụ thể, chi tiết. Điều này chứng tỏ, nguyên nhân gây thiệt hại/oan/sai không được chỉ ra rõ ràng ở phần lớn các tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

**Biểu đồ 2.12. Mức độ đề cập nguyên nhân gây thiệt hại/oan/sai giữa các báo điện tử(%)**



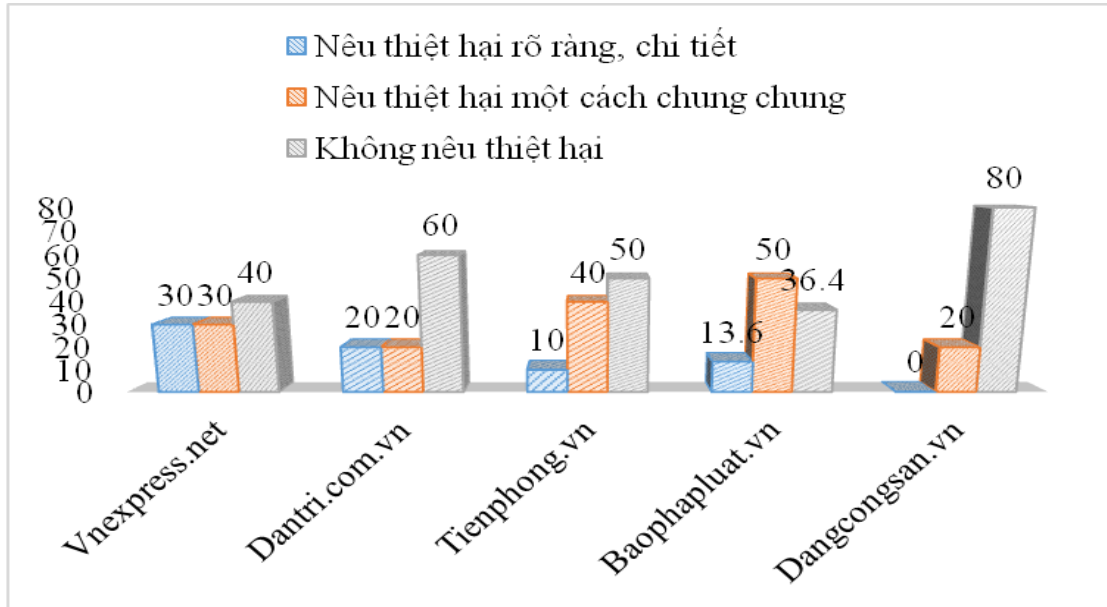
Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.12 cho thấy, trong 5 báo điện tử khảo sát thì tỷ lệ “Đề cập cụ thể, chi tiết” cao nhất cũng chỉ đạt 15% ở báo vnexpress.net và có 3 báo không đề cập: tienphong.vn, baophapluat.vn, dangcongsan.vn; “Đề cập khái quát” cao nhất ở báo baophapluat.vn (72,7%).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, hậu quả của hành vi gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến trong tin, bài trên báo điện tử chiếm tỷ lệ dưới mức



trung bình, với tỉ lệ 47%. Trong đó, cao nhất là tỷ lệ được nhắc đến “Nêu thiệt hại một cách chung chung” (32%), thấp nhất là tỷ lệ “Nêu thiệt hại rõ ràng, chi tiết” (15%).

**Biểu đồ 2.13. Hậu quả của hành vi gây ra thiệt hại/oan, sai được nhắc đến trong tin, bài của các báo điện tử (%)**



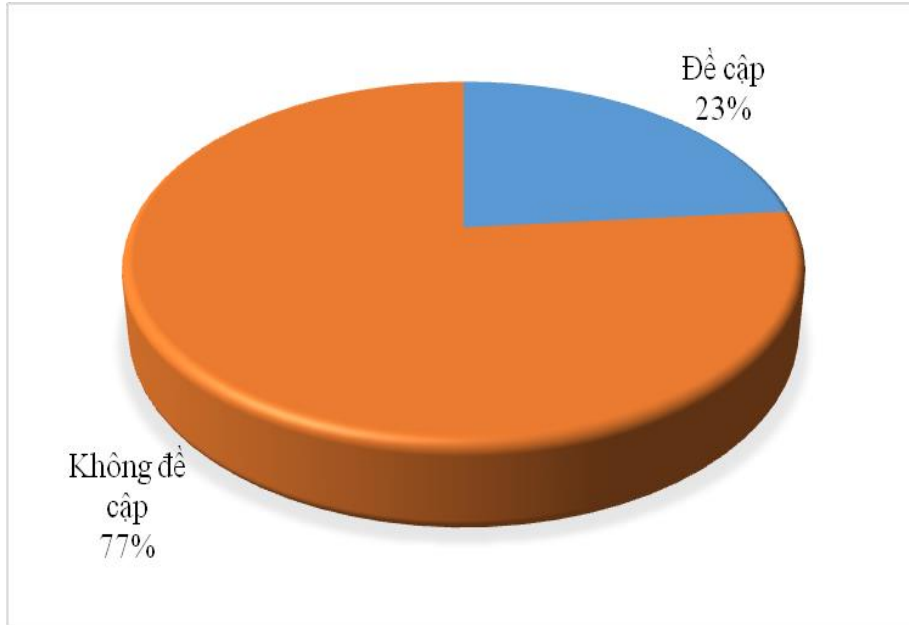
Kết quả khảo sát, phân tích thể hiện trên Biểu đồ 2.13 cho thấy, trong 5 báo điện tử khảo sát thì hậu quả của hành vi gây thiệt hại/oan, sai được nhắc đến “Rõ ràng, chi tiết” chỉ có 4 báo đề cập (báo dangcongsan.vn không đề cập). Trong đó, tờ báo chiếm tỷ lệ cao nhất cũng chỉ đạt 30% (vnexpress.net); tiếp đến báo điện tử Dân trí có tỷ lệ 20% nêu “thiệt hại rõ ràng, chi tiết”; báo điện tử Pháp luật Việt Nam 13,6% và đứng thứ tư là báo điện tử Tiền phong, với tỷ lệ 10% tin, bài nêu “rõ ràng, chi tiết” về hậu quả của hành vi gây thiệt hại/oan, sai.

Ở mẫu phân tích “nêu thiệt hại một cách chung chung”, chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo điện tử Pháp luật Việt Nam (50%); tiếp đến báo điện tử Tiền phong, với tỷ lệ 40%; báo điện tử Vnexpress có tỷ lệ 30% và thấp nhất ở báo điện tử Dân trí và báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, có đồng tỷ lệ 20% tin, bài nêu hậu quả của hành vi gây thiệt hại/oan, sai một cách chung chung.

Ở mẫu phân tích “không nêu thiệt hại”, chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, với 80%; tiếp đến báo điện tử Dân trí với tỷ lệ

60%, báo điện tử Tiền phong với tỷ lệ 50%; báo điện tử Vnexpress 40% và thấp nhất ở báo điện tử Pháp luật Việt Nam, với tỷ lệ 36,4% tin, bài không nêu hậu quả của hành vi gây thiệt hại/oan/sai.

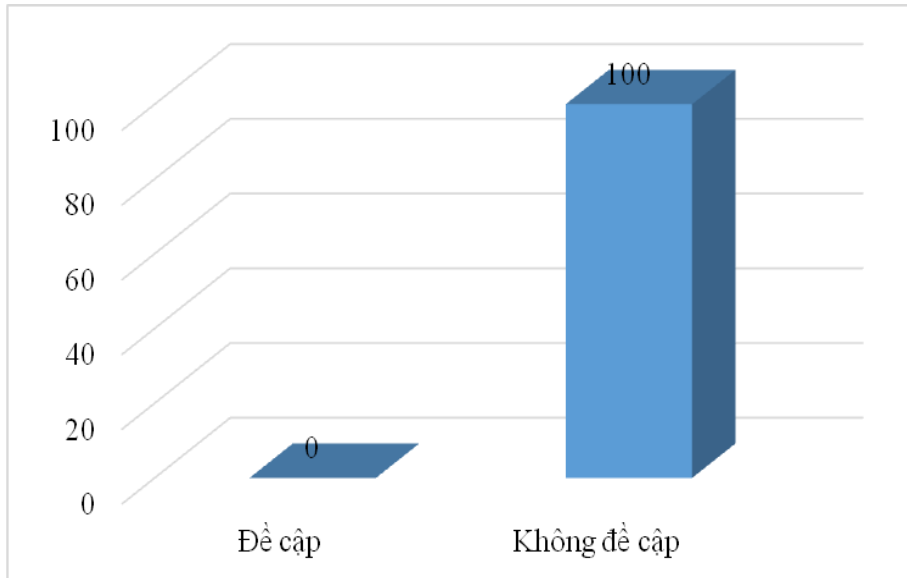
**Biểu đồ 2.14. Tin, bài đề cập/không đề cập số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại/oan/sai (%)**



Kết quả khảo sát, phân tích (Biểu đồ 2.14) cho thấy, tin, bài đề cập tới số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại/oan/sai chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 23%, còn lại là 77% tin, bài không đề cập.

Qua khảo sát, phân tích cũng cho kết quả: Trong 5 báo điện tử thì tin, bài đề cập đến thông tin “số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại oan, sai” chiếm tỷ lệ cao nhất ở báo điện tử Vnexpress, với 50%; tiếp đến báo điện tử Dân trí có tỷ lệ 30%; các báo điện tử Pháp luật Việt Nam và Tiền phong có tỷ lệ (20-25%); thấp nhất ở báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, với tỷ lệ 10%. Điều này cho thấy, năng lực tiếp cận nắm bắt thông tin và công bố thông tin về số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại/oan/sai của báo Vnexpress vượt trội so với 4 báo điện tử còn lại.

**Biểu đồ 2.15. Tin, bài đề cập/không đề cập số tiền của người thi hành công vụ (gây ra thiệt hại/oan/sai) phải trả cho Nhà nước (%)**



Kết quả nghiên cứu thể hiện trên Biểu đồ 2.15 cho thấy, không có tin, bài nào đề cập tới số tiền của người thi hành công vụ, người có thẩm quyền gây ra thiệt hại/oan/sai phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.

**Tóm lại,** về quy mô thông tin trên các chuyên mục: Số tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nhiều hơn số tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ít hơn tin bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Qua khảo sát, phân tích cho thấy, trong 5 báo điện tử thì báo thuộc cơ quan của Đảng (dangcongsan.vn) không đề cập nhiều đến đối tượng gây thiệt hại là những người có chức vụ bằng các báo còn lại. Có những thông tin mà cả 5 báo đều đề cập rất hạn chế về hậu quả của hành vi trái pháp luật gây ra; không có tin, bài nào đề cập tới số tiền của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại/oan, sai phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước. Có thể nói, đây là một điểm hạn chế của các báo điện tử trong quá trình tuyên truyền thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

## **2.2. Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của cán bộ, đảng viên**

Như chương 1 đã giải thích: “Tiếp cận thông điệp” được sử dụng trong luận án này là việc đọc/ xem/ nghe (ghi chung là “đọc”) tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử. Và, người nhận thông điệp pháp luật (đối tượng tiếp nhận thông điệp pháp luật) trên báo điện tử là cán bộ, đảng viên (CBDV). Đây cũng là nhóm khách thể nghiên cứu của Luận án.

Nhiệm vụ chính yếu của Luận án là nghiên cứu hiệu quả (E). Để giải quyết nội dung trọng yếu nhất của luận án là nghiên cứu hiệu quả - “E”, thì công đoạn đầu tiên là nghiên cứu sinh phải khảo sát, lượng hóa được thông điệp pháp luật trên báo điện tử có được CBDV tiếp cận (đọc/nghe/xem) hay không. Đây chính là mối quan hệ giữa tác phẩm – nhà báo – công chúng báo chí. Nói cách khác, nếu CBDV không tiếp cận được tin, bài pháp luật trên báo điện tử, nếu thông điệp pháp luật cứ “treo” trên mạng Internet mà CBDV không đọc, không xem thì thông điệp đó không có tác dụng. Và, đương nhiên không thể tác động tới nhận thức, không thể thay đổi thái độ, hành vi của CBDV – không có hiệu quả tuyên truyền.

Nói như nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dũng: “Hiệu ứng và hiệu quả của báo chí thì mỗi công chúng đều có cảm nhận được bằng trí tuệ và cảm xúc của mình. Một trong những cấp độ biểu hiện của hiệu quả báo chí, đó là công chúng đọc/ xem/ nghe sản phẩm của tòa soạn không?”

Để lý giải vấn đề này, tác giả sẽ lần lượt phân tích về: Phương thức, tần suất tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV và các loại thông điệp pháp luật được CBDV tiếp cận trên báo điện tử.

### **2.2.1. Phương thức tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của cán bộ, đảng viên**

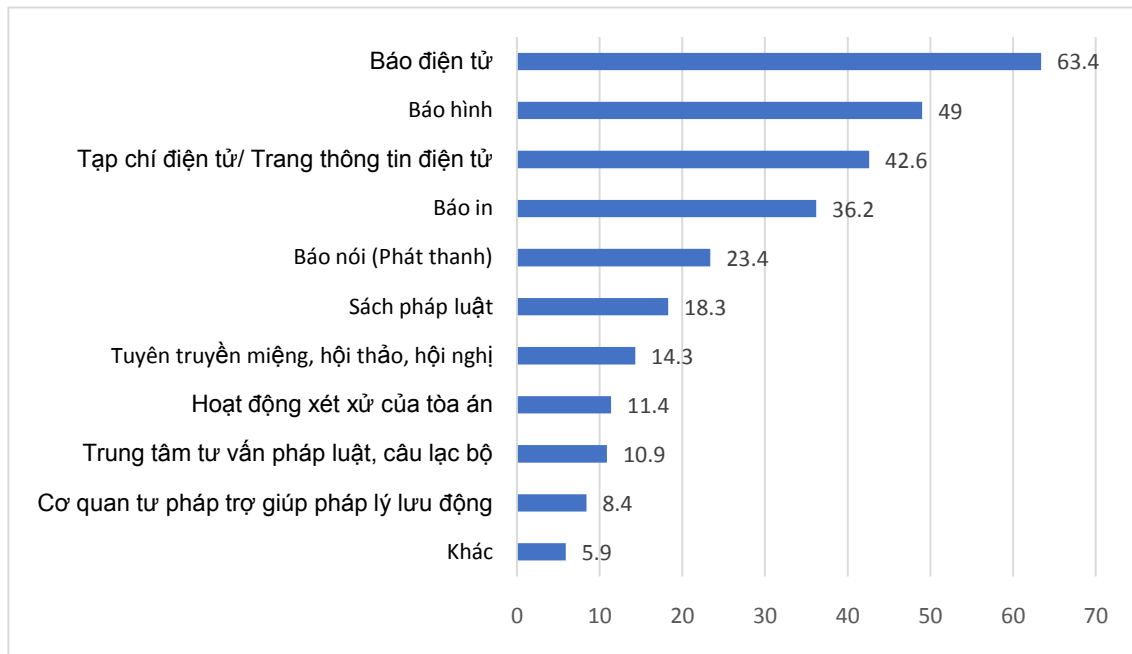
Cán bộ, đảng viên là khách thể nghiên cứu của luận án, là đối tượng tiếp nhận và trả lời Phiếu phỏng vấn thông tin. Cuộc khảo sát – phát phiếu phỏng vấn thông tin CBDV diễn ra trong 8 tháng (từ 1/4 đến 30/11/2016) tại khu vực

Hà Nội. Nghiên cứu sinh chưa có điều kiện khảo sát cỡ mẫu lớn, mang tính đại diện cao và có khả năng suy rộng. Mẫu lựa chọn để phát phiếu phỏng vấn thông tin là CBDV giữ các chức vụ từ cấp phòng, đến cấp cục, vụ của 3 cơ quan cấp Bộ, gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng.

Sau khi xác định được các tiêu chí chọn mẫu (CBDV) nêu trên, tác giả tiến hành phát 210 phiếu phỏng vấn thông tin tại 3 cơ quan cấp Bộ (mỗi cơ quan bộ phát 70 phiếu). Kết quả khảo sát sau khi phát 210 Phiếu phỏng vấn thông tin, nghiên cứu sinh thu về được 202 phiếu.

Trong thiết kế Phiếu phỏng vấn thông tin, nghiên cứu sinh có đặt câu hỏi: Quý vị (CBDV) thường tiếp cận (đọc/xem/nghe, ghi chung là đọc) tin, bài về pháp luật thông qua các kênh nào?

**Biểu đồ 2.16. Kênh tiếp cận thông điệp pháp luật của cán bộ, đảng viên (%)**

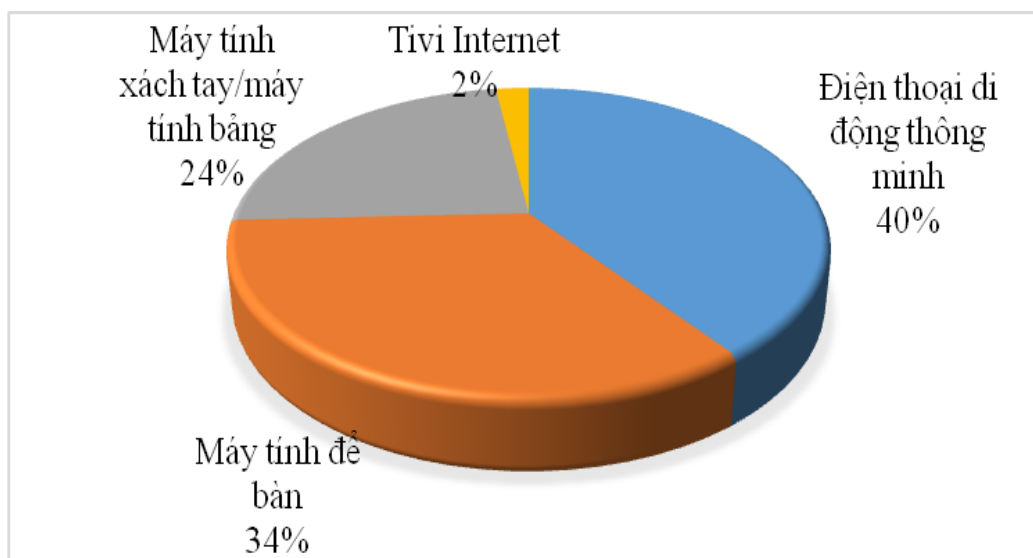


Kết quả nghiên cứu thể hiện trên Biểu đồ 2.16 cho thấy, CBDV đọc tin, bài về pháp luật chủ yếu qua 3 kênh: Báo điện tử (63,4%), Báo hình (49%), Trang thông tin điện tử tổng hợp/Tạp chí điện tử (42,6%),...; chiếm tỷ lệ thấp nhất ở kênh “Cơ quan tư pháp trợ giúp pháp lý lưu động”. Điều này chứng tỏ CBDV đang tiếp cận thông tin pháp luật gắn liền với công nghệ số - máy tính (bảng, xách tay, bàn), smartphone kết nối mạng Internet toàn cầu. Hơn nữa báo điện tử cũng có số lượng nhiều và ngày càng tăng – “Tính đến đầu năm

2017, cả nước có 150 cơ quan báo điện tử đã được cấp phép hoạt động (tăng 50 cơ quan báo điện tử so với năm 2015) [24, tr.1].

Vậy, CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử thông qua thiết bị nào?

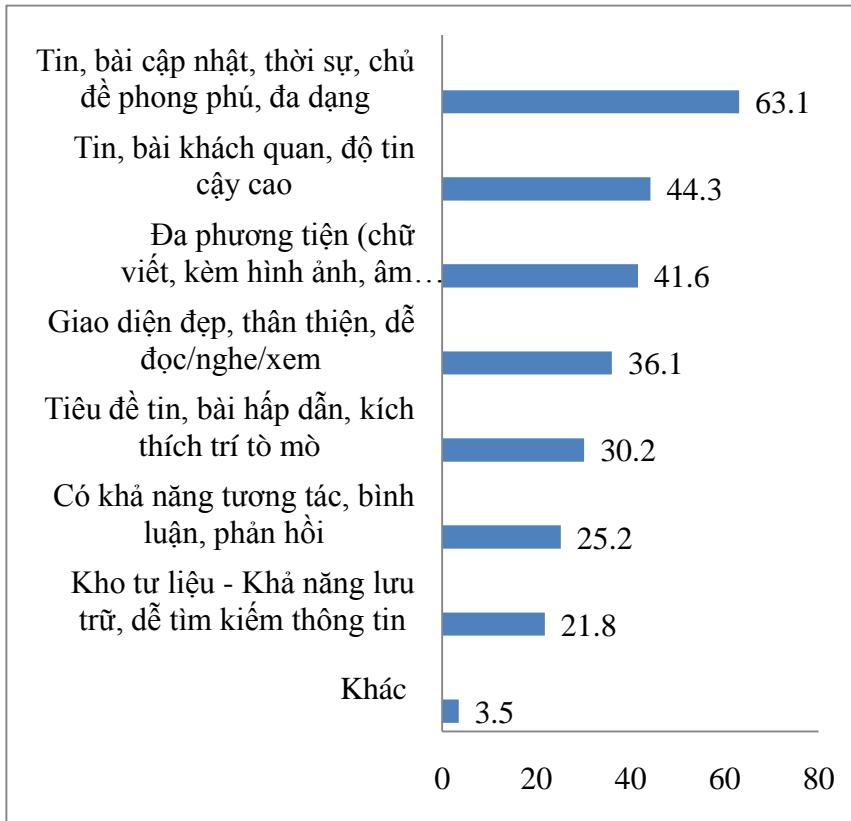
**Biểu đồ 2.17. Thiết bị đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)**



Kết quả hiển thị qua Biểu đồ 2.17 cho thấy, có tỷ lệ 40% CBDV khi được hỏi, trả lời đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử thông qua điện thoại thông minh (smartphone); có tỷ lệ 34% CBDV đọc tin, bài pháp luật qua máy tính để bàn; có tỷ lệ 24% CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử qua máy tính xách tay, máy tính bảng. Thấp nhất là tỷ lệ đọc tin, bài pháp luật thông qua tivi internet (2%).

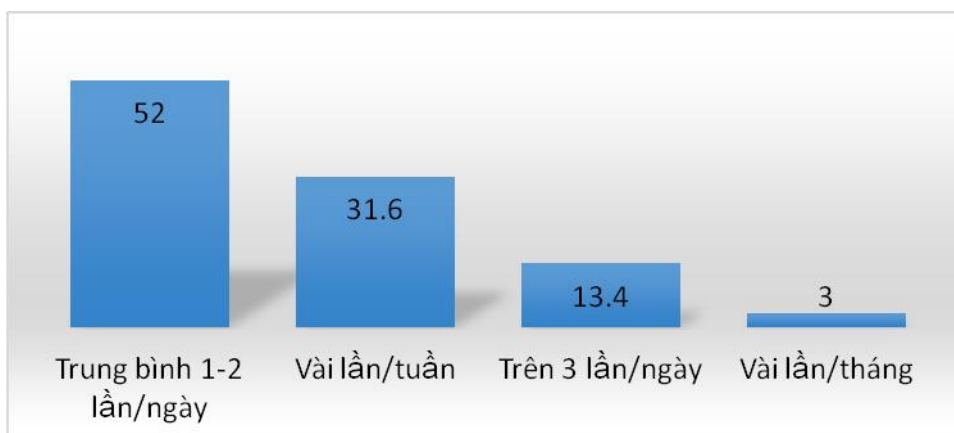
Kết quả trên cho thấy, CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử chủ yếu thông qua thiết bị smartphone – điện thoại thông minh có thể biến cả thế giới thành “ngôi làng” toàn cầu. Điện thoại thông minh có ưu thế về sự gọn nhẹ có thể mang theo bất cứ nơi đâu, có thể kết nối mạng, truy cập báo điện tử nhanh chóng, khả năng tương tác cao và không bị ràng buộc bởi thời gian truy cập, đọc/nghe/xem tin, bài pháp luật.

**Biểu đồ 2.18. Lý do thích đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)**



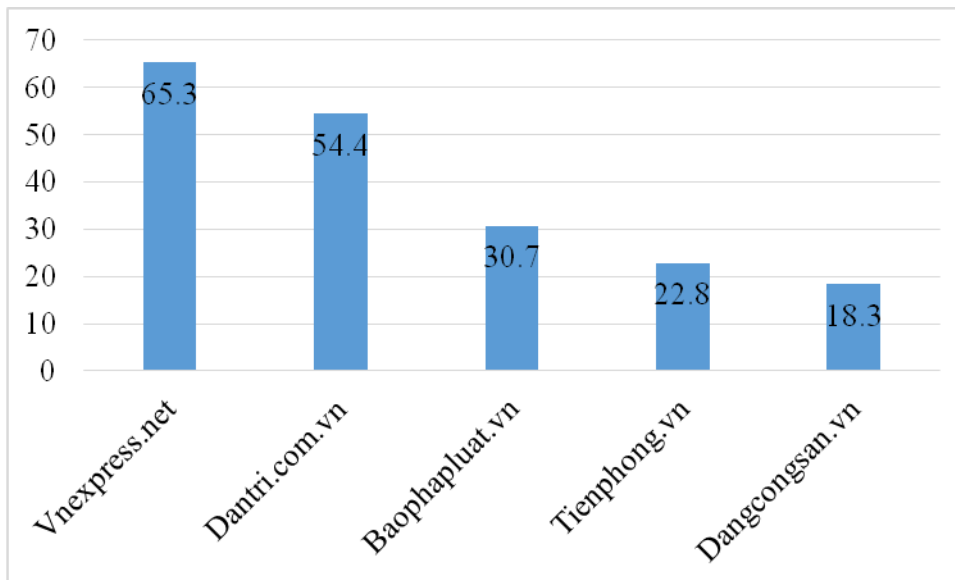
Kết quả nghiên cứu thể hiện trên Biểu đồ 2.18 cho thấy, lý do CBDV thích tin, bài về pháp luật trên báo điện tử chiếm tỷ lệ cao nhất là “Tin, bài cập nhật, thời sự; chủ đề phong phú, đa dạng” với 63,1%, đứng thứ 2 là “Tin, bài khách quan, độ tin cậy cao” (44,3%), thấp nhất là lý do “Kho tư liệu – khả năng lưu trữ, dễ tìm kiếm thông tin (21,8%)”. Lý do mà CBDV thích nhất đó chính là tin, bài cập nhật, thời sự, chủ đề thông tin phong phú, đa dạng.

**Biểu đồ 2.19. Tần suất đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)**



Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.19 cho thấy, tần suất đọc tin, bài pháp luật trong ngày trên báo điện tử của CBDV chiếm tỷ lệ cao (65,4%). Trong đó, tần suất đọc tin, bài pháp luật “Trung bình 1-2 lần/ngày” với 52%; đọc tin, bài pháp luật 3 lần/ngày là 13,4%. Thấp nhất ở tần suất đọc tin, bài pháp luật “Vài lần/tháng” chiếm tỉ lệ 3%. Điều này chứng tỏ CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử với tần suất là khá cao và thường xuyên.

**Biểu đồ 2.20. Mức độ CBDV đọc tin, bài pháp luật trên các báo điện tử được khảo sát (%)**



Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.20 cho thấy, CBDV đọc tin, bài pháp luật cao nhất là ở báo vnexpress.net, chiếm tỷ lệ 65,3%; đứng thứ hai là báo dantri.com.vn với tỷ lệ 54,4%. Còn lại tỷ lệ đọc tin, bài pháp luật ở các báo ở mức dưới trung bình, thấp nhất là báo dangcongsan.vn (18,3%). Điều này chứng tỏ CBDV đọc tin, bài pháp luật chủ yếu tìm đến những tờ báo có lượng tin bài phong phú, cập nhật nhanh, giao diện trình bày hiện đại, thân thiện, có số lượng bạn đọc ở tốp đầu trong hệ thống báo điện tử... Theo số liệu công bố nhân dịp VnExpress tròn 15 tuổi, tính đến tháng 1/2016, báo có 37,5 triệu người đọc thường xuyên (user), trong đó 13% từ nước ngoài. Năm 2015, hệ thống báo VnExpress tiếp nhận 13,5 tỷ lượt truy cập.



### 2.2.2. Các loại thông điệp pháp luật được cán bộ, đảng viên tiếp cận trên báo điện tử

Trong phần Mở đầu, đề cập đến phạm vi nghiên cứu của luận án đã nêu rõ: Tuyên truyền pháp luật là lĩnh vực vô cùng rộng lớn, có đến hàng trăm văn bản pháp luật điều chỉnh mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội. Trong phạm vi của luận án này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về hiệu quả tuyên truyền pháp luật ở 3 lĩnh vực liên quan mật thiết đến CBDV là: *Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước.*

Theo đó, khi thiết kế Phiếu phỏng vấn thông tin, nghiên cứu sinh đã đặt ra các câu hỏi về mức độ tiếp cận ba loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV như thế nào? (xem Bảng 2.1) và mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử ra sao? (xem Bảng 2.2)

**Bảng 2.1. Mức độ tiếp cận ba loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV (%)**

Các loại thông điệp pháp luật	Hiếm khi đọc (1)	Đọc ngẫu hứng lúc (2)	Bắt gặp đều đọc ngay (3)	Chủ động tìm kiếm đọc (4)
1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tội phạm tham nhũng	7.9	26.7	46.5	18.9
2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	29.3	43.1	21.2	6.4
3. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ)	12.3	36.7	40.6	10.4

Kết quả khảo sát thể hiện trên Bảng 2.1 cho thấy, có 2 loại thông điệp được CBDV thể hiện sự quan tâm bằng cách “Bắt gặp đều đọc ngay”, đó là: Pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tội phạm tham nhũng (46,5%); Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ), với tỷ lệ 40,6.

Thấp nhất là thông điệp pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ có 21,2% số người được hỏi, trả lời là “Bắt gặp đều đọc ngay” và cũng chỉ có 6,4% số người “chủ động tìm kiếm đọc”. Trong khi có 18,9% số người được trắc nghiệm trả lời là “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về phòng, chống tham nhũng; và có 10,4% số người “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ).

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy, thông điệp pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tội phạm tham nhũng được CBDV “chủ động tìm kiếm đọc” và “bắt gặp đều đọc ngay” nhiều nhất.

**Bảng 2.2. Mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật (%)**

<i>Các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>1. Quan tâm rất nhiều</i>	<i>2. Quan tâm nhiều</i>	<i>3. Quan tâm ít</i>	<i>4. Không quan tâm</i>
1. Pháp luật phòng, chống tham nhũng	13.4	48.6	29.6	8.4
2. Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8.1	23.2	47.6	21.1
3. Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	9.9	38.5	37.7	13.9

Bảng 2.2 cho thấy trong 3 lĩnh vực pháp luật, có 2 lĩnh vực được CBDV quan tâm nhiều và rất nhiều, đó là Pháp luật phòng, chống tham nhũng với tỷ lệ 55%, trong đó “quan tâm rất nhiều” có tỷ lệ 13.4%; “quan tâm nhiều” với 41.6%. Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với tỷ lệ 38,5% “quan tâm nhiều”. Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ có 23,2% số người được hỏi đã trả lời là “quan tâm nhiều”.

Về câu hỏi trắc nghiệm “quan tâm ít” có được kết quả lần lượt là: tỷ lệ 29,6% đối với lĩnh vực pháp luật phòng, chống tham nhũng; 47,6% đối với pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và 37,7% đối với pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Về câu hỏi trắc nghiệm “không quan tâm” đến tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật, trắc nghiệm cho ra kết quả: có 8,4% số người được hỏi đã trả lời “không quan tâm” đến tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; có 21,1% “không quan tâm” đến tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; và có 13,9% “không quan tâm” đến tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tóm lại, trong tiết 2.1 và 2.2, tác giả tập trung phân tích kết quả khảo sát về các chủ đề pháp luật trên báo điện tử và khảo sát tần suất, mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV.

*Về nội dung thứ nhất:* Thông tin về các chủ đề pháp luật trên báo điện tử, tác giả rút ra một số điểm sau:

Một là, qua khảo sát cũng cho thấy, tỷ lệ tin, bài giữa các báo điện tử đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng trong lĩnh vực đất đai, nhà ở, xây dựng còn ở dưới mức trung bình. Trong đó, cơ quan báo chí đề cập đến lĩnh vực này nhiều nhất là báo [tienphong.vn](http://tienphong.vn), nhưng cũng chỉ chiếm 19,7%.

Kết quả phân tích nội dung thông điệp cho thấy, báo điện tử thuộc cơ quan của Đảng ([dangcongsan.vn](http://dangcongsan.vn)) đề cập thông tin về pháp luật phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế thấp hơn so với các báo điện tử trực thuộc cơ quan Nhà nước và cơ quan thuộc tổ chức chính trị - xã hội và

tổ chức xã hội (Vnexpress.net; baophapluat.vn; dantri.com.vn; tienphong.vn). Kết quả nghiên cứu thể hiện trên biểu đồ 2.5 cho thấy, tỷ lệ tin, bài của các báo điện tử đề cập đến vấn đề vụ việc tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ là ít. Trong đó, tỷ lệ cao nhất đạt 20,3% (dantri.com.vn), tienphong.vn (17,4%); Vnexpress.net (11,7%); baophapluat.vn (6,7%); báo dangcongsan.vn có tỷ lệ đăng thấp nhất (tỷ lệ 3,3%).

Qua đó cho thấy việc tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ, trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng còn chưa đạt yêu cầu cả về số lượng, quy mô và chất lượng.

Nhìn chung, các báo điện tử có đề cập đến tình trạng tham nhũng, nhưng chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc đưa tin, ít các bài điều tra đến tận cùng các vụ việc tiêu cực tham nhũng đã và đang hiện hữu trong đời sống xã hội (Kết quả khảo sát cho thấy, thể loại Phóng sự/ điều tra chỉ chiếm tỉ lệ 6,2% trên tổng số 600 tin, bài tuyên truyền về pháp luật). Mặc dù, các cụm từ “chạy án”, “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy luân chuyển”,... cũng được đưa vào Bảng mã để phân tích thông điệp. Tuy nhiên, tỷ lệ tần suất xuất hiện các cụm từ này trong các tin, bài trên các báo điện tử là ít, không phản ánh đúng tình hình đang diễn ra thực tế ngoài xã hội. Báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016 đã nhận định: Tham nhũng vẫn đang diễn biến phức tạp, xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và chưa bị đẩy lùi. Công tác phòng, chống tham nhũng nói chung chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra và vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém.

Hai là, qua khảo sát, phân tích, đánh giá cho thấy: việc tuyên truyền pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên 5 báo điện tử là chưa đậm nét, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh của loại hình báo điện tử. Đơn cử như, tỷ lệ tin, bài đề cập tới việc tập thể, cá nhân gây lãng phí bị xem xét kỷ luật chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ là 18%; còn lại là 82% tin, bài không đề cập. Điều này được hiểu là, hầu hết các hành vi gây lãng phí (được nêu trên 5 báo được khảo sát) đều không bị xem xét, xử lý, cho nên trên báo điện

tử không đề cập là điều hiển nhiên. Tuy nhiên, qua đây cũng cho thấy tính phát hiện và tính phản biện của báo điện tử trong vấn đề này chưa cao, chỉ mới dừng ở mức độ: có vụ việc, có sự kiện thì đưa tin, chưa chủ động trong công tác thông tin tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ba là, về việc tuyên truyền pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước, qua khảo sát cho thấy, có những thông tin mà cả 5 báo điện tử đều đề cập rất hạn chế, đó là tên người gây án oan, sai còn ít được nhắc tới và không hề đề cập đến số tiền của người thi hành công vụ làm trái pháp luật (gây thiệt hại/oan/sai) phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.

*Về nội dung thứ hai* của Chương 2 “Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV”, qua khảo sát, phân tích cho thấy, CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử với tần suất là khá cao và thường xuyên. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, CBDV tiếp cận ba loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử ở mức độ trung bình và trung bình khá. Trong đó, cao nhất với tỷ lệ 65% CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tội phạm tham nhũng trên báo điện tử.

Cùng với việc khảo sát, đánh giá mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV, tác giả đồng thời khảo sát, trắc nghiệm, phân tích, đánh giá cụ thể về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

### **2.3. Mức độ tác động đến nhận thức của cán bộ, đảng viên**

Mức độ tác động đến nhận thức của CBDV sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử là tiêu chí thứ hai sau tiêu chí mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV. Nội dung của tiêu chí “nhận thức”, đó là: “Nhớ được các thông điệp; Hiểu ý nghĩa của thông điệp và liệt kê, kể ra

được nội dung cơ bản của thông điệp”[81, tr.28]. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trên bảng 2.3; bảng 2.4; bảng 2.5 và bảng 2.6.

**Bảng 2.3. Mức độ hiểu biết pháp luật của CBDV sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử (%)**

<i>Pháp luật phòng, chống tham nhũng</i>			<i>Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</i>			<i>Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>		
1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều	1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều	1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều
7.9	51.2	40.9	10.4	54.9	34.7	23.8	60.9	15.3

Kết quả khảo sát thể hiện trên Bảng 2.3 cho thấy, có 40,9% số người được hỏi cho biết “hiểu biết nhiều” sau khi tiếp cận thông điệp (đọc tin, bài) pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử; có 34,7% số người trả lời “hiểu biết nhiều” sau khi đọc tin, bài pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; có 15,3% số người trả lời “hiểu biết nhiều” sau khi đọc tin, bài về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Kết quả trắc nghiệm cũng cho thấy, có 7,9% số người được hỏi cho biết “chưa hiểu gì” sau khi đọc tin, bài pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử; có 10,4% số người trả lời “chưa hiểu gì” sau khi đọc tin, bài pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên báo điện tử và có 23,8% số người được hỏi đã trả lời “chưa hiểu gì” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên báo điện tử.

**Bảng 2.4. Mức độ nhận thức của CBDV về các hành vi phạm vào tội tham nhũng (%)**

Các hành vi	0. Không biết	1. Không đúng	2. Đúng
1. Tham ô tài sản	0	0	100
2. Nhận hối lộ	0	0	100
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản	8.5	9.5	82.0
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	9.5	10.0	80.5
5. Lạm quyền trong khi thi hành công vụ	5.4	16.9	77.6
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi	7.4	17.9	74.7
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi	12.3	29.5	58.2

Luật phòng, chống tham nhũng quy định các hành vi tham nhũng, bao gồm: 1/ Tham ô tài sản. 2/ Nhận hối lộ. 3/ Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. 4/ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. 5/ Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. 6/ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi. 7/ Giả mạo trong công tác vì vụ lợi. 8/ Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi. 9/ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi. 10/ Những nhiễu vì vụ lợi. 11/ Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. 12/ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Nghiên cứu sinh chỉ đưa 7/12 hành vi tham nhũng vào Bảng phỏng vấn thông tin, nhưng kết quả khảo sát (Bảng 2.4) đã cho thấy, một tỉ lệ không nhỏ CBDV đã trả lời chưa đúng. Trong đó, chỉ có 2 hành vi “Tham ô tài sản” và “Nhận hối” là CBDV nhận thức với tỷ lệ 100% khẳng định “đúng” là hành vi tham nhũng; còn ở hầu hết các hành vi khác đều có tỷ lệ không nhỏ CBDV “không biết”, hoặc đánh giá sai. Tiêu biểu là hành vi “Giả mạo trong công tác vì vụ lợi” có tỷ lệ CBDV “không biết” và “không đúng” chiếm tới 41,8%.

**Bảng 2.5. Mức độ CBDV nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về các vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014, 2015 (%)**

<i>Tên vụ án</i>	<i>1. Không biết</i>	<i>2. Có biết, nhưng không nhớ rõ</i>	<i>3. Có biết, nhớ rõ</i>
1. Vụ án tham nhũng tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	4.5	76.2	19.3
2. Vụ tham nhũng tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin)	4.0	75.2	20.8
3. “Đại án” tham nhũng tại Công ty cho thuê tài chính II	50.2	41.9	7.9

Kết quả khảo sát (Bảng 2.5) cho thấy, trong cả 3 vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014, 2015 (Vụ án tham nhũng tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; Vụ tham nhũng tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam; “Đại án” tham nhũng tại Công ty cho thuê tài chính II) thì hầu hết CBDV có đọc trên báo điện tử, nhưng đều ở trạng thái “Có biết, nhưng không nhớ rõ”. Cụ thể, vụ án 1 chiếm tỷ lệ 76,2%; vụ án 2 chiếm tỷ lệ 75,2%, vụ án 3 chiếm tỷ lệ 41,9%.



Phải khẳng định rằng, trên đây là 3 vụ án tham nhũng lớn tại thời điểm xảy ra được dư luận hết sức quan tâm, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn thì số lượng bạn đọc (CBDV) nhớ rõ về thông tin 3 vụ án này lại không cao. Như vậy, CBDV không nhớ được thông điệp sẽ dẫn tới khó tác động đến nhận thức và theo đó cũng sẽ khó tác động đến thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật. Bởi lẽ, “một trong những chỉ báo quan trọng cho thấy hiệu quả truyền thông đại chúng là việc công chúng nhớ được nội dung thông điệp” [111, tr.23].

Câu hỏi tiếp theo được tác giả đưa ra trắc nghiệm đó là: Thông qua đọc báo điện tử, Quý vị (CBDV) cho biết nhận thức của mình về các hành vi gây lãng phí đang tồn tại trong xã hội.

**Bảng 2.6. Nhận thức của CBDV về mức độ của các hành vi gây lãng phí đang tồn tại trong xã hội (%)**

<i>Các hành vi</i>	<i>1. Lãng phí nghiêm trọng</i>	<i>2. Lãng phí ít nghiêm trọng</i>	<i>3. Sử dụng tiết kiệm, không lãng phí</i>
1. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch về kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng	11.5	22.3	66.2
2. Sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước, tài sản doanh nghiệp Nhà nước, đầu tư công	21.3	20.6	58.1
3. Khai thác và sử dụng tài nguyên	19.7	20.1	60.2
4. Sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước	9.9	24.3	71.3

Kết quả khảo sát thể hiện trên Bảng 2.6 cho thấy, có 33,8% số người trả lời rằng “*Công tác lập quy hoạch, kế hoạch về kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng*” có lãng phí từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng. Tương tự, có 41,9% CBDV khi

được hỏi đã bày tỏ ý kiến về việc “*Sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước, tài sản doanh nghiệp nhà nước và đầu tư công*” đã có sự lãng phí từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng. Và, có tới 39,8% số người được hỏi cho rằng “*Khai thác và sử dụng tài nguyên*” đã lãng phí từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng.

Tỉ lệ khả quan nhất là về vấn đề “*Sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước*” – có tới 71,3% số người được hỏi đã khẳng định: Sử dụng tiết kiệm, không lãng phí, chỉ có 9,9% đánh giá là lãng phí nghiêm trọng và 24,3% cho rằng có sự “lãng phí ít nghiêm trọng”.

Trên đây là nhận thức của CBDV về tình hình lãng phí nói chung ở ngoài xã hội. Vậy, những dự án đầu tư công lớn đến hàng ngàn tỷ đồng được nêu trên báo điện tử, CBDV có nắm bắt, ghi nhớ?

**Bảng 2.7. Mức độ CBDV nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử thông tin về các dự án đầu tư công có nguy cơ lãng phí (%)**

<i>Tên công trình, dự án có nguy cơ lãng phí</i>	<i>1. Không biết</i>	<i>2. Có biết, nhưng không nhớ rõ</i>	<i>3. Có biết, nhớ rõ</i>
1. Dự án đường sắt Cát Linh – Hà Đông được đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng	15.5	65.4	19.1
2. Dự án mở rộng Nhà máy gang thép Thái Nguyên được đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng	34.5	52.7	12.8
3. Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình được đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng	43.5	47.9	8.6

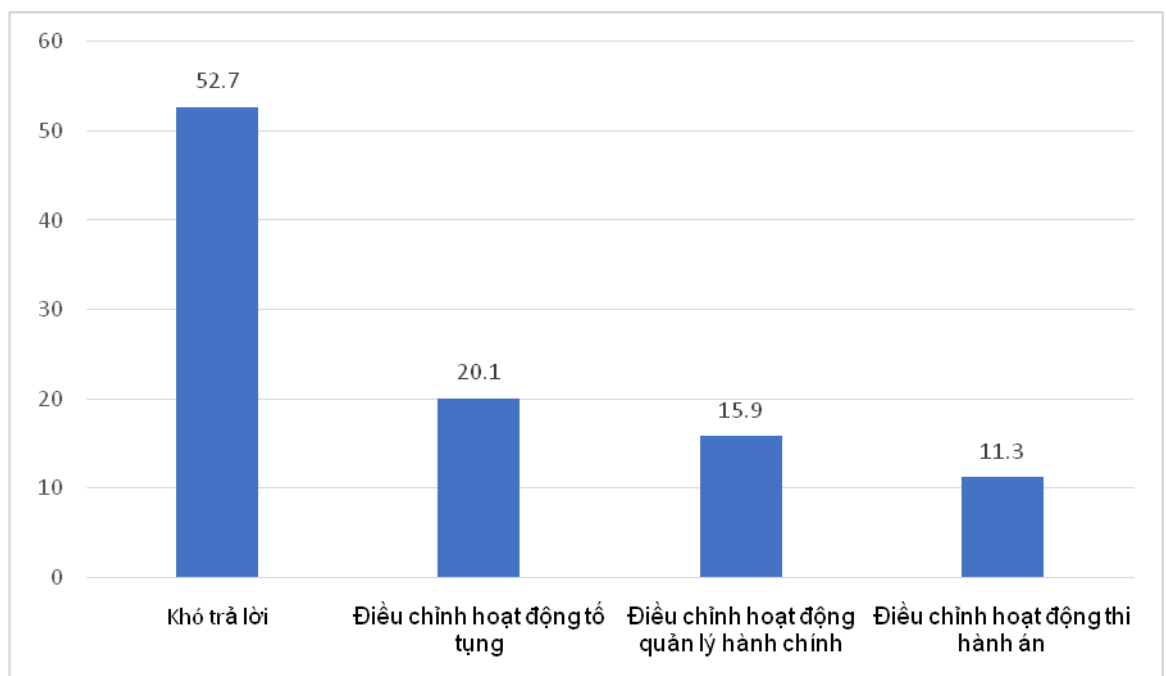
Kết quả khảo sát thể hiện trên Bảng 2.7 cho thấy, có 15,5 % số người được hỏi đã trả lời là “không biết” Dự án đường sắt Cát Linh – Hà Đông được đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng có nguy cơ lãng phí; có 65,4% cho rằng “có biết, nhưng không nhớ rõ”, có 19,1% trả lời là “có biết, nhớ rõ”. Đối với dự án mở

rộng Nhà máy gang thép Thái Nguyên được đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng có nguy cơ lãng phí, có 34,5% số người được hỏi đã trả lời là “không biết”; có 52,7% số người trả lời là “có biết, nhưng không nhớ rõ” và có 12,8% số người trả lời là “có biết, nhớ rõ”. Đối với dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình được đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng có nguy cơ lãng phí, khi phỏng vấn đã có 43,5% số người được hỏi đã trả lời là “không biết”; có 47,9% số người trả lời là “có biết, nhưng không nhớ rõ” và có 8,6% số người trả lời là “có biết, nhớ rõ”.

Trên đây là một số khảo sát, trắc nghiệm để mô tả mức độ nhận thức của CBDV về việc nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử khi tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng (với việc nhận thức về các hành vi phạm tội tham nhũng, các vụ án tham nhũng nổi bật, mang tính đại diện) và tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (với việc nhận thức về mức độ của các hành vi gây lãng phí đang tồn tại trong xã hội và các công trình, dự án đầu tư công có nguy cơ lãng phí).

Vậy, mức độ nhận thức, ghi nhớ phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi CBDV đọc luật này trên báo điện tử như thế nào? (xem Biểu đồ 2.21).

**Biểu đồ 2.21. Mức độ nhận thức, ghi nhớ phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi đọc Luật này trên báo điện tử (%)**



Đây là một trong những câu hỏi trong Phiếu phỏng vấn thông tin dành cho CBDV. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là đạo luật chuyên ngành, khó trả lời và kết quả có tới 52,7 tích vào ô “khó trả lời”. Tuy nhiên, qua trắc nghiệm này cho thấy có lỗ hổng không hề nhỏ trong nhận thức của CBDV đối với việc tiếp cận và thực thi Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Kết quả trắc nghiệm thể hiện trên Biểu đồ 2.21 cho thấy, chỉ có 20,1% trả lời Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước điều chỉnh hoạt động tố tụng; 15,9% trả lời là điều chỉnh hoạt động quản lý hành chính và chỉ có 11,3% trả lời là điều chỉnh hoạt động thi hành án. Trong khi đó, “đáp án đúng” được quy định trong Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đó là: Phạm vi điều chỉnh của Luật này bao gồm cả 3 lĩnh vực: Hoạt động quản lý hành chính; hoạt động tố tụng; hoạt động thi hành án.

***Bảng 2.8. Mức độ nhận thức của CBDV về tình huống giả định nêu trên báo điện tử, đó là: Một công dân bị kết án oan/sai thì trách nhiệm bồi thường thuộc về ai? Ai phải hoàn trả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước? Và, tổn thất về tinh thần có được bồi thường? (%)***

<b>Tình huống</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>	<b>Ý kiến khác</b>
1. Người thi hành công vụ làm trái pháp luật gây oan/sai phải bồi thường	67.5	32.3	<b>0,2</b>
2. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra oan/sai là cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	59.8	40.2	
3. Ngân sách Nhà nước chi trả kinh phí bồi thường và người gây oan/sai phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước	53.2	46.8	
4. Cùng với thiệt hại về vật chất, thiệt hại do tổn thất về tinh thần cũng sẽ được bồi thường	70.2	29.8	

Trong 4 tình huống nêu trên Bảng 2.8, căn cứ vào các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì có 2 đáp án đúng, đó là “Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra oan/sai là cơ quan có trách nhiệm bồi thường”; và “Ngân sách Nhà nước chi trả kinh phí bồi thường và người gây oan/sai phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước”. Tuy nhiên, qua khảo sát cho ra kết quả tình huống 1, có 67,5% trả lời là “Đúng”, nhưng theo quy định của pháp luật là không đúng, vì người gây oan/sai phải có trách nhiệm “hoàn trả” phần kinh phí của Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại/oan, sai. Số tiền hoàn trả của người thi hành công vụ (khi làm trái pháp luật gây oan, sai) sẽ tùy thuộc vào tính chất, mức độ thiệt hại của từng vụ án.

Về tình huống “cùng với thiệt hại về vật chất, thiệt hại do tổn thân về tinh thần cũng sẽ được bồi thường” có tới 29,8% số người khi được hỏi đã trả lời không chính xác.

Tóm lại, qua khảo sát, phân tích cho thấy, phần lớn CBDV có được sự hiểu biết, nhận thức nhất định về ba lĩnh vực pháp luật (phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước). Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn một tỷ lệ không nhỏ đối tượng khảo sát (CBDV) có khả năng nhận thức về những nội dung của pháp luật chưa cao, đặc biệt là nhận thức của CBDV về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn hạn chế nhất.

#### **2.4. Mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của cán bộ, đảng viên**

Mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV là tiêu chí thứ ba (sau tiêu chí mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV và mức độ tác động đến nhận thức của CBDV) đòi hỏi nghiên cứu sinh cần phải khảo sát, phân tích.

##### **2.4.1. Mức độ tác động và thay đổi thái độ của cán bộ, đảng viên**

“Thái độ là mặt biểu hiện bề ngoài ý nghĩa, tình cảm đối với ai hay việc gì, thông qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động; là ý thức, cách nhìn nhận,

đánh giá và hành động theo một hướng nào trước sự việc, vấn đề gì: xác định thái độ học tập đúng đắn” [173, tr.1457].

Trong luận án này, nghiên cứu sinh sử dụng khái niệm “thái độ” theo nghĩa là: Đánh giá về mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật. Đồng thời, đưa ra được những suy nghĩ, đánh giá của CBDV sau khi tiếp cận (đọc/nghe/xem) thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Và, nêu được lý do thích, hoặc không thích của đối tượng khảo sát (là CBDV) đối với các tin, bài tuyên truyền pháp luật trên các báo điện tử.

**Bảng 2.9. Mức độ quan tâm của CBDV đối với tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật (%)**

<i>Các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>2. Quan tâm nhiều</i>	<i>3. Quan tâm ít</i>	<i>4. Không quan tâm</i>
1. Pháp luật phòng, chống tham nhũng	55.0	36.6	8.4
2. Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	32.1	42.6	25.3
3. Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	41.4	37.7	22.9

Kết quả khảo sát thể hiện trên Bảng 2.9 cho thấy, trong 3 lĩnh vực pháp luật, có 2 lĩnh vực được CBDV quan tâm nhiều, đó là Pháp luật phòng, chống tham nhũng với tỷ lệ 55%; pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với 41,4% “quan tâm nhiều”; lĩnh vực “Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” có 32,1% CBDV quan tâm nhiều.

Trong 3 lĩnh vực pháp luật thì tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng được CBDV quan tâm nhiều nhất. Điều này cũng dễ hiểu, bởi tệ nạn tham nhũng được ví như giặc “nội xâm” đã và đang đe dọa sự tồn

vong của chế độ và thực sự là một nguy cơ, là “cuộc chiến” đầy cam go, thử thách đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải vào cuộc, trong đó có trách nhiệm của các cơ quan báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử).

**Bảng 2.10. Suy nghĩ và đánh giá của CBDV sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về các lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử (%)**

<b>Tin, bài về các lĩnh vực pháp luật</b>	<b>Có/không có tác dụng</b>		
	<b>Có tác dụng củng cố nhận thức</b>	<b>Có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật</b>	<b>Không có tác dụng</b>
1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	42.5	47.2	10.3
2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	33.2	39.3	27.5
3. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	36.5	38.1	25.4

Kết quả trắc nghiệm (Bảng 2.10) cho thấy, có 42,5% số người khi được hỏi trả lời “có tác dụng củng cố nhận thức” và 47,2% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử. Tương tự, có 33,2% số người khi được hỏi là “có tác dụng củng cố nhận thức” và 39,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” về pháp luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Và, có 36,5% số người được hỏi cho rằng “có tác dụng củng cố nhận thức”, 29,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một tỉ lệ không nhỏ, như: 27,5% số người được hỏi đã trả lời thẳng thắn là “không có tác dụng” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Và, có tới 25,4% số người trả lời “không có tác dụng” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

**Bảng 2.11. Lý do CBDV thích hoặc không thích các tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử (%)**

<i>Tin, bài tuyên truyền pháp luật</i>	<i>Biểu lộ thái độ</i>	
	<i>Thích/lý do thích (1,2, hoặc 3)</i>	<i>Không thích/lý do không thích (4,5, hoặc 6)</i>
1. Thông tin thời sự, chân thật, khách quan	56.2	
2. Đầu đề (tít) tin, bài hấp dẫn; kèm ảnh/âm thanh/hình ảnh/hộp thông tin (box) – truyền tải đa phương tiện	9.5	
3. Dung lượng chữ vừa phải, dễ đọc, dễ hiểu	5.1	
4. Có không ít vấn đề/ vụ việc thông tin không khách quan, không đúng sự thật		20.6
5. Cách trình bày đơn điệu, thiếu sinh động, không kèm ảnh sự kiện		3.5
6. Dung lượng chữ quá nhiều, câu văn dài, lỗi câu, lỗi chính tả		4.1

Kết quả khảo sát được thể hiện trên Bảng 2.11, cho thấy: có 71,8% số người được hỏi đã nêu lý do thích đọc tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử. Trong đó, có 56,2% thích vì “thông tin thời sự, chân thật, khách quan”; 9,5% thích vì “Đầu đề tin bài hấp dẫn, kèm ảnh/âm thanh/hình ảnh/hộp thông tin (box) – truyền tải đa phương tiện” và 5,1% thích vì “dung lượng chữ vừa phải, dễ đọc, dễ hiểu.

Ngược lại, có tới 28,2% số người được hỏi đã trả lời không thích tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử. Trong đó, có 20,6% số người không thích vì “có không ít vấn đề/vụ việc thông tin không khách quan, không đúng sự thật; 3,5% số người không thích vì “cách trình bày đơn điệu, thiếu sinh động, không kèm ảnh sự kiện và 4,1% số người không thích vì “dung lượng chữ quá nhiều, câu văn dài, lỗi câu, lỗi chính tả.



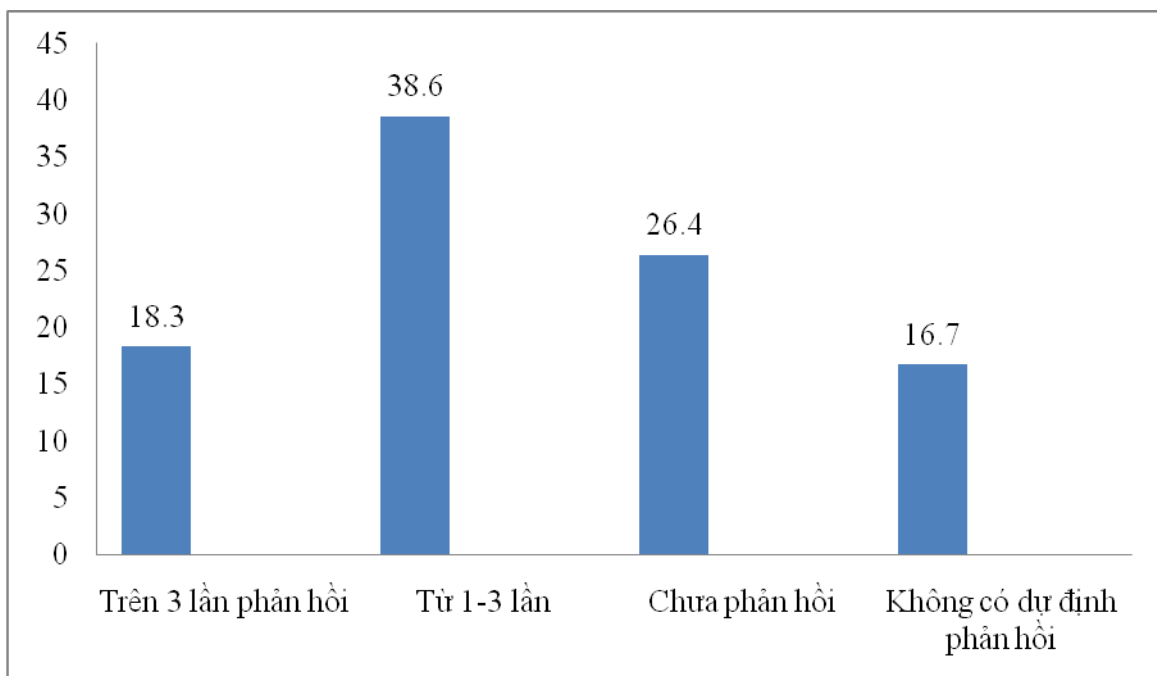
### 2.4.2. Mức độ tác động và thay đổi hành vi của cán bộ, đảng viên

Như nội dung ở Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử đã nêu: *Hiệu quả tuyên truyền pháp luật* cho CBDV trên báo điện tử là việc vận dụng thế mạnh, phương thức hoạt động của báo điện tử, giúp cho nó thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức và từng bước thay đổi thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật.

“Hành vi là cách ứng xử trong một hoàn cảnh nhất định được biểu hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành động nhất định: hành vi tốt đẹp – hành vi thô bạo – có hành vi phạm pháp” [173, tr.676].

Theo đó, “hành vi” trong luận án này được tác giả nghiên cứu theo các nội dung sau: CBDV có phản hồi, tương tác trao đổi trực tuyến khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử? CBDV có trao đổi thông tin với chủ thể khác thì hình thức trao đổi là gì? CBDV có tải văn bản pháp luật trên báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác, hoặc là làm tư liệu để tuyên truyền pháp luật cho người khác? Và, CBDV có làm theo các quy định của pháp luật được đăng tải trên báo điện tử?

***Biểu đồ 2.22. Mức độ phản hồi, tương tác, bình luận, trao đổi thông tin (gọi chung là phản hồi) của CBDV sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử (%)***

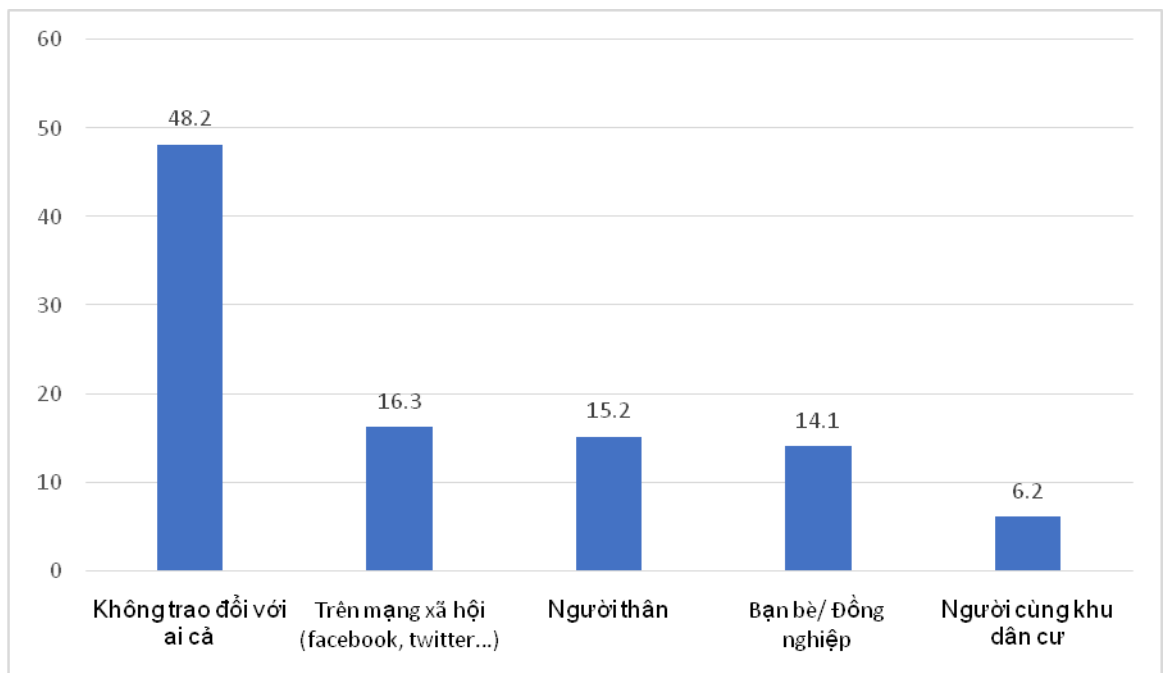


Một trong những đặc điểm và là thế mạnh của báo điện tử chính là khả năng tương tác giữa công chúng báo chí với tòa soạn điện tử. Kết quả trắc nghiệm (Biểu đồ 2.22) cho thấy, có tới 56,9% số người được hỏi đã trả lời đã từng phản hồi, tương tác, bình luận trao đổi trực tuyến sau khi đọc thông tin pháp luật trên báo điện tử. Trong đó, có 38,6% số người từng phản hồi từ 1-3 lần; 18,3% số người phản hồi trên 3 lần.

Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy còn có tỷ lệ khá lớn, 43,1% số người được hỏi cho biết “chưa phản hồi” và “không có ý định phản hồi”. Trong đó, có tỷ lệ 26,4% số người được hỏi cho biết “chưa phản hồi” và có tỷ lệ 16,7% số người “không có dự định phản hồi”. Kết quả cho này thấy mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử vẫn chưa ở mức cao.

Nội dung tiếp theo cần nghiên cứu về mức độ tác động đến hành vi của CBDV sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử, đó là CBDV có thường trao đổi với người khác sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử?

**Biểu đồ 2.23. Các chủ thể được CBDV trao đổi sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử (%)**



Kết quả trắc nghiệm thể hiện trên Biểu đồ 2.23 cho thấy, có 51,8% số CBDV khi được hỏi đã trả lời là có trao đổi với người khác sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử. Trong đó, có 15,2% sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử đã trao đổi với người thân; 14,1% số người trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp; có 16,3% số người trao đổi trên mạng xã hội (facebook, twitter...) và 6,2% số người sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử có trao đổi với người cùng khu dân cư.

Kết quả khảo sát, nghiên cứu cho thấy, bước đầu các báo điện tử trong quá trình đăng tải tin, bài tuyên truyền pháp luật đã có những tác động tích cực ban đầu tới CBDV – đối tượng tiếp cận thông điệp. Tuy nhiên, mức độ tác động, nhằm thay đổi thái độ, hành vi của CBDV là chưa cao.

**Bảng 2.12. Hình thức trao đổi thông tin sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử (%)**

<b>Các lĩnh vực thông tin pháp luật</b>	<b>Hình thức trao đổi thông tin</b>			
	<i>1. Kể lại thông tin vừa đọc</i>	<i>2. Cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác</i>	<i>3. Cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo</i>	<i>4. Tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp</i>
1. Thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng	32.3	15.4	15.6	36.7
2. Thông tin về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	19.5	10.1	11.2	59.2
3. Thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	20.7	14.5	13.2	51.6

Kết quả nghiên cứu thể hiện trên Bảng 2.12 cho thấy, có tới 48,2% số người được hỏi cho biết “không trao đổi với ai cả” sau khi đọc thông tin pháp luật trên báo điện tử (*xem Biểu đồ 2.23*). Như vậy là vẫn còn 51,8% số người được hỏi (CBDV) có trao đổi với người khác sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử.

Và, trong tổng số 51,8% CBDV có trao đổi thông tin sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử, qua khảo sát (Bảng 2.11) cho thấy: có 32,3% số người được hỏi là kể lại thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng vừa đọc; 15,4% số người được hỏi là “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 15,6% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo”. Và, 36,7% số người nêu ý kiến là “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

Đối với thông tin về pháp luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí: có 19,5% số người được hỏi cho biết là “kể lại thông tin vừa đọc”; 10,1% số người “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 11,2% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo” và 59,2% số người được hỏi đã trả lời “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

Đối với thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: có 20,7% số người được hỏi trả lời là “kể lại thông tin vừa đọc”; 14,5% số người được hỏi là “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 13,2% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo”. Và, có 51,6% được hỏi đã trả lời “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

**Bảng 2.13. Cán bộ, đảng viên có tải (download) văn bản pháp luật trên các báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác và phục vụ người thân, gia đình (%)**

<b>Các lĩnh vực thông tin pháp luật</b>	<b>Có/không tải văn bản pháp luật</b>			
	<b>1. Tải văn bản để phục vụ học tập</b>	<b>2. Tải văn bản để phục vụ công tác</b>	<b>3. Tải văn bản để phục vụ người thân, gia đình, bạn bè</b>	<b>4. Không tải văn bản pháp luật</b>
1. Thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng	22.3	28.2	15.6	33.9
2. Thông tin về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	14.2	21.1	8.6	56.1
3. Thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	10.8	12.3	9.3	67.6

Kết quả nghiên cứu cho thấy (Bảng 2.13), có 66,1% CBDV trả lời có tải (download) văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên các báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác và phục vụ người thân, gia đình, bạn bè. Trong đó, 22,3% số người tải văn bản để phục vụ học tập; 28,2% số người tải văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng để phục vụ công tác; 15,6% tải văn bản để phục vụ người thân, bạn bè, gia đình. Và, có 33,9% CBDV không tải văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, có 43,9% CBDV có tải văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác và phục vụ người thân, gia đình, bạn bè. Và, có 56,1% CBDV không tải văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đối với pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, có 32,4% CBDV có tải văn bản về lĩnh vực pháp luật này để làm tài liệu học tập, công tác, phục vụ người thân, gia đình và bạn bè. Và, có tới 67,6% CBDV không tải văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên báo điện tử.

Vậy, sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; trao đổi, phản hồi tin, bài pháp luật; tải (download) văn bản pháp luật trên báo điện tử, CBDV có làm theo những quy định của pháp luật?

**Bảng 2.14. Sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử, trao đổi, phản hồi tin, bài pháp luật; tải văn bản pháp luật trên báo điện tử, CBDV có làm theo những quy định của pháp luật(%)**

<i>Các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>Đọc, hiểu và làm theo/Chưa hiểu, không làm theo</i>				
	<i>1. Đọc, hiểu PL, nhưng chưa có ý định thực hiện</i>	<i>2. Đọc, hiểu PL và làm theo pháp luật</i>	<i>3. Đọc, hiểu PL và tuyên truyền người khác cùng thực hiện</i>	<i>4. Chưa hiểu PL và chưa làm theo</i>	<i>5. Khó trả lời</i>
1. Tin, bài về pháp luật phòng, chống tham nhũng	13.9	35.5	17.7	13.8	19.1
2. Tin, bài về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	17.4	22.9	15.2	17.6	26.9
3. Tin, bài về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	18.5	20.3	10.7	23.3	27.2

Theo kết quả nghiên cứu (Bảng 2.14) cho thấy: Một là, tin bài về pháp luật phòng, chống tham nhũng: có 13,9% số người được hỏi đã trả lời “đọc, hiểu pháp luật, nhưng chưa có ý định thực hiện”; có 35,5% số người “đọc, hiểu pháp luật và làm theo pháp luật”; có 17,7% số người “đọc, hiểu pháp luật và tuyên truyền người khác cùng thực hiện”; có 13,8% số người “chưa hiểu pháp luật và chưa làm theo” và có 19,1% số người nêu ý kiến là “khó trả lời”.

Hai là, tin bài về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: có 17,4% số người được hỏi cho biết đã “đọc, hiểu pháp luật, nhưng chưa có ý định thực hiện”; có 22,9% số người “đọc, hiểu pháp luật và làm theo pháp luật”, có 15,2% số người “đọc, hiểu pháp luật và tuyên truyền người khác cùng thực hiện”; có 17,6% số người “chưa hiểu pháp luật và chưa làm theo”, và có 26,9% số người cho biết “khó trả lời”.

Ba là, tin bài về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: có 18,5% số người trả lời là “đọc, hiểu pháp luật, nhưng chưa có ý định thực hiện”; có 20,3% số người “đọc, hiểu pháp luật và làm theo pháp luật”; có 10,7% số người “đọc, hiểu pháp luật và tuyên truyền người khác cùng thực hiện”; có 23,3% số người “chưa hiểu pháp luật và chưa làm theo”. Và, có 27,2% số người nêu “khó trả lời”.

\* **Tiểu kết Chương 2:** Đây được thiết kế là chương quan trọng nhất của Luận án “Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay”. Trong đó, nghiên cứu sinh đã khảo sát, phân tích các chủ đề pháp luật được tuyên truyền trên báo điện tử, cụ thể là trên 5 báo điện tử được khảo sát (Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn). Tiếp đó, tác giả nghiên cứu, trắc nghiệm về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV.

*Về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật* – Đây là tiêu chí đầu tiên trong “mô hình” đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Kết quả khảo sát cho thấy, CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử với tần suất khá cao và thường xuyên. Trong đó, tần suất đọc tin, bài pháp luật trong

ngày trên báo điện tử của CBDV chiếm tỷ lệ cao, có tỷ lệ 65,4% số người được hỏi cho biết mỗi ngày đọc trung bình từ 1 đến trên 3 lần tin, bài pháp luật trên báo điện tử.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, CBDV tiếp cận ba loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử ở mức độ khá cao. Trong đó, có tới 65% CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tội phạm tham nhũng trên báo điện tử. Có tỷ lệ 51% CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ). Và, tỷ lệ thấp hơn (27,6%) CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy, trong 5 cơ quan báo điện tử, thì chỉ có 2 báo điện tử có mức độ tiếp cận (đọc/xem/nghe) tin, bài pháp luật của CBDV có tỉ lệ trên 54%; còn lại 3 báo điện tử có tỷ lệ đọc tin, bài pháp luật của CBDV ở mức thấp, trong đó baophapluat.vn (30,7%), tienphong.vn (22,8%), dangcongsan.vn (18,3%).

Trong đó, nhóm tin, bài tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng được đề cập ở các báo được khảo sát còn ở mức độ dưới trung bình, nhiều lúc còn dè dặt, chưa nêu được bản chất, nguyên nhân của các hành vi tham nhũng. Qua khảo sát, phân tích các chủ đề pháp luật được tuyên truyền trên báo điện tử cho thấy, việc tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực tổ chức – cán bộ, trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng còn chưa đạt yêu cầu cả về số lượng, quy mô và chất lượng.

Nhiều tin, bài không “gọi mặt, chỉ tên” được các tập thể, cá nhân tham nhũng, nhiều khi chỉ nêu vấn đề tham nhũng một cách chung chung như “một số cơ quan, đơn vị có hành vi tiêu cực; một số cán bộ, công chức có biểu hiện tham nhũng nhiều...”. Với cách thông tin thiếu tính cụ thể, không rõ ràng, “không chét ai” nên khó có thể định hướng và răn đe những hành vi vi phạm có thể



xảy ra, làm cho việc tiếp cận tin, bài pháp luật trên báo điện tử của CBDV cũng hạn chế theo. Và, đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dũng: Hiệu ứng và hiệu quả của báo chí thì mỗi công chúng đều có cảm nhận được bằng trí tuệ và cảm xúc của mình. Một trong những cấp độ biểu hiện của hiệu quả báo chí, đó là công chúng đọc/ xem/ nghe sản phẩm của tòa soạn không?

Kết quả khảo sát cho thấy việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV còn ở mức hạn chế, do đó khó có điều kiện tác động và thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật.

Nội dung tiếp theo của Chương 2, cùng với việc khảo sát, đánh giá mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV tác giả thực hiện trắc nghiệm, đánh giá về mức độ tác động đến nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

**Về mức độ tác động đến nhận thức:** Kết quả khảo sát, nghiên cứu cho thấy, có một tỷ lệ đáng kể (cao nhất là 20,8% CBDV) nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng; các vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014-2015 (Vụ án tham nhũng tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Vụ tham nhũng tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam và “Đại án” tham nhũng tại Công ty cho thuê tài chính II). Và, có tỷ lệ 19,1% số người được hỏi đã trả lời là “có biết, nhớ rõ” tin, bài trên báo điện tử thông tin về các dự án đầu tư công có nguy cơ lãng phí, trong đó có dự án đường sắt Cát Linh – Hà Đông được đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng, Dự án mở rộng Nhà máy gang thép Thái Nguyên được đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng, Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình được đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng. Và, cũng có tỷ lệ 20,1% CBDV trả lời trắc nghiệm đúng một phần về phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi đọc Luật này trên báo điện tử.

Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, một tỷ lệ không nhỏ đối tượng khảo sát (CBDV) có khả năng nhận thức về những nội dung của pháp luật (phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) là không cao. Đặc biệt là nhận thức, hiểu biết của CBDV về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn hạn chế nhất. Qua trắc nghiệm về nhận thức của CBDV đối với phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, kết quả cho thấy có tới 52,7% số người được hỏi tích vào ô “khó trả lời”. Và, có tới 47,3% CBDV là trả lời chưa đúng, chưa đầy đủ về phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

*Về mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV*, kết quả trắc nghiệm cho thấy có 71,8% số người được hỏi đã nêu lý do thích đọc tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử. Trong 3 lĩnh vực pháp luật, có 2 lĩnh vực được CBDV quan tâm nhiều và rất nhiều, đó là Pháp luật phòng, chống tham nhũng với tỷ lệ 55%; Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với 31,5% “quan tâm nhiều”; lĩnh vực “Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” chỉ có 23,2% CBDV quan tâm nhiều. Trong 3 lĩnh vực pháp luật thì tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng được CBDV quan tâm nhiều nhất.

Kết quả trắc nghiệm cũng cho thấy, có 42,5% số người khi được hỏi trả lời “có tác dụng củng cố nhận thức” và 47,2% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử. Tương tự, có 33,2% số người khi được hỏi là “có tác dụng củng cố nhận thức” và 39,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí”. Và, có 36,5% số người được hỏi cho rằng “có tác dụng củng cố nhận thức”, 29,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Về mức độ tác động và thay đổi hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử: Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tới 48,2% số người được hỏi cho biết “không trao đổi với ai cả” sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử. Như vậy là vẫn còn 51,8% số người được hỏi (CBDV) có trao đổi với người khác sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử.

Và, trong tổng số 51,8% CBDV có trao đổi thông tin sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử thì có: 32,3% số người được hỏi là kể lại thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng vừa đọc; 15,4% số người được hỏi là “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 15,6% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo”. Và, 36,7% số người nêu ý kiến là “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

Đối với tin, bài về pháp luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí: có 29,5% số người được hỏi cho biết là “kể lại thông tin vừa đọc”; 10,1% số người “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 11,2% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo” và 49,2% số người được hỏi đã trả lời “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

Đối với tin, bài về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: có 40,7% số người được hỏi trả lời là “kể lại thông tin vừa đọc”; 14,5% số người được hỏi là “cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác”; 13,2% số người “cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo”. Và, có 31,6% được hỏi đã trả lời “tùy nội dung tin, bài để có hình thức trao đổi phù hợp”.

Một trong những đặc điểm và là thế mạnh của báo điện tử chính là khả năng tương tác giữa công chúng báo chí với tòa soạn điện tử. Kết quả trắc nghiệm cho thấy, có tới 56,9% số người được hỏi đã trả lời đã từng phản hồi, tương tác, bình luận trao đổi trực tuyến sau khi đọc thông tin pháp luật trên báo điện tử. Trong đó, có 38,6% số người từng phản hồi từ 1-3 lần; 18,3% số người phản hồi trên 3 lần.

Lý luận báo chí đã chỉ ra rằng: Mỗi quan hệ tác động phản hồi – quan hệ ngược (feedback) của công chúng đối với các ấn phẩm báo chí cũng như thông điệp truyền thông. Dòng thông tin phản hồi càng mạnh mẽ, thường xuyên, chứng tỏ năng lực và hiệu quả tác động của báo chí càng lớn, thể hiện sự gắn bó giữa cơ quan báo chí với công chúng – nhóm đối tượng. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy còn có tỷ lệ khá lớn, 43,1% số người được hỏi cho biết “chưa phản hồi” và “không có ý định phản hồi”.

Như vậy, kết quả nghiên cứu của Chương 2 cho thấy, 5 báo điện tử đã bước đầu quan tâm tới nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Có thể khẳng định là, việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử đã có hiệu quả thông qua việc khảo sát, nghiên cứu, phân tích các tiêu chí về: Mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật của CBDV; thông qua mức độ tác động nhận thức của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử; thông qua mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng phản ánh, phần lớn các báo điện tử trong diện được khảo sát chưa phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh của mình. Trong đó, có tới 28,2% số người được hỏi đã trả lời không thích tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử; có 27,5% số người được hỏi đã trả lời thẳng thắn là “không có tác dụng” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Và, có tới 25,4% số người trả lời “không có tác dụng” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử vẫn chưa ở mức cao.

### **Chương 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

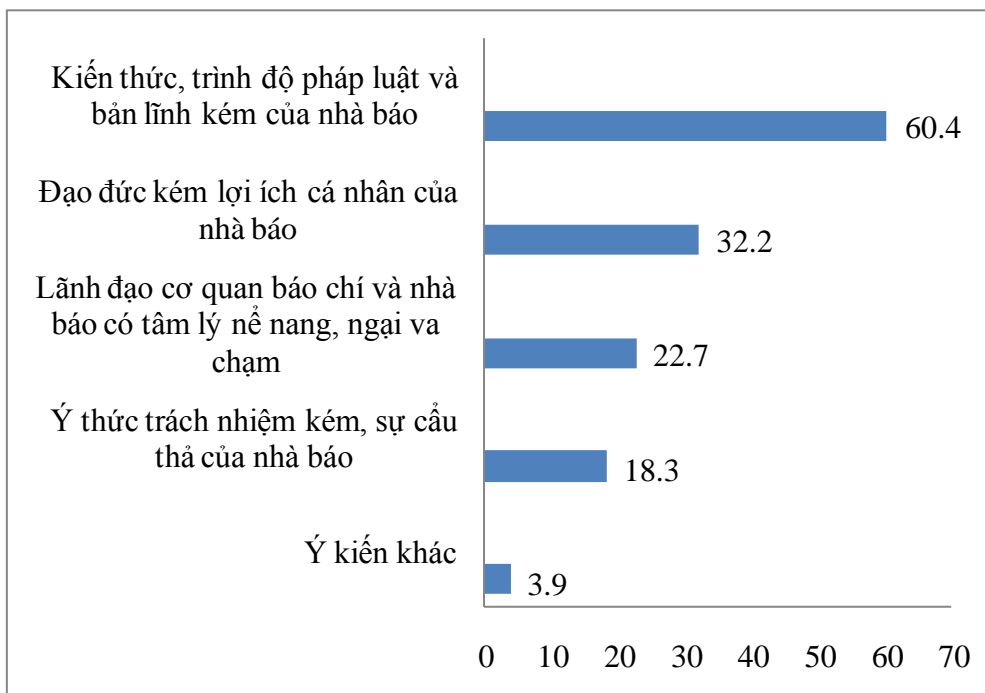
#### **3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử**

##### **3.1.1. Các yếu tố chủ quan**

Có thể nói, hiệu quả tác động của báo chí chịu sự chi phối và phụ thuộc vào nhiều yếu tố, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; từ chủ quan đến khách quan... “Tính hiệu quả - đó là mức độ thực hiện các mục tiêu đáp ứng những nhu cầu của công chúng về thông tin, có tính đến những khả năng của nhà báo và công chúng”[128, tr.227-228].

Để đánh giá tổng thể về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, tác giả đồng thời nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng, trong đó yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (xem Biểu đồ 3.1).

***Biểu đồ 3.1. Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)***



“Nhà báo là người tham gia thực hiện một trong các loại hình lao động báo chí của quá trình thu thập, xử lý và chuyển tải thông tin cho công chúng xã hội; đó là lao động tổ chức – quản lý (ở nước ta là bao gồm tổ chức quản lý vĩ mô và vi mô), lao động biên tập, lao động tác giả, lao động kỹ thuật – dịch vụ trong báo chí. Nhà báo là chủ thể trực tiếp hoạt động báo chí, chịu trách nhiệm trước pháp luật và dư luận xã hội về những thông tin mà họ cung cấp cho công chúng xã hội, trên cả bình diện pháp lý và đạo đức”[55, tr.288-289].

“Tính hiệu quả của tác động báo chí còn phụ thuộc vào những phẩm chất cụ thể của các tác phẩm được quy định bởi tài khéo léo vận dụng (bởi những kỹ năng công nghệ, bởi thủ pháp nghệ thuật hoặc tài năng vốn có) của nhà báo”. “Những kết quả mà nhà báo hướng đến là hiệu quả tạo nên những thay đổi cụ thể trong ý thức, hành vi của công chúng... Vì tính hiệu quả - đó là mức độ thực hiện các mục tiêu đáp ứng những nhu cầu của công chúng về thông tin, có tính đến những khả năng của nhà báo và công chúng” [125, tr.225-227].

Kết quả khảo sát (Biểu đồ 3.1) cho thấy, có 60,4% CBDV khi được hỏi trả lời: “Kiến thức, trình độ pháp luật và bản lĩnh kém của nhà báo” là một trong những yếu tố chủ quan của người làm báo ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV; có 32,2% cho rằng “Đạo đức kém, lợi ích cá nhân của nhà báo” là một trong những yếu tố chủ quan của người làm báo ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật; có 22,7% số người cho rằng “lãnh đạo cơ quan báo chí và nhà báo có tâm lý nể nang, ngại va chạm” và có 18,3% CBDV cho rằng “Ý thức trách nhiệm kém, sự cầu thả của nhà báo” là những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

“Biết tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực pháp luật, nhà báo không chỉ thể hiện trình độ văn hóa pháp luật cao, mà còn tạo điều kiện nâng cao tính kết quả của các phương tiện thông tin đại chúng, tránh cho tòa soạn những sai lầm về tư pháp khi thu thập và phổ biến thông tin” [172, tr.234].

Kết quả nghiên cứu, đánh giá về các yếu tố chủ quan (về vấn đề ý thức trách nhiệm và đạo đức kém, về lợi ích cá nhân của nhà báo, về tâm lý nể nang, ngại va chạm của lãnh đạo cơ quan báo chí dẫn tới vi phạm) có một số điểm tương đồng với đánh giá tổng kết công tác báo chí toàn quốc năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong đó, Bộ Thông tin và Truyền thông nêu rõ: *Năm 2016, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có quyết định đình bản tạm thời 03 tháng đối với 04 trường hợp cơ quan báo chí có sai phạm. Ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động của 01 cơ quan báo chí theo đề nghị của cơ quan chủ quản Tạp chí. Bộ cũng đã ban hành các Quyết định thu hồi Thẻ nhà báo đối với 13 nhà báo do có sai phạm và bị xử lý kỷ luật. Về khai trừ Hội viên Hội Nhà báo: năm 2016, Hội Nhà báo Việt Nam đã xóa tên 313 hội viên vì nhiều lý do khác nhau; khai trừ 2 hội viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, pháp luật.* Mới đây nhất, ngày 27/2/2017, Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông đã quyết định thu hồi thẻ nhà báo của một Phó Trưởng cơ quan đại diện phía Nam của Báo Đời sống và pháp luật vì cán bộ này đã bị cách chức do có “vi phạm nghiêm trọng quy chế của tòa soạn”[149, tr.66].

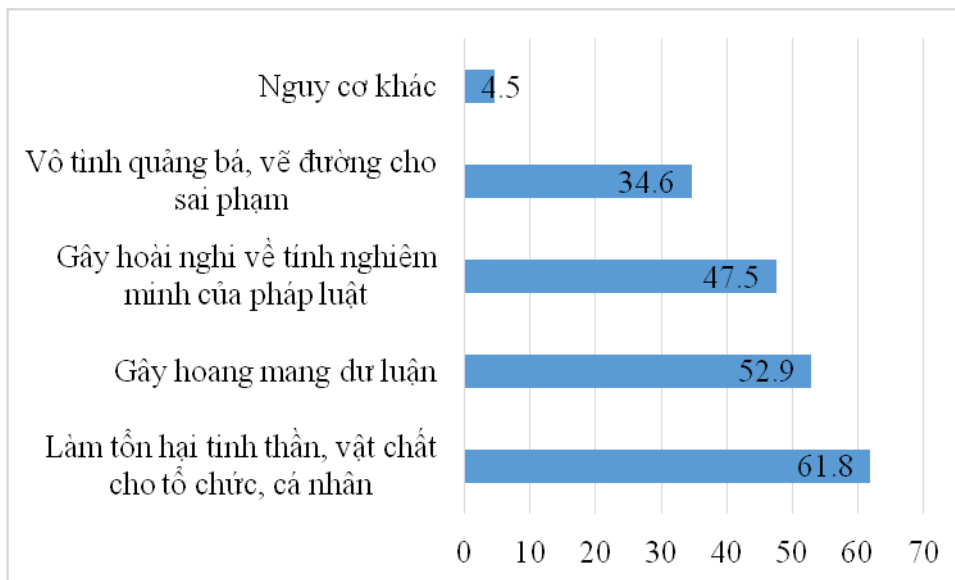
“Nói đến báo chí trước hết phải nói đến người làm báo chí”. Trong các bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh luôn khẳng định vị trí trung tâm và vai trò quyết định của người làm báo đối với báo chí. “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ”[54, tr.65-66].

Như vậy, do đặc trưng và vai trò chính trị - xã hội của nghề nghiệp, đòi hỏi nhà báo phải luôn tuân thủ pháp luật, đồng thời phải rèn luyện đạo đức cách mạng. Nhà báo trong từng cơ quan báo chí nói chung, báo điện tử nói riêng muốn làm tốt chức năng “tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách

của Đảng, Nhà nước” thì phải có kiến thức về pháp luật và phải rèn luyện cho được đạo đức cách mạng. Nếu nhà báo bán rẻ lương tâm, đánh mất phẩm chất tốt đẹp của mình là tính trung thực và trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân thì nhà báo sẽ không thể viết bài tuyên truyền, thuyết phục được ai. Và, đương nhiên không thể có hiệu quả khi viết bài tuyên truyền về pháp luật cho cán bộ, đảng viên.

Cùng với việc khảo sát, đánh giá về yếu tố chủ quan của nhà báo ảnh hưởng tới hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, nghiên cứu sinh đặt ra những câu hỏi trắc nghiệm (trong Phiếu phỏng vấn thông tin) về các nguy cơ của việc thông tin sai sự thật, thiếu khách quan trên báo điện tử.

**Biểu đồ 3.2. Các nguy cơ từ việc đưa thông tin pháp luật sai sự thật, thiếu khách quan trên báo điện tử (%)**



Kết quả khảo sát cho thấy, có 61,8% CBDV khi được hỏi đã trả lời: nguy cơ từ việc đưa thông tin pháp luật trên báo điện tử sai sự thật, thiếu khách quan sẽ “Làm tổn hại tinh thần, vật chất cho tổ chức, cá nhân”; có 52,9% trả lời là “Gây hoang mang dư luận”; có 47,5% cho rằng “Gây hoài nghi về tính nghiêm minh của pháp luật” và 34,6% số người trả lời nguy cơ từ việc đưa thông tin pháp luật trên báo điện tử sai sự thật, thiếu khách quan đã “Vô tình quảng bá, vẽ đường cho sai phạm”.



Từ kết quả trắc nghiệm trên (Biểu đồ 3.1 và 3.2) và cùng với những luận điểm của lý luận báo chí cho thấy, vai trò của nhà báo rất quan trọng trong sáng tạo tác phẩm báo chí, viết tin, bài tuyên truyền về pháp luật và công bố ra công chúng. Trong trường hợp, thông tin về pháp luật sai sự thật, thiếu khách quan sẽ làm tổn hại tinh thần, vật chất cho tổ chức, cá nhân; gây hoang mang dư luận, gây hoài nghi về tính nghiêm minh của pháp luật...

Khảo sát trên cũng nhằm đưa ra cảnh báo về việc sẽ có nhiều hệ lụy nếu như báo điện tử nói riêng và hệ thống báo chí nói chung đưa thông tin pháp luật sai sự thật, thiếu khách quan.

Xung quanh vấn đề này, tác giả đồng tình với đánh giá “Tình hình hoạt động báo chí hiện nay” của Bộ Thông tin và Truyền thông – Cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí:

“Thông tin sai sự thật, gây phương hại đến lợi ích quốc gia, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân vẫn chiếm tỉ lệ cao trong các hành vi vi phạm của báo chí. Một số ấn phẩm đăng tải quá nhiều tin tiêu cực, giật gân câu khách, trái thuần phong mỹ tục, miêu tả tỉ mỉ, chi tiết các hành vi tội ác, thông tin mê tín dị đoan, chuyện thần bí không có cơ sở khoa học..., gây phản cảm cho người đọc”[24, tr.3].

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng cho rằng: Trong bối cảnh kinh tế báo chí có nhiều khó khăn, vì chạy theo lợi nhuận nên một số ấn phẩm phụ, số chuyên đề của một số báo điện tử, trang thông tin điện tử còn coi nhẹ tính định hướng, giáo dục của báo chí, không thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, xa rời đối tượng phục vụ, chủ yếu nặng về thông tin những mặt trái, tiêu cực; thông tin giật gân, câu khách làm ảnh hưởng không tốt đến chất lượng, uy tín của báo chí. Không ít cơ quan báo chí thực hiện liên kết nhưng không quản lý tốt nội dung thông tin, gây nên những hạn chế, thiếu sót, vi phạm quy định của pháp luật, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng nội dung thông tin báo chí.

“Không ít cơ quan báo chí (nhất là báo điện tử) khai thác thông tin từ truyền thông xã hội, nhưng lại buông lỏng hoặc bỏ qua khâu thẩm định nguồn

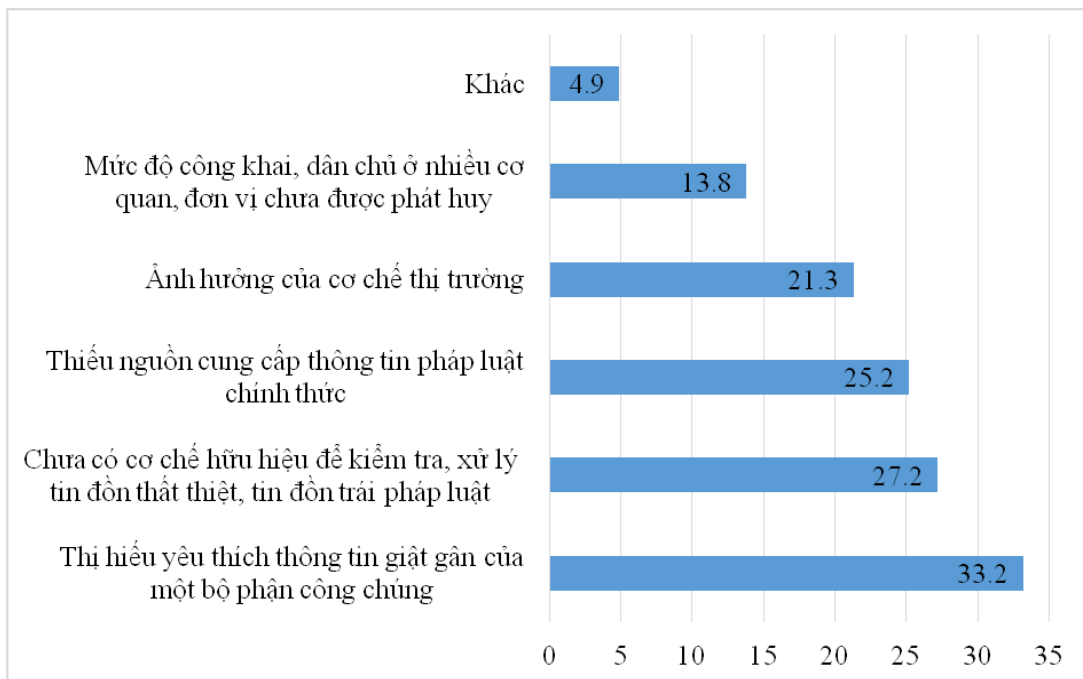
tin nên đã cho đăng tải thông tin không chính xác, hoặc sai sự thật, gây bức xúc trong dư luận xã hội” [24, tr.5-6].

Tác động, ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử không chỉ có yếu tố chủ quan mà còn có các yếu tố khách quan.

### 3.1.2. Các yếu tố khách quan

Những vấn đề về kinh tế báo chí; về vai trò của Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí; về cơ chế cung cấp thông tin báo chí; về cơ chế kiểm tra, xử lý việc tung tin thất thiệt, tin đồn trái pháp luật; về thị hiếu ưu thích thông tin giật gân câu khách... là những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

**Biểu đồ 3.3. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)**



Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 3.3 cho thấy, có 33,2% CBDV đánh giá yếu tố môi trường khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử chủ yếu là “Thị hiếu ưa thích thông tin giật gân của một bộ phận công chúng”; có 27,2% số người được hỏi đã trả lời là “Chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm tra, xử lý tin đồn thất thiệt, tin đồn trái pháp luật; 25,2% CBDV cho rằng “Thiếu nguồn cung cấp thông tin pháp luật chính

thức”; 21,3% cho rằng do “Ảnh hưởng của cơ chế thị trường”. Và, có tỉ lệ 13,8% số người được hỏi nêu ý kiến là “Mức độ công khai, dân chủ ở nhiều cơ quan, đơn vị chưa được phát huy” đã ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử cho CBDV.

Trong nhiều trường hợp, yếu tố chủ quan của một số cơ quan báo chí là đưa thông tin tới công chúng, nhưng vì thông tin thiếu nhạy cảm về chính trị, không phù hợp với lợi ích của đất nước, của nhân dân, không phù hợp với định hướng thông tin, nên trở thành “kẻ hở” để báo chí nước ngoài, các trang điện tử của các thế lực chống đối lợi dụng để xuyên tạc, hoặc tung tin đồn thất thiệt gây ra những tác động xấu đến dư luận xã hội, làm tổn hại đến lợi ích đất nước, lợi ích chính đáng của tổ chức, công dân.

Kết quả khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV cũng có những điểm phù hợp với đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông. Cụ thể là, khi phân tích nguyên nhân của hạn chế, sai phạm trong hoạt động báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông cho rằng: “Việc cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan chức năng vẫn còn những hạn chế nhất định. Một số cơ quan chức năng chưa chủ động, kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí, dẫn đến tình trạng báo chí tự tìm kiếm thông tin nên có khi thiếu sự chính xác, dẫn đến việc xử lý, chỉ đạo thông tin của cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí cũng khó khăn, vất vả. Công tác phổ biến, quán triệt thực hiện các quy định của pháp luật về báo chí chưa được một số cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí quan tâm đúng mức” [24, tr.5].

**Tóm lại,** thông tin từ nguồn phát (chủ thể truyền thông), cho ra Thông điệp (sản phẩm báo chí tuyên truyền pháp luật), qua kênh (Báo điện tử), tới người nhận thông điệp (CBDV) đem lại hiệu quả (mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật; mức độ tác động nhận thức; mức độ tác động và thay đổi thái độ, hành vi) là cả một chu trình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Trong chu trình đó, xuất hiện các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, qua khảo sát, phân tích cho thấy có: Yếu tố chủ quan của người làm báo ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử và yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử...

Như vậy, để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, thì một trong những giải pháp đó là phải khắc phục cho được những hạn chế, yếu kém do yếu tố chủ quan gây ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật. Trong đó, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, cho ra khỏi hệ thống các cơ quan báo chí những nhà báo thoái hóa, biến chất, lợi dụng nghề nghiệp để trục lợi. Pháp luật của các quốc gia trên thế giới nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng đều quy định bắt buộc mọi chủ thể của pháp luật phải tuân thủ trật tự pháp luật và trừng phạt những hành vi vi phạm pháp luật. Điều đó cho thấy, trong các chủ thể pháp luật có nhà báo và yêu cầu nhà báo cần phải có ý thức tuân thủ pháp luật, nhất là pháp luật liên quan đến hoạt động nghiệp vụ báo chí.

Cùng với đó, cần hạn chế những yếu tố khách quan bất lợi, ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Trong đó, các cơ quan chức năng cần có chế tài xử lý nghiêm các cơ quan báo điện tử thông tin trái tôn chỉ, mục đích, thông tin giật gân, câu khách, thông tin không đúng sự thật. Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về báo điện tử, cơ quan Công an và các lực lượng chức năng để xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tung tin đồn thất thiệt gây nhiễu loạn xã hội. Đồng thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm người đứng đầu ở các cơ quan, đơn vị cố tình lảng tránh việc “cung cấp thông tin cho báo chí” theo quy định của pháp luật, trong đó có Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí (Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 09/2017/NĐ-CP của Chính phủ). Trong Quyết định 25 của Thủ tướng Chính

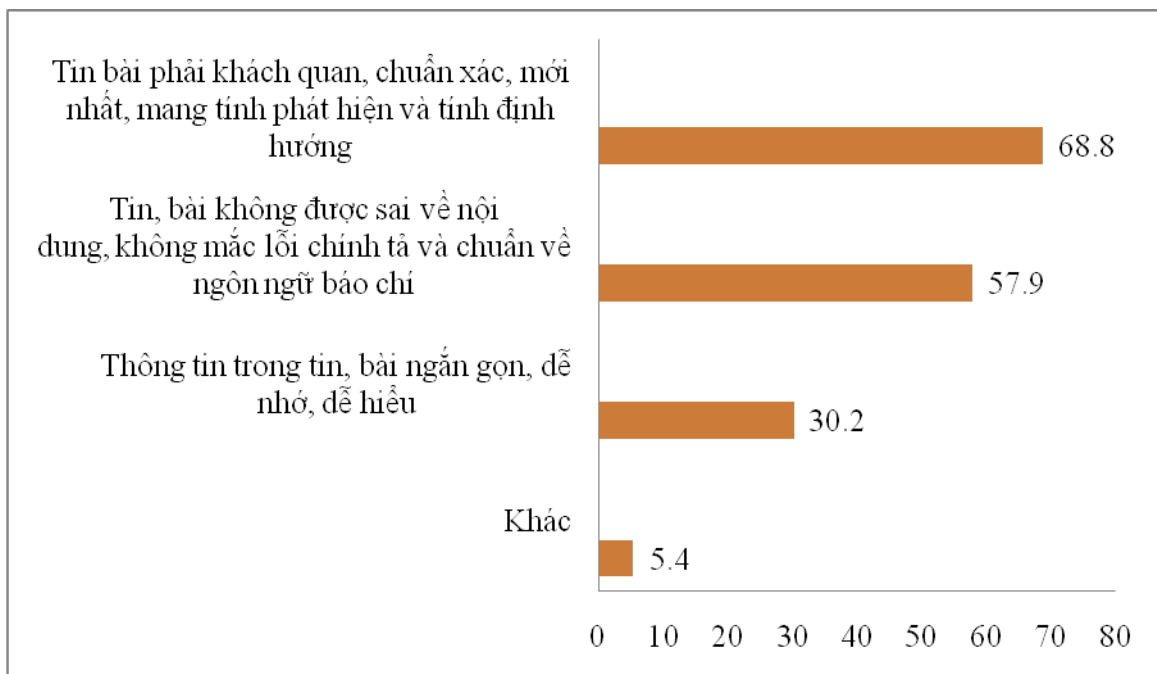
phủ đã quy định rõ: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí về hoạt động của cơ quan mình, về lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình thông qua các hình thức: Hàng tháng cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan mình; Ít nhất 3 tháng một lần tổ chức họp báo để cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí.

### **3.2. Kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử**

#### **3.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử**

Một trong những giải pháp đầu tiên quan trọng, đó là phải nâng cao chất lượng thông điệp (tin, bài) tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử. Chỉ khi chất lượng thông điệp pháp luật được bảo đảm độ tin cậy cao, thời sự, hấp dẫn thì khi đó công chúng, trong đó có CBDV mới tiếp cận (đọc/xem/nghe). Biểu đồ 3.4 cho ra kết quả khảo sát từ CBDV, với tư cách là bạn đọc mong muốn tin, bài pháp luật được đăng tải trên báo điện tử.

***Biểu đồ 3.4. Yêu cầu về nội dung tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)***



Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 3.4 cho thấy, có 68,8% số người được hỏi cho rằng, muốn nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử thì tin, bài phải khách quan, chuẩn xác, mới nhất, mang tính phát hiện và tính định hướng. Có 57,9% ý kiến cho rằng: muốn nâng cao chất lượng thông điệp pháp luật trên báo điện tử thì “Tin, bài không được sai về nội dung, không mắc lỗi chính tả và chuẩn về ngôn ngữ báo chí”.

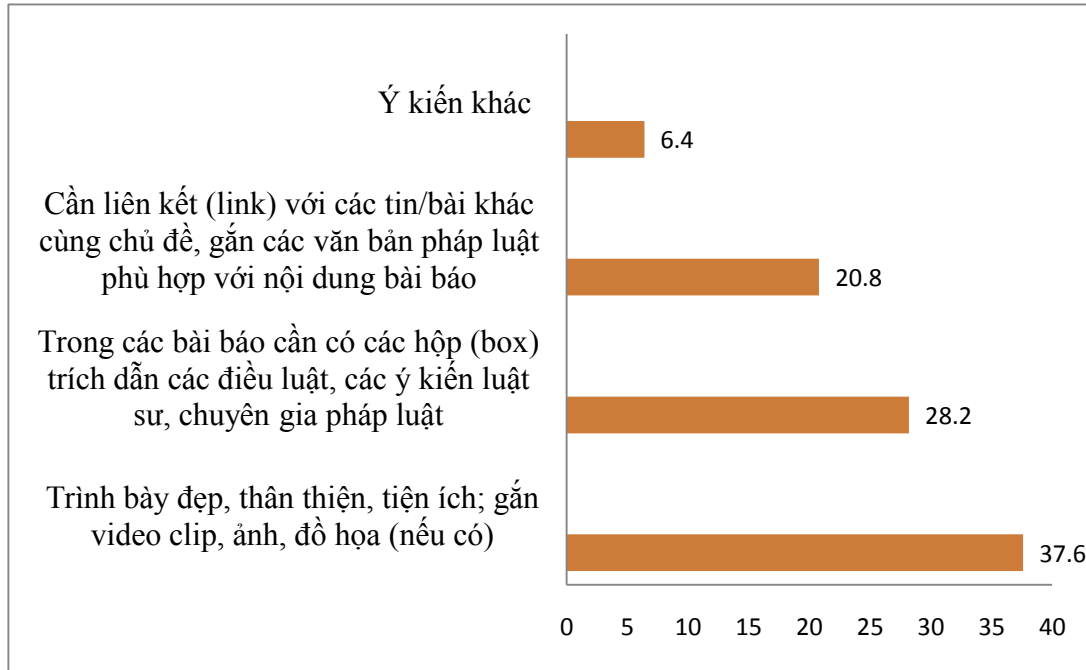
Tác giả đồng tình với kết quả khảo sát nêu trên và cho rằng báo điện tử càng phát triển, càng phải làm tốt chức năng thông tin định hướng dư luận xã hội, giám sát và phản biện xã hội và không được xa rời “chuẩn ngôn ngữ báo chí”. “Chuẩn ngôn ngữ báo chí gồm hai nội dung căn bản, đó là cái đúng và sự thích hợp. Cái đúng mới chỉ là một mặt của chuẩn mực. Chuẩn mực còn cần phải thích hợp bởi vì thông tin đúng mà không thích hợp thì hiệu quả thông tin kém”; “Giữa hai nội dung của chuẩn ngôn ngữ có mối quan hệ hữu cơ trong quá trình sử dụng ngôn ngữ làm cho giao tiếp bằng ngôn ngữ đạt đến hiệu quả cao nhất. Giải quyết tốt mối tương quan đó giữa cái đúng và cái thích hợp chính là người viết đã đạt đến sự thành công” [75, tr.24-27].

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có 30,2% số người được hỏi đồng tình với đề xuất “thông tin trong bài báo phải ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu”. Cùng với việc nâng cao chất lượng tin, bài, tác giả cho rằng các báo điện tử cần phát huy cho được thế mạnh, đặc trưng của loại hình báo điện tử - đa phương tiện, thông tin truyền tải đa dạng, hấp dẫn và có khả năng tương tác cao.

Cùng với nâng cao chất lượng thông tin pháp luật trên các báo điện tử cần tăng số lượng tin, bài tuyên truyền về pháp luật. Tỷ lệ 0,38% số lượng tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên tổng số các tin, bài tuyên truyền về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội là số lượng cần phải thay đổi theo hướng tăng lên. Thực tế cho thấy, có những vấn đề về pháp luật, tuyên truyền một lần chưa thể thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi. Nhưng, nếu tuyên truyền nhiều lần, nhiều cách thức đưa tin, đưa tin hấp dẫn thì chắc chắn sẽ tác động

đến nhận thức và từng bước thay đổi thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của đối tượng tuyên truyền.

***Biểu đồ 3.5. Yêu cầu về hình thức trình bày tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử (%)***



Để nâng cao chất lượng nội dung tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử, nhằm thu hút đông đảo bạn đọc là CBDV thì cũng cần thiết phải có các giải pháp về hình thức trình bày tin, bài trên trang báo điện tử, nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin, với sức hấp dẫn của rất nhiều loại thông tin trên mạng Internet có thể làm phân tâm bạn đọc.

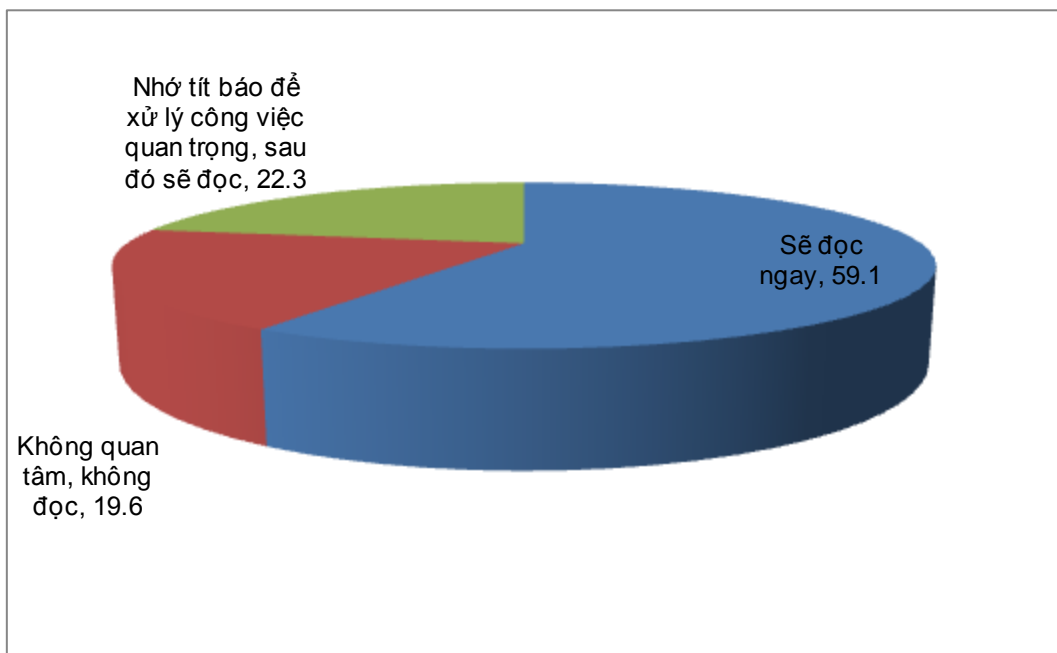
Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 3.5 cho thấy, yêu cầu của độc giả (cụ thể là của CBDV, với tư cách là người thụ hưởng chất lượng thông tin pháp luật) về giải pháp trình bày tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử. Theo đó muốn nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền pháp luật, các báo điện tử cần phải: Trình bày đẹp, thân thiện, tiện ích; gắn video clip, ảnh, đồ họa (nếu có), với tỉ lệ 37,6% ý kiến đồng tình với giải pháp này. “Trong các bài báo cần có các hộp thông tin (box), trích dẫn các điều luật, các ý kiến luật sư, chuyên gia pháp luật”, giải pháp này nhận được tỉ lệ 28,2% ý kiến đồng tình. Và có 20,8% số người được hỏi cho rằng “Cần liên kết (link)

với các tin, bài khác cùng chủ đề, gắn các văn bản pháp luật phù hợp với nội dung bài báo”.

“Nội dung thông tin hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác và đầy đủ đối với người nhận tin, đó chính là yếu tố quan trọng làm cho hiệu quả công tác báo chí phát huy tác dụng thực sự trong việc hướng dẫn dư luận và phục vụ nhân dân” [129].

Muốn nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử, không chỉ quan tâm đến vấn đề nội dung thông tin và hình thức trình bày tin, bài trên báo điện tử, mà ngay từ đầu đề của tin, bài (tít báo) cũng là một vấn đề rất quan trọng, đòi hỏi từng nhà báo và từng cơ quan báo chí điện tử cần quan tâm. Đầu đề của từng tin, bài trên báo điện tử tác động lớn đến việc thu hút bạn đọc. Một câu hỏi trắc nghiệm được nghiên cứu sinh đưa vào Phiếu phỏng vấn thông tin, đó là: Cán bộ, đảng viên có đọc ngay tin, bài tuyên truyền về pháp luật có đầu đề ngắn gọn, hấp dẫn? Kết quả xem Biểu đồ 3.6.

***Biểu đồ 3.6. Cán bộ, đảng viên có đọc ngay tin, bài tuyên truyền về pháp luật có đầu đề ngắn gọn, hấp dẫn trên báo điện tử(%)***



Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 59,1% số người được hỏi cho rằng, sẽ đọc ngay tin, bài tuyên truyền về pháp luật có đầu đề ngắn gọn, hấp dẫn trên



báo điện tử. Có 22,3% số người trả lời là “nhớ tí tít báo để xử lý công việc quan trọng, sau đó sẽ đọc” và 19,6% “không quan tâm, không đọc”.

Thực tế qua quá trình phân tích nội dung thông điệp của các báo điện tử tuyên truyền về pháp luật, nghiên cứu sinh nhận thấy không ít tin, bài với đầu đề có dung lượng chữ quá nhiều, không có sức khái quát (có tí tít báo tới hơn 30 chữ); có tí tít báo chung chung, mơ hồ; có tí tít bài giật gân, câu khách không phù hợp với nội dung của bài...

Xung quanh vấn đề “ngôn ngữ tí tít báo”, tác giả đồng tình với nhận định của nhà nghiên cứu Vũ Quang Hào. Ông cho rằng: “Đặt đầu đề cho bài báo (tít báo) là việc làm có tính chất quyết định số phận của bài báo. Bài báo rất hay nhưng đầu đề dở thì có thể làm mất đi ít nhất một nửa số độc giả” [75, tr.165].

Như vậy, việc đặt đầu đề cho từng tác phẩm báo chí phải bảo đảm: Ngắn gọn, rõ ý, chuẩn xác, phù hợp với nội dung thông tin trong bài báo; tí tít báo hấp dẫn nhưng không mang tính giật gân, câu khách. Riêng đối với tin, bài thông tin, tuyên truyền về những vi phạm pháp luật của CBDV, cần nêu cụ thể các hành vi, các chủ thể, trong đó có CBDV vi phạm ngay từ tí tít báo, nhằm tác động nhanh chóng, ấn tượng và thu hút bạn đọc. Qua đó, cũng là lời nhắc nhở, răn đe đối với những ai có chức, có quyền phải thực sự công tâm, khách quan khi thực thi công vụ, nếu không sẽ có ngày bị kỷ luật, hoặc bị tuyên án phạt tù. Ví dụ: “Quảng Nam: Kỷ luật hàng loạt cán bộ lãnh đạo, đảng viên sai phạm”[185]; “Ủy ban kiểm tra Trung ương kỷ luật hàng loạt cán bộ”[186]...

### **3.2.2. Xác định rõ trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của cơ quan báo điện tử và nhà báo**

Tuyên truyền pháp luật được nghiên cứu trong luận án này là hoạt động thông tin về những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hoạt động đó nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV. Một trong những chủ thể quan trọng có nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền pháp luật, đó là nhà báo. Chủ thể

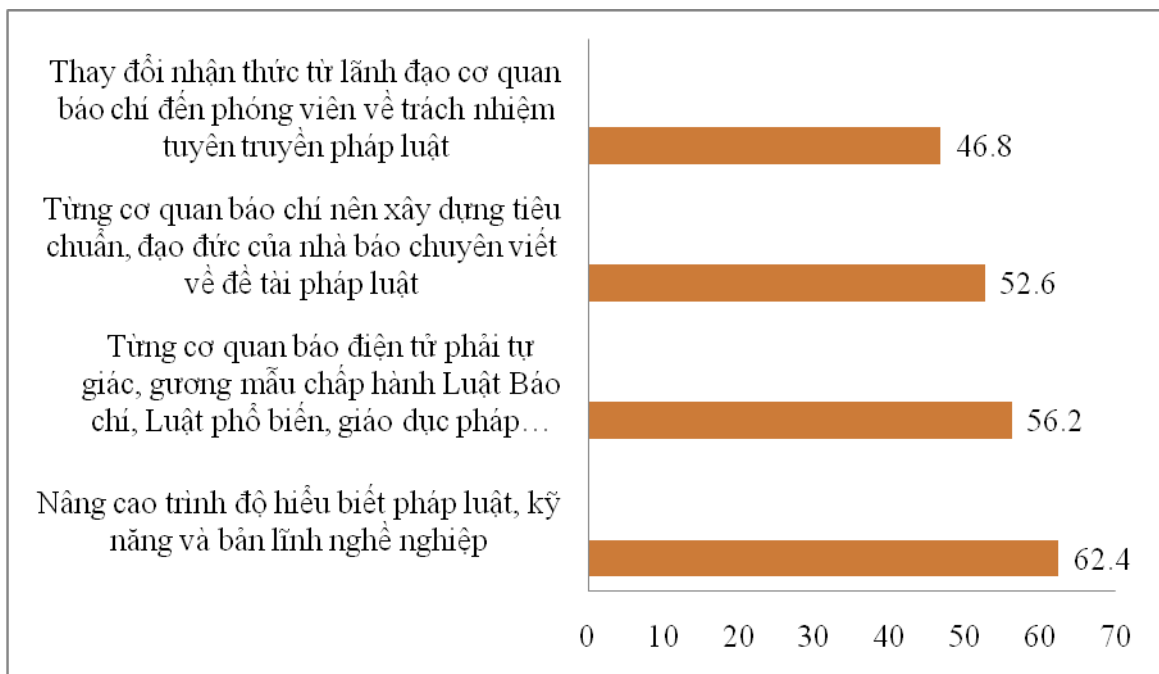
này được đặt trong mối quan hệ giữa Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng. Tác phẩm ở đây được nhắc đến là tin, bài pháp luật và công chúng tiếp nhận tin, bài pháp luật là CBDV.

“Nhà báo là người làm việc một cách sáng tạo, có tính độc lập tương đối, được biên chế trong một cơ quan, tổ chức truyền thông nào đó, với tư cách là phóng viên chuyên nghiệp hoặc biên tập viên” [91, tr.126].

“Nếu nhà báo tôn trọng nhân phẩm của mình thì anh ta không bao giờ lại bán rẻ lương tâm mình và luôn trung thành với các nguyên tắc khách quan cũng như luật “chơi trung thực”, là những gì điển hình cho báo chí đích thực”[49, tr.38].

Nghiên cứu sinh đồng tình với những nhận định trên và cho rằng từng nhà báo muốn hoạt động một cách có hiệu quả phải xác định các nhiệm vụ công tác của mình phù hợp với tính chất khách quan của các chức năng của báo chí. Việc nắm vững những tri thức về các chức năng của báo chí, tri thức về pháp luật, xác định rõ trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của nhà báo là điều kiện và là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.

### **Biểu đồ 3.7 Giải pháp nâng cao trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của nhà báo và cơ quan báo chí(%)**



Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật, thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của CBDV đối với báo điện tử, thì một trong những yêu cầu quan trọng nhất, đó là phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà báo.

Qua khảo sát cho ra kết quả: có 62,4% CBDV khi được hỏi đã đồng tình với giải pháp “Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng và bản lĩnh nghề nghiệp”. Tiếp đến, 56,5% số người được hỏi cho rằng “Từng cơ quan báo điện tử phải tự giác, gương mẫu chấp hành Luật Báo chí, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có nhiệm vụ phải tuyên truyền pháp luật”; có 52,6% cho rằng “Từng cơ quan báo chí nên xây dựng tiêu chuẩn, đạo đức của nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật; đồng thời có cơ chế vừa kiểm tra, vừa hỗ trợ và bảo vệ nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật”. Và, có 46,8% cho rằng cần “Thay đổi nhận thức từ lãnh đạo tòa soạn đến phóng viên về trách nhiệm tuyên truyền pháp luật”.

Như vậy, yếu tố về kiến thức, trình độ pháp luật của nhà báo là yếu tố chủ quan hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng tin, bài pháp luật. Bất kì ai, làm trong lĩnh vực nào đều phải nắm rõ và am hiểu về lĩnh vực đó. Nhà báo viết về pháp luật cũng phải nắm rõ về luật pháp. Việc kiến thức nền bị hổng, thiếu hiểu biết về pháp luật mà viết về mảng pháp luật sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường. Một trong những hậu quả đó là đưa tin sai sự thực, đánh giá sai chứng cứ, không đúng bản chất vấn đề, vụ việc pháp luật thì sẽ truyền tải thông điệp sai đến bạn đọc.

Như vậy, mỗi nhà báo cần tự trang bị cho mình trình độ hiểu biết pháp luật trước khi hành nghề viết báo về mảng đề tài này. Hơn nữa, liên quan đến pháp luật là những vấn đề đầy gai góc, nhiều ý kiến trái chiều khác nhau xoay quanh một vấn đề, vụ việc cụ thể. Chính vì vậy, nhà báo cần có bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp, đứng về lẽ phải để nói lên sự thật. Nếu không có các phẩm chất trên, nhà báo dễ dàng bỏ cuộc hoặc phản ánh sai lệch vấn đề. Hậu quả của việc cung cấp thông tin không khách quan, thiếu chuẩn xác sẽ gây

hoang mang dư luận, mất đi vai trò định hướng xã hội, vai trò giám sát và phản biện xã hội của báo chí.

Để có được tin, bài tuyên truyền về pháp luật thật sự chất lượng, một trong những đòi hỏi tiên quyết là phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà báo. Theo đó, từng cơ quan báo chí nên xây dựng tiêu chuẩn, đạo đức của riêng của đội ngũ nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật.

### **3.2.3. Giải pháp khắc phục những yếu kém, khuyết điểm của báo điện tử**

Thời gian qua, các cơ quan chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông đã xử lý đối với nhiều cơ quan báo chí, nhất là các báo, tạp chí điện tử về các hành vi sai phạm. Trong đó, nhiều cơ quan báo chí điện tử, khi đề nghị cấp phép đều ghi rõ thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan chủ quản, tuy nhiên khi hoạt động lại biến tướng, không thực hiện theo tôn chỉ, mục đích đã được cấp.

Xung quanh vấn đề này, Bộ Thông tin và Truyền thông – Cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí đánh giá:

“Thông tin sai sự thật, gây phương hại đến lợi ích quốc gia, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân vẫn chiếm tỉ lệ cao trong các hành vi vi phạm của báo chí... Không ít cơ quan báo chí (nhất là báo điện tử) khai thác thông tin từ truyền thông xã hội, nhưng lại buông lỏng hoặc bỏ qua khâu thẩm định nguồn tin nên đã cho đăng tải thông tin không chính xác, hoặc sai sự thật, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Thông tin không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam vẫn còn xảy ra, nhất là trên báo điện tử và nhiều trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan báo chí”[24, tr.3].

Trong quá trình khảo sát, phân tích các nội dung của luận án, nghiên cứu sinh có đặt ra các câu hỏi mang tính thực tiễn về các biểu hiện sai phạm của báo chí. Qua đó, tổng hợp lại và đưa ra những đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện

tử; trong đó có giải pháp khắc phục cho được những yếu kém, khuyết điểm của báo điện tử.

Một trong những câu hỏi bổ sung trong quá trình nghiên cứu là: Khi cơ quan báo điện tử có những sai phạm trong tuyên truyền pháp luật (đăng thông tin bịa đặt, sai sự thật; thông tin giật gân, câu khách, miêu tả cái ác quá mức, xâm phạm đời tư cá nhân...) thì cần xem xét trách nhiệm của những chủ thể sau đây ở mức độ nào? (xem Bảng 3.1). Đây là câu hỏi đối với CBDV trong diện khảo sát.

**Bảng 3.1. Trách nhiệm của phóng viên/nhà báo, biên tập viên, trưởng/phó ban, người đứng đầu cơ quan báo điện tử khi có những sai phạm trong hoạt động báo chí (%)**

1. Cần xem xét trách nhiệm của phóng viên, nhà báo trực tiếp viết tin, bài sai phạm	61,4
2. Cần xem xét trách nhiệm người đứng đầu cơ quan báo điện tử (Tổng Biên tập) khi báo đó có sai phạm	56,2
3. Cần xem xét trách nhiệm của biên tập viên, trưởng/phó ban trực tiếp biên tập tin, bài mà không phát hiện ra sai phạm	37,6
4. Sai phạm của cơ quan báo chí ở mức độ nghiêm trọng, làm thiệt hại tài sản, tính mạng của người khác thì cần xem xét trách nhiệm của cả cơ quan chủ quản báo chí	35,9

Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 61,4% số người được hỏi đã trả lời: Cần xem xét trách nhiệm của phóng viên, nhà báo trực tiếp viết tin, bài sai phạm. Tiếp đó là xem xét trách nhiệm của biên tập viên, trưởng/phó ban trực tiếp biên tập tin, bài mà không phát hiện ra sai phạm.

Thực tế cho thấy, ở các cơ quan báo chí nói chung, báo điện tử nói riêng đều có quy chế xuất bản tin, bài. Thông thường, một tin, bài sau khi

được phóng viên viết phải trải qua 3-4 cấp biên tập mới được xuất bản. Ví dụ, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam phải qua 4 cấp, từ phóng viên -> Trưởng/phó Ban của phóng viên đó -> Biên tập nội dung -> Biên tập Kỹ thuật -> Lãnh đạo trực xuất bản. Do đó, khâu biên tập và các khâu trình duyệt ở cấp trưởng/phó ban cũng quan trọng, vì mỗi cấp này đều được hưởng “phụ cấp trách nhiệm”, nên họ phải có trách nhiệm biên tập, thẩm tra nội dung tin, bài và chịu trách nhiệm ở khâu biên tập của mình.. Tỷ lệ 37,6% là chỉ số được CBDV bày tỏ ý kiến qua phiếu đề nghị “cần xem xét trách nhiệm của biên tập viên, trưởng/phó ban trực tiếp biên tập tin, bài mà không phát hiện ra sai phạm”.

Chủ thể tiếp theo, rất quan trọng đó là người đứng đầu cơ quan báo điện tử. Theo Luật Báo chí hiện hành, người đứng đầu cơ quan báo chí là Tổng biên tập (đối với báo in, báo điện tử), là Tổng giám đốc hoặc giám đốc (đối với báo nói, báo hình). Là người được cơ quan có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm và giao trách nhiệm quản lý, điều hành một cơ quan báo điện tử. Do đó, trách nhiệm của người đứng đầu là lẽ đương nhiên, quyền đi liền với trách nhiệm, và tỷ lệ 56,2% số người được hỏi cho rằng cần xem xét trách nhiệm người đứng đầu khi báo điện tử khi báo đó có sai phạm.

Chủ thể cuối cùng đó là cơ quan chủ quản báo chí, trực tiếp lãnh đạo chỉ đạo, quản lý về nhân sự đối với lãnh đạo các cơ quan báo điện tử. Khi cơ quan báo điện tử sai phạm ở mức độ nghiêm trọng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì cũng phải xem xét trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí (có 35,9% số người khi được hỏi đồng tình với đề xuất này).

Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, khi tờ báo thuộc quyền quản lý của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức nào đó có sai phạm, thì việc xem xét trách nhiệm của cơ quan chủ quản ít được đặt ra, hoặc có nêu ra nhưng chưa từng bị truy vấn trách nhiệm. Trong hoạt động báo chí gần đây cho thấy, có những tổng biên tập bị khởi tố điều tra về hành vi vi phạm pháp luật, nhưng công luận

chưa thấy cơ quan chủ quản bị xem xét trách nhiệm (trường hợp ông Kim Quốc Hoa, nguyên Tổng Biên tập báo Người cao tuổi là ví dụ điển hình. Ông Kim Quốc Hoa bị Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an khởi tố, thực hiện lệnh khám xét nơi ở, nơi làm việc ngày 12/5/2015. Ông Hoa bị khởi tố về tội “lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân” theo quy định tại Điều 258 Bộ luật Hình sự [187].

### **3.2.4. Đề xuất các phương thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho cán bộ, đảng viên**

Nghiên cứu sinh đồng tình với kết quả khảo sát được thể hiện trên Biểu đồ 3.8 và đưa ra một số kiến nghị về việc vận dụng các phương thức tuyên truyền trên báo điện tử để nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho CBDV. Các phương thức đó là:

1. Cần có kế hoạch, phương thức tuyên truyền cụ thể: Tuyên truyền ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, đột xuất, phù hợp với đối tượng là CBDV (có 65,8% số người được hỏi đồng tình với đề xuất này).

2. Tuyên truyền đa phương tiện, liên tục, với cường độ cao về số lượng và chất lượng tin, bài pháp luật trên báo điện tử (có 62,4% ý kiến đồng tình).

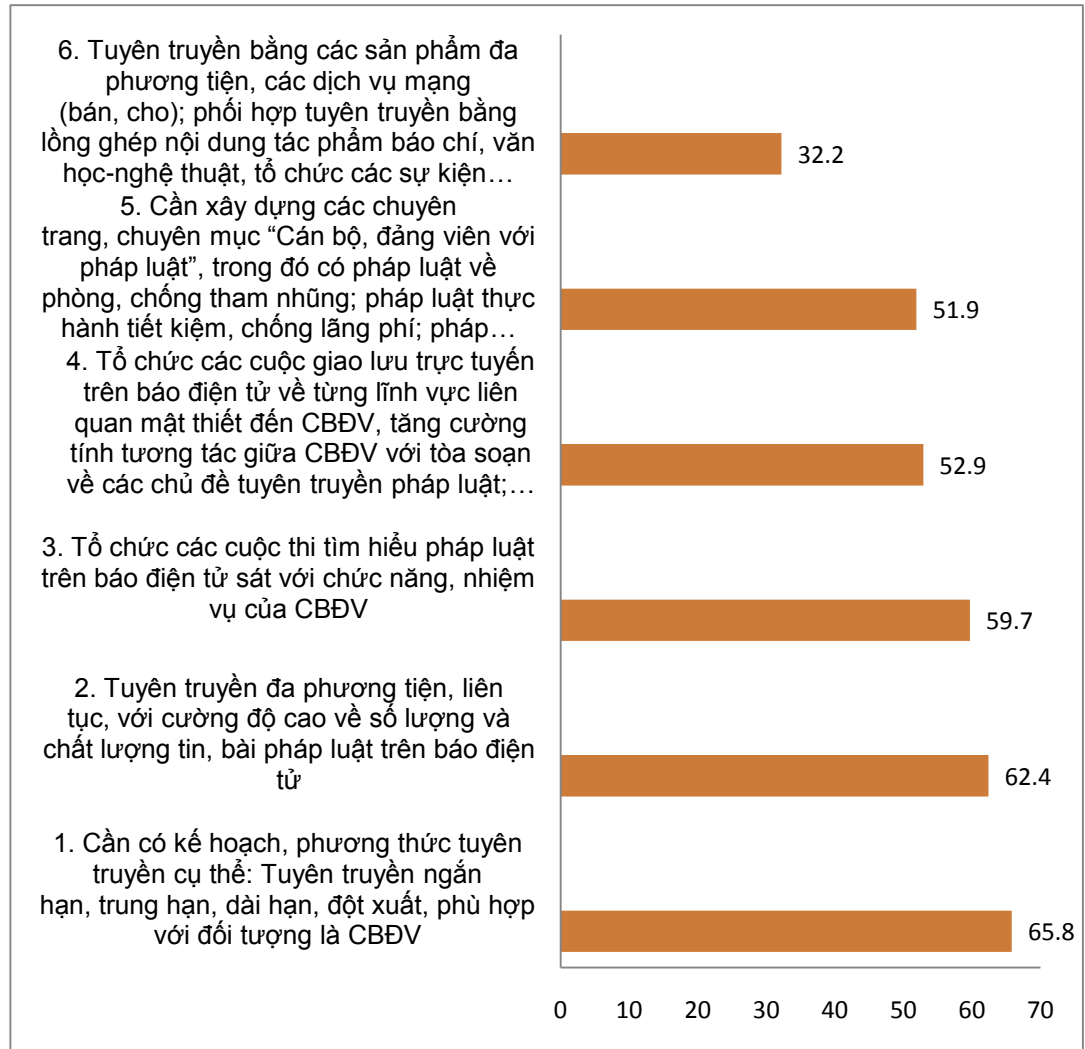
3. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử sát với chức năng, nhiệm vụ của CBDV (có 57,9% ý kiến đồng tình).

4. Tổ chức các cuộc giao lưu trực tuyến trên báo điện tử về từng lĩnh vực liên quan mật thiết đến CBDV, tăng cường tính tương tác giữa CBDV với tòa soạn về các chủ đề tuyên truyền pháp luật; kết hợp giải đáp pháp luật, luật sư tư vấn pháp luật cho CBDV (có 52,9% ý kiến đồng tình)

5. Cần xây dựng các chuyên trang, chuyên mục “*Cán bộ, đảng viên với pháp luật*”, trong đó có pháp luật về phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (có 51,9% ý kiến đồng tình).

6. Tuyên truyền bằng các sản phẩm đa phương tiện (multimedia), các dịch vụ mạng (bán, cho); phối hợp tuyên truyền bằng lồng ghép nội dung tác phẩm báo chí, văn học-nghệ thuật, tổ chức các sự kiện trên báo điện tử (có 32,2% số người được đồng tình với đề xuất này).

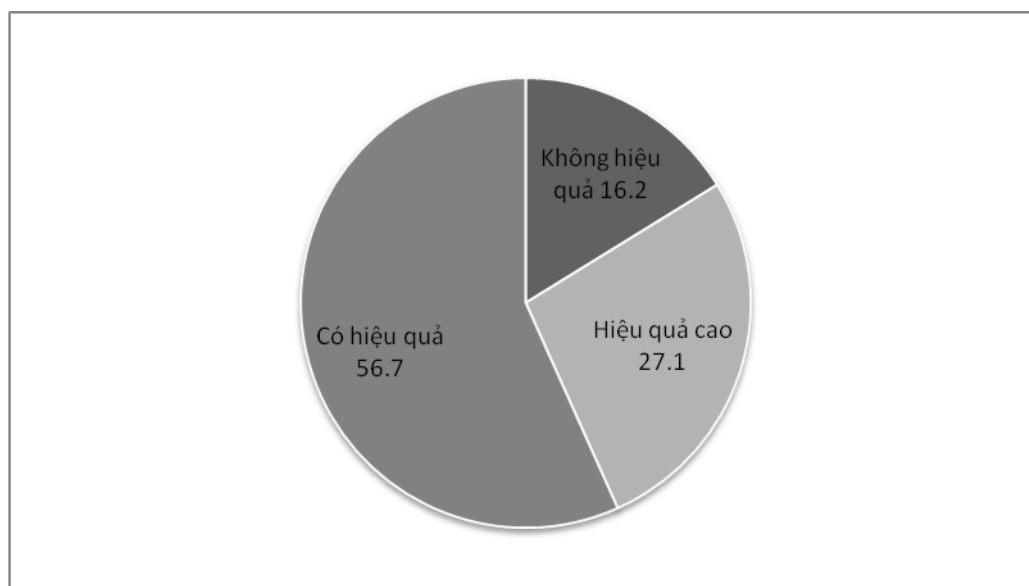
**Biểu đồ 3.8. Phương thức tuyên truyền trên báo điện tử để nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho CBDV (%)**



Từ kết quả nghiên cứu thể hiện trên Biểu đồ 3.8, nghiên cứu sinh chọn một trong sáu đề xuất để thăm dò ý kiến của khách thể nghiên cứu (CBDV). Biểu đồ 3.9, trắc nghiệm CBDV nhận định về tính hiệu quả của việc "Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV".



**Biểu đồ 3.9. Nhận định về hiệu quả của các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử đối với việc nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV (%)**



Kết quả trắc nghiệm thể hiện trên Biểu đồ 3.9 cho thấy, số đông CBDV (56,7%) cho rằng “có hiệu quả” từ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử; 27,1% số người cho rằng “hiệu quả cao”. Và, 16,2% số người trả lời là “không hiệu quả” từ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử.

Qua khảo sát cho thấy, việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật với CBDV là một trong những giải pháp (mang tính gợi ý) cần được triển khai trong thực tiễn. Tham gia những cuộc thi tìm hiểu pháp luật, với thể lệ rõ ràng, minh bạch và có nội dung khuyến khích, khen thưởng phù hợp (có thể cộng điểm thi đua khi bình xét chất lượng CBDV trong dịp cuối năm) sẽ thu hút được sự tham gia của CBDV. Qua đó, CBDV có thể chủ động tìm hiểu pháp luật, nâng cao trình độ nhận thức pháp luật, từng bước thay đổi thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả của việc tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử.

### **3.2.5. Kiến nghị các giải pháp cụ thể về cơ chế, chính sách**

Cùng với kiến nghị các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử; Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ

năng nghề nghiệp và đạo đức nhà báo; Vận dụng các phương thức tuyên truyền trên báo điện tử để nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho CBDV, tác giả kiến nghị 6 nhóm giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử:

*Một là*, các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở cần thực hiện tốt quy chế cung cấp thông tin, trong đó có thông tin về pháp luật cho báo điện tử, đồng thời có chế tài cụ thể xử lý các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở khi không thực hiện đúng quy chế cung cấp thông tin cho báo chí. Kiến nghị này phù hợp với nội dung mới nhất được quy định tại Nghị định 09/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.

Nghị định 09 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/3/2017. Theo đó, có 6 hình thức phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí: 1/ tổ chức họp báo. 2/ đăng tải nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hoặc trang mạng xã hội chính thức của cơ quan hành chính nhà nước. 3/ phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn của nhà báo, phóng viên. 4/ gửi thông cáo báo chí, nội dung trả lời cho cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên bằng văn bản hoặc qua thư điện tử. 5/ cung cấp thông tin qua trao đổi trực tiếp hoặc tại các cuộc giao ban báo chí do trung ương, địa phương tổ chức khi được yêu cầu. 6/ ban hành văn bản đề nghị cơ quan báo chí đăng, phát phản hồi, cải chính, xin lỗi nội dung thông tin trên báo chí. Nghị định 09 của Chính phủ nêu rõ: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức cung cấp thông tin cho báo chí theo định kỳ 1 tháng một lần về hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bằng hình thức họp báo, cung cấp thông cáo báo chí và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ.

*Hai là*, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các cơ quan báo điện tử có sai phạm trong việc cung cấp thông tin pháp luật cho công chúng, có chế tài xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan báo điện tử để xảy ra sai phạm.

*Ba là*, ngăn chặn hiện tượng tư nhân núp bóng “thâu tóm” nội dung các trang thông tin điện tử tổng hợp, gây nhiễu loạn thông tin nói chung và thông tin về pháp luật nói riêng.

*Bốn là*, cụ thể hóa trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với báo điện tử trực thuộc, nhất là trách nhiệm quản lý người đứng đầu các cơ quan báo điện tử khi có những sai phạm.

*Năm là*, Nhà nước cần có chính sách về tài chính, thuế phù hợp để hỗ trợ hệ thống báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng trong nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có CBDV.

*Sáu là*, cần xây dựng cơ chế khen thưởng kịp thời, thỏa đáng các cơ quan báo điện tử tuyên truyền pháp luật đạt hiệu quả cao. Thúc đẩy đầu tư hạ tầng dịch vụ công nghệ thông tin, tạo ra những cơ quan báo chí chủ lực tiên phong đủ mạnh để cạnh tranh chiếm lĩnh “trận địa” tư tưởng của Đảng, Nhà nước.

\* **Tiểu kết Chương 3:** tác giả tập trung nghiên cứu, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật và đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay.

Qua nghiên cứu cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử có cả yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Trong yếu tố chủ quan đề cập đến “Kiến thức, trình độ pháp luật của nhà báo”; “ý thức trách nhiệm kém, sự cầu thả của nhà báo”; “đạo đức kém, lợi ích cá nhân của nhà báo”... Và, những yếu tố môi trường khách quan, “Thị hiếu yêu thích thông tin giật gân của một bộ phận công chúng”, “Chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm tra, xử lý tin đồn thất thiệt, tin đồn trái pháp luật” và “Thiếu nguồn cung cấp thông tin pháp luật chính thức”...

Trong Chương 3, sau khi phân tích các yếu tố chủ quan, yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, tác giả có kiến nghị các giải pháp về nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử; tăng cường trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của cơ quan báo chí và nhà báo; giải pháp khắc phục những yếu kém, khuyết điểm. Nghiên cứu sinh cho rằng, một trong những yêu cầu quan trọng nhất, đó là phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà báo. Tiếp đến là “Từng cơ quan báo chí nên xây dựng tiêu chuẩn, đạo đức của riêng lực lượng phóng viên, nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật”, và “Từng cơ quan báo điện tử phải tự giác, gương mẫu chấp hành Luật Báo chí, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có trách nhiệm phải tuyên truyền pháp luật”.

Phần cuối của Chương 3, nghiên cứu sinh đề xuất vận dụng các phương thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật cho CBDV và kiến nghị các giải pháp tổng thể về cơ chế, chính sách. Trong đó, tác giả cho rằng: Cần có kế hoạch, phương thức tuyên truyền cụ thể: Tuyên truyền ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, đột xuất, phù hợp với từng đối tượng. Đồng thời, tuyên truyền đa phương tiện, liên tục, với cường độ cao về số lượng và chất lượng tin, bài; kết hợp với giải đáp pháp luật, luật sư tư vấn pháp luật cho CBDV.

Trong 6 nhóm giải pháp cụ thể được tác giả nghiên cứu đề xuất thì có 2 giải pháp nhận được nhiều ý kiến đồng thuận nhất, đó là: Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các cơ quan báo điện tử có sai phạm trong việc cung cấp thông tin pháp luật cho công chúng; ngăn chặn hiện tượng tư nhân núp bóng “thâu tóm” nội dung các trang thông tin điện tử tổng hợp, gây nhiễu loạn thông tin nói chung và thông tin về pháp luật nói riêng.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả cho rằng, muốn nâng cao chất lượng thông tin pháp luật trên báo điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử thì cần phải kết hợp hài hòa các yếu tố

nội dung và hình thức của tác phẩm báo chí. Nói cách khác, hiệu quả tuyên truyền pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó phụ thuộc vào chất lượng nội dung thông điệp, sức hấp dẫn của việc truyền tải thông điệp và hình thức thể hiện thông điệp. Do đó, bên cạnh việc nâng cao chất lượng thông điệp, lựa chọn cách thức, thể loại truyền tải thông điệp phù hợp, hình thức thể hiện phong phú, sinh động, hiện đại, thân thiện sẽ làm cho báo điện tử phát huy cao nhất thế mạnh của mình trong việc tuyên truyền pháp luật, đáp ứng được nhu cầu thông tin của CBDV và góp phần định hướng dư luận xã hội.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, việc tuyên truyền pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có đội ngũ cán bộ, đảng viên (CBDV) là việc làm không thể thiếu. Tuyên truyền pháp luật cho CBDV được thực hiện bằng nhiều phương thức khác nhau, nhưng trong đó, với những ưu thế vượt trội, báo điện tử đã trở thành một công cụ tuyên truyền pháp luật thiết thực, hiệu quả.

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận của đề tài nghiên cứu, dựa vào khung lý thuyết, tác giả đã khảo sát, trắc nghiệm, phân tích, kết luận hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ nghiên cứu Luận án “*Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay*”.

**Chương 1**, tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Trong đó, đã làm rõ cơ sở lý luận và định hướng của Đảng về việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV; đồng thời phân tích cơ sở pháp lý của việc tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Cùng với đó, xây dựng “bộ công cụ” (Bảng mã và Phiếu phỏng vấn thông tin) và mô hình hóa các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Đó chính là khung lý thuyết để tác giả triển khai nghiên cứu đề tài luận án.

**Chương 2** là nội dung quan trọng nhất của luận án. Qua khảo sát, trắc nghiệm, phân tích (đối chiếu với những câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và tiêu chí) tác giả khẳng định: Tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử là có hiệu quả. Có bốn căn cứ để đi đến khẳng định này:

**1.** Các báo điện tử trong diện khảo sát đã triển khai công tác tuyên truyền pháp luật trên từng báo, theo chức năng nhiệm vụ của mình và đã có những kết quả nhất định giúp nâng cao nhận thức, từng bước thay đổi thái độ, hành vi của CBDV trong việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử. Với số lượng 1.839 tin bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật (pháp luật phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật trách

nhiệm bồi thường của Nhà nước) được đăng tải trên 14 chuyên mục của 5 báo điện tử (Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn) trong thời gian hai năm (2014-2015) là “bức tranh” tổng thể, là “món ăn” tinh thần của CBDV trong việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử.

**2. Về mức độ tiếp cận thông điệp pháp luật của CBDV – Đây là tiêu chí đầu tiên trong mô hình đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV.** Kết quả khảo sát cho thấy, CBDV đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử với tần suất khá cao và thường xuyên. Trong đó, tần suất đọc tin, bài pháp luật trong ngày trên báo điện tử của CBDV chiếm tỷ lệ cao, có tỷ lệ 65,4% số người được hỏi cho biết: mỗi ngày đọc trung bình từ 1 đến trên 3 lần tin, bài pháp luật trên báo điện tử.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, CBDV tiếp cận ba loại thông điệp pháp luật trên báo điện tử ở mức độ khá cao. Trong đó, có tới 65% CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tội phạm tham nhũng trên báo điện tử. Có tỷ lệ 51% CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ). Và, tỷ lệ thấp hơn (27,6%) CBDV “bắt gặp đều đọc ngay” và “chủ động tìm kiếm đọc” thông điệp pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**3. Về mức độ tác động đến nhận thức của CBDV:** Kết quả khảo sát, nghiên cứu cho thấy, có một tỷ lệ đáng kể (cao nhất là 20,8%) CBDV nắm bắt, ghi nhớ tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng, trong đó có các vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014-2015. Có tỷ lệ 19,1% số người được hỏi đã trả lời là “có biết, nhớ rõ” tin, bài trên báo điện tử thông tin về các dự án đầu tư công có nguy cơ lãng phí. Và, cũng có tỷ lệ 20,1% CBDV trả lời thắc nghiệm đúng một phần về phạm vi điều chỉnh của

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi đọc Luật này trên báo điện tử.

4. Về mức độ tác động và thay đổi thái độ của CBDV: Kết quả trắc nghiệm cho thấy trong 3 lĩnh vực pháp luật, có 2 lĩnh vực được CBDV quan tâm nhiều và rất nhiều, đó là Pháp luật phòng, chống tham nhũng với tỷ lệ 55%; Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với 31,5% “quan tâm nhiều”; lĩnh vực Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có 23,2% CBDV “quan tâm nhiều”. Trong 3 lĩnh vực pháp luật thì tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng được CBDV quan tâm nhiều nhất.

Kết quả trắc nghiệm cũng cho thấy, có 42,5% số người khi được hỏi trả lời “có tác dụng củng cố nhận thức” và 47,2% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng trên báo điện tử. Tương tự, có 33,2% số người khi được hỏi là “có tác dụng củng cố nhận thức” và 39,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí”. Và, có 36,5% số người được hỏi cho rằng “có tác dụng củng cố nhận thức”, 29,3% “có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật” sau đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu, tác giả cũng khẳng định rằng: Tuyên truyền pháp luật cho CBDV có hiệu quả chưa cao, bởi các lý do sau:

- Chất lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên các báo điện tử chưa đạt yêu cầu; số lượng tin, bài tuyên truyền pháp luật trên các báo điện tử là chưa nhiều. Tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật ở các báo điện tử chỉ ở mức trung bình và dưới mức trung bình, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh của loại hình báo điện tử. Thông qua nghiên cứu việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV cho thấy, tần suất đọc tin, bài pháp luật trong ngày trên một số báo điện tử của CBDV chiếm tỷ lệ khá cao, nhưng kiến thức về pháp luật và khả năng nhận thức ban đầu về những hành vi thuộc 3 chủ đề pháp luật được nêu trên báo điện tử của CBDV



lại không cao. Qua khảo sát, phân tích “Các chủ đề pháp luật trên báo điện tử và việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV cho thấy, các báo điện tử đã bộc lộ những hạn chế trong việc cung cấp thông tin về các lĩnh vực pháp luật cho CBDV. Trong 5 cơ quan báo điện tử, thì chỉ có 2 báo điện tử có mức độ tiếp cận (đọc/xem/nghe) tin, bài pháp luật của CBDV có tỉ lệ trên 54%; còn lại 3 báo điện tử có tỷ lệ đọc tin, bài pháp luật của CBDV ở mức thấp, chỉ từ 18,3% đến 30,7%.

Như vậy, phần lớn các báo điện tử được khảo sát chưa phát huy đầy đủ thế mạnh của loại hình báo chí mới, đa phương tiện, chưa triển khai tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Báo chí là “Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội”. Nói cách khác là, việc tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử của CBDV còn ở mức hạn chế và do đó khó có điều kiện tác động tới nhận thức, thái độ, hành vi của CBDV trong việc tuân thủ pháp luật.

Nội dung tin, bài tuyên truyền về các lĩnh vực pháp luật đã có tác động nhất định tới thái độ, hành vi của CBDV. Hành vi của CBDV sau khi tiếp cận thông điệp pháp luật trên báo điện tử, với xu hướng chung là kể lại câu chuyện, vấn đề, vụ việc vừa đọc với người thân, bạn bè, đồng nghiệp, người cùng khu dân cư, hoặc trao đổi trên các trang mạng xã hội (facebook, twitter..). Song, hình thức trao đổi mới chỉ dừng lại ở việc truyền thông tin tới nhóm xã hội khác mà chưa có sự nâng tầm thông tin ở mức cao hơn như giáo dục, cảnh báo về những hành vi vi phạm pháp luật mà mình tiếp cận được để tuyên truyền cho những chủ thể khác. Qua đó cho thấy, hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên 5 báo điện tử nhằm tác động, thay đổi hành vi của đối tượng được tuyên truyền là chưa cao.

**Chương 3** của luận án, nghiên cứu sinh nêu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử. Trong

đó có phân tích yếu tố chủ quan (kiến thức, trình độ pháp luật và bản lĩnh kém của nhà báo; ý thức trách nhiệm kém, sự cầu thả của nhà báo; đạo đức kém, lợi ích cá nhân của nhà báo; lãnh đạo cơ quan báo chí và nhà báo có tâm lý nể nang, ngại va chạm) và phân tích các nguy cơ từ việc đưa thông điệp pháp luật sai sự thật, thiếu khách quan lên báo điện tử. Phân tích các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử, tác giả đề cập đến việc thiếu nguồn cung cấp thông tin pháp luật chính thức cho báo điện tử; chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm tra, xử lý tin đồn thất thiệt, tin đồn trái pháp luật; thị hiếu ưu thích thông tin giật gân của một bộ phận công chúng và mức độ công khai, dân chủ ở nhiều cơ quan, đơn vị chưa được phát huy.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Chương 1, Chương 2, Chương 3, tác giả đã nêu ra các giải pháp nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử; giải pháp khắc phục những yếu kém, khuyết điểm; giải pháp xác định rõ trách nhiệm tuyên truyền pháp luật của cơ quan báo điện tử và nhà báo; giải pháp vận dụng các phương thức tuyên truyền pháp luật cho CBDV. Cùng với đó, tác giả luận án đề xuất một số kiến nghị sau:

*Một là*, từ kết quả nghiên đề tài, tác giả luận án cho rằng: Muốn nâng cao hiệu quả báo chí, hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử cho CBDV thì cần tăng cả về số lượng, chất lượng, tần suất thông tin pháp luật trên báo điện tử. Tỷ lệ 0,38% số lượng tin, bài tuyên truyền về 3 lĩnh vực pháp luật trên tổng số tin, bài tuyên truyền về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội được đăng tải trên 5 báo điện tử được khảo sát là con số cần phải được tăng lên. Thực tế cho thấy, có những vấn đề về pháp luật, tuyên truyền một lần chưa thể thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi. Nhưng, nếu tuyên truyền nhiều lần, nhiều cách thức đưa tin, đưa tin hấp dẫn thì chắc chắn sẽ tác động đến nhận thức và từng bước thay đổi thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của đối tượng tuyên truyền. Do đó, tác giả cho rằng, quá trình tuyên truyền về các chủ đề pháp luật, với dung lượng, tần suất tuyên truyền càng dày và càng công khai,

minh bạch thì hiệu quả báo chí, hiệu quả tuyên truyền pháp luật càng tăng cao.

*Hai là*, để nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử, thì một trong những yêu cầu quan trọng nhất, đó là phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà báo. Tiếp đến là “Từng cơ quan báo chí nên xây dựng tiêu chuẩn, đạo đức của riêng đội ngũ nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật”; “Từng cơ quan báo điện tử phải tự giác, gương mẫu chấp hành Luật Báo chí, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật”. Trong đó, các báo điện tử cần xác định rõ trách nhiệm phải tuyên truyền pháp luật; cần xây dựng và vận hành tốt các chuyên trang, chuyên mục “Cán bộ, đảng viên với pháp luật” trong quá trình tuyên truyền pháp luật.

*Ba là*, từ kết quả nghiên cứu, tác giả luận án kiến nghị các cơ quan quản lý CBDV cần tăng cường kiểm tra năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật của CBDV. Một thực tế cho thấy, trong các bản kiểm điểm cuối năm của CBDV đều tự nhận xét là “chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước”. Nhưng, kết quả khảo sát cho thấy một tỷ lệ không nhỏ CBDV khi được hỏi đã chưa nhận thức đầy đủ về nội dung chính yếu của một văn bản luật liên quan mật thiết đến CBDV, trong đó có Luật phòng, chống tham nhũng. Theo đó, kiến nghị các cơ quan chức năng của Đảng cần xem xét, sửa đổi Chỉ thị 32-CT/TW, ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ, nhân dân”. Trong Chỉ thị 32 của Ban Bí thư, có một chủ thể rất quan trọng, cần phải tự giác học tập, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, đó là đội ngũ đảng viên. Chỉ khi đảng viên, nhất là đảng viên giữ cương vị đứng đầu, chủ chốt ở các cơ quan, đơn vị từ Trung ương xuống địa phương luôn nêu cao tinh thần gương mẫu chấp hành pháp luật thì sẽ lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và cả hệ thống chính trị chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Qua đó, sẽ tác động tới toàn xã hội về việc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Muốn chấp hành

tốt pháp luật, điều quan trọng là từng CBDV phải tự giác học tập, nghiên cứu, tự tìm các nguồn thông tin pháp luật chính thống để nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật. Nguồn thông tin đó, không ở đâu phong phú, hấp dẫn, dễ tìm, dễ đọc, dễ tra cứu hơn, đó là thông tin pháp luật được đăng tải trên báo chí, đặc biệt là thông tin pháp luật trên báo điện tử.

*Bốn là*, từ ý nghĩa thực tiễn của đề tài luận án, tác giả đề xuất Bộ Thông tin và truyền thông cùng với các cơ quan chủ quản cần có đợt thanh tra toàn diện việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của các cơ quan báo chí điện tử, nhằm chấn chỉnh tình trạng thông tin giật gân, câu khách, thông tin sai sự thật. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nguy cơ từ việc đưa thông tin pháp luật trên báo điện tử sai sự thật, thiếu khách quan đã “Làm tổn hại tinh thần, vật chất cho tổ chức, cá nhân”; “Gây hoang mang dư luận”; “Gây hoài nghi về tính nghiêm minh của pháp luật”; và “Vô tình quảng bá, vẽ đường cho sai phạm”. Yêu cầu đặt ra là các cơ quan báo chí trong quá trình tuyên truyền pháp luật cần tăng thêm các tin, bài tuyên truyền về gương người tốt, việc tốt trong việc chấp hành pháp luật, góp phần nhân rộng cái tốt, cái đẹp, đẩy lùi cái xấu. Đồng thời, kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, sắp xếp quy hoạch rõ ràng, khoa học các cơ quan báo chí chuyên trách tuyên truyền về pháp luật, để việc tuyên truyền được chuyên sâu, là “địa chỉ đỏ” để công chúng, trong đó có CBDV tìm đến đọc/xem/nghe, góp phần nâng cao nhận thức, trình độ hiểu biết pháp luật, để tuân thủ pháp luật ngày càng tốt hơn.

*Năm là*, từ việc nghiên cứu các vấn đề của thực tiễn “hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử”, chúng tôi xin đề xuất hàng năm, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và truyền thông; Hội Nhà báo Việt Nam, phối hợp với các cơ quan Tư pháp Trung ương (Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp) cần xây dựng và tổ chức các giải báo chí tuyên truyền về đề tài pháp luật, nhằm củng cố, động viên lực lượng báo chí chuyên trách tuyên truyền về pháp luật. Qua đó, nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên các loại hình báo chí, góp phần nâng

cao nhận thức, thái độ hành vi tuân thủ pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ CBDV, thiết thực xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Có thể nói, nghiên cứu hiệu quả báo chí, trong đó nghiên cứu hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử là công việc khó khăn, phức tạp liên quan đến nhiều ngành khoa học. Nghiên cứu hiệu quả báo chí cũng là vấn đề cấp bách trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, cần thiết có những nguyên cứu căn cơ để nhằm phát huy ngày càng hữu hiệu công cụ tuyên truyền – báo chí, trong đó có báo điện tử.

Theo đó, “mệnh lệnh” từ cuộc sống hiện nay đặt ra là hệ thống báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử), nhất là các cơ quan báo chí chủ lực của Đảng, Nhà nước và các tổ chức Chính trị - xã hội cần phải không ngừng đổi mới, khắc phục cho được những tồn tại, hạn chế để làm chủ “trận địa” thông tin, để dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, tuyên truyền cho mọi người dân, trong đó có đội ngũ CBDV sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Và, một trong những yêu cầu đặt ra đó là, mỗi nhà báo trong từng cơ quan điện tử muốn làm tốt chức năng “tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước” thì phải có kiến thức về pháp luật và phải rèn luyện cho được đạo đức cách mạng. Nếu nhà báo bán rẻ lương tâm, đánh mất phẩm chất tốt đẹp của mình là tính trung thực và trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân thì nhà báo sẽ không thể viết bài tuyên truyền, thuyết phục được ai. Và, đương nhiên không thể có hiệu quả khi viết bài tuyên truyền về pháp luật cho CBDV.

Với các lẽ trên, nghiên cứu sinh hy vọng rằng, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho cá nhân, tổ chức quan tâm, trong đó có các cơ quan báo chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí, các nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật. Và, cũng có thể làm tài liệu phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy về lĩnh vực báo chí, tuyên truyền pháp luật./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. Tài liệu tiếng Việt

1. Hoàng Anh (2003), *Một số vấn đề sử dụng ngôn từ trên báo chí*, NXB Lao Động, Hà Nội.
2. Cao Thế Anh (2010), *Công tác xã hội hóa tuyên truyền phổ biến pháp luật: Khi doanh nghiệp chung tay vì pháp luật*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật- số chuyên đề T12/2010.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1992), Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 31/3/1992 về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 9/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.
5. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2005), Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 22/7/2005 về phát triển và quản lý báo điện tử ở Việt Nam hiện nay.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới.
7. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2007), Tham luận tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư khóa IX về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
8. Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo sơ kết Chỉ thị 32 của Ban Bí thư khóa IX (2007), Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.
9. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (2014), Báo cáo số 80-BC/BCĐTW ngày 15/05/2014 về Tình hình, kết quả công tác phòng,

*chống tham nhũng năm 2013 đến nay; phương hướng, nhiệm vụ công tác thời gian tới.*

10. Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Tăng cường lãnh đạo, quản lý tạo điều kiện để báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ, vững chắc trong thời gian tới*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

11. Ban Tuyên giáo Trung ương (2015), *Báo cáo Tổng kết công tác Tuyên giáo năm 2015, triển khai nhiệm vụ năm 2016*.

12. Hoàng Quốc Bảo (chủ biên), Lương Khắc Hiếu, Hà Huy Phượng, Đinh Thị Thanh Tâm (2015), *Giáo trình thông tin cổ động*, NXB Lao Động, Hà Nội.

13. Lê Thanh Bình (2004), *Quản lý và phát triển báo chí – xuất bản*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Lê Thanh Bình (2008), *Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

15. Nguyễn Đức Bình (1997), *Những quan điểm hàng đầu đối với công tác báo chí, xuất bản*, Tạp chí Báo chí & Tuyên truyền, số 05/1997.

16. Nguyễn Đức Bình (1998), *Phấn đấu nâng cao chất lượng, phát huy vai trò to lớn của báo chí, xuất bản trong thời kỳ mới*, Tài liệu môn Báo chí học, Tập 2, Khoa Báo chí, Phân viện Báo chí & Tuyên truyền, Hà Nội.

17. Bộ Chính trị (1997), Chỉ thị 22-CT/TW ngày 17/10/1997 về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản.

18. Bộ Chính trị (2004), Thông báo số 162-TB/TW ngày 1/12/2004 về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay.

19. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

20. Bộ Chính trị (2006), Thông báo kết luận số 41-TB/TW ngày 11/10/2006 về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí.

21. Bộ Chính trị (2013), Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về *phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet*.
22. Bộ Thông tin và Truyền thông (2010), *Một số văn bản chỉ đạo và quản lý của Đảng, Nhà nước về hoạt động báo chí*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
23. Bộ Thông tin và Truyền thông (2008), *Quyết định số 52/2008/QĐ-BTTTT ngày 02/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Quy chế xác định nguồn tin trên báo chí*.
24. Bộ Thông tin và Truyền thông (2017), *Những vấn đề cần quan tâm trong công tác quản lý nhà nước về báo chí hiện nay*, Báo cáo tại Hội nghị tập huấn công tác báo chí, ngày 11/8/2017 tại Hà Nội.
25. Bộ Thông tin và Truyền thông (2010), *Báo chí với công tác tuyên truyền, đấu tranh chống các luận điệu sai trái*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
26. Bộ Thông tin và Truyền thông (2017), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2016 và một số nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian sắp tới*.
27. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí*.
28. Bộ Thông tin và Truyền thông (2016), *Ngành Thông tin và Truyền thông: Kế thừa truyền thống, hướng tới tương lai*”, Báo cáo ngày 26/8/2016 nhân kỷ niệm 71 năm ngày truyền thống ngành Thông tin và Truyền thông.
29. Bộ Tư pháp (2004), *Kỷ yếu Hội thảo phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở*, Quảng Ninh.
30. Bộ Tư pháp (2007), *Nghiệp vụ tổ chức một số hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Bộ Tư pháp – Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2009), *Tọa đàm sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng*.



32. Bộ Tư pháp (2012), *Văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
33. A.A Chertuchonui, “*Các thể loại báo chí*” (2004), Nxb Thông tấn.
34. Chính phủ (2001), *Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet*.
35. Chính phủ (2002), *Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Báo chí*.
36. Chính phủ (2016), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng*, ngày 12/7/2016, Hà Nội.
37. Chính phủ (2007), *Quyết định số 77/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/5/2007 ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí*.
38. Chính phủ (2008), *Nghị định số 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet*.
39. Phạm Văn Chung, *Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân khu vực biên giới tỉnh Kon Tum*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 9/2008.
40. Claudia Mast (2003), *Truyền thông đại chúng, Những kiến thức cơ bản*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
41. Phạm Minh Chính (2016), *Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” – Bốn năm nhìn lại và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới*, Tạp chí Xây dựng Đảng, tháng 2/2016.
42. Hoàng Đình Cúc- Nguyễn Đức Dũng (2007), *Những vấn đề của báo chí hiện đại*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
43. Đỗ Quý Doãn (2012), “*Công tác báo chí thời gian qua và một số nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới*”, Tạp chí Cộng sản, (số 836).

44. Đỗ Quý Doãn (2014), *Quản lý và phát triển thông tin báo chí ở Việt Nam* (2014), NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
45. Trần Bá Dung (2007), *Nhu cầu tiếp nhận thông tin báo chí của công chúng Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
46. Đức Dũng (2006), *Viết báo như thế nào?* NXB Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
47. Nguyễn Công Dũng (2014), *Định hướng chính trị tư tưởng báo điện tử ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, 2014, Hà Nội.
48. Nguyễn Sĩ Dũng (chủ biên) (2007), *Kỷ yếu Hội nghị đại biểu Quốc hội với thông tin công chúng và quan hệ với báo chí*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
49. Nguyễn Văn Dũng và Hoàng Anh dịch (1998), *Nhà báo, bí quyết kỹ năng – nghề nghiệp* (kinh nghiệm nghề nghiệp báo chí quốc tế), NXB Lao động, Hà Nội.
50. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (1998), *Báo chí- Những điểm nhìn từ thực tiễn*, Tập II, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2006), *Tác phẩm báo chí*, Tập 1, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
52. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2006), *Tác phẩm báo chí*, Tập 2, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
53. Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng, *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản* (2012), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
54. Nguyễn Văn Dũng (2011), *Báo chí truyền thông hiện đại (Từ hàn lâm đến đời thường)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
55. Nguyễn Văn Dũng (2013), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Lao động, Hà Nội.
56. Nguyễn Văn Dũng (2007), *Cơ chế tác động của báo chí*, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 2/2007, tr.116-125.

57. Trương Văn Dũng (2016), *Quyền tiếp cận pháp luật của người dân: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nghiên cứu con người, số 3 (84), tr.56-67.
58. Vũ Cao Đàm (2007), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
59. Đậu Ngọc Đản (1995), *Báo chí với sự nghiệp đổi mới*, NXB Lao Động, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
63. Trần Hồng Đăng (2015), *Hiệu quả tuyên truyền ý thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ công tác tư tưởng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
64. Hà Minh Đức (1997), *Báo chí – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
65. Hà Minh Đức (2008), *Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
66. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật, Bàn về giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Philippe Gaillard (2004), *Nghề làm báo*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Trường Giang, (2014), *Báo mạng điện tử - Những vấn đề cơ bản*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
69. Nguyễn Thị Trường Giang (2014), *Tổ chức diễn đàn trên báo mạng điện tử*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Trường Giang (2014), *Sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

71. Grabennhicop, *Báo chí trong kinh tế thị trường* (2003), NXB Thông tấn, Hà Nội.
72. Lê Thu Hà *Xu hướng tiếp nhận sản phẩm báo chí của công chúng Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
73. Nguyễn Đức Hà, (2014) *Kỷ yếu Hội thảo Một số giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng*.
74. Đoàn Thi Thu Hà (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Nâng cao hiệu quả tuyên truyền văn hóa học đường cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn hiện nay*, Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
75. Vũ Quang Hào (2001), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
76. Vũ Quang Hào (2004), *Báo chí và đào tạo báo chí Thụy Điển*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
77. Thượng Hải, *Nắm bắt và xử lý tốt 10 phương diện có liên quan tới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Tư pháp Trung Quốc – số 3/2006.
78. Đỗ Thị Thu Hằng (2013), *Tâm lý học ứng dụng trong nghề báo*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
79. Đỗ Thị Thu Hằng, *Các bước trong truyền thông thay đổi hành vi của người nông dân Việt Nam trong ứng dụng cây trồng biến đổi gen hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, số 12/2014.
80. Đinh Thúy Hằng (2015), *Liên kết giữa báo chí và mạng xã hội*, Kỷ yếu Hội thảo Báo chí và mạng xã hội, Hội Nhà báo Việt Nam.
81. Lương Khắc Hiếu (2007), *Lý thuyết truyền thông và vận động*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
82. Chử Kim Hoa (2009), *Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực báo in ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Truyền thông đại chúng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
83. Học viện Hành chính (2008), *Phần I Nhà nước và pháp luật*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

84. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Phân viện Báo chí và Tuyên truyền Giáo trình Cơ sở lý luận báo chí*, (1999), Giáo trình cơ sở lý luận báo chí, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
86. Hội Nhà báo Việt Nam (2006), *Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Thông báo Kết luận 162-TB/TW của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay*, Hà Nội.
87. Hội Nhà báo Việt Nam (1972), *Hồ Chủ tịch với công tác báo chí*, Tài liệu nghiên cứu nghiệp vụ.
88. Hội Nhà báo Việt Nam (2015), *Hội thảo “Báo chí và Mạng xã hội”* (Hội thảo do Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí – Hội Nhà báo Việt Nam và Tạp chí Người Làm Báo phối hợp tổ chức).
89. Đỗ Minh Hồng (2006) *Báo điện tử Việt Nam và vấn đề văn hóa dân tộc*, luận văn thạc sĩ báo chí.
90. Lê Doãn Hợp (2007), *Quản lý báo chí trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử (18/6/2007).
91. Phạm Thành Hưng (2007), *Thuật ngữ Báo chí – Truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
92. Dương Thị Thu Hương (2015), *Nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về ứng phó với biến đổi khí hậu*, Tạp chí Xã hội học số 1 (129), tr.8-14.
93. Vũ Quốc Khánh (2006), *Kỹ năng phỏng vấn*, NXB Thông tấn.
94. Jane Kirtley (2010), *Sổ tay Luật truyền thông*, Ấn phẩm của Chương trình thông tin quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Hà Nội.
95. Đinh Gia Kiện, *Bàn luận về biến từ nhận thức qua hành động đến đam mê trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật* (2006), Tạp chí Tư pháp Trung Quốc – số 1/2006.
96. Kỷ yếu Hội thảo: *80 năm báo chí cách mạng Việt Nam – Những bài học lịch sử và định hướng phát triển* (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

97. Nguyễn Thế Kỷ (2012), *Công tác lãnh đạo, quản lý báo chí trong 25 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Nguyễn Thế Kỷ (2012), “*Quản lý, phát huy tốt vai trò của báo điện tử, trang thông tin điện tử và mạng xã hội trước yêu cầu mới*”, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (tháng 6/2012).
99. Nguyễn Thế Kỷ (2013), *Báo chí dưới góc nhìn thực tiễn*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
100. G.V.Lazutina (2003), *Cơ sở hoạt động sáng tạo của nhà báo*, NXB Thông tấn.
101. Nguyễn Thành Lợi –Phạm Minh Sơn (2014), *Thông tấn báo chí, lý thuyết và kỹ năng*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
102. Trần Đức Lượng (2012), *Về mục đích, ý nghĩa của tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí Thanh tra số 12/2012.
103. Lê Quốc Lý (chỉ đạo biên soạn), Lê Văn Toan, Ngô Kim Ngân, Nguyễn Thị Phương Thảo (đồng chủ biên), *Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về báo chí*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2011, Hà Nội.
104. Claudia Mast (2003), *Truyền thông đại chúng – những kiến thức cơ bản*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
105. Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Hữu Khiển (2008), *Nhà nước và pháp luật*, Phần 1, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
106. X.A. Mikhailóp (2004), *Báo chí hiện đại nước ngoài: Những quy tắc và nghịch lý*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
107. Lưu Hồng Minh (2008), *Nghiên cứu truyền thông*, Tập bài giảng cho học viên cao học báo chí tại Học viện Báo chí và tuyên truyền.
108. Lưu Hồng Minh (2009), *Truyền thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB Dân trí, Hà Nội.

109. Nguyễn Văn Minh (2015), *Chức năng phản biện xã hội của báo chí ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
110. Mai Quỳnh Nam (1998) (Chủ nhiệm Đề tài), *Báo cáo phân tích kết quả nghiên cứu xã hội học về hiệu quả của tờ báo Thiếu nhi dân tộc, Tạp chí vì trẻ thơ và Chương trình truyền hình vì trẻ em*, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
111. Mai Quỳnh Nam (2001), *Về vấn đề nghiên cứu hiệu quả truyền thông đại chúng*, Tạp chí xã hội học, số 4 (76), tr21-23.
112. Mai Quỳnh Nam (2002) (Chủ nhiệm Đề tài), *Công chúng thanh niên đô thị và báo chí*, Viện Xã hội học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
113. Nguyễn Trí Nhiệm, Nguyễn Thị Trường Giang (đồng chủ biên) (2014), *Báo mạng điện tử - Đặc trưng và phương pháp sáng tạo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
114. Đỗ Chí Nghĩa (2010), “*Vai trò của báo chí trong định hướng dư luận xã hội*”, Luận án Tiến sĩ Truyền thông đại chúng, Hà Nội.
115. *Nghề nghiệp và công việc của Nhà báo* (1992), Hội Nhà báo Việt Nam xuất bản.
116. Nguyễn Huy Ngọc (2013), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo báo điện tử trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
117. Vương Tiến Nghĩa, Quàn Tuyết Mai (2006), *Tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua mạng Internet*, Tạp chí Tư pháp Trung Quốc- số 1/2006.
118. Vương Công Nghĩa (2007), *Luận bàn về tuyên truyền pháp luật qua bản tin và việc xây dựng xã hội hài hòa*, NXB Pháp luật, Trung Quốc.
119. Trần Quang Nhiếp (2002), *Định hướng hoạt động và quản lý báo chí trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

120. Trần Quang Nhiếp (2005), *Nâng cao hiệu quả của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu tham nhũng ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
121. Nhiều tác giả (1997), *Hồ Chí Minh tác giả, tác phẩm, nghệ thuật ngôn từ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
122. Nguyễn Tri Niên (2006), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
123. Đỗ Thị Việt Oanh (2008), *Báo chí với tuyên truyền chống tiêu cực trong giáo dục*, Luận văn Thạc sĩ truyền thông đại chúng, Hà Nội.
124. Trần Thế Phiệt (1998- 2008), *Lịch sử nghiên cứu lý luận báo chí ở Việt Nam* (Giáo trình dành cho đào tạo sau đại học ở Học viện Báo chí và tuyên truyền).
125. Phùng Hữu Phú (2009), “*Hai mặt phải trái của cơn lốc công nghệ thông tin và công tác tư tưởng hiện nay*”, Tạp chí Tuyên giáo, (số 6/2009).
126. Nguyễn Kim Phương: *Tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong các loại hình doanh nghiệp, vấn đề cần được quan tâm*, Tạp chí Lao động và xã hội, số 376, 377, năm 2010.
127. E.P.Prôkhorốp, *Cơ sở lý luận của báo chí* (2004), Tập 1, NXB thông tấn, Hà Nội.
128. E.P.Prôkhorốp, *Cơ sở lý luận của báo chí* (2004), Tập 2, NXB thông tấn, Hà Nội.
129. Phan Quang (1992), *Nghề nghiệp và công việc của Nhà báo*, Hội Nhà báo Việt Nam xuất bản 1992.
130. Trần Hữu Quang (2006), *Xã hội học báo chí*, NXB Trẻ - Thời báo kinh tế Sài Gòn – Trung tâm kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, TP HCM.
131. Đào Duy Quát, Đỗ Quang Hưng, Vũ Duy Thông (2010), *Tổng quan lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam 1925 – 2010*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
132. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



133. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1999), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
134. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật phòng, chống tham nhũng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
135. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
136. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Luật tiếp cận thông tin*, (Luật số 104/2016/QH13).
137. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Luật Báo chí* (Luật số 103/2016/QH13)
138. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* (Luật số 44/2013/QH13, ngày 26/11/2013).
139. Dương Văn Sao, *Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật của công đoàn trong giai đoạn mới*, Tạp chí Lao động và công đoàn, số 347-348, năm 2016
140. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2007), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
141. Phan Xuân Sơn – Phạm Thế Lực (2008), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
142. Dương Xuân Sơn (2012), *Giáo trình lý luận báo chí truyền thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
143. Vũ Thị Thanh Tâm (2015), *Giáo dục ý thức về phòng, chống “Diễn biến hòa bình” cho công chúng báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
144. Đào Duy Tấn (2000), *Những đặc điểm của quá trình hình thành ý thức pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

145. Tạ Ngọc Tấn (1999), *Từ lý luận đến thực tiễn báo chí*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
146. Tạ Ngọc Tấn (1999), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
147. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
148. Dương Văn Thắng (2013), *Nghiên cứu hiệu quả báo chí trong hoạt động truyền thông về an sinh xã hội ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế*, Luận án Tiến sĩ báo chí, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
149. Nguyễn Văn Thắng (2017), *Nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo mạng điện tử*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 6/2017.
150. Nguyễn Thị Thoa (2006), *Nhập môn báo mạng điện tử*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
151. Nguyễn Thị Thoa (2007), *Tổ chức và quản lý báo mạng điện tử ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở trọng điểm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
152. Nguyễn Thị Thoa (chủ biên 2011): *Giáo trình tác phẩm báo chí đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam.
153. Hữu Thọ (1997), *Nghĩ về nghề báo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
154. Hữu Thọ, “*Về tính chuyên nghiệp của đội quân xung kích trên mặt trận tư tưởng*”, Tạp chí Tuyên giáo, (số 08/2011).
155. Vũ Duy Thông (2004), *Thực trạng và giải pháp nâng cao trình độ cán bộ báo chí hiện nay*, Đề tài khoa học, Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Hà Nội.
156. Nguyễn Trí Thức (2015), *Vai trò của báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí Cộng sản điện tử, 11/8/2015.

157. Nguyễn Vũ Tiến (2003), *Sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí trong thời kỳ đổi mới*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
158. Nguyễn Vũ Tiến (2005), *Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
159. Trần Doãn Tiến (2010), “*Phê phán các quan điểm sai trái về tư tưởng chính trị trên mạng Internet góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
160. Phạm Hương Trà (2011), “*Hiệu quả của các bài viết về bạo lực gia đình trên báo điện tử Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
161. Trương Xuân Trường (2009), *Hiệu quả xã hội của một số chuyên đề báo chí dành cho vùng sâu, vùng xa ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
162. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2003), Tập 3, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
163. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em (2003), *Truyền thông thay đổi hành vi trong lĩnh vực dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản*, NXB Y học, Hà Nội.
164. Đào Trí Úc (chủ nhiệm) (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX 07-17, Hà Nội.
165. Hà Thị Vinh (2008), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo mạng hiện nay*”, Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Bộ/ngành.
166. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong các học viện quân sự ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ khoa học chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

167. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1995), *Chuyên đề Tuyên truyền giáo dục pháp luật* (1995), Hà Nội.
168. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa và NXB Tư pháp, Hà Nội.
169. Viện Nhà nước và Pháp luật - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, (1997), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX- 07-17, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
170. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1998), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số 92-98-223, Hà Nội.
171. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp (2013), *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới*, Tài liệu tham khảo nội bộ, Hà Nội.
172. V.V Vôrôsilôp (2004), *Nghiệp vụ báo chí, lý luận & thực tiễn*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
173. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

## **B. Tài liệu tiếng Anh**

174. Make Ward (2002), *Journalism Online (Nghề làm báo trực tuyến)*, Elsevier Science Linacre House, Jordan Hill, Oxford OX2 8DP.
175. John Vivivas (1997), *The media of communication*, fourth edition, Allyn & Bacon, p.369.
176. Joann Keyton (2006), *Communication research: Asking question, finding answers (Nghiên cứu truyền thông: đặt câu hỏi, tìm câu trả lời)* London: McGraw-Hill Higher Education.
177. Philip Kotler (ĐH Northwestern), Ned Roberto (Viện Quản lý Châu Á), Nancy Lee (Liên hiệp Dịch vụ marketing xã hội), (2002) *Social Marketing –*

*Improving the Quality of Life (Tiếp thị xã hội – nâng cao chất lượng cuộc sống)* do NXB SAGE, California, USA.

178. Ralph L. Kliem (2007), *Effective Communications for Project Management (Truyền thông hiệu quả cho quản lý dự án)*, Auerbach Publications, New York.

179. Shirley Biagi (2004), *Media impact (Tác động truyền thông)*, California State University, Sacramento.

180. The Freedom of the Press Act:  
[http://www.riksdagen.se/templates/R\\_Page\\_\\_\\_6313.aspx](http://www.riksdagen.se/templates/R_Page___6313.aspx)

181. Graham Greenleaf, Andrew Mowbray, Geoffrey King and Peter van Dijk: *Public access to law via internet (Quyền tiếp cận luật thông qua Internet)* ([http://www.austlii.edu.au/austlii/articles/libs\\_paper.html](http://www.austlii.edu.au/austlii/articles/libs_paper.html))

182. Graham

Greenleaf, [http://www2.austlii.edu.au/~graham/publications/2002/HKLII\\_WorldLII\\_Jan02/HKLII\\_WorldLII.html](http://www2.austlii.edu.au/~graham/publications/2002/HKLII_WorldLII_Jan02/HKLII_WorldLII.html) - fn0 Philip Chung, Andrew Mowbray, *Free access to law via Internet as a condition of the rule of law in Asian societies (Miễn phí truy cập pháp luật thông qua Internet trong xã hội châu Á)*, ([http://www2.austlii.edu.au/~graham/publications/2002/HKLII\\_WorldLII\\_Jan02/HKLII\\_WorldLII.html](http://www2.austlii.edu.au/~graham/publications/2002/HKLII_WorldLII_Jan02/HKLII_WorldLII.html))

183. Daniel Poulin: *Open access to law in developing countries (Mở quyền truy cập vào pháp luật ở các nước đang phát triển)*, <http://ojphi.org/ojs/index.php/fm/article/view/1193/1113#author>.

### C. CÁC BÁO ĐIỆN TỬ

184. <https://vnexpress.net/infographics/thoi-su/quan-lo-thang-tram-cua-ong-trinh-xuan-thanh-3465996.html>.

185. <http://dantri.com.vn/phap-luat/ky-luat-hang-loat-can-bo-lanh-dao-dang-vien-sai-pham-1383524084.htm>.

186. <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/uy-ban-kiem-tra-trung-uong-ky-luat-hang-loat-can-bo-3090796.html>.

187. <http://www.tienphong.vn/phap-luat/toan-can-h-vu-viec-khoi-to-ong-kim-quoc-hoa-859153.tpo>.
188. <http://www.nhandan.org.vn/chinhtri/item/31690702-chay-mot-can-benh-nang-can-phai-duoc-chua-tri.html>
189. <http://baophapluat.vn/thoi-su/thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-nam-2014-lang-phi-van-tran-lan-217599.html>

## PHẦN PHỤ LỤC

### Phụ lục I.

### BẢNG MÃ

*(Qua khảo sát tin, bài tuyên truyền pháp luật trên các báo điện tử: Vnexpress.net; dantri.com.vn; tienphong.vn; baophapluat.vn; dangcongsan.vn, từ ngày 1/1/2014 đến 31/12/2015)*

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tác phẩm báo chí (ghi chung là tin/bài).....

.....

....

2. Đăng tải trên báo

1. Vnexpress.net      2. Dantri.com.vn      3. Tienphong.vn      4. Baophapluat.vn      5. Dangcongsan.vn

3. Tin, bài về:

1. Pháp luật phòng chống tham nhũng      2. Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí      3. Pháp luật trách nhiệm bồi thường của NN

4. Chuyên mục:

1. Thời sự/Chính trị	6. Văn hóa/Nghệ thuật/Sân khấu	11. Ngân hàng – địa ốc
2. Pháp luật	7. Giáo dục/Khoa học	12. Nội chính/Tư pháp/Pháp đình
3. Cải cách tư pháp	8. Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí	13. Diễn đàn/Blog/Cộng đồng
4. Xã hội	9. Xây dựng Đảng	14. Nhịp sống trẻ
5. Kinh tế/Kinh doanh	10. Bạn đọc/ Nhịp cầu công lý	

2. Thể loại:

1. Tin	3. Bài phản ánh	1. Tường thuật/ghi nhanh
2. Phóng sự/Điều tra	4. Phỏng vấn	2. Bình luận, xã luận

6. Tít tin, bài có phản ánh được nội dung vụ việc không?

1. Có      2. Không

7. Tin, bài có sử dụng ảnh hay không?

1. Có      2. Không

8. Tin, bài sử dụng bao nhiêu ảnh?.....

9. Nội dung của ảnh được sử dụng?

1. Ảnh hành vi tham nhũng	5. Ảnh người thi hành công vụ làm trái pháp luật
2. Ảnh chân dung nhân vật	6. Ảnh nhân vật có hành vi gây lãng phí
3. Ảnh xét xử vụ án	7. Ảnh hội nghị/ hội thảo
4. Ảnh chứng cứ, tài liệu Ảnh minh họa, biếm họa	Ảnh bồi thường thiệt hại

10. Tin, bài có sử dụng hộp thông tin (box) hay không?

1. Có      2. Không

11. Tin, bài sử dụng bao nhiêu hộp thông tin?.....

12. Nội dung của hộp thông tin?

1. Thông tin nền cho bài viết      2. Số liệu      3. Trích dẫn, phỏng vấn

**3. NHÓM TIN, BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**B1. NỘI DUNG THÔNG ĐIỆP**

**1. Vấn đề, vụ việc tham nhũng có phải là chủ đề chính trong tin, bài tuyên truyền pháp luật hay không?**

1. Có      2. Không

**2. Tin, bài đề cập đến vấn đề, vụ việc tham nhũng cập thuộc lĩnh vực nào?**

1. Kinh tế (tài chính, ngân hàng, thuế, dự án, đấu thầu)      5. Thể thao/Giải trí  
2. Đất đai, nhà ở, xây dựng,      6. Tổ chức – cán bộ  
3. Xã hội (lao động, việc làm)      7. Y tế  
4. Tư pháp, cơ quan bảo vệ pháp luật      8. Giáo dục  
(Công an, Tòa án, Viện kiểm sát)      9. Văn hóa/ Nghệ thuật

**3. Phạm vi vấn đề, vụ việc liên quan?**

1. Trong nước      2. Ngoài nước      3. Cả trong và ngoài nước

**4. Các cụm từ liên quan đến vấn đề, vụ việc tham nhũng được nhắc đến trong tin/bài?**

STT	Cụm từ	Số lần xuất hiện
1	Tham ô	
2	Nhận hối lộ	
3	Đưa hối lộ	
4	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn	
5	Lạm quyền, trục lợi	
6	Tham nhũng	
7	Giả mạo trong công tác vì vụ lợi	
8	Những nhiễu, mãi lộ	
9	Chạy án	

**5. Đối tượng tham nhũng:** 1. Cá nhân tham nhũng  
2. Tập thể tham nhũng

**6. Nguyên nhân tham nhũng được đề cập đến như thế nào?**

1. Đề cập cụ thể, chi tiết      2. Đề cập khái quát      3. Không đề cập

**7. Khái quát về nội dung nguyên nhân dẫn đến tham nhũng:**

1. Cò tình làm sai pháp luật      3. Không hiểu biết pháp luật  
2. Tác trách trong quản lí      4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn

**8. Địa phương xảy ra vụ việc tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến cụ thể      2. Nhắc đến nhưng viết tắt      3. Không nhắc đến

**9. Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (có cá nhân) thực hiện hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến cụ thể      2. Nhắc đến nhưng viết tắt      3. Không nhắc đến

**10. Quá trình của hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Cụ thể, chi tiết sự việc      2. Khái quát các sự việc chính  
3. Không nhắc đến

**11. Tiến trình sự việc đến thời điểm bài báo đưa tin?**

1. Đang trong quá trình điều tra, làm rõ      2. Hoàn chỉnh hồ sơ điều tra  
3. Đã được xử lí



**12. Thiệt hại (hậu quả) của hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Nêu rõ thiệt hại (hậu quả) rõ ràng, chi tiết
2. Không nêu thiệt hại (hậu quả)
3. Nêu thiệt hại (hậu quả) một cách chung chung

**13. Có đề cập đến số tiền bị tham nhũng không?**

1. Có
2. Không (*chuyển sang câu 16*)

**14. Số tiền tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. VND
2. Ngoại tệ

**15. Tính chất của vụ việc được đề cập đến trong tin/bài?**

3. Đặc biệt nghiêm trọng
2. Nghiêm trọng
3. Ít nghiêm trọng
4. Không nhắc đến

**16. Các hành vi tham nhũng bị xử phạt như thế nào?**

1. Truy cứu trách nhiệm hình sự
3. Các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức
2. Các hình thức kỷ luật về đảng
4. Không kỷ luật

**17. Nếu bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt với hình thức nào?**

1. Phạt tù giam giữ có thời hạn
3. Tử hình
2. Phạt tù chung thân
4. Phạt tù nhưng được hưởng án treo

## **B2. NHÂN VẬT TRONG TIN/BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**1. Đối tượng trong vụ việc tham nhũng thuộc giới tính nào?**

1. Nam
2. Nữ
3. Cả nam và nữ
4. Không xác định

**2. Tên nhân vật trong vụ việc được đề cập đến như thế nào?**

1. Tên đầy đủ
2. Tên viết tắt
3. Không nhắc đến tên

**3. Chức vụ của nhân vật trong vụ việc được nhắc đến như thế nào?**

1. Chức danh đầy đủ
2. Gọi chức danh chung chung
3. Không nhắc đến chức danh

**4. Tin/bài đề cập đến nhân vật phát hiện ra vụ việc như thế nào?**

1. Nhắc đến với tên gọi đầy đủ
2. Nhắc đến với tên viết tắt
3. Không nhắc đến

**5. Tin/bài có nhắc đến chức vụ của người phát hiện ra vụ việc không?**

1. Có
2. Không

**6. Tên người đưa hối lộ trong hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Tên đầy đủ
2. Tên viết tắt
3. Không nhắc đến tên

**7. Chức vụ của người đưa hối lộ trong hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến với chức vụ đầy đủ
2. Nhắc đến với chức vụ viết tắt
3. Không nhắc đến

**8. Tên người nhận hối lộ trong hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Tên đầy đủ
2. Tên viết tắt
3. Không nhắc đến tên

**9. Chức vụ của người nhận hối lộ trong hành vi tham nhũng được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến với chức vụ đầy đủ 2. Nhắc đến với chức vụ viết tắt 3. Không nhắc đến

**10. Tin/bài có sử dụng phỏng vấn, trích dẫn hay không?**

1. Có  
2. Không

**4. Mức độ liên quan của người phỏng vấn đến vụ việc?**

1. Nhân vật trong vụ việc 4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp  
2. Người chịu trách nhiệm liên quan 5. Người có thẩm quyền giải quyết vụ việc  
3. Chuyên gia 6. Người dân thường

**C. NHÓM TIN, BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

**C1. NỘI DUNG THÔNG ĐIỆP**

**1. Hành vi gây lãng phí; hành vi vi phạm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có phải là chủ đề chính trong tin/bài hay không?**

1. Có 2. Không

**2. Các cụm từ liên quan đến Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có được nhắc đến trong các tin, bài?**

STT	Cụm từ	Số lần xuất hiện
1	Tiết kiệm	
2	Chống lãng phí	
3	Lãng phí trụ sở làm việc	
4	Lãng phí xe công	
5	Bỏ hoang	
6	Mô hình tốt về thực hành tiết kiệm	

**3. Nguyên nhân gây lãng phí được đề cập như thế nào?**

1. Đề cập cụ thể, chi tiết 2. Đề cập khái quát 3. Không đề cập

**4. Khái quát về nguyên nhân dẫn đến vụ việc, hành vi gây lãng phí?**

1. Cố tình gây lãng phí 3. Không hiểu biết pháp luật  
2. Vô ý gây lãng phí 4. Lạm quyền gây ra lãng phí

**5. Địa phương xảy ra vụ việc, hành vi gây lãng phí được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến cụ thể 2. Nhắc đến nhưng viết tắt  
3. Không nhắc đến

**6. Quá trình của hành vi gây ra lãng phí được nhắc đến như thế nào?**

1. Cụ thể, chi tiết sự việc 2. Khái quát các sự việc chính  
3. Không nhắc đến

**7. Thiệt hại (hậu quả) của hành vi gây lãng phí được nhắc đến như thế nào?**

1. Nêu rõ thiệt hại (hậu quả) rõ ràng, chi tiết  
2. Không nêu thiệt hại (hậu quả)  
3. Nêu thiệt hại (hậu quả) một cách chung chung

**8. Có đề cập đến số tiền của Nhà nước bị thất thoát do hành vi lãng phí gây ra không?**

1. Có 2. Không

- 9. Có đề cập số tiền của vụ việc, hành vi gây lãng phí?**  
 1. Có 2. Không
- 10. Tin, bài có đề cập đến việc tập thể, cá nhân gây lãng phí có bị xem xét kỷ luật?**  
 1. Có 2. Không
- 11. Vụ việc, hành vi gây lãng phí bị xem xét kỷ luật như thế nào?**  
 1. Không bị kỷ luật 3. Bị kỷ luật hành chính  
 2. Bị kỷ luật về đảng 4. Bị truy cứu trách nhiệm

hình sự

## **C2. NHÂN VẬT TRONG TIN/BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

- 1. Đối tượng gây lãng phí là:** 1. Cá nhân 2. Tập thể 3. Cả cá nhân và tập thể
- 2. Có đề cập đến giới tính của cá nhân gây lãng phí không?** 1. Có 2. Không
- 3. Chức vụ của người gây lãng phí được nhắc đến như thế nào?**  
 1. Ghi đầy đủ 2. Ghi chung chung 3. Không nhắc đến chức vụ
- 4. Tin/bài đề cập đến người nào phát hiện ra vụ việc/hành vi gây lãng phí?**  
 1. Do người dân phát hiện 4. Người trong cùng cơ quan/đơn vị  
 2. Báo chí phát hiện tổ giác  
 3. Cơ quan Nhà nước phát hiện 5. Cơ quan của Đảng phát hiện
- 5. Tin/bài có nhắc đến tên, chức vụ của người phát hiện ra vụ việc/hành vi gây lãng phí không?**  
 1. Có 2. Không
- 6. Tin/bài viết có sử dụng phỏng vấn, trích dẫn hay không?**  
 1. Có 2. Không
- 7. Mức độ liên quan của người được phỏng vấn với vụ việc?**  
 1. Nhân vật trong vụ việc 4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp  
 2. Người chịu trách nhiệm liên quan 5. Người có thẩm quyền giải quyết vụ việc  
 3. Chuyên gia 6. Người dân thường

## **D. NHÓM TIN, BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC**

### **D1. NỘI DUNG THÔNG ĐIỆP**

- 1. Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ/người có thẩm quyền đã gây ra thiệt hại/oan/sai; cơ quan Nhà nước bồi thường thiệt hại/oan/sai có phải là chủ đề chính trong tin/bài hay không?**  
 1. Có 2. Không
- 2. Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại/oan/sai, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc về cơ quan nào?**  
 1. UBND các cấp 2. Công an 3. Viện kiểm sát  
 4. Tòa án
- 3. Các cụm từ liên quan đến người thi hành công vụ/người có thẩm quyền đã gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến trong các bài viết**

STT	Cụm từ	Số lần xuất hiện
1	Người thi hành công vụ làm trái pháp luật	

2	Oan sai	
3	Nhà nước bồi thường thiệt hại	
4	Toà án giải quyết việc bồi thường	
5	Khôi phục danh dự	
6	Hoàn trả cho ngân sách nhà nước	

- 4. Đối tượng gây thiệt hại/oan/sai:** 1. Cá nhân 2. Tập thể
- 5. Nguyên nhân gây thiệt hại/oan/sai được đề cập như thế nào?**  
1. Đề cập cụ thể, chi tiết 2. Đề cập khái quát 3. Không đề cập
- 6. Khái quát về nguyên nhân dẫn đến vụ việc gây thiệt hại/oan/sai:**  
1. Cố tình làm sai pháp luật 3. Không hiểu biết pháp luật  
2. Vô ý gây thiệt hại/oan/sai 4. Lạm quyền khi thi hành công vụ
- 7. Địa phương xảy ra vụ việc gây thiệt hại/oan/sai được nhắc đến như thế nào?**  
1. Nhắc đến cụ thể 2. Nhắc đến nhưng viết tắt 3. Không nhắc đến
- 8. Quá trình của hành vi gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến như thế nào?**  
1. Cụ thể, chi tiết sự việc 2. Khái quát các sự việc chính 3. Không nhắc đến
- 9. Tiến trình vụ việc đến thời điểm tin/bài đưa tin?**  
1. Đang trong quá trình điều tra 2. Hoàn chỉnh hồ sơ 3. Đã được xử lý
- 10. Thiệt hại (hậu quả) của hành vi gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến như thế nào?**  
1. Nêu rõ thiệt hại rõ ràng, chi tiết 3. Không nêu thiệt hại  
2. Nêu thiệt hại một cách chung chung
- 11. Có đề cập đến số tiền của Nhà nước bồi thường cho người bị thiệt hại/oan/sai không?**  
1. Có 2. Không
- 12. Có đề cập số tiền của người thi hành công vụ, người có thẩm quyền (gây ra thiệt hại/oan/sai) hoàn trả cho ngân sách nhà nước?**  
1. Có 2. Không
- 13. Người thi hành công vụ, người có thẩm quyền (gây ra thiệt hại/oan/sai) có bị xem xét kỷ luật bằng các hình thức nào sau đây?**  
1. Khiển trách 3. Hạ bậc lương 5. Cách chức 7. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự  
2. Cảnh cáo 4. Giáng chức 6. Buộc thôi việc
- D2. NHÂN VẬT TRONG TIN/BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC**
- 1. Người bị thiệt hại, bị kết án oan/ sai thuộc giới tính nào?**  
1. Nam 2. Nữ 3. Cả nam và nữ
- 2. Tên người bị thiệt hại, bị kết án oan/ sai được đề cập đến như thế nào?**  
1. Tên đầy đủ 2. Tên viết tắt 3. Không nhắc đến tên
- 3. Chức vụ của người bị thiệt hại, bị kết án oan/ sai được nhắc đến như thế nào?**  
1. Ghi đầy đủ 2. Ghi chung chung 3. Không nhắc đến chức vụ
- 4. Tin/bài đề cập đến người bị thiệt hại, bị kết án oan/sai được phát hiện ra bởi chủ thể nào?**  
1. Do người dân phát hiện

2. Báo chí phát hiện  
giác
3. Cơ quan Nhà nước phát hiện
4. Người trong cùng cơ quan/đơn vị tổ
5. Cơ quan của Đảng phát hiện

**5. Tin/bài có nhắc đến tên, chức vụ của người phát hiện ra vụ việc gây thiệt hại/oan/sai không?**

1. Có                      2. Không

**6. Tên của người thi hành công vụ, người có thẩm quyền gây ra thiệt hại/oan/sai được nhắc đến như thế nào?**

1. Tên đầy đủ                      2. Tên viết tắt
3. Không nhắc đến tên

**7. Chức vụ của người thi hành công vụ, người có thẩm quyền gây ra thiệt hại/oan/ sai được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến với chức vụ đầy đủ                      2. Nhắc đến với chức vụ viết tắt
3. Không nhắc đến

**8. Tên người bị thiệt hại/oan/sai được nhắc đến như thế nào?**

1. Tên đầy đủ                      2. Tên viết tắt                      3. Không nhắc đến tên

**9. Chức vụ của người bị thiệt hại//oan/sai được nhắc đến như thế nào?**

1. Nhắc đến với chức vụ đầy đủ
2. Nhắc đến với chức vụ viết tắt
3. Không nhắc đến

**10. Bài viết có sử dụng phỏng vấn, trích dẫn hay không?**

1. Có                      2. Không

**11. Mức độ liên quan của người được phỏng vấn với vụ việc?**

1. Nhân vật trong vụ việc                      4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp
2. Người chịu trách nhiệm liên quan                      5. Người có thẩm quyền giải quyết vụ việc
3. Chuyên gia                      6. Người dân thường

**Phu lục II.****PHIẾU PHÒNG VẤN THÔNG TIN**

MÃ SỐ PHIẾU:  
CB.ĐV/.....

Kính thưa Quý vị,

Để có cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá **Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay**, chúng tôi trân trọng kính mời Quý vị tham gia trả lời phiếu khảo sát thông tin này.

Để trả lời phiếu, Quý vị khoanh tròn **O**, hoặc đánh dấu “X”, hoặc tự ghi theo chỉ dẫn của từng câu hỏi, với nguyên tắc lần lượt từ trên xuống và mong muốn Quý vị **KHÔNG** bỏ sót câu hỏi nào.

Các thông tin mà Quý vị cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và được bảo đảm tính **khuyết danh** khi công bố.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác quý báu của Quý vị!

**5. THÔNG TIN NHÂN KHẨU – XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI**

**A1. Nơi cư trú hiện tại: Hà Nội**

**A2. Giới tính:** 1. Nam ... 2. Nữ

**A3. Tuổi (theo dương lịch):**

**A4. Dân tộc:** 1. Kinh ... 2. Khác (ghi rõ).....

**A5. Trình độ học vấn:**

1. Cao đẳng, Đại học 2. Thạc sĩ 3. Tiến sĩ

**A6. Lĩnh vực công tác:**

1. Cơ quan của Đảng 2. Cơ quan Nhà nước 3. Tổ chức Chính trị- Xã hội

**6. MỨC ĐỘ TIẾP CẬN THÔNG TIN PHÁP LUẬT TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

**B1. Quý vị thường tiếp cận – đọc/nghe/xem (ghi chung là đọc) tin, bài pháp luật thông qua các kênh nào?**

- |   |   |
|---|---|
| 2. Báo in   | 8. Trung tâm tư vấn pháp luật, câu lạc bộ pháp luật |
| 3. Báo nói (phát thanh)                                       | 9. Cơ quan tư pháp trợ giúp pháp lý lưu động        |
| 4. Báo hình (truyền hình)                                     | 10. Hoạt động xét xử của Tòa án                     |
| 5. Báo điện tử  | 11. Khác (ghi rõ):.....                             |
| 6. Tạp chí điện tử/Trang thông tin điện tử tổng hợp           |   |
| 6. Sách pháp luật   |   |
| 7. Tuyên truyền miệng, hội thảo, hội nghị chuyên đề pháp luật |   |

**B2. Quý vị thường đọc báo điện tử bằng những thiết bị nào?**

- |                          |                                       |
|--------------------------|---------------------------------------|
| 1. Điện thoại thông minh | 3. Máy vi tính xách tay/máy tính bảng |
| 2. Máy tính để bàn       | 4. Tivi Internet                      |

**B3. Xin Quý vị cho biết lý do thích đọc báo điện tử?**

1. Tin, bài cập nhật, thời sự; chủ đề phong phú, đa dạng.
2. Tin bài khách quan, độ tin cậy cao.
3. Đa phương tiện: chữ viết, kèm hình ảnh, âm thanh, đồ họa
4. Giao diện đẹp, thân thiện, dễ đọc/nghe/xem
5. Tiêu đề/đầu đề tin, bài hấp dẫn, kích thích trí tò mò
6. Có khả năng tương tác, bình luận, phản hồi
7. Kho tư liệu, khả năng lưu trữ lớn, dễ tìm kiếm thông tin

8. Khác (ghi rõ):.....

**B4. Tần suất đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử của Quý vị như thế nào?**

1. Trung bình 1-2 lần/ngày  
2. Vài lần/tuần  
3. Trên 3 lần/ngày  
4. Vài lần/tháng

**B5. Quý vị có đọc tin, bài pháp luật trên các báo điện tử nào sau đây?**

1. Vnexpress.net  
2. Dantri.com.vn  
3. Baophapluat.vn  
4. Tienphong.vn  
5. Dangcongsan.vn

**B6. Quý vị quan tâm, tiếp cận các loại thông điệp pháp luật nào trên báo điện tử?**

<i>Loại thông điệp pháp luật</i>	<i>Ít quan tâm, hiếm khi đọc (1)</i>	<i>Đọc ngẫu hứng tùy lúc (2)</i>	<i>Bắt gặp đều ngay (3)</i>	<i>Chủ động tìm kiếm để đọc (4)</i>
1. Pháp luật phòng, chống tham nhũng; tội phạm tham nhũng				
2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống thất thoát lãng phí				
3. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (về các vụ án oan, sai; những hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ)				

**5. MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN SAU KHI TIẾP CẬN THÔNG ĐIỆP PHÁP LUẬT TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**C1.** Nếu tự mình đánh giá, Quý vị đánh giá mức độ hiểu biết pháp luật sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử? (*Quý vị chọn một trong các cấp độ 1,2,3 đánh dấu khoanh tròn vào ô tương ứng: 1. Chưa hiểu gì; 2. Hiểu biết ít; 3. Hiểu biết nhiều*).

<i>Pháp luật phòng, chống tham nhũng</i>			<i>Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</i>			<i>Pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>		
1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều	1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều	1. Chưa hiểu gì	2. Hiểu biết ít	3. Hiểu biết nhiều

**C2.** Đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử, Quý vị thấy những hành vi nào sau đây phạm vào tội tham nhũng?

<i>Các hành vi</i>	<i>0. Không biết</i>	<i>1. Không đúng</i>	<i>2. Đúng</i>
1. Tham ô tài sản			
2. Nhận hối lộ			
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản			
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ			
5. Lạm quyền trong khi thi hành công vụ			
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh			

hưởng đối với người khác để trục lợi			
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi			

**C3. Quý vị có nhớ tin, bài trên báo điện tử tuyên truyền về các vụ án tham nhũng lớn trong năm 2014, 2015?**

<i>Tên vụ án</i>	<i>1. Không biết</i>	<i>2. Có biết, nhưng không nhớ rõ</i>	<i>3. Có biết, nhớ rõ</i>
1. Vụ án tham nhũng tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)			
2. Vụ tham nhũng tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin)			
3. “Đại án” tham nhũng tại Công ty cho thuê tài chính II			

**C4. Quý vị cho biết nhận thức của mình về các hành vi gây lãng phí đang tồn tại trong xã hội và mức độ của các hành vi đó?**

<i>Các hành vi</i>	<i>2. Lãng phí nghiêm trọng</i>	<i>3. Lãng phí ít nghiêm trọng</i>	<i>4. Sử dụng tiết kiệm, không lãng phí</i>
1. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch về kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng			
2. Sử dụng ngân sách, vốn, tài sản Nhà nước, tài sản doanh nghiệp Nhà nước, đầu tư công			
3. Khai thác và sử dụng tài nguyên			
4. Sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước			

**C5. Quý vị có nhớ tin, bài trên báo điện tử thông tin về các dự án đầu tư công lên tới hàng ngàn tỷ đồng có nguy cơ lãng phí?**

<i>Tên công trình, dự án có nguy cơ lãng phí</i>	<i>1. Không biết</i>	<i>2. Có biết, nhưng không nhớ rõ</i>	<i>3. Có biết, nhớ rõ</i>
1. Dự án đường sắt Cát Linh – Hà Đông được đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng			
2. Dự án mở rộng Nhà máy gang thép Thái Nguyên được đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng			
3. Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình được đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng			



**C6. Quý vị có nhớ phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi đọc luật này trên báo điện tử?**

1. Khó trả lời	2. Điều chỉnh hoạt động tổ tụng	3. Điều chỉnh hoạt động quản lý hành chính	4. Điều chỉnh hoạt động thi hành án
----------------	---------------------------------	--	-------------------------------------

**C7. Theo Quý vị, một công dân bị kết án oan, sai thì trách nhiệm bồi thường thuộc về ai? Ai phải hoàn trả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước? Và, tổn thất về tinh thần có được bồi thường?**

Tình huống	Đúng	Sai	Ý kiến khác
1. Người thi hành công vụ làm trái pháp luật gây oan/sai phải bồi thường			
2. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra oan/sai là cơ quan có trách nhiệm bồi thường.			
3. Ngân sách Nhà nước chi trả kinh phí bồi thường và người gây oan/sai phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước			
4. Cùng với thiệt hại về vật chất, thiệt hại do tổn thất về tinh thần cũng sẽ được bồi thường			

**6. MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG VÀ THAY ĐỔI THÁI ĐỘ CỦA CBDV SAU KHI TIẾP CẬN THÔNG ĐIỆP PHÁP LUẬT TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**D1. Mức độ quan tâm của Quý vị đối với tin, bài tuyên truyền về ba lĩnh vực pháp luật trên các báo điện tử?**

<i>Tin, bài viết về các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>Mức độ quan tâm</i>		
	Quan tâm nhiều	Quan tâm ít	Không quan tâm
1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng			
2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí			
3. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước			

**D2. Suy nghĩ và đánh giá của Quý vị khi đọc tin, bài tuyên truyền về các lĩnh vực pháp luật trên báo điện tử?**

<i>Tin, bài về các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>Có/không có tác dụng</i>
---	-----------------------------

	Có tác dụng củng cố nhận thức	Có tác dụng nâng cao kiến thức pháp luật	Không có tác dụng
1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng			
2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí			
3. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước			

**D3. Lý do Quý vị thích hoặc không thích các tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử? (Quý vị đánh dấu X vào ô tương ứng)**

<i>Tin, bài tuyên truyền về pháp luật</i>	<i>Biểu lộ thái độ</i>	
	<i>Thích/lý do thích</i>	<i>Không thích/lý do không thích</i>
1. Thông tin thời sự, chân thật, khách quan		
2. Cách trình bày hấp dẫn, kèm ảnh/âm thanh/clip/box (hộp thông tin) – truyền tải đa phương tiện		
7. Dung lượng chữ vừa phải, dễ đọc, dễ hiểu		
4. Có không ít vấn đề/ vụ việc thông tin không khách quan, không đúng sự thật		
5. Cách trình bày đơn điệu, thiếu sinh động, không kèm ảnh		
6. Dung lượng chữ quá nhiều, câu văn dài, lỗi câu, lỗi chính tả		

**E. MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI CỦA CBDV SAU KHI TIẾP CẬN THÔNG ĐIỆP PHÁP LUẬT TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**E1. Quý vị đã từng phản hồi, tương tác, bình luận, trao đổi trực tuyến (gọi chung là phản hồi) khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử?**

1. Trên 3 lần phản hồi    2. Từ 1-3 lần phản hồi    3. Chưa phản hồi    4. Không có dự định phản hồi

**E2. Sau khi đọc tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử, Quý vị có thường trao đổi với ai không?**

1. Người thân    2. Bạn bè/ đồng nghiệp    3. Người cùng khu dân cư    4. Trên mạng xã hội    5. Không ai cả

**E3. Quý vị thường trao đổi thông tin với ai và về lĩnh vực pháp luật nào?**

<i>Tin, bài về các lĩnh vực pháp luật</i>	<i>Các đối tượng để trao đổi thông tin</i>				
	1. Người thân	2. Bạn bè/đồng nghiệp	3. Người cùng khu dân cư	4. Trên mạng xã hội	5. Không ai cả
1. Tin, bài về pháp luật phòng, chống tham nhũng					
2. Tin, bài về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí					
3. Tin, bài về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước					

**E4. Sau khi đọc tin, bài pháp luật trên báo điện tử, nếu Quý vị có trao đổi với bất kỳ ai, thì hình thức trao đổi thông tin sẽ là gì?**

<i>Các lĩnh vực thông tin pháp luật</i>	<i>Hình thức trao đổi thông tin</i>			
	1. Kể lại thông tin vừa đọc	2. Cung cấp thông tin, tư vấn cho người khác	3. Cùng trao đổi để đưa ra lời cảnh báo	4. Tùy nội dung tin, bài để có hình thức tuyên truyền phù hợp
1. Thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng				
2. Thông tin về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí				
3. Thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước				

**E5. Quý vị có tải (download) văn bản pháp luật trên các báo điện tử để làm tài liệu học tập, công tác, hoặc tuyên truyền pháp luật cho người khác?**

<i>Các lĩnh vực thông tin pháp luật</i>	<i>Có/không tải văn bản pháp luật</i>				
	1. Tải văn bản để phục vụ học tập	2. Tải văn bản để phục vụ công tác	3. Tải văn bản để phục vụ gia đình	4. Tải văn bản để tuyên truyền cho người khác	5. Không tải văn bản pháp luật
1. Thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng					
2. Thông tin về pháp					

luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí					
3. Thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước					

**E6. Sau khi đọc, hiểu thông tin pháp luật trên báo điện tử, trao đổi về thông tin pháp luật, tải văn bản pháp luật trên báo điện tử, Quý vị có làm theo những quy định của pháp luật?**

<i>Các lĩnh vực thông tin pháp luật</i>	<i>Đọc, hiểu và làm theo/Chưa hiểu, không làm theo</i>				
	<i>1. Đọc, hiểu pháp luật, nhưng chưa có ý định thực hiện</i>	<i>2. Đọc, hiểu pháp luật và làm theo pháp luật</i>	<i>3. Đọc, hiểu pháp luật và tuyên truyền người khác cùng thực hiện</i>	<i>4. Chưa hiểu pháp luật và chưa làm theo</i>	<i>5. Khó trả lời</i>
1. Thông tin về pháp luật phòng, chống tham nhũng					
2. Thông tin về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí					
3. Thông tin về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước					

### **8. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**G1. Theo Quý vị, thông tin pháp luật trên báo điện tử sai sự thật, thiếu khách quan, bịa đặt sẽ gây nguy cơ nào?**

1. Làm tổn hại tinh thần, vật chất cho tổ chức, cá nhân
2. Gây hoang mang dư luận
3. Gây hoài nghi về tính nghiêm minh của pháp luật
4. Vô tình quảng bá, vẽ đường cho sai phạm
5. Nguy cơ khác (ghi rõ): .....

**G2. Theo Quý vị, những yếu tố chủ quan nào của người làm báo ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử?**

1. Kiến thức, trình độ pháp luật và bản lĩnh kém của nhà báo
2. Đạo đức kém, lợi ích cá nhân của nhà báo
3. Lãnh đạo cơ quan báo chí và nhà báo có tâm lý nể nang, ngại va chạm
4. Ý thức trách nhiệm kém, sự cầu thả của nhà báo
5. Ý kiến khác (ghi rõ).....

**G3. Theo Quý vị, những yếu tố môi trường khách quan nào ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho CBDV trên báo điện tử?**

1. Thiếu nguồn cung cấp thông tin pháp luật chính thức.
2. Thị hiếu ưa thích thông tin giật gân của một bộ phận công chúng, trong đó có CBDV.
3. Ảnh hưởng của cơ chế thị trường.
4. Chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm tra, xử lý tin đồn thất thiệt, tin đồn trái pháp luật.
5. Mức độ công khai, dân chủ ở nhiều cơ quan, đơn vị chưa được phát huy.
5. Khác (ghi rõ).....

## **H. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**H1. Theo Quý vị, muốn nâng cao chất lượng thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật thì các tin, bài trên các báo điện tử cần được thể hiện như thế nào?**

<i><b>Sự lựa chọn</b></i>	<i><b>Đề xuất giải pháp</b></i>
1. Nội dung	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tin, bài phải khách quan, chuẩn xác, nhanh nhạy, mới nhất, mang tính phát hiện và tính định hướng.</li> <li>2. Tin, bài không được sai về nội dung, không mắc lỗi chính tả và chuẩn về ngôn ngữ báo chí.</li> <li>3. Thông tin trong tin, bài ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu.</li> <li>4. Khác (ghi rõ).....</li> </ol>
2. Về hình ảnh, âm thanh, clip, đồ họa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Có hình ảnh đúng với nội dung bài báo, hoặc ảnh minh họa phù hợp.</li> <li>2. Nên có âm thanh và có clip truyền hình.</li> <li>4. Có đồ họa (nếu phù hợp với vụ việc, sự kiện).</li> </ol>
3. Cách trình bày	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày đẹp, thân thiện, sống động, tiện ích, gắn video clip, ảnh, đồ họa (nếu có).</li> <li>2. Trong các bài báo cần sử dụng thêm các hộp (box), trích các điều luật, các ý kiến luật sư, các chuyên gia pháp luật.</li> <li>3. Cần liên kết (link) với các tin, bài khác cùng chủ đề, gắn với các văn bản pháp luật phù hợp với nội dung bài báo..</li> </ol>

**H2. Quý vị có đọc ngay tin, bài tuyên truyền về pháp luật khi mà tin, bài đó có đầu đề (tít báo) ngắn gọn, hấp dẫn?**

9. Sẽ đọc ngay.
10. Nhớ tít báo để xử lý công việc quan trọng, sau đó sẽ đọc.
11. Không quan tâm, không đọc.

**H3. Theo Quý vị, cần giải pháp nào đối với các cơ quan báo điện tử và nhà báo khi tuyên truyền về pháp luật?**

1. Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng và bản lĩnh nghề nghiệp.
2. Thay đổi nhận thức từ lãnh đạo cơ quan báo chí đến phóng viên về trách nhiệm tuyên truyền pháp luật.
3. Từng cơ quan báo điện tử phải tự giác, gương mẫu chấp hành Luật Báo chí, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có trách nhiệm phải tuyên truyền pháp luật.
4. Từng cơ quan báo chí nên xây dựng tiêu chuẩn, đạo đức của nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật; đồng thời có cơ chế vừa kiểm tra, vừa hỗ trợ và bảo vệ nhà báo chuyên viết về đề tài pháp luật.

**H4. Theo Quý vị, cần có giải pháp nào để khắc phục yếu kém, khuyết điểm của báo điện tử trong việc tuyên truyền pháp luật? Khi báo điện tử dễ xảy ra những sai phạm trong công tác tuyên truyền thì cần xem xét trách nhiệm của các chủ thể nào?**

1. Cần xem xét trách nhiệm của phóng viên, nhà báo trực tiếp viết tin, bài sai phạm.
2. Cần xem xét trách nhiệm của biên tập viên, trưởng/phó ban trực tiếp biên tập tin, bài mà không phát hiện ra sai phạm.
3. Cần xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan báo điện tử (Tổng Biên tập) khi báo đó có sai phạm.
4. Sai phạm của cơ quan báo điện tử ở mức độ nghiêm trọng, làm thiệt hại tài sản, tính mạng của người khác thì cần xem xét trách nhiệm của cả cơ quan chủ quản báo chí.

**H5. Theo Quý vị, cần vận dụng các phương thức tuyên truyền nào trên báo điện tử nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV?**

1. Cần có kế hoạch, phương thức tuyên truyền cụ thể: Tuyên truyền ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, đột xuất, phù hợp với đối tượng là CBDV.
2. Tuyên truyền đa phương tiện, liên tục, với cường độ cao về số lượng và chất lượng tin, bài pháp luật trên báo điện tử.
3. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử sát với chức năng, nhiệm vụ của CBDV.
4. Tổ chức các cuộc giao lưu trực tuyến trên báo điện tử về từng lĩnh vực liên quan mật thiết đến CBDV, tăng cường tính tương tác giữa CBDV với tòa soạn về các chủ đề tuyên truyền pháp luật; kết hợp giải đáp pháp luật, luật sư tư vấn pháp luật cho CBDV.
5. Cần xây dựng các chuyên trang, chuyên mục “Cán bộ, đảng viên với pháp luật”, trong đó có pháp luật về phòng, chống tham nhũng; pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.
6. Tuyên truyền bằng các sản phẩm đa phương tiện, các dịch vụ mạng (bán, cho); phối hợp tuyên truyền bằng lồng ghép nội dung tác phẩm báo chí, văn học-nghệ thuật, tổ chức các sự kiện trên báo điện tử.

**H6. Theo Quý vị, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử liệu có đem lại hiệu quả đối với việc nâng cao nhận thức pháp luật, thái độ, hành vi tuân thủ pháp luật của CBDV?**

1. Không hiệu quả.
2. Có hiệu quả.
3. Hiệu quả cao.

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý vị!*

**Phụ lục III**  
**CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU**

Để bổ sung cơ sở dữ liệu khoa học nhằm đánh giá “*Hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay*”, nghiên cứu sinh trân trọng kính nhờ các nhà khoa học, các nhà quản lý cơ quan báo chí, các chuyên gia (xin gọi tắt là Quý vị) trả lời phỏng vấn sâu về một số nội dung dưới đây:

1. Quý vị đánh giá khái quát ưu điểm cũng như hạn chế trong công tác tuyên truyền pháp luật trên báo chí, trong đó có báo điện tử trong thời gian qua?

2. Có ý kiến cho rằng: “các báo điện tử chưa quan tâm, chưa làm đúng chức năng nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật; hiệu quả tuyên truyền pháp luật ở mức rất thấp”, Quý vị có bình luận gì về vấn đề này?

3. Cũng có ý kiến cho rằng, bạn đọc là cán bộ, đảng viên chưa quan tâm tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử; có không ít cán bộ, đảng viên chỉ tìm thông tin vui vẻ, thư giãn trên báo điện tử. Vậy, theo Quý vị, nguyên nhân do tin, bài tuyên truyền về pháp luật trên báo điện tử chưa thu hút, chưa hấp dẫn, hay do những nguyên nhân khác?

4. Quý vị có cho rằng, “đo lường”, đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử là vấn đề rất khó khăn, phức tạp, nên cần tri thức của khoa học liên ngành để nghiên cứu?

5. Theo Quý vị, việc đánh giá hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo điện tử cho cán bộ, đảng viên thì cần tập trung vào những tiêu chí nào?

6. Hàng ngày với tư cách là độc giả của các báo điện tử, Quý vị thấy báo điện tử có những hạn chế, yếu kém gì?

7. Quý vị có cho rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử, vậy những yếu tố đó là gì?

8. Theo Quý vị, để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, đảng viên trên báo điện tử thì cần tập trung vào những nhóm giải pháp nào?

9. Theo Quý vị, có nên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên báo điện tử với nhóm đối tượng là cán bộ, đảng viên?

*Trân trọng cảm ơn Quý vị!*

**ĐẶC TRƯNG NHÂN KHẨU NHỮNG NGƯỜI THAM GIA  
TRẢ LỜI PHỎNG VẤN SÂU**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Tuổi</b>	<b>Học vấn</b>	<b>Nghề nghiệp</b>
1	Trần Doãn Tiến	Nam	55	TS, Nhà báo	Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
2	Phạm Văn Miên	Nam	57	TS, Nhà báo	Tổng Biên tập Báo Công an Nhân dân
3	Nguyễn Thu Hà	Nữ	53	TS	Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương
4	Đặng Vũ Huân	Nam	54	TS, Nhà báo	Tổng Biên tập Tạp chí Dân chủ pháp luật
5	Nguyễn Công Khanh	Nam	56	TS	Cục trưởng thuộc Bộ Tư pháp
6	Hải Đường	Nam	62	Nhà báo	Nguyên Trưởng ban, Ủy viên Bộ Biên tập Báo Nhân dân
7	Trần Thị Kim N.	Nữ	47	ThS Nhà báo	Phó Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị Khu vực II
8	N.V.H	Nam	48	Công chức	Lãnh đạo cấp Cục, Bộ Thông tin và Truyền thông
9	D.V.A	Nam	47	TS	Lãnh đạo cấp tỉnh